**Ngày soạn: 20/8/2020**

Tiết 1: Đọc văn

**TỔNG QUAN VĂN HỌC VIỆT NAM (T1)**

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**: Giúp HS

- Nắm được những kiến thức chung nhất,tổng quát nhất về hai bộ phận của văn học Việt Nam và sự vận động phát triển của của văn học Việt Nam

- Nắm vững hệ thống vấn đề về :

+ Thể loại của văn học Việt Nam

+ Con người trong văn học Việt Nam.

**2. Kỹ năng:** đọc hiểu bài khái quát:

**3.Thái độ**: Tự hào về truyền thống văn hoá của dân tộc qua di sản văn học. Từ đó có lòng say mê đối với văn học Viêt Nam

**4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến lịch sử văn học Việt Nam

- Năng lực đọc – hiểu các tác tác phẩm văn học Việt Nam ( Văn học dân gian và văn học viết)

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về các thời kì văn học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm văn học Việt Nam;

- Năng lực phân tích, so sánh sự khác nhau giữa văn học dân gian và văn học viết

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**B. Chuẩn bị của GV & HS:**

- Giáo viên: + Nghiên cứu sgk, sgv,và các tài liệu tham khảo khác về văn học Việt Nam

+ Thiết kế bài dạy. Sưu tầm tranh, ảnh về các tác giả, tác phẩm tiêu biểu văn học VN

- Học sinh: + Đọc Sgk, trả lời các câu hỏi gợi ý cuả Sgk

**C. Phương pháp**: Gv có thể sử dụng một số phương pháp như: Phát vấn, diễn giảng, chứng minh, khái quát, tổng hợp... để tổ chức giờ dạy - học.

**D. Tiến trình lên lớp:**

*1. ổn định:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |

*2.* *Kiểm tra bài cũ:* kiểm tra phần chuẩn bị bài của HS

***(?1) Em hiểu thế nào là tổng quan VHVN?***

Định hướng TL: -Là cách nhìn nhận đánh giá một cách tổng quát những nét lớn của VHVN.

**(?2)** ***Trong chương trình VH ở bậc THCS, các em đã học những tác phẩm thuộc phần VHVN nào? Hãy kể tên một số tác phẩm tiêu biểu?***

Đ.A: VHDG - Tục ngữ, truyện cổ tích...

VHV - Truyện Kiều, Bài thơ về Tiểu đội xe không kính

*3. Giới thiệu bài mới:*Lịch sử VH của bất cứ Dân tộc nào trên hành tinh này đều là lịch sử tâm hồn của DT ấy. Để giúp các em nhận thức được những nét lớn về VHVN, chúng ta cùng tìm hiểu ***Tổng quan nền VHVN qua các thời kì lịch sử***.

**Hoạt động 1: Hoạt động tạo tâm thế tiếp nhận cho HS**

CH:Bài Tổng quan về VHVN được tổ chức thành những thành phần chính như nào thế nào?

GV yêu cầu HS hình thành Sơ đồ cấu trúc bài học

|  |
| --- |
| **TỔNG QUAN VỀ VĂN HỌC VIỆT NAM** |



GV giải thích thêm:

- Nói đến *các bộ phận hợp thành* của nền VH thực ra là đề cập đến *cấu tạo của VH.*

- *Qúa trình phát triển* của VH viết VN là đề cập đến *phân kỳ VH*

- *Con người VN qua VH* là *nội dung và những hình tượng nghệ thuật* tiêu biểu của nền VH.

=> Trên cơ sở cấu trúc này chúng ta sẽ đi tìm hiểu từng phần của bài học.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| (?)Văn học Việt Nam gồm mấy bộ phận lớn?  -Hs đọc sgk, suy nghĩ, trình bày | **I. Các bộ phận hợp thành của văn học Việt Nam**  Văn học Việt Nam gồm 2 bộ phận lớn:  + Văn học dân gian.  + Văn học viết . |
| ***GV chia 2 nhóm***  *-Nhóm 1: VHDG*  *-Nhóm 2: VH Viết*  *(GV có thể kẻ bảng, yêu cầu HS lên điền thông tin hoặc điền vào phiếu học tập)*  - HS đọc phần 1  - HS 2 nhóm tóm tắt nét lớn về:  + khái niệm  + đặc trưng  +phương thức sáng tác và lưu truyền  + thể loại | |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Nội dung* | **1.VHDG** | **2.VH VIẾT** | | a.Khái niệm | Là những sáng tác tập thể của nhân dân lao động.  -> Tác giả là nhân dân lao động.(tri thức có thể sáng tác, song phải tuân thủ các đặc trưng của VHDG) | Là những sáng tác của trí thức được ghi lại bằng chữ viết  -> Tác giả là cá nhân tri thức. | | b.Đặc trưng | + truyền miệng.  + tập thể.  +thực hành (gắn với các sinh hoạt khác nhau của đời sống cộng đồng). | + Tính cá nhân  + Mang đậm dấu ấn sáng tạo của tác giả | | c.Phương thức sáng tác và lưu truyền | - Tập thể  - bằng miệng (truyền từ đời này sáng đời khác) | + Cá nhân  +Văn bản viết: chữ Hán, chữ Nôm, chữ QN .  Một số ít bằng chữ Pháp. | | d.Thể loại | - Truyện cổ dân gian: thần thoại, sử thi, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn.  - Thơ ca dân gian: tục ngữ, câu đố, ca dao, vè, truyện thơ.  - Sân khấu dân gian: chèo, tuồng, cải lương. | ***Theo từng thời kỳ:***  -Từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX:  +Chữ Hán:  ./Văn xuôi (truyện, kí…)  ./Thơ (đường luật, từ khúc…)  ./Văn biền ngẫu (phú, cáo…)  +Chữ Nôm:  ./Thơ (ngâm khúc, hát nói…)  ./Văn biền ngẫu  - Từ thế kỉ XX đến nay:  +Tự sự (Tiểu thuyết, truyện ngắn, kí….)  +Trữ tình (Thơ, trường ca….) | |
|  |  |
| (?) Nhìn tổng quát, văn học VN phát triển qua mấy thời đại? chi làm mấy thời kỳ (giai đoạn)?  -HS đọc SGK ,trả lời | **II. Quá trình phát triển của văn học viết Việt Nam.**  - Văn học VN phát triển qua 2 thời đại  + VH TĐ VN: Từ thế kỉ X -> hết thế kỉ XIX.  + VH HĐ VN:  ./Từ đầu thế kỉ XX -> Cách mạng tháng Tám 1945.  ./ Từ sau CMT8 – 1945 -> hết TK XX. |
| GV: Chia lớp làm bốn nhóm, yêu cầu thảo luận về văn học chữ Hán và văn học chữ Nôm (Văn tự và thành tựu)?  HS: Thảo luận nhóm  GV: Tổng kết vấn đề | **1.VHTĐ VN (Từ thế kỉ X -> hết thế kỉ XIX.)**  **- Thời gian:** từ TK X –XIX.  **- Hoàn cảnh**: XHPK hình thành, phát triển và suy thoái; công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc.  - **Văn tự:**  + Văn học chữ Hán:  ./ Thời gian du nhập: đầu công nguyên  ./ Vai trò:  ../ Là cầu nối để nhân dân ta tiếp nhận các học thuyết Nho, Phật, Lão để nhân dân ta hình thành nên các quan niệm về chính trị, tư tưởng và đạo đức  ../ Tiếp nhận hệ thống thể loại và thi pháp văn học cổ Trung Quốc, sáng tạo nên các thể loại văn học của mình  ./ Thành tựu:  Thơ: Thơ Lí Trần, Thơ Nguyễn Trãi…  Văn xuôi: Văn xuôi truyền kì (Nguyễn Dữ…)  Kí sự (Lê Hữu Trác…)  Tiểu thuyết chương hồi (Ngô Gia văn phái…)  +Văn học chữ Nôm: sáng tạo trên cơ sở chữ Hán (XII)  ./ Văn học Nôm: ./ Bắt đầu phát triển vào thế kỉ XV  ./ Đạt đến đỉnh cao vào cuối XVIII, đầu XIX  ./ Ý nghĩa:  ../ Bằng chứng hùng hồn cho ý chí xây dựng một nền văn học độc lập của dân tộc ta  ../ Có vai trò quan trọng trong việc phát triển các thể loại thơ dân tộc  ../ Phát huy các ưu thế của văn học dân gian, gắn liền với sự trưởng thành của truyền thống yêu nước và truyền thống nhân đạo trong văn học  ../ Phản ánh quá trình dân tộc hoá và dân chủ hoá của văn học trung đại  ./ Thành tựu: Thơ (Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan…)  Truyện Nôm: Nguyễn Du  **-Tác giả:**chủ yếu là nhà nho  **- Thi pháp:** lối viết ước lệ, sùng cổ, phi ngã. |
| GV: ***Em hãy trình bày nội dung chủ đạo và những thành tựu tiêu biểu của từng thờì kì văn học viết hiện đại Việt Nam?***  HS suy nghĩ và trả lời  GV chốt lại vấn đề và dẫn sang phần sự khác nhau giữa văn học trung đại và văn học hiện đại | **2. *Văn học hiện đại.***  - **Thời gian**: Từ thế kỷ XX đến nay  - **Hoàn cảnh:** công cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ giành ĐLDT, thống nhất đất nước và sự nghiệp đôie mmowis từ 1986 dưới sự lãnh đạo của Đảng.  -**Văn tự**: chủ yếu là chữ quốc ngữ.  - giao lưu quốc tế rộng rãi hơn  - **Tác giả**: đội ngũ nhà văn chuyên nghiệp, sáng tác VCtrở thành một nghề, kỹ thuật in ấn pshát triển, đời sống VH sôi nổi, năng động hơn.  -**Thi pháp mới**: lối viết hiện thực, đề co cá tính sáng tạo.  -**Các giai đoạn phát triển và thành tựu:**  a. Văn học từ đầu thế kỉ đến 1930 ( văn học giao thời)  - Văn học Việt Nam tiếp xúc với văn hoá phương Tây (Pháp).  - Chữ quốc ngữ phát triển mạnh.  → Văn học Việt Nam kế thừa truyền thống đồng thời tiếp thu tinh hoa để bắt đầu quá trình hiện đại hoá nền văn học nước nhà.  - Thành tựu: Tản Đà, Hồ Biểu Chánh…  b. Văn học 1930 - 1945  - Tiếp tục hiện đại hoá nền văn học nước nhà :  - Thành tựu:  + Văn học lãng mạn: khám phá, đề cao cái tôi, đấu tranh cho hạnh phúc và quyền sống của con người (Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Thế Lữ…)  + Văn học hiện thực: ghi lại hiện thực đen tối của xã hội đương thời (Nam Cao, Ngô Tất Tố…)  c. Văn học 1945 - 1975 (văn học cách mạng)  - Đi sâu phản ánh sự nghiệp đấu tranh cách mạng và xây dựng cuộc sống mới  - Thành tựu: Tố Hữu, Hồ Chí Minh, Nguyễn Trung Thành…  d. Văn học từ 1975 đến nay (Văn học đổi mới)  - Phản ánh sâu sắc công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, sự nghiệp CNH - HĐH của đất nước cùng tâm tư, tình cảm của con người hiện đại.  - Thành tựu: Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải, Lê Lựu, Nguyễn Huy Thiệp, Võ Thị Hảo…  \* Những khác biệt căn bản của văn học hiện đại so với văn học trung đại:  + Tác giả: đội ngũ nhà văn chuyên nghiệp  + Đời sống văn học sôi nổỉ, mạnh mẽ  + Thể loại: xuất hiện nhiều thể loại văn học mới (tuỳ bút)  + Thi pháp: đề cao cá tính sáng tạo. |

**4. Củng cố kiến thức.** Câu hỏi: Những khác biệt của VHTĐ và VHHĐ?HS dựa vào mục II trình bày.

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:** Câu hỏi: So sánh VHDG và VH viết VN.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Ngày soạn: 22/8/2020**

Tiết 2: Đọc văn

**TỔNG QUAN VĂN HỌC VIỆT NAM (T2)**

**A. Mục tiêu bài học**

**1.Về kiến thức:**

+ Thấy được hai bộ phận hợp thành của văn học Việt Nam : văn học dân gian và văn học viết ;

+ Nắm được một cách khái quát tiến trình phát triển của văn học viết ;

+ Hiểu được những nội dung thể hiện con người Việt Nam trong văn học.

**2. Về kĩ năng:** Nhận diện được nền văn học dân tộc, nêu được các thời kì lớn và các giai đoạn cụ thể trong các thời kì phát triển của văn học dân tộc.

**3. Về tư duy, thái độ:** Tự hào về truyền thống văn hoá của dân tộc qua di sản văn học. Từ đó có lòng say mê đối với văn học Viêt Nam

**B. Chuẩn bị của GV và HS**

**- GV:**  + Nghiên cứu sgk, sgv,và các tài liệu tham khảo khác về văn học Việt Nam

+ Thiết kế bài dạy

**- HS:** Đọc và soạn bài

**C. Phương pháp:** đọc sáng tạo, gợi mở, phát vấn, thảo luận…

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp**

**Ngày dạy:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ.** CH: So sánh VHDG và VH viết VN.

KT 01 hs.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1: Tạo tâm thế tiếp nhận cho HS**

**Theo em đối tượng của VH là gì?**

(?)Hình ảnh con người VN được thể hiện trong VH qua những mối quan hệ nào ?

TL: Văn học Việt Nam thể hiện tư tưởng, tình cảm, quan niệm chính trị, văn hoá, đạo đức, thẩm mĩ của người Việt Nam trong nhiều mối quan hệ

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
|  | I. Các bộ phận hợp thành của văn học Việt Nam  II. Quá trình phát triển của văn học viết Việt Nam.  **III. Con người Việt Nam qua VH** |
| (?)Nêu những biểu hiện cụ thể về hình ảnh con người VN qua mối quan hệ với tự nhiên ? Lấy ví dụ minh hoạ qua những tác phẩm VH ?  HS TL:  Côn Sơn ca (Nguyễn Trãi), Qua đèo Ngang (Bà huyện Thanh Quan), Thi vịnh, Thu điếu, Thu ẩm (Nguyễn Khuyến), Rằm tháng giêng của Bác… | ***1. Con người Việt Nam trong mối quan hệ với thế giới tự nhiên:***  *- Văn học dân gian:*  + Con người với tư duy huyền thoại, đã kể lại quá trình nhận thức, cải tạo, chinh phục thế giới tự nhiên hoang dã.  + Con người và thiên nhiên thân thiết. Hình ảnh núi, sông, bãi mía, nương dâu, đồng lúa cánh cò, vầng trăng, dòng suối... tất cả đều gắn bó với con người. Tình yêu thiên nhiên đã trở thành nội dung quan trọng của VHVN.  *- Thơ ca trung đại:* hình ảnh thiên nhiên thường gắn liền với lí tưởng đạo đức thẩm mĩ. Hình ảnh tùng, trúc, cúc, mai là tựng trưng cho nhân cách cao thượng của nhà Nho. Các đề tài ngư, tiều, canh, mục thể hiện lí tưởng thanh tao của con người mai danh ẩn tích, lánh đục tìm trong, không màng danh lợi.  *- Văn học hiện đại:* hình tượng thiên nhiên thể hiện qua tình yêu đất nước, cuộc sống, lứa đôi  *→ Con người Việt Nam gắn bó sâu sắc với thiên nhiên và luôn tìm thấy từ thiên nhiên những hình tượng thể hiện chính mình.* |
| (?) Mối quan hệ giữa con người với quốc gia dân tộc thể hiện như thế nào?  (?) Nêu TP, TG tiêu biểu?  -HS đọc phần 2 SGK  -Hs suy nghĩ theo Sgk, trả lời cá nhân | **2. *Con người Việt Nam trong quan hệ quốc gia, dân tộc.***  - Ngưòi Việt Nam mang một tấm lòng yêu nước thiết tha.  - Biểu hiện của lòng yêu nước:  + Yêu làng xóm, quê hương.  + Tự hào về truyền thống văn học, lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.  + Ý chí căm thù quân xâm lược và tinh thần dám hi sinh vì độc lập tự do dân tộc.  - Tác phẩm kết tinh từ lòng yêu nước “Nam quốc sơn hà”, “Bình ngô đại cáo”,“Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc”,“Tuyên ngôn độc lập”, sáng tác của Nguyễn Trãi, Phan Bội Châu, Tố Hữu…  => VHVN ở thế kỉ XX là nền văn học tiên phong chống đế quốc. Chủ nghĩa yêu nước là nội dung tiêu biểu giá trị quan trọng của VHVN. |
| (?)Mối quan hệ giữa con người với con người được thể hiện như thế nào trong VHVN?  -HS đọc phần 3 SGK  -TLCH | **3. *Con người Việt Nam trong quan hệ xã hội.***  - Con người ước mơ xây dựng một xã hội công bằng, tốt đẹp hơn.  - Trong VHDG giai cấp thống trị tàn bạo bị kết án. Giai cấp bị trị thì được thông cảm chia sẻ trước những áp bức, bóc lột ở trong các thể loại như: truyện cổ tích, truyện cười, ca dao, tục ngữ.  - Trong VHTĐ con người với con người quan hệ với nhau trên nền tảng đạo lí Nho giáo: tam cương(quân, sư, phụ) , ngũ thường (nhân, nghĩa, lễ, chí, tín), tam tòng(tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử), tứ đức (công, dung, ngôn, hạnh).  - Trong Vh hiện đại: các nhà văn, nhà thơ quan tâm đến đời sống của nhân dân, đòi quyền sống cho con người. Các tác giả tiêu biểu như: Ngô Tất Tố, Nam Cao, Vũ Trọng Phụng... một nền văn học giàu tính nhân văn và tinh thần nhân đạo.  → Cảm hứng xã hội sâu đậm là tiền đề quan trọng cho sự hình thành chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa nhân đạo trong văn học dân tộc. |
| (?) Văn học Việt Nam phản ánh ý thức về bản thân như thế nào?  - HS đọc phần 4 SGK.  -TLCH. | **4*. Con người Việt Nam và ý thức về bản thân.***  - Tuỳ theo điều kiện lịch sử mà con người trong văn học xử lý mối quan hệ giữa ý thức cá nhân và ý thức cộng đồng.  + Khi đất nước có giặc ngoại xâm, ý thức cộng đồng, trách nhiệm xã hội được coi trọng.  + Khi đất nước thanh bình, ý thức cá nhân được đề cao.  + Những tác phẩm nổi bật đề cao ý thức cá nhân: thơ Hồ Xuân Hương, “Chinh phụ ngâm khúc” của Đặng Trần Côn, “Cung oán ngâm khúc” của Nguyễn Gia Thiều và đỉnh cao là “Truyện Kiều” của Nguyễn Du (VHTĐ). Thời kì 1930-1945, 1975 đến nay có các tác phẩm như “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố, truyện ngắn và tiểu thuyết của Nam Cao, truyện của Thạch Lam...  - VHVN luôn có xu hướng xây dựng một đạo lí làm người với những phẩm chất tốt đẹp như: nhân ái, thuỷ chung, tình nghĩa, vị tha, xả thân vì chính nghĩa. |

**4. Củng cố kiến thức**

**Hoạt động 4: Thực hành ứng dụng:**Vẽ sơ đồ tư duy bài Tổng quan văn học Việt Nam

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:**

**-**Tìm đọc các tác phẩm tiêu biểu của VHDG và VH viết

- Soạn bài “Hoạt động…..”

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Ngày soạn: 23/8/2020**

Tiết 3: Đọc văn

**HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ(t1)**

**A. Mục tiêu bài học:** Giúp học sinh:

**1. Về kiến thức:** Nắm được kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, về các nhân tố giao tiếp (nhân vật, hoàn cảnh, nội dung, mục đích, phương tiện, cách thức giao tiếp), về hai quá trình trong hoạt động giao tiếp.

**2. Về kĩ năng:**Biết xác định các nhân tố giao tiếp trong một hoạt động giao tiếp, nâng cao năng lực giao tiếp khi nói, khi viết và năng lực phân tích, lĩnh hội khi giao tiếp.

**3. Về tư duy, thái độ:** Có thái độ và hành vi phù hợp trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.

**B. Chuẩn bị của GV và HS**

1. Giáo viên

- SGK, SGV.

- Giáo án, bài soạn, tài liệu tham khảo.

2. Học sinh

- SGK, vở ghi, vở soạn…

**C. Phương pháp**:Gv có thể sử dụng một số phương pháp như: đọc sáng tạo, trao đổi thảo luận, gợi mở, phát vấn… để tổ chức giờ dạy - học.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ.** KT bài tập về nhà đã giao ở tiết 2

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1: Tạo tâm thế tiếp nhận cho HS**

- GV giao nhiệm vụ: Trong cuộc sống, chúng ta thường giao tiếp trực tiếp với nhau bằng những cách thức gì?

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Bằng 2 cách, đó là dùng phương tiện lời nói và phương tiện kĩ thuật hiện đại (Điện thoại, cầu truyền hình, mạng in-tơ-nét. )

- GV nhận xét và dẫn vào bài mới:

*Trong cuộc sống hàng ngày, con người giao tiếp với nhau bằng phương tiện vô cùng quan trọng đó là ngôn ngữ. Không có ngôn ngữ thì không thể có kết quả cao của bất cứ hoàn cảnh giao tiếp nào. Bởi vì giao tiếp luôn luôn phụ thuộc vào hoàn cảnh và nhân vật giao tiếp. Để thấy được điều đó, chúng ta tìm hiểu bài hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| -Gọi HS đọc và nhắc cả lớp theo dõi phần văn bản SGK  - HS trao đổi thảo luận, lần lượt trả lời  (?) Các nhân vật giao tiếp nào tham gia trong hoạt động giao tiếp? Hai bên có cương vị và quan hệ với nhau như thế nào? | **I. Thế nào là hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ**  ***1. Đọc văn bản và trả lời câu hỏi:***  **a) VD: Văn bản “ Hội nghị Diên Hồng”**  - **Nhân vật tham gia giao tiếp** :  + Vua và các bô lão trong hội nghị là nhân vật tham gia giao tiếp.  +Mỗi bên có cương vị khác nhau. Vua cai quản đất nước, dẫn dắt trăm họ. Các bô lão là những người tuổi cao đã từng giữ những trọng trách nay về nghỉ, hoặc được vua mời đến tham dự hội nghị. |
| (?) Người nói nhờ ngôn ngữ biểu đạt nội dung tư tưởng tình cảm của mình thì người đối thoại làm gì để lĩnh hội được nội dung đó? Hai bên lần lượt đổi vai giao tiếp cho nhau như thế nào? | - **Nội dung giao tiếp**: Người tham gia giao tiếp chú ý lắng nghe để lĩnh hội những nội dung mà người nói phát ra. Các bô lão nghe Nhân Tông hỏi, nội dung câu hỏi: Liệu tính như thế nào khi quân Mông Cổ tràn đến. Hai bên lần lượt đổi vai giao tiếp. Các bô lão tranh nhau nói. Lúc ấy vua lại là người nghe. |
| (?) Hoạt động giao tiếp đó diễn ra trong hoàn cảnh nào? (ở đâu? vào lúc nào? khi đó ở nước ta có sự kiện lịch sử xã hội gì?) | - **Địa điểm giao tiếp**: Hoạt động giao tiếp diễn ra ở Điện Diên Hồng. Lúc này quân Nguyên Mông kéo 50 vạn quân ồ ạt sang xâm lược nước ta. |
| (?) Hoạt động giao tiếp đó hướng vào nội dung gì? Đề cập tới vấn đề gì? | **-Nội dung giáo tiếp**: Hoạt động giao tiếp đó hướng vào nội dung: hoà hay đánh, nó đề cập tới vấn đề hệ trọng còn hay mất của quốc gia dân tộc, mạng sống của con người. |
| (?) Mục đích của giao tiêp là gì? Cuộc giao tiếp đó có đạt được mục đích đó hay không? | - **Mục đích của giao tiếp** là mục đích hành động: Lấy ý kiến của mọi người, thăm dò lòng dân để hạ đạt mệnh lệnh quyết tâm giữ gìn đất nước trong hoàn cảnh lâm nguy.Thông qua bàn bạc để đi tới thống nhất hành động: Quyết tâm đánh giặc  => Cuộc giao tiếp đó đã đạt được mục đích. |
| *(?). Qua bài “Tổng quan về VHVN”.*  Học sinh đọc SGK, trao đổi thảo luận, trả lời các CH  a. Các nhân vật giao tiếp trong bài này?  b. Hoạt động giao tiếp đó diễn ra trong hoàn cảnh nào?  c. Nội dung giao tiếp. Về đề tài gì? Bao gồm những vấn đề cơ bản nào?  d. Mục đích của giao tiếp là gì?  e. Phương tiện giao tiếp được thể hiện như thế nào? | **b. Văn bản“Tổng quan về VHVN”.**  \*. Nhân vật giao tiếp:  - Tác giả sgk ( người viết)  - HS lớp 10 (người đọc)  \*. Hoàn cảnh giao tiếp:  - Có tính quy thức (có tổ chức, có kế hoạch của nền giáo dục quốc dân và nhà trường.  \*. Nội dung giao tiếp:  - Thuộc lĩnh vực văn học sử  - Đề tài: Tổng quan văn học Việt Nam.  - Vấn đề cơ bản:  + Các bộ phận hợp thành nền VHVN.  + Quá trình phát triển của VHVN.  + Con người Việt Nam qua văn học.  \*. Mục đích giao tiếp:  - Người viết cung cấp cho người đọc cái nhìn tổng quát về văn học Việt Nam.  - Người đọc lĩnh hội một cách tổng quát về các vấn đề cơ bản của VHVN.  \*. Phương tiện và cách thức giao tiếp:  - Dùng nhiều thuật ngữ văn học.  - Kết cấu mạch lạc, rõ ràng thể hiện tính mạch lạc và chặt chẽ. |

**Hoạt động 3: Hệ thống hóa kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| - Yêu cầu học sinh dựa vào kết quả của thao tác 1 và thao tác 2, trả lời các câu hỏi sau:  + Thế nào là hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ?  + Các quá trình của hoạt động giao tiếp?  + Các nhân tố của hoạt động giao tiếp?  - Học sinh đọc SGK, trao đổi thảo luận, trả lời,  -Đọc ghi nhớ | **3.Kết luận:**  a. Khái niệm: HĐGT là hoạt động trao đổi thông tin của con người trong xã hội, được tiến hành chủ yếu bằng phương tiện ngôn ngữ (dạng nói và dạng viết) nhằm thực hiện những mục đích về tình cảm, nhận thức, hoạt động.  b. Qúa trình giao tiếp  - Tạo lập văn bản: quá trình này do người nói, người viết thực hiện.  - Lĩnh hội văn bản: quá trình này do người đọc, người nghe thực hiện.  c. Các nhân tố tham gia và sự chi phối HĐGT: nhân vật giao tiếp, hoàn cảnh giao tiếp, nội dung giao tiếp, mục đích giao tiếp, phương tiện và cách thức giao tiếp. |

**Hoạt động 4: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| GV giao nhiệm vụ: Phân tích các nhân tố giao tiếp trong hoạt động giao tiếp mua bán giữa người mua và người bán ở chợ ?  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: | - Đối tượng giao tiếp: người mua và người bán  - Hoàn cảnh giao tiếp: ở chợ, lúc chợ đang họp  - Nội dung giao tiếp: trao đổi, thoả thuận về mặt hàng, chủng loại, giá cả, số lượng  - Mục đích giao tiếp: người mua mua được hàng, người bán bán được hàng |

**4. Củng cố kiến thức**

Phân tích hoạt động giao tiếp trong nghề dạy học:

Gợi ý:

− Nhân vật giao tiếp: thầy và trò.

− Nội dung giao tiếp: theo nội dung, chương trình quy định.

− Điều kiện giao tiếp: khung cảnh trường, lớp; cơ sở vật chất.

− Hoàn cảnh giao tiếp: các yếu tố trong trường (thầy, trò, quan hệ thầy − trò; ngoài trường (gia đình, xã hội).

− Mục đích giao tiếp: dạy chữ và dạy làm người.

− Phương tiện giao tiếp: tiếng Việt.

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:** GV giao nhiệm vụ

+ Vẽ sơ đồ tư duy bài Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ

+ Quay video hoặc thu âm một đoạn đối thoại giữa 2 người người bạn, bàn về chủ đề an toàn giao thông. Nhận xét các nhân tố chi phối hoạt động giao tiếp

**NGÀY …./ 8/ 2020, BGH KÝ DUYỆT GIÁO ÁN**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Ngày soạn: 23 /8/2020**

Tiết 4: Đọc văn

**KHÁI QUÁT VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM (T1)**

**A. Mục tiêu bài học**

**1.Về kiến thức:** Biết được khái niệm văn học dân gian , các đặc trưng cơ bản và 1 số thể loại của văn học dân gian.

**2. Về kỹ năng:**Nhận thứctổng hợp kiến thức vhdg và có cái nhìn tổng quát về VHDGVN.

**3. Về thái độ:** Nghiêm túc tiếp thu bài giảng và trân trọng VHDG.

**B. Chuẩn bị của GV & HS**

**- GV:**  + Nghiên cứu sgk, sgv,và các tài liệu tham khảo .

**- HS:** Đọc và soạn bài

**C.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ.** KT bài soạn của Hs.

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1: Tạo tâm thế tiếp nhận cho HS**

Em hãy kể lại tên 1 số câu chuyện cổ tích , truyện ngụ ngôn, ca dao, tục ngữ mà em biết và được học ?

TL: TCT Thạch sanh, Cóc kiện trời, Cô út , Cây khế…….

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Thao tác 1: HS nhắc lại KN**  ***Thao tác 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu những đặc trưng cơ bản của VHDG.***  ***GV cho HS phân tích ngôn từ trong các VD:***  ***Bài 1****: Thuyền về có nhớ bến chăng*  *Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền*  ***Bài 2:*** *Thân em nhữ chẽn lúa đòng đòng*  *Phất phơ giữa ngọn nắng hồng ban mai*  ? Các từ gạch chân được hiểu ntn?diễn tả tâm trạng gì? Của ai?  GV: Truyền miệng là gì? Có mấy cách truyền miệng tác phẩm văn học dân gian? Quá trình truyền miệng tác phẩm VHDG được thực hiện thtông qua hoạt động nào?  HS: Suy nghĩ và trả lời  GV chốt lại vấn đề  **NỘI DUNG TÍCH HỢP**  Ví dụ: các bài đồng dao:   * “nhong nhong,nhong, ngựa….” * “dung dăng dung dẻ…..”   GV: Tập thể là gì?Vì sao nói tác phẩm VHDG lại có tính tập thể? Cơ chế của sáng tác tập thể đó là gì?  HS: Suy nghĩ và trả lời  GV: Em hiểu thế nào là tính thực hành của VHDG? Lấy ví dụ minh hoạ?  HS phát biểu theo cách hiểu.  ***Thao tác 3*:** ***Hướng dẫn HS tìm hiểu hệ thống thể loại của VHDG***  Phần này SGk đã trình bày rất rõ ràng. GV chủ yếu giới thiệu khái quát và yêu cầu HS tự học ở nhà. | **I.Khái niệm:**  VHDG là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng được tập thể sáng tác nhằm mục đích phục vụ trực tiếp cho các sinh hoạt khác nhau trong đời sống cộng đồng  ***I. Đặc trưng cơ bản của văn học dân gian***  ***1. VHDG là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng ( Tính truyền miệng)***  **a. VHDG là những tác phẩm NT ngôn từ**  **-Ví dụ:**  + Bài 1: “Bến và thuyền” là h/s AD chỉ người con trai và người con gái. Bài ca dao là lời người con trai nói với người con gái về tình cảm nhớ thương, chờ mong, chờ đợi, thủy chung gắn bó của mình.  +Bài 2: tâm hồn thảnh thơi, tâm trạng náo nức, rạo rự phơi phới của người con gái vào tuổi dậy thì.  **-Kết luận**: ngôn từ trong VHDG là thứ ngôn từ đa nghĩa; giàu hình ảnh và sắc thái biểu cảm  **b. VHDG tồn tại và lưu hành theo phương thức truyền miệng**  - Truyền miệng là sự ghi nhớ theo kiểu nhập tâm và phổ biến bằng lời nói hoặc bằng trình diễn cho người khác nghe, xem.  - Hình thức ruyền miệng  + Truyền miệng theo không gian: Sự di chuyển tác phẩm từ nơi này đến nơi khác  + Truyền miệng theo thời gian: Sự di chuyển tác phẩm từ đời này sang đời khác  - Quá trình truyền miệng được thực hiện thông qua diễn xướng dân gian:  + Diễn xướng dân gian là hình thức trình bày tác phẩm một cách tổng hợp  + Các hình thức của diễn xướng: kể, hát, diễn tác phẩm văn học dân gian  → Truyền miệng là phương thức lưu truyền tác phẩm duy nhất và tất yếu khi chưa có chữ viết. **-> này sinh dị bản trong VHDG.**  ***2. Tính tập thể***  *-Tập thể được hiểu là nhiều người, hay một nhóm người, theo nghĩa rộng: tập thể là cộng đồng dân cư.*  - Tác phẩm VHDG là sáng tác của nhiều người, không biết ai là tác giả và tác giả đầu tiên là ai.  - Cơ chế của sáng tác tập thể: Trong quá trình sinh hoạt, lao động cộng đồng, ai đó có cảm hứng bật ra một câu ca hoặc kể một câu chuyện. Mọi người khen hay và thêm bớt, sửa chữa. Trong quá trình truyền miệng, tác phẩm văn học dân gian được gia công hoàn chỉnh và trở thành tài sản chung của cộng đồng.  - Tính truyền miệng và tính tập thể là những đặc trưng cơ bản, xuyên suốt quá trình sáng tạo và lưu truyền tác phẩm VHDG, thể hện sự gắn bó mật thiết của văn học dân gian với đời sống cộng đồng.  ***3. Tính thực hành***  - Là khả năng ứng dụng tác phẩm VHDG vào thực tiễn cuộc sống.  ***II. Hệ thống thể loại của văn học dân gian Việt Nam (KN SGK)***  ***\* Tự sự dân gian***  1. Thần thoại  2. Sử thi  3. Truyền thuyết  4. Cổ tích  5. Truyện ngụ ngôn  6. Truyện cười  7. Vè  8. Truyện thơ  ***\* Nghị luận dân gian***  9. Tục ngữ  10. Câu đố  ***\* Trữ tình dân gian***  11. Ca dao  ***\* Sân khấu dân gian***  12. Chèo |

**3.Hoạt động 3 : Hệ thống hóa kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ? Cho biết những đặc trưng cơ bản của VHDG  ? Các thể loại chính của VHDG ?  Hs thảo luận và đọc kết luận sgk | D. Kết luận  1.Đặc trưng cơ bản   * Tính truyền miệng * Tính tập thể * Tính thực hành   2.Thể loại: Thần thoại ,truyền thuyết ,truyện cổ tích truyện ngụ ngôn,truyện cười,tục ngữ , câu đố , ca dao,vè , truyện thơ, chèo. |

**4.Củng cố kiến thức cho học sinh** Truyện cổ tích có đặc điểm nào tiêu biểu ?

- Tp hư cấu có chủ định kể về số phận của những con người bình thường trong XH

- Thể hiện tinh thần nhân đạo và lạc quan của nhân dân lao động.(Tấm Cám, Sọ Dừa)

-Nhân vật là em út , mồ côi.

- Quan niệm : ở hiền gặp lành, ác giả ác báo.

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:** Lập bảng hệ thống các thể loại của VHDG

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Ngày soạn: 24 /8/2020**

Tiết 5: Đọc văn

**KHÁI QUÁT VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM (T2)**

**A. Mục tiêu bài học**

**1. Về kiến thức:** Nắm được những nét khái quát về giá trị của văn học dân gian.

**2. Về kỹ năng**:Nhận thức khái quát về văn học dân gian và có cái nhìn tổng quát về VHDGVN.

**3. Về thái độ:** Biết yêu mến, trân trọng ,giữ gìn,phát huy văn học dân gian.

**B. Chuẩn bị của GV & HS**

**- GV:**  + Nghiên cứu sgk, sgv,và các tài liệu tham khảo .

**- HS:** Đọc và soạn bài

**C.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

Câu hỏi : Nêu các thể loại của văn học dân gian ? cho biết thể loại truyền thuyết có những đặc điểm cỏ bản nào?

TL: -Kể lại các sự kiện và nhân vật có liên quan đến lịch sử theo xu hướng lí tưởng hóa.

-Thể hiện sự ngưỡng mộ và tôn vinh của nhân dân đối với người có công

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1: Tạo tâm thế tiếp nhận cho HS**

? VHDG có song song cùng tồn tại với văn học viết không ?vì sao?

TL: Có. Văn học dân gian có những giá trị to lớn, Vh viết tiếp thu , học tập từ VHDG.

**Hoạt động 2 : Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| GV nêu các câu hỏi  Hs thảo luận, trả lời  CH1: Tri thức dân gian là gì? Thuộc lĩnh vực nào? Vì sao VH dân gian được coi là kho tri thức vô cùng phong phú và đa dạng? (Đặc điểm của tri thức dân gian)  Gv định hướng: Tri thức dân gian là nhận thức, hiểu biết của nhân dân đối với cuộc sống quanh mình.  **NỘI DUNG TÍCH HỢP**  GV đưa ra các tp VH DH và hỏi HS nhận thức được gì qua các tp đó.  **-Tp1: truyền thuyết Sơn Tinh – Thủy Tinh:**  BIẾT: Hiện tượng của TN: lũ lụt  Sức mạnh của thiên nhiên  Ước mong chế ngự TN  **-Tp2: TCT Trầu Cau**  BIẾT: phong tục văn hóa của người Việt – tục ăn trầu “miếng trầu là đầu câu truyện”  -**Tp3: Ca dao đối đáp**  “ở đâu năm cửa nàng ơi….s  Ở trên tỉnh Lạng có thành xây tiên”  BIẾT: Danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của nhiều vùng miền; niềm tự hào về vẻ đẹo và truyền thống lịch sử của cha ông.  Gv mở rộng: Tuy nhiên nhận thức của nhân dân lao động ko phải hoàn toàn và bao giờ cũng đúng. VD: *Đi một ngày đàng học một sàng khôn;*  *Những người ti hí mắt lươn / Trai thường chốn chúa, gái buôn lộn chồng...*  *VÍ DỤ: Học các tp :Thánh gióng, Tấm Cám, Thạch Sanh,Ca dao “10 cái trứng”…các tp đã giáo dục con người những phẩm chất nào?*  GV: Giá trị giáo dục của VHDG thể hiện ở những khía cạnh cụ thể nào?  HS: Suy nghĩ và trả lời | D. Những giá trị cơ bản của VH dân gian:  ***1. Giá trị nhận thức***  - Tri thức trong văn học dân gian là tri thức thuộc đủ mọi lĩnh vực của đời sống: tự nhiên, xã hội và con người.  (Tri thức VHDG rất phong phú.⭢là tri thức của 54 dân tộc)  - Đặc điểm của tri thức dân gian:  + Là kinh nghiêm lâu đời được đúc kết từ thực tiễn.  Vd: *Chuồn chuồn bay thấp thì mưa……*  + Là kiến thức về phong tục, tập quán, văn hóa truyền thống…của dân tộc.  + Thể hiện quan điểm và trình độ nhận thức của nhân dân nên có phần khác biệt với quan diểm và nhận thức của giai cấp thống trị cùng thời.  VD: Tri thức về quan niệm sống  + *Con vua thì lại làm vua*  *Con sãi ở chùa thì quét lá đa*  *Bao giờ dân nổi can qua*  *Con vua thất thế lại ra quét chùa.*  + *Đừng than phận khó ai ơi*  *Còn da: lông mọc, còn chồi: nảy cây...*  VD: Tri thức về: Bài học đạo lí làm con:  *Công cha như núi Thái Sơn*  *Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*  *Một lòng thờ mẹ kính cha*  *Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*  ***2.Tính giáo dục (giáo dục đạo lí làm người)***  - Tinh thần nhân đạo và lạc quan:  + Yêu thương đồng loại  + Đấu tranh để bảo vệ và giải phóng con người.  + Niềm tin vào chính nghĩa, vào cái thiện  - Hình thành những phẩm chất truyền thống tốt đẹp:  + Tình yêu quê hương, đất nước.  + Lòng vị tha, đức kiên trung.  + Tính cần kiệm, óc thực tiễn,...  ***3. Giá trị thẩm mỹ***  - VHDG góp phần hình thành tư duy thẩm mĩ, mĩ cảm đúng đắn, tiến bộ:  + Cái đẹp hài hòa, trong sáng:  “ Trong đàm gì đẹp bằng sen....  + Chiều sâu của cái đẹp là cốt lõi, phẩm chất bên trong  “ Cái nết đánh chết cái đẹp“; “ Tốt gôc hơn tốt nước sơn“  - Trải qua thời gian, nhiều tác phẩm VH dân gian trở thành mẫu mực nghệ thuật, là những viên ngọc sáng đem đến cho con người vẻ đẹp của VH, ngôn ngữ tiếng việt, làm say đắm lòng người.  - Khi VH viết chưa phát triển, VH dân gian đóng vai trò chủ đạo.  - Khi VH viết phát triển, VH dân gian là nguồn nuôi dưỡng, là cơ sở của VH viết, phát triển song song, làm cho VH viết trở nên phong phú, đa dạng, đậm đà bản sắc dân tộc. |

**Hoạt động 3 : Tổng kết**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ? Cho biết những Giá trị cơ bản của VHDG  Hs thảo luận và đọc kết luận sgk | D. Kết luận   * VHDG là kho tri thức vô cùng phong phú về đời sống các dân tộc * VHDG ngợi ca những giá trị tốt đẹp của con người. * VHDG có giá trị to lớn về nghệ thuật |

**4. Củng cố kiến thức cho học sinh**

? Những giá trị to lớn của VHDG qua 1 số câu chuyện ?

TL : Truyền thuyết “ ***Sơn tinh thuỷ tinh***”: không chỉ cho biết một hiện tượng tự nhiên hàng năm: lũ lụt mà còn cho thấy sức mạnh và ước mơ của cha ông về chế ngự thiên tai. + Truyện cổ tích “ ***Trầu cau***”cho ta biết một phong tục, một nét đặc sắc trong Văn hoá người Việt; “miếng trầu là đầu câu chuyện”. sử thi “***Đam san***” cho biết tục nối dậy của người Ê-đê, ngôn ngữ độc đáo của người thái qua “lời tiễn dặn”người yêu

**5. Yêu cầu HS học ở nhà**

- Nhớ lại những câu chuyện, những lời ru của bà mà anh (chị) đã từng nghe hoặc tập hát 1 điệu dân ca quen thuộc.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Ngày soạn: 25/8/2020**

Tiết 6 Tiếng việt

**HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ (Tiết 2 )**

**A. Mục tiêu bài học**

**1.Về kiến thức:** Củng cố khái niệm và các nhân tố chi phối của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.

**2. Về kỹ năng:**

+ Biết xác định các nhân tố giao tiếp trong một hoạt động giao tiếp,nâng cao năng lực giao tiếp khi nói,khi viết và năng lực phân tích, lĩnh hội khi giao tiếp.

+ Vận dụng lí thuyết về hoạt động giao tiếp vào việc phân tích các tình huống giao tiếp cụ thể.

**3. Về thái độ:** Có thái độ và hành vi phù hợp trong HĐGT bằng ngôn ngữ.

**B. Chuẩn bị của GV và HS**

**- GV:**  + Nghiên cứu sgk, sgv,và các tài liệu tham khảo .

**- HS:** Đọc và soạn bài

**C.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

Câu hỏi : Kể tên các nhân tố tham gia vào quá trình giao tiếp?

TL: nhân vật giao tiếp, hoàn cảnh giao tiếp, nội dung giao tiếp, mục đích giao tiếp, phương tiện và cách thức giao tiếp.

**3. Bài mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| Gv yêu cầu 3 hs lên bảng làm các bài tập 1, 2, 3 trong sgk. Các em khác tự làm vào vở, theo dõi bài của bạn⭢ nhận xét bổ sung.  Gv nhận xét, khẳng định đáp án, lưu ý hs các kiến thức và kĩ năng cần thiết.  ***GV: Hướng dẫn tương tự bài 1 để hs làmbài 2?***  ***GV: Hướng dẫn tương tự bài 1 để hs làm***:***bài 3?***  HS đọc yêu cầu bài tập 4, trình bày kết quả.  GV lưu ý HS một số vấn đề:  - Dạng văn bản: thông báo ngắn nên phải viết đúng thể thức.  - Đối tượng giao tiếp: HS toàn trường.  - ND giao tiếp: Hoạt động làm sạch môi trường nhân ngày môi trường thế giới.  ***GV: Hướng dẫn tương tự bài 1 để hs làm***:***bài 5?***  Gv yêu cầu hs làm ở nhà.  **Gv lưu ý hs:**  Ngày 5/6/1972, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc sáng lập ngày môi trường thế giới.  Gv yêu cầu hs đọc bức thư của Bác Hồ và trả lời các câu hỏi trong sgk.  Gv lưu ý hs: Khi thực hiện bất cứ hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ nào (dạng nói và viết), chúng ta cần phải chú ý:  + Nhân vật, đối tượng giao tiếp (Nói và viết cho ai?).  + Mục đích giao tiếp (Nói và viết để làm gì?).  + Nội dung giao tiếp (Nói và viết để làm gì?).  + Giao tiếp bằng cách nào (Nói và viết ntn?).  ? Em hiểu thế nào hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ?  Hs thảo luận và đọc kết luận sgk | ***1: Bài 1:***  a. Nhân vật giao tiếp  - Chàng trai (anh).  - Cô gái (nàng).  Lứa tuổi: 18-20, trẻ, đang ở độ tuổi yêu đương.  b. Thời điểm giao tiếp: Đêm trăng sáng, yên tĩnh⭢ thích hợp với những cuộc trò chuyện của những đôi lứa đang yêu.  c. Nội dung giao tiếp:  Nghĩa tuờng minh: Chàng trai hỏi cô gái “tre non đủ lá”(đủ già) rồi thì có dùng để đan sàng được ko?  - Nghĩa hàm ẩn: Cũng như tre, chàng trai và cô gái đã đến tuổi trưởng thành, lại có tình cảm với nhau liệu nên tính chuyện kết duyên chăng?  - Mục đích giao tiếp: tỏ tình, cầu hôn tế nhị.  d. Cách nói của chàng trai: Có màu sắc văn chương, tình tứ , ý nhị, mượn hình ảnh thiên nhiên để tỏ lòng mình⭢ phù hợp, tinh tế.  ***2: Bài 2***  a,b. Các hành động nói (hành động giao tiếp):  - Chào (Cháu chào ông ạ!).  - Chào đáp (A Cổ hả?).  - Khen (Lớn tướng rồi nhỉ?).  - Hỏi (Bố cháu có gửi pin đài lên cho ông ko?).  c. Tình cảm, thái độ:  + A Cổ: kính mến ông già.  + Ông già: trìu mến, yêu quý A Cổ.  - Quan hệ: gần gũi, thân mật.  ***3: Bài 3***  a. Nội dung giao tiếp:  - Nghĩa tường minh: Miêu tả, giới thiệu đặc điểm, quá trình làm bánh trôi nước.  - Nghĩa hàm ẩn: Thông qua hình tượng bánh trôi nước, tác giả ngợi ca vẻ đẹp, thể hiện thân phận bất hạnh của mình cũng như của bao người phụ nữ trong XHPK bất công. Song trong hoàn cảnh khắc nghiệt, họ vẫn giữ trọn được phẩm chất tốt đẹp của mình.  - Mục đích:  + Chia sẻ, cảm thông với thân phận người phụ nữ trong XH cũ.  + Lên án, tố cáo XHPK bất công.  - Phương tiện từ ngữ, hình ảnh: biểu cảm, đa nghĩa.  b. Căn cứ*:*  - Phương tiện từ ngữ*:* + “Trắng”, “tròn”⭢ gợi vẻ đẹp hình thể.  + Mô típ mở đầu: “thân em”⭢ lời than thân, bộc lộ tâm tình của người phụ nữ.  + Thành ngữ “bảy nổi ba chìm”⭢ thân phận long đong, bất hạnh.  + “Tấm lòng son”⭢ phẩm chất thủy chung, trong trắng, son sắt.  ***4. Bài 4***  *Nhân ngày Môi trường thế giới Nhà trường tổ chức buổi tổng vệ sinh toàn trường để làm cho trường ta xanh, sạch, đẹp hơn nữa.*  *- Thời gian làm việc:…*  *- Nội dung công việc:…*  *- Lực lượng tham gia:…*  *- Dụng cụ:…*  *- Kế hoạch cụ thể: các lớp nhận tại văn phòng của trường.*  *Nhà trường kêu gọi toàn thể HS nhiệt liệt hưởng ứng và tích cực tham gia buổi tổng vệ sinh này.*  *Ngày …tháng …năm…*  *Ban giám hiệu trường…*  **5.** ***Làm bài 5:***  a. Nhân vật giao tiếp:  + Bác Hồ  + Hs toàn quốc  b. Hoàn cảnh giao tiếp:  + Tháng 9-1945: đất nước vừa giành được độc lập⭢ Hs lần đầu tiên được đón nhận một nền giáo dục hoàn toàn Việt Nam.  + Bác Hồ: giao nhiệm vụ, khẳng định quyền lợi của hs nước Việt Nam độc lập.  c. Nội dung giao tiếp:  - Niềm vui sướng của Bác vì thấy hs- thế hệ tương lai của đất nước được hưởng nền giáo dục của dân tộc.  - Nhiệm vụ và trách nhiệm nặng nề nhưng vẻ vang của hs.  - Lời chúc của Bác với các em hs.  d. Mục đích giao tiếp:  - Chúc mừng hs nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam DCCH.  - Xác định nhiệm vụ nặng nề nhưng vẻ vang của các em hs.  e. Hình thức:  - Ngắn gọn.  - Lời văn vừa gần gũi, chân tình vừa nghiêm túc, trang trọng.  ***III. Kết luận***  Là hoạt động trao đổi thông tin bằng ngôn ngữ(nói hoặc viết) của con người trong xã hội. HĐGT bằng ngôn ngữ có hai quá trình: Tạo lập văn bản do người nói,người viết thực hiện; tiếp nhận lĩnh hội văn bản do người đọc người nghe thực hiện (hai quá trình có thể chuyển đổi cho nhau). |

**4.Củng cố kiến thức cho học sinh.** ? Phân tích các nhân tố của HĐGTbằng ngôn ngữ

TL a)Nhân vật giao tiếp : Ai nói, ai viết, nói với ai, viết cho ai ?

b) Hoàn cảnh giao tiếp : Nói, viết trong hoàn cảnh nào, ở đâu, khi nào ?

c) Nội dung giao tiếp : Nói, viết cái gì, về cái gì ?

d) Mục đích giao tiếp : Nói, viết để làm gì, nhằm mục đích gì ?

e) Phương tiện và cách thức giao tiếp : Nói viết như thế nào, bằng phương  tiện gì ?

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:** Hoàn thiện bài tập sgk và sách bài tập.

**NGÀY …./ 9/ 2020, BGH DUYỆT GIÁO ÁN**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Ngày soạn: 1/9/2020**

Tiết 7: Làm văn

**VĂN BẢN**

**A. Mục tiêu bài học**

**1.Về kiến thức:**

+ Hiểu khái quát về văn bản, các đặc điểm cơ bản và các loại văn bản ;

+ Vận dụng được những kiến thức về văn bản vào việc phân tích và thực hành tạo lập văn bản.

**2.Về kỹ năng:**

+ Biết so sánh để nhận ra một số nét cơ bản của mỗi loại văn bản.

+ Bước đầu biết tạo lập một văn bản theo một hình thức trình bày nhất định, triển khai một chủ đề cho trước hoặc tự xác định chủ đề.

+ Vận dụng vào việc đọc - hiểu các văn bản được giới thiệu trong phần Văn học.

**3. Về thái độ:** Biết phân biệt, sử dụng các loại VB phù hợp, linh hoạt trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống.

**B. Chuẩn bị của GV & HS**

**- GV:** Nghiên cứu sgk, sgv,và các tài liệu tham khảo .

**- HS:** Đọc và soạn bài

**C.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

Câu hỏi : Hãy nêu các nhân tố giao tiếp trong hoạt động giao tiếp?

TL: NV GT, NDGT, HCGT,ĐTGT, Phương tiện và cách thức GT

**3. Bài mới**

Ở những tiểt trước chúng ta đã học về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ. Đó là hoạt dộng gồm hai quá trình tạo lập văn bản và lĩnh hội văn bản. Như vậy văn bản chính là sản phẩm của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ. Để hiểu rõ hơn khái niệm, đặc trưng văn bản, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài văn bản.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hướng dẫn học sinh tìm hiểu khái niệm và đặc điểm của văn bản.**  **Thao tác 1:** Cho học sinh tìm hiểu khái niệm văn bản.  **HS: Đ**ọc sinh đọc các văn bản (1), (2), (3) và các yêu cầu ở SGK ?  **?** Mỗi văn bản được người nói tạo ra trong những hoạt động nào? Để đáp ứng nhu cầu gì ?  **GV:** Số câu ở mỗi văn bản như thế nào ?  **GV:** Vậy từ đó em hiểu thế nào là văn bản?  **- Thao tác 2:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu các đặc điểm của văn bản  **GV:** Mỗi văn bản đề cập đến vấn đề gì ?  **GV:** Vấn đề đó có được triển khai nhất quán trong mỗi văn bản không ?  **GV:** Như vậy, một văn bản thường có đặc điểm gÌ?  **GV:** Các câu trong từng văn bản (2) và (3) có quan hệ với nhau về những phương diện nào?  **GV: Văn bản (**3) có bố cục như thế nào?  **GV:** Về hình thức, văn bản (3) có dấu hiệu mở đầu và kết thúc như thế nào?  **GV:** Mỗi văn bản được tạo ra nhằm mục đích gì?  **GV:** Từ những điều đó phân tích trên, hãy nêu đặc điểm của văn bản ?  **HS:** Trả lời.  - Các câu trong văn bản có sự liên kết chặt chẽ và xây dựng theo kết cấu mạch lạc.  - Mỗi VB có dấu hiệu biểu hiện tính hoàn chỉnh về nội dung lẫn hỡnh thức.  - Mỗi văn bản nhằm thực hiện một mục đích giao tiếp nhất định.  **Cho Hs tìm hiểu khái quát các loại văn bản.**  **- Thao tác 1:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu ngữ liệu SGK.  **GV:** So sánh văn bản 1,2,3, Vấn đề được đề cập trong mỗi văn bản này là gì ? Thuộc lĩnh vực nào trong cuộc sống?  Từ ngữ được sử dụng trong mỗi văn bản thuộc những loại nào?  **?**Cách thể hiện nội dung trong mỗi văn bản như thế nào?  **GV:** Như vậy, mỗi loại văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ nào?  **GV:** Các loại văn bản được sử dụng trong những lĩnh vực nào của xã hội?  **GV:**  Mục đích giao tiếp của mỗi loại văn bản là gì?  **GV:** Lớp từ ngữ riêng cho mỗi loại văn bản như thế nào ?  **GV:** Cách kết cấu và cách trình bày trong mỗi loại văn bản là gì?  **GV:** Như vậy, các văn bản trong SGK, đơn xin nghỉ học và giấy khai sinh thuộc các loại văn bản nào?  **GV:** Ngoài các loại văn bản trên, ta còn có thể gặp các loại văn bản nào khác?  như:thư, nhật kí 🡪 thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt  Bản tin, phóng sự, phỏng vấn 🡪 thuộc phong cách ngôn ngữ báo chí | **I- Khái niệm và đặc điểm:**  **1. Khái niệm:**  **\* Tìm hiểu ngữ liệu:**  - Văn bản tạo ra trong hoạt động giao tiếp chung. Quan hệ giữa người và người.  **- Nhu cầu:**  **+ VB (1):** trao đổi về một kinh nghiệm sống  **+ VB(2):** trao đổi về tâm tư tình cảm  **+ VB(3):** trao đổi về thông tin chính trị - xã hội  - Bao gồm nhiều câu.  **\*Khái niệm:**  Văn bản là sản phẩm được tạo ra trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ và thường có nhiều câu.  **2. Đặc điểm:**  **\*TL các câu hỏi**  **- Câu hỏi 2: Vấn đề: + VB(1)** Là quan hệ giữa người với người  **+ VB(2)** Lời than thân của cô gái  **+ VB(3)** Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến  **=> Cách triển khai:**  Mỗi văn bản đều tập trung nhất quán vào một chủ đề và triển khai chủ đề đó một cách trọn vẹn.  **-Câu hỏi 3:**  + Các câu trong văn bản (2) và (3):  ./ Có quan hệ về ý nghĩa  ./ Được liên kết chặt chẽ về ý nghĩa hoặc bằng từ ngữ  ./ Kết cấu của văn bản (3): Bố cục rừ ràng:  ***a.Phần mở đầu***: *“ Hỡi đồng bào toàn quốc”*  ***b.Thân bài***:*“ Chúng ta muốn hoà bình … nhất định về dân tộc ta”*  ***c.Kết bài:*** Phần còn lại.  **-Câu hỏi 4:**  Văn bản (3):  - Mở đầu: Tiêu đề và Lời hô gọi  🡪 dẫn dắt, giới thiệu vấn đề  - Kết thúc: Hai khẩu hiệu.  🡪 khích lệ ý chí  => có dấu hiệu hình thức riêng vì là văn bản chính luận.  **Câu hỏi 5:**  ***Mục đích***:  - **VB(1):** Truyền đạt kinh nghiệm sống.  - **VB (2):** Lời than thân để gợi sự hiểu biết và cảm thông của mọi người với số phận người phụ nữ.  - **VB(3):** Kêu gọi, khích lệ thể hiện quyết tâm của mọi người trong kháng chiến chống Pháp.  🡪 mỗi văn bản có một mục đích nhất định  **2. Đặc điểm của văn bản:**  (Ghi nhớ, SGK trang 24)  - Các câu trong văn bản có sự liên kết chặt chẽ và xây dựng theo kết cấu mạch lạc.  - Mỗi VB có dấu hiệu biểu hiện tính hoàn chỉnh về nội dung lẫn hình thức.  - Mỗi văn bản nhằm thực hiện một mục đích giao tiếp nhất định.  **II- Các loại văn bản:**  **1. Tìm hiểu ngữ liệu:**  *- Câu 1:*  *a. Vấn đề, lĩnh vực:*  **(1)** Cuộc sống xã hội  **(2)** Cuộc sống xã hội  **(3)** Chính trị.  *b. Từ ngữ:*  **(1)** và **(2):** Thông thường  **(3):** Chính trị, xã hội  *c. Cách thể hiện nội dung:*  **(1)** và **(2):** bằng hình ảnh, hình tượng  **(3):** bằng lí lẽ, lập luận  *=> Phong cách ngôn ngữ:*  **(1)** và **(2):** thuộc loại văn bản nghệ thuật.  **(3):** thuộc loại văn bản chính luận.  ***- Câu 2: So sánh các văn bản***  *a. Phạm vi sử dụng:*  + (2): giao tiếp có tính chất nghệ thuật  + (3): chính trị, xã hội  + SGK: Khoa học  + Đơn nghỉ học, giấy khai sinh: Hành chính  *b. Mục đích giao tiếp:*  + (2): bộc lộ cảm xúc  + (3): kêu gọi, thuyết phục mọi người  + SGK: Truyền thụ kiến thức khoa học  + Đơn nghỉ học, giấy khai sinh: Trình bày nguyện vọng, xác nhận sự việc  *c. Lớp từ ngữ:*  + (2): Thông thường  + (3): Chính trị, xã hội  + SGK: Khoa học  + Đơn nghỉ học, giấy khai sinh: Hành chính  *d. Kết cấu, trình bày:*  + (2): thơ (ca dao, thơ lục bát)  + (3): ba phần  + SGK: mạch lạc, chặt chẽ  + Đơn nghỉ học, giấy khai sinh: có mẫu hoặc in sẵn  *=>*  ***Văn bản SGK:*** PCNN khoa học, đơn xin nghỉ học, giấy khai sinh: PCNN hành chính  **2. Một số loại văn bản:**  Ghi nhớ, SGK trang 25 |

**4.Củng cố kiến thức cho học sinh:**

Nắm chắc khái niệm VB, các đặc điểm của VB, các loại VB.

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:** Làm BT

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn:2/9/2020

Tiết 10:Tiếng Việt

**VĂN BẢN (t2) –RA ĐỀ SỐ 1 (Làm ở nhà)**

**Ngày dạy:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:*** Giúp hs củng cố kiến thức về văn bản.

***2. Về kỹ năng***: Rèn luyện các kĩ năng phân tích văn bản, liên kết văn bản và hoàn chỉnh văn bản.

***3. Về thái độ:*** Biết phân biệt, sử dụng các loại VB phù hợp, linh hoạt trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống.

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

**- GV:** Nghiên cứu sgk, sgv,và các tài liệu tham khảo .

**- HS:** Đọc và soạn bài

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ**

? Thế nào là VB? Trình bày đặc điểm của VB?

**3. Bài mới**

***Giới thiệu bài***: Ở tiết học về văn bản trước, các em đã biết được khái niệm, đặc điểm, các loại văn bản phân chia theo lĩnh vực và mục đích giao tiếp. Tiết học hôm nay, chúng ta sẽ vận dụng các kiến thức lí thuyết đó vào làm các bài tập cụ thể.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| Gv yêu cầu hs lên bảng làm các bài 1, 3, 4 ⭢ nhận xét, khẳng định đáp án.  a. Phân tích tính thống nhất về chủ đề của đoạn văn?  b. Phân tích sự phát triển của chủ đề trong đoạn văn (từ ý khái quát đến cụ thể qua các cấp độ?)  c. Đặt nhan đề cho đoạn văn?  Hs đọc yêu cầu của đề, thảo luận trả lời.  Gv nhận xét, khẳng định đáp án.    Gv có thể gọi một vài em nhận xét, bổ sung cho đoạn văn của bạn làm trên bảng, đọc đoạn văn của các em dể cả lớp nhận xét, bổ sung hoàn thiện.  Gv yêu cầu hs đặt tiêu đề cho đoạn văn của mình.  Gv yêu cầu 1 hs trả lời các câu hỏi trong sgk trên bảng, các em khác viết mẫu lá đơn xin phép nghỉ học vào vở.  Gv yêu cầu một vài hs đọc lá đơn xin phép nghỉ học của mình, nhận xét, định hướng hoàn thiện. | ***III. Luyện tập:***  ***1. Bài 1:***  a. Đoạn văn có một chủ đề thống nhất, câu chốt (câu chủ đề) đứng đầu đoạn văn, được làm rõ ở các câu tiếp.  b. Sự phát triển chủ đề:  \* Câu chủ đề: Giữa cơ thể và môi trường có ảnh hưởng qua lại với nhau.  \* Các luận cứ:  - Hai luận cứ lí lẽ:  + Môi trường có ảnh hưởng tới mọi đặc tính của cơ thể.  + So sánh các lá mọc trong các môi trường khác nhau.  - Bốn luận chứng (dẫn chứng):  + Lá cây đậu Hà Lan⭢ tua cuốn.  + Lá cây mây⭢ tua móc có gai bám.  + Lá cây xương rồng⭢ gai.  + Lá cây lá bỏng⭢ chứa nhiều nước.  c. Nhan đề:  - Mối quan hệ giữa cơ thể và môi trường.  - Ảnh hưởng qua lại giữa cơ thể và môi trường.  ***2. Bài 2:***  - Sắp xếp: 1-3-5-2-4.  - Nhan đề: Bài thơ Việt Bắc.  ***3. Bài 3:***  - Câu chủ đề: Môi trường sống của loài người hiện nay đang bị huỷ hoại nghiêm trọng.  - Các luận cứ:  + Rừng đầu nguồn đang bị chặt phá, khai thác bừa bãi là nguyên nhân gây ra lũ lụt, hạn hán kéo dài.  + Các sông suối ngày càng bị ô nhiễm.  + Rác thải, chất thải công nghiệp và sinh hoạt chưa được xử lí.  + Các loại thuốc trừ sâu sử dụng ko theo quy định đảm bảo an toàn cho môi trường...  - Tiểu kết: Thực trạng trên làm cho nạn ô nhiễm môi trường sống đang ở mức báo động.  - Tiêu đề: Môi trường sống kêu cứu.  ***4. Bài 4:***  Đơn xin phép nghỉ học.  a. Người nhận: Thầy (cô) giáo chủ nhiệm và các thầy (cô) bộ môn.  - Người viết: Học trò.  b. Mục đích: Xin phép được nghỉ học trong một thời gian nhất định.  c. Nội dung:  Cần nêu rõ:  - Họ và tên, lớp, trường.  - Lí do xin nghỉ học.  - Thời gian xin nghỉ.  - Lời hứa thực hiện đầy đủ các công việc học tập khi phải nghỉ học.  d. Kết cấu:  - Quốc hiệu, tiêu ngữ.  - Tên đơn.  - Người nhận, đơn vị công tác của người nhận.  - Họ và tên, lớp, trường của hs.  - Lí do xin nghỉ học.  - Thời gian xin nghỉ.  - Lời hứa thực hiện đầy đủ các công việc học tập khi phải nghỉ học.  - Địa điểm, thời gian viết đơn.  - Kí tên.  - Xác nhận của phụ huynh hs.  ***D. Ra đề bài làm văn số 1 ở nhà.***  Phát biểu cảm nghĩ của anh (chị) về những ngày đầu tiên bước vào trường trung học phổ thông. |

**4.Củng cố kiến thức cho học sinh:**

Nắm chắc khái niệm VB, các đặc điểm của VB, các loại VB.

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:**

**-** Viết bài viết số 1, (45p, ở nhà), tuần sau nộp.

- Hoàn thiện các bài tập.

- Soạn bài: *Chủ đề Truyện dân gian*

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Ngày soạn: 9/9/2020**

**Từ tiết 9 đến tiết 18**

**CHỦ ĐỀ TRUYỆN DÂN GIAN VIỆT NAM**

**I. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ**

**- Đối tượng học sinh: Lớp 10.**

**- Thời gian dạy học: học kì I.**

**- Thời lượng tổ chức dạy học chuyên đề: 10 tiết**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Phân môn** | **Tên bài dạy** |
| 1 | Đọc văn | - Tiết 1-2: *Chiến thắng Mtao Mxây* |
| 2 | Đọc văn | - Tiết 3-4 -5: Truyện An Dương Vương và Mị Châu- Trọng Thủy |
| 3 | Đọc văn | - Tiết 6-7-8: *Tấm Cám* |
| 4 | Tiếng Việt- Tập làm văn | - Tiết 9: Chọn sự việc chi tiết, tiêu biểu trong bài văn tự sự |
| 5 | Tiếng Việt- Tập làm văn | -Tiết 10: Tóm tắt văn bản tự sự |

**II. MỤC TIÊU CỦA CHỦ ĐỀ**

Xây dựng chủ đề *Tự sự dân gian Việt Nam* để dạy học theo định hướng hình thành và phát triển năng lực, giáo viên sẽ giúp học sinh:

**1. Kiến thức**

- Hiểu được một số đặc điểm cơ bản của sử thi, truyền thuyết, truyện cổ tích;

- Nắm được nội dung, giá trị và thông điệp mà tác giả dân gian gửi gắm qua các tác phẩm;

**-** Củng cố và nâng cao kiến thức về kiểu văn bản tự sự

**2. Kĩ năng**

- Biết cách đọc hiểu một tác phẩm tự sự dân gian theo đặc trưng thể loại;

- Biết cách tiếp cận và khai thác giá trị của tự sự dân giân.

- Có kĩ năng chọn sự việc, chi tiết tiêu biểu trong bài văn tự sự khi cần thiết.

- Có kĩ năng tóm tắt một văn bản tự sự theo nhân vật chính.

**3. Thái độ**

- Yêu quê hương đất nước, gia đình, biết sống yêu thương, nhân ái, khoan dung, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng và đất nước

- Biết trân trọng khát vọng hạnh phúc, những phẩm chất tốt đẹp, ước mơ tự do của con người;

- Có khát vọng sống tốt, sống đẹp và giàu tinh thần nhân ái, biết đấu tranh vì cái thiện, lẽ phải, công bằng xã hội

- Có ý thức tự học, tự chủ, thái độ nghiêm túc trong học tập

**4. Định hướng năng lực hình thành**

*a. Phát triển năng lực chung:* Năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thẩm mĩ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông.

*b. Năng lực riêng:* Năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực cảm thụ văn bản, năng lực tự nhận thức, năng lực giải quyết một số vấn đề đặt ra từ văn bản.

**III. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS**

**- Chuẩn bị của giáo viên**

+ Sách giáo khoa, sách giáo viên, giáo án

+ Máy chiếu, tranh, ảnh, video clip có liên quan đến hoàn cảnh sáng tác và nội dung của văn bản.

+ Các tư liệu tham khảo khác.

**- Chuẩn bị của học sinh**

+ Sưu tầm các tranh, ảnh, video clip có liên quan đến hoàn cảnh sáng tác và nội dung của văn bản.

+ Bút dạ, giấy A4, A0.

+ Đọc – soạn bài và hoàn thành các nhiệm vụ giáo viên đã giao.

**IV.THIẾT KẾ TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Tiết 9: Đọc văn **CHIẾN THẮNG MTAO MXÂY**

(Trích *Đăm Săn*- Sử thi Tây Nguyên)

**A. Mục tiêu bài học**

**1.Về kiến thức:**

+ Hiểu được cuộc chiến đấu vì danh dự, hạnh phúc và sự thịnh vượng của cộng đồng là lẽ sống và niềm vui của người anh hùng thời xưa ;

+ Thấy được nghệ thuật miêu tả, xây dựng nhân vật, sử dụng ngôn từ và các biện pháp nghệ thuật thường dùng trong sử thi anh hùng qua đoạn trích.

**2.Về kỹ năng:**

+ Đọc (kể) diễn cảm tác phẩm sử thi.

+ Phân tích văn bản sử thi theo đặc trưng thể loại.

**3. Về thái độ:** Giáo dục ý thức cộng đồng.

**B. Chuẩn bị của GV & HS**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**C.Phương pháp:** Gv tổ chức giờ dạy- học theo cách kết hợp các phương pháp hướng dẫn hs: đọc- hiểu sgk, trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

Câu hỏi : Thế nào là sử thi? Phân loại sử thi?

TL: - Là TP tự sự dân gian, ….

- Có hai loại ST.

**3. Bài mới**

**Lời vào bài:** Nếu người Kinh tự hào vì có nguồn ca dao, tục ngữ phong phú; người Thái có truyện thơ *Tiễn dặn người yêu* làm say đắm lòng người; người Mường trong những dịp lễ hội hay đám tang ma lại thả hồn mình theo những lới hát mo *Đẻ đất đẻ nước*;...thì đồng bào Tây Nguyên cũng có những đêm ko ngủ, thao thức nghe các già làng kể khan sử thi *Đăm Săn* bên ngọn lửa thiêng nơi nhà Rông. Hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu về sử thi này qua đoạn trích *Chiến thắng Mtao Mxây*.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| Hs đọc phần Tiểu dẫn.  - Từ khái niệm về sử thi (bài khái quát VH dân gian), em hãy cho biết sử thi có những đặc điểm gì?  - Có mấy loại sử thi?  - Đặc điểm nổi bật của mỗi thể loại? VD?  - Hình thức diễn xướng?  Hs học theo sgk.  Gv lưu ý hs những sự kiện chính.  - Giá trị nội dung của tác phẩm?  Hs đọc phân vai đoạn trích.  - Theo em, em sẽ phân chia đoạn trích thành các phần, các ý ntn để phân tích?  - Mục đích của Đăm Săn trong trận quyết chiến với Mtao Mxây?  - Tư thế của Đăm Săn trong trận quyết chiến với Mtao Mxây?  - Trận quyết chiến giữa Đăm Săn- Mtao Mxây được miêu tả, kể qua những chặng nào? Hành động của chàng ở mỗi chặng đấu?  - Ở chặng 1, Đăm Săn và Mtao được xây dựng trong thế đối lập ntn? Tìm các chi tiết, các ý cụ thể để lập bảng so sánh?  - Ý nghĩa của miếng trầu Hơ Nhị quăng cho Đăm Săn  - Tài nghệ múa gươm của Đăm Săn bộc lộ qua lần múa gươm thứ 2? Ai là người tấn công trước? Tại sao Đăm Săn đâm trúng Mtao Mxây nhưng ko giết được y?  Hs tìm các chi tiết:  *Đăm Săn càng múa càng nhanh, mạnh, hào hùng: Múa trên cao- như gió bão; Múa dưới thấp - như gió lốc, chòi lẫm đổ lăn lóc, ba quả núi rạn nứt, ba đồi tranh bật bay tung.*  ⭢Những hình ảnh so sánh, phóng đại tạo ấn tượng mạnh, tràn đầy cảm hứng ngợi ca.  - Các sự việc diễn ra ở hiệp đấu thứ 4?  - Chi tiết ông Trời mách kế cho Đăm Săn nói lên điều gì?  - Thần linh có phải là lực lượng quyết định chiến thắng của người anh hùng ko? Vì sao?  Hs thảo luận, trả lời.  Gv nhận xét, bổ sung, chốt ý  - Nêu nhận xét về cuộc chiến và chiến thắng của Đăm Săn?  Gợi mở: Cuộc chiến có gây cảm giác ghê rợn ko? Mục đích của nó? Sau khi giết Mtao Mxây, Đăm Săn có tàn sát tôi tớ, đốt phá nhà cửa, giày xéo đất đai của kẻ bại trận ko?... | ***I. Tiểu dẫn:***  ***1. Thể loại sử thi:***  ***a. Đặc điểm của sử thi:***  - Là tác phẩm tự sự dân gian có quy mô lớn.  - Ngôn ngữ có vần, nhịp.  - Hình tượng nghệ thuật hoành tráng, hào hùng.  - Kể về những biến cố lớn diễn ra trong đời sống cộng đồng thời cổ đại.  ***b. Phân loại:***  Hai loại:- *Sử thi thần thoại* ⭢ Kể về sự hình thành thế giới và muôn loài, con người và bộ tộc thời cổ đại.  VD: *Đẻ đất đẻ nước* (Mường), *Ẩm ệt luông*(Thái), *Cây nêu thần* (Mnông),...  - *Sử thi anh hùng* ⭢ Kể về cuộc đời, chiến công của những nhân vật anh hùng.  VD: *Đăm Săn*, *Đăm Di*, *Xing Nhã*, *Khinh Dú* (Êđê), *Đăm Noi* (Ba-na),...  ***c. Hình thức diễn xướng:*** Kể- hát.  ***2. Sử thi Đăm Săn:***  ***a. Tóm tắt:***  - Đăm Săn về làm chồng Hơ Nhị và Hơ Bhị theo tục nối dây⭢ trở nên một tù trưởng lừng lẫy và giàu có.  - Các tù trưởng Kên Kên (Mtao Grư), Sắt (Mtao Mxây), thừa lúc Đăm Săn vắng nhà, bắt Hơ Nhị về làm vợ. Đăm Săn đánh trả và chiến thắng, giết chết chúng, giành lại vợ, đem lại sự giàu có và uy danh cho mình và cộng đồng.  - Đăm Săn chặt cây Sơ-múc (cây thần vật tổ nhà vợ) khiến hai vợ chết⭢ lên trời xin thuốc cứu hai nàng.  - Đăm Săn đi cầu hôn nữ thần Mặt Trời ⭢ bị từ chối. Trên đường về, Đăm Săn bị chết ngập trong rừng sáp Đen. Hồn chàng biến thành con ruồi bay vào miệng chị gái Hơ Âng. Hơ Âng có thai, sinh ra Đăm Săn cháu. Nó lớn lên, tiếp tục sự nghiệp anh hùng của chàng.  ***b. Giá trị nội dung:***  + Chiến tranh mở rộng bờ cõi, làm nổi uy danh của cộng đồng.  + Khát vọng chinh phục tự nhiên.  + Cuộc đấu tranh giữa chế độ xã hội mẫu quyền với phụ quyền.  ***3. Đoạn trích:***  - Vị trí, ND: Đoạn trích nằm ở phần giữa tác phẩm, kể về cuộc giao chiến giữa Đăm Săn và Mtao Mxây. Đăm Săn chiến thắng, cứu được vợ và thu phục được dân làng của tù trưởng Mtao Mxây.  - Bố cục: 3 phần.  + Phần 1: Từ đầu đến *“cắt đầu Mtao Mxây đem bêu ngoài đường”* ⭢ Cảnh trận đánh giữa hai tù trưởng.  + Phần 2: Tiếp đến *“Họ đến bãi ngoài làng, rồi vào làng”* ⭢ Cảnh Đăm Săn cùng nô lệ ra về sau chiến thắng.  + Phần 3: Còn lại ⭢ Cảnh Đăm Săn ăn mừng chiến thắng.  ***II. Đọc – hiểu:***  ***1. Hình tượng Đăm Săn trong cuộc quyết chiến với Mtao Mxây:***  - Mục đích:  + Đòi lại vợ.  + Bảo vệ danh dự của tù trưởng anh hùng, của bộ tộc.  + Trừng phạt kẻ cướp, đem lại sự yên ổn cho buôn làng.  + Là cái cớ làm nảy sinh mâu thuẫn giữa các bộ tộc dẫn tới chiến tranh mở rộng bờ cõi, làm nổi uy danh cộng đồng.  - Tư thế: chủ động, tự tin, đường hoàng.  - Các chặng đấu:  + Chặng 1: Đăm Săn khiêu chiến- Mtao buộc phải đáp lại.  + Chặng 2: Diễn biến cuộc chiến:  🞂 Hiệp 1: Mtao múa khiên trước, Đăm Săn bình tĩnh, thản nhiên xem khả năng của đối thủ.  🞂 Hiệp 2: Đăm Săn múa trước- Mtao trốn chạy, chém trượt, cầu cứu Hơ Nhị quăng cho miếng trầu.  🞂 Hiệp 3: Đăm Săn múa khiên và đuổi theo Mtao nhưng ko đâm thủng được y.  🞂 Hiệp 4: Đăm Săn cầu cứu ông trời⭢ giết được Mtao  - Hành động:  ⮴ ***Chặng 1:***   |  |  | | --- | --- | | Đăm Săn | Mtao Mxây | | - Đến tận cầu thang khiêu chiến (lần 1)⭢ chủ động, tự tin.  - Khiêu khích, đe dọa quyết liệt (lần 2), coi khinh Mtao Mxây, tự tin, đường hoàng. | - Mtao Mxây bị động, sợ hãi nhưng vẫn trêu tức Đăm Săn.  - Do dự, sợ hãi 🢖🢔 vẻ ngoài hung tợn. |   ⮴ ***Chặng 2:***  🞂 Hiệp 1:   |  |  | | --- | --- | | Đăm Săn | Mtao Mxây | | - Khích Mtao múa khiên trước.  - Điềm tĩnh xem khả năng của kẻ thù. | - Bị khích⭢ giả đò khiêm tốn 🢖🢔 thực chất kiêu căng, ngạo mạn.  - Múa khiên như trò chơi (*kêu lạch xạch như quả mướp khô*) ⭢kém cỏi, hèn mọn. |   🞂 Hiệp 2:   |  |  | | --- | --- | | Đăm Săn | Mtao Mxây | | - Múa khiên trước ⭢ động tác nhanh, mạnh, hào hùng, vừa khỏe vừa đẹp ⭢ thế thắng áp đảo, oai hùng.  - Nhận được miếng trầu của Hơ Nhị⭢ sức khỏe tăng gấp bội. | - Hoảng hốt, trốn chạy,  chém trượt⭢thế thua,  hèn kém.  - Cầu cứu Hơ Nhị  quăng cho miếng  trầu⭢ ko được. |   - Miếng trầu là biểu tượng cho sự ủng hộ, tiếp thêm sức mạnh cho người anh hùng của cộng đồng.  🞂 Hiệp 3:   |  |  | | --- | --- | | Đăm Săn | Mtao Mxây | | - Múa khiên càng nhanh, càng mạnh và đẹp, hào hùng.  - Tấn công đối thủ: đâm Mtao nhưng ko thủng áo giáp sắt của y. | - Hoàn toàn ở thế thua, bị động.  - Bị đâm. |   🞂 Hiệp 4:   |  |  | | --- | --- | | Đăm Săn | Mtao Mxây | | - Thấm mệt ⭢ cầu cứu thần linh.  - Được kế của ông Trời ⭢ lấy cái chày mòn ném vào vành tai kẻ thù.  - Đuổi theo kẻ thù.  - Hỏi tội Mtao.  - Giết chết Mtao. | - Tháo chạy vì áo giáp sắt vô dụng.  - Trốn chạy quanh quẩn.  - Giả dối cầu xin tha mạng.  - Bị giết. |   - Chi tiết ông Trời mách kế cho Đăm Săn thể hiện:  + Sự gần gũi giữa con người và thần linh⭢ dấu vết tư duy của thần thoại cổ sơ và thời kì xã hội chưa có sự phân hóa giai cấp rạch ròi.  + Thần linh đóng vai trò cố vấn, gợi ý. Người anh hùng mới quyết định kết quả của cuộc chiến⭢ Sử thi đề cao vai trò của người anh hùng.  🢡Nhận xét:  - Cuộc quyết đấu ko gây cảm giác ghê rợn mà người đọc, người nghe vui say với chiến thắng oai hùng, yêu mến, cảm phục Đăm Săn.  - Mục đích của cuộc quyết đấu: Đòi lại vợ.  ⭢ Bảo vệ danh dự của tù trưởng anh hùng, của bộ tộc.  ⭢ Trừng phạt kẻ cướp, đem lại sự yên ổn cho buôn làng.  ⭢ Là cái cớ làm nảy sinh mâu thuẫn giữa các bộ tộc dẫn tới chiến tranh mở rộng bờ cõi, làm nổi uy danh của cộng đồng.  - Không nói đến chết chóc, ko có cảnh tàn sát, đốt phá,... mà phần tiếp lại là cảnh nô lệ của Mtao Mxây nô nức theo Đăm Săn về và họ cùng mở tiệc mừng chiến thắng. |

**4.Củng cố kiến thức cho học sinh:**

GV hệ thống lại nội dung bài học.

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:**

- Học bài.

- Tiếp tục tìm hiểu về nhân vật Đăm Săn.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Ngày soạn: 11/9/2020**

Tiết 10: Đọc văn

**CHIẾN THẮNG MTAO MXÂY (T2)**

(Trích *Đăm Săn*- Sử thi Tây Nguyên)

**A. Mục tiêu bài học**

*1.Về kiến thức*:

+ Hiểu được cuộc chiến đấu vì danh dự, hạnh phúc và sự thịnh vượng của cộng đồng là lẽ sống và niềm vui của người anh hùng thời xưa ;

+ Thấy được nghệ thuật miêu tả, xây dựng nhân vật, sử dụng ngôn từ và các biện pháp nghệ thuật thường dùng trong sử thi anh hùng qua đoạn trích.

2*.Về kỹ năng*:

+ Đọc (kể) diễn cảm tác phẩm sử thi.

+ Phân tích văn bản sử thi theo đặc trưng thể loại.

*3. Về thái độ*: Giáo dục ý thức cộng đồng.

**B.Phương pháp:** Gv tổ chức giờ dạy- học theo cách kết hợp các phương pháp hướng dẫn hs: đọc- hiểu sgk, trao đổi thảo luận, trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

Câu hỏi: Tóm tắt sử thi Đăm Săn? Vẻ đẹp của hình tượng Dăm Săn trong cuộc quyết đấu với Mtao Mxây?

**3. Bài mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV& HS** | **Nội dung cần đạt** |
| Gv dẫn dắt, chuyển ý.  - Cuộc đối thoại giữa Đăm Săn và dân làng (nô lệ) của Mtao Mxây diễn ra qua mấy nhịp hỏi- đáp? Qua đó, chúng ta hiểu gì về Đăm Săn, uy tín và tình cảm của dân làng đối với chàng?  - Ý nghĩa của cảnh mọi người theo Đăm Săn về đông vui như hội?  - Câu văn *“Ko đi sao được!”* được lặp lại mấy lần? Nó biểu hiện thái độ, tình cảm gì của nô lệ của Mtao Mxây đối với Đăm Săn?  - Trong những lời nói (kêu gọi, ra lệnh nổi nhiều cồng chiêng lớn, mở tiệc to mời tất cả mọi người ăn uống vui chơi), Đăm Săn bộc lộ tâm trạng ntn?  - Sức mạnh và vẻ đẹp dũng mãnh của Đăm Săn được miêu tả qua những chi tiết, hình ảnh cụ thể nào? Bút pháp miêu tả được sử dụng là gì? Cách nhìn, cách miêu tả của sử thi có gì đặc biệt?  Yêu cầu hs đọc và học phần ghi nhớ trong sgk. | ***II. Đọc – hiểu***  ***2. Hình tượng Đăm Săn trong cuộc đối thoại, thuyết phục tôi tớ của Mtao Mxây:***  - Gồm 3 nhịp hỏi- đáp.  - Mục đích: Đăm Săn kêu gọi mọi người theo mình cùng xây dựng thành một thị tộc hùng mạnh.  - Đăm Săn để dân làng tự quyết định số phận của mình⭢ lòng khoan dung, đức nhân hậu của chàng.  - Đăm Săn có uy tín lớn với cộng đồng.  🡪Những điều đó đã khiến tôi tớ của Mtao Mxây hoàn toàn bị thuyết phục và tự nguyện đi theo chàng.  **\* *Ý nghĩa của cảnh mọi người nô nức theo Đăm Săn về:***  - Lòng yêu mến, sự tuân phục của tập thể cộng đồng đối với cá nhân người anh hùng.  - Sự thống nhất cao độ giữa quyền lợi, khát vọng của cá nhân người anh hùng và của cộng đồng.  ***3. Hình tượng Đăm Săn trong tiệc mừng chiến thắng:***  ***- Đăm Săn tự bộc lộ qua lời nói với tôi tớ của mình:***  + Niềm vui chiến thắng.  + Tự hào, tự tin vào sức mạnh và sự giàu có của thị tộc mình.  ***- Sức mạnh và vẻ đẹp dũng mãnh của Đăm Săn:***  + Tóc: dài⭢ *hứng tóc là một cái nong hoa*.  + Uống: *ko biết say*; Ăn: *ko biết no*; *Chuyện trò: ko biết chán*.  + Đầu *đội khăn nhiễu*, *vai mang nải hoa*,...  + Bắp đùi: *to bằng cây xà ngang*, *to bằng ống bễ*.  + Nằm *sấp thì gãy rầm sàn, nằm ngửa thì gãy xà dọc*.  ⭢ Vẻ đẹp hình thể: có phần cổ sơ, hoang dã, mộc mạc và hài hoà với thiên nhiên Tây Nguyên.  ⭢ Sức khoẻ: phi phàm, dũng mãnh, oai hùng, *“vốn đã ngang tàng từ trong bụng mẹ”*.  ⭢ Bút pháp lí tưởng hoá và biện pháp tu từ so sánh - phóng đại đã khắc hoạ bức chân dung đẹp, oai hùng, kì vĩ của Đăm Săn.  ⭢ Cách nhìn của tác giả sử thi: đầy ngưỡng mộ, sùng kính, tự hào.  ⭢ Cách miêu tả:  + Sử dụng nhiều hình ảnh so sánh trùng điệp.  + Biện pháp phóng đại.  + Giọng văn trang trọng, hào hùng, tràn đầy cảm hứng ngợi ca, lí tưởng hoá.  ***III. Tổng kết bài học:***  ***1. Nội dung:***  - Những tình cảm cao cả nhất thôi thúc Đăm Săn chiến đấu và chiến thắng kẻ thù: trọng danh dự, gắn bó với hạnh phúc gia đình, thiết tha với cuộc sống bình yên và hạnh phúc của thị tộc.  - Sự thống nhất về lợi ích, vẻ đẹp của người anh hùng và cộng đồng.  ***2. Nghệ thuật:***  - Ngôn ngữ: có vần, nhịp.  - Giọng điệu: trang trọng, chậm rãi.  - Một số biện pháp nghệ thuật đặc sắc: so sánh, phóng đại, liệt kê, trùng điệp. |

**4.Củng cố kiến thức cho học sinh:** GV hệ thống lại nội dung bài học.

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:**

- Học bài.

- Tiếp tục hoàn thiện các bài luyện tập về văn bản

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn:14/9/2020

Tiết 11,12: Đọc văn

**TRUYỆN AN DƯƠNG VƯƠNG VÀ MỴ CHÂU, TRỌNG THỦY**

**(**Truyền thuyết)

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:***

+ Hiểu được bài học giữ nước, nguyên nhân mất nước mà người xưa gửi gắm trong câu chuyện về thành Cổ Loa và mối tình Mị Châu - Trọng Thuỷ ;

+ Nắm được đặc trưng cơ bản của truyền thuyết.

***2. Về kỹ năng***

+ Đọc (kể) diễn cảm truyền thuyết dân gian.

+ Phân tích văn bản truyền thuyết theo đặc trưng thể loại..

***3. Về thái độ:*** Trân trọng tình yêu trong sống, không vụ lợi.

**B. Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

**- GV:** Nghiên cứu sgk, sgv,và các tài liệu tham khảo .

**- HS:** Đọc và soạn bài

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**  Cho HS xem đoạn vi deo ? Đoạn vi deo nhắc tới di tích lịch sử nào? ở đâu?

**3. Bài mới**

***Giới thiệu bài***: Nhà thơ Tố Hữu, trong bài thơ *Tâm sự* đã viết:

*“Tôi kể ngày xưa chuyện Mị Châu,*

*Trái tim lầm chỗ để trên đầu.*

*Nỏ thần vô ý trao tay giặc,*

*Nên nỗi cơ đồ đắm biển sâu.”*

Đó là cách đánh giá của ông về một nhân vật trong truyền thuyết đặc sắc: *Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy*. Trải qua hàng nghìn năm đến nay, câu chuyện ấy vẫn đem lại cho chúng ta những bài học sâu sắc. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về câu chuyện đó.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| Hs đọc phần tiểu dẫn trong sgk.  - Nhắc lại khái niệm về truyền thuyết?  - Các đặc trưng cơ bản của truyền thuyết?  Gv cung cấp cho hs nhận xét của cố thủ tướng Phạm Văn Đồng:*“Những truyền thuyết dân gian thường có một cái lõi là sự thật lịch sử mà nhân dân qua nhiều thế hệ đã lí tưởng hóa, gửi gắm vào đó tâm tình thiết tha của mình cùng với thơ và mộng, chắp đôi cánh của sức tưởng tượng và nghệ thuật dân gian làm nên tác phẩm văn hóa mà đời đời con cháu ưa thích.”*  - Theo em, qmôi trường sinh thành, biến đổi và diễn xướng của truyền thuyết là gì?  **CHO HS XEM VI DEO về di tích Thành Cổ Loa**  ? Em biết gì về di tích Thành Cổ Loa  (Vị trí địa lí, quy mô, thời gian tổ chức lễ hội…)  - Em biết truyền thuyết An Dương Vương và Mị Châu- Trọng Thủy có mấy bản kể?  Yêu cầu hs đọc văn bản.  - Em hãy tìm bố cục của truyện?  - Theo em, chúng ta nên phân tích câu chuyện này theo kiểu phân tích chủ đề hay phân tích nhân vật? Vì sao?  Hs thảo luận trả lời.  Gv hướng hs đến cách phân tích nhân vật.  ? Quá trình xây thành của An Dương Vương được miêu tả ntn? Qua quá trình xây thành làm sáng lên phẩm chất nào của vua ADV?  GV: Đặc trưng của TT biểu hiện ở việc sử dụng yếu tố tưởng tượng thần kì. Qúa trình xây thành của ADVcó các chi tiết thần kỳ nào ý nghĩa ?  - Xây thành xong, khi Rùa Vàng từ biệt, An Dương Vương đã nói gì với Rùa Vàng? Qua đó, em có suy nghĩ gì về An Dương Vương?  - Tại sao An Dương Vương lại dễ dàng chiến thắng kẻ thù xâm lược trong giai đoạn này?  Gv dẫn dắt: Do mắc phải nhiều sai lầm nên An Dương Vương ko mãi đứng trên đỉnh vinh quang của chiến thắng mà đã gặp phải những thất bại cay đắng...  - Nguyên nhân An Dương Vương nhanh chóng thất bại khi Triệu Đà cất quân xâm lược lần 2? Từ sự thất bại đó rút ra bài học lịch sử gì?  GV: Xét cho cùng, ADV thua Triệu Đà không phải vì tài lực kém cỏi, mà thua là ở mưu sâu, kế hiểm. ADV không nhận ra mưu kế thâm độc kẻ thù nên đã tạo điều kiện cho kẻ thù phá hoại từ bên trong. Sức mạnh của nỏ thần, của thành ốc đã hoàn toàn thất bại trước sự thâm độc ấy. (Nhân dân ta khẳng định dứt khoát rằng An Dương Vương và dân tộc Việt mất nước ko do kém cỏi về tài năng mà bởi kẻ thù quá nham hiểm, dùng thủ đoạn hèn hạ (lợi dụng một người con gái ngây thơ, cả tin) và vô nhân đạo (lợi dụng tình yêu nam nữ).  GV: Khi Tr Đà cất quân xâm lược ADV vẫn điềm nhiên chơi cờ ung dung và cười *“Đà ko sợ nỏ thần sao?”* , khi nỏ thần không còn tác dụng, ADV cùng con gái phi ngựa chạy về phương Nam. Khi nghe tiếng thét của Rùa Vàng ADV chợt tỉnh ngộ.  ? Tiếng thét của Rùa vàng có ý nghĩa gì?  ? Trước lời kết tội của Rùa vàng, ADV có những hành động nào?  - Em có suy nghĩ gì về ý nghĩa của chi tiết An Dương Vương theo Rùa Vàng xuống thủy phủ? So sánh với hình ảnh Thánh Gióng bay về trời, em thấy thế nào?  Hs thảo luận, trả lời.  Gv nhận xét, định hướng: Sừng tê bảy tấc là vật quý, kị nước, thần kì; là biểu tượng của quyền lực, sự oai hùng của nhà vua.  An Dương Vương rẽ nước xuống biển khơi là bước vào thế giới vĩnh cửu của thần linh, nơi vị cha già của dân tộc- Lạc Long Quân ngự trị. | ***I. Giới thiệu chung***  ***1. Thể loại truyền thuyết***  ***- Khái niệm:***  Là tác phẩm tự sự dân gian kể về sự kiện và nhân vật lịch sử (có liên quan đến lịch sử) theo xu hướng lí tưởng hóa.  ***- Đặc trưng:***  + Truyền thuyết là thể loại theo sát lịch sử: kể về sự kiện lịch sử và nhân vật lịch sử.  + Phản ánh lịch sử một cách độc đáo: Sự kết hợp yếu tố lịch sử và yếu tố hoang đường, kỳ ảo.  + Hình tượng nghệ thuật có tính chất của thời đại anh hùng.  + Môi trường sinh thành, biến đổi và diễn xướng:Lễ hội và các di tích lịch sử có liên quan.  ***2. Di tích lịch sử Thành Cổ Loa***  - Vị trí:Khu di tích Cổ Loa rộng 500ha, nằm trên địa phận 3 xã Cổ Loa, Dục Tú và Việt Hùng thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội.  - Quy mô: Thành Cổ Loa là toà thành cổ nhất, quy mô và có cấu trúc lớn nhất trong số thành cổ ở nước ta. (Theo dân gian truyền lại, Cổ Loa có 9 vòng thành xoáy trôn ốc, nhưng do chiến tranh và sự phá huỷ của thời gian, Cổ Loa hiện tại chỉ còn 3 vòng thành. Cổ Loa là một khu du lịch nổi tiếng với những công trình độc đáo như giếng Ngọc, đình Cổ Loa, đền thờ An Dương Vương, am Mị Châu…)  - Lễ hội vào ngày mùng 6 tháng giêng (âm lịch).  - Thành Cổ Loa không những là nơi để tham quan, mà còn là nơi để tưởng nhớ về những anh hùng của dân tộc.  ***3.Truyền thuyết An Dương Vương và Mị Châu- Trọng Thủy:***  ***a. Các bản kể:*** 3 bản kể:  + *Truyện Rùa Vàng*- trong *Lĩnh Nam chích quái* (*Những chuyện quái dị ở đất Lĩnh Nam*) do Vũ Quỳnh và Kiều Phú sưu tập, biên soạn bằng chữ Hán vào cuối thế kỉ XV, được Đinh Gia Khánh và Nguyễn Ngọc San dịch.  + *Thục kỉ An Dương Vương*- trong *Thiên Nam ngữ lục*.  + *Mị châu- Trọng Thủy*- truyền thuyết ở vùng Cổ Loa.  ***b. Bố cục:*** 4 đoạn  + Đoạn 1: từ đầu đến “… bèn xin hòa”: An Dương Vương xây thành, chế nỏ và chiến thắng Triệu Đà.  + Đoạn 2: tiếp đến “…sẽ có thể cứu nhau được”: Trọng Thủy lấy cắp lẫy nỏ thần.  + Đoạn 3: “ Trọng Thủy mang lẫy…dẫn vua đi xuống biển”: Triệu Đà lại phát binh xâm lược, An Dương Vương thất bại, chém Mị Châu, theo Rùa Vàng xuống biển.  + Đoạn 4: còn lại: Kết cục bi thảm của Trọng Thủy, hình ảnh ngọc trai- nước giếng.  ***II. Đọc- hiểu***  ***1. Nhân vật An Dương Vương:***  ***a. Qúa trình xây thành, chế nỏ và chiến thắng khi Triệu Đà lần thứ nhất***  ***-* Quá trình xây thành Cổ Loa**  + Thành đắp đến đâu lại lở đến đó.  + Lập đàn cầu đảo bách thần, trai giới.  + Nhờ cụ già mách bảo, sứ Thanh Giang giúp ⭢ xây thành xong trong nửa tháng.  =>Nhận xét:  ⭢ Quá trình xây thành gian nan, khó nhọc cũng giống như quá trình dựng nước.  ⭢ Sự vất vả, kiên trì của nhà vua trong quá trình dựng nước và giữ nước.  ⭢ Ý thức trách nhiệm của nhà vua trong việc dựng nước và giữ nước.  ⭢ Thái độ của nhân dân: ngưỡng mộ, ngợi ca việc xây thành nên đã sáng tạo các chi tiết thần kì.  **- Các chi tiết kì ảo**: Rùa vàng giúp ADV xây thành, chế nỏ bảo vệ đất nước.  ⭢ Ý nghĩa:+ Lí tưởng hóa việc xây thành.  + Thể hiện sự đồng tình ủng hộ của nhân dân đối với công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước của ADV.  + Nét đẹp của truyền thống Việt Nam: cha ông luôn ngầm giúp đỡ con cháu đời sau trong công cuộc dựng nước và giữ nước.    **- Khi Rùa Vàng từ biệt, An Dương Vương**:  + Cảm tạ Rùa Vàng.  + Băn khoăn*“Nếu có giặc ngoài thì lấy gì mà chống?”*  ⭢ Ý thức trách nhiệm cao với đất nước và tinh thần cảnh giác.  **- An Dương Vương chiến thắng quân xâm lược do:**  + Có thành ốc kiên cố.  + Có nỏ thần kì diệu trăm phát trăm trúng.  + Đặc biệt là có tinh thần cảnh giác cao độ.  **b. Bi kịch “nước mất nhà tan” – cơ đồ đắm biển sâu**  **- Nguyên nhân thất bại:**  + Chủ quan, lơ là, mất cảnh giác, ko nhận ra dã tâm nham hiểm của kẻ thù.  + Phạm nhiều sai lầm nghiêm trọng:  ⭢ Nhận lời cầu hoà của Triệu Đà.  ⭢ Nhận lời cầu hôn⭢ cho Trọng Thuỷ ở rể mà ko giám sát, đề phòng.  ⭢ Lơ là việc phòng thủ đất nước, ham hưởng lạc.  ⭢ Chủ quan khinh địch.  🢥Nhận xét: Các sai lầm nghiêm trọng, liên tiếp của An Dương Vương chứng tỏ ông đã tự đánh mất chính mình. Ông ko còn là một vị vua anh minh, oai hùng như thuở trước nữa. Ông đã quá chủ quan, tự mãn, mất cảnh giác cao độ, ko hiểu được kẻ thù, ko lo phòng bị nên đã tự chuốc lấy bại vong.    **-Tiếng thét của Rùa vàng:**  + Rùa Vàng- hiện thân của trí tuệ sáng suốt, là tiếng nói phán quyết mạnh mẽ của cha ông.  + Tiếng thét của Rùa vàng “kẻ nào ngồi sau ngựa chính là giặc đó”: Lời kết tội của công lí, của nhân dân trước hành động phản quốc.  **-Hành động của ADV**:  + “tuốt kiếm chém Mị Châu”: Sự lựa chọn quyết liệt giữa nghĩa nước và tình nhà. Vơi cương vị người đứng đầu đất nước ADV kiên quyết đặt nghĩa nước (cái chung) lên trên tình nhà (cái riêng); đứng trên lập trường của nhân dân trừng trị kẻ có tội.  + An Dương Vương cầm sừng tê bảy tấc theo Rùa Vàng xuống biển⭢ Sự bất tử của An Dương Vương.  ⭢ Lòng kính trọng, biết ơn những công lao to lớn của An Dương Vương của nhân dân ta.  ⭢ So với hình ảnh Thánh Gióng bay về trời, hình ảnh An Dương Vương rẽ nước xuống biển khơi ko rực rỡ, hào hùng bằng. Bởi ông đã để mất nước. Một người, ta phải ngước nhìn ngưỡng vọng. Một người, ta phải cúi xuống thăm thẳm mới thấy ⭢ Thái độ công bằng của nhân dân ta.  - Ý nghĩa những hư cấu nghệ thuật:  + Thể hiện lòng kính trọng của nhân dân đối với thái độ dũng cảm, kiên quyết đặt nghĩa nước (cái chung) lên trên tình nhà (cái riêng) của An Dương Vương.  + Là lời giải thích cho lí do mất nước nhằm xoa dịu nỗi đau mất nước của một dân tộc yêu nước nồng nàn nay lần đầu tiên bị mất nước.  **c.Bài học:**  - Bài học đắt giá về tinh thần cảnh giác với kẻ thù.  - Bài học về cách xử lí đúng đắn mối quan hệ giữa riêng với chung, giữa nhà nước, giữa cá nhân với cộng đồng. |

**4.Củng cố kiến thức cho học sinh**: GV hệ thống lại nội dung bài học.

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:**

Tiếp tục tìm hiểu về các nhân vật: An Dương Vương, Mị Châu và Trọng Thủy.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn:14/9/2020

Tiết 13: Đọc văn

**TRUYỆN AN DƯƠNG VƯƠNG VÀ MỴ CHÂU, TRỌNG THỦY**

**(**Truyền thuyết)

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:***

+ Hiểu được bài học giữ nước, nguyên nhân mất nước mà người xưa gửi gắm trong câu chuyện về thành Cổ Loa và mối tình Mị Châu - Trọng Thuỷ ;

+ Nắm được đặc trưng cơ bản của truyền thuyết.

***2. Về kỹ năng***

+ Đọc (kể) diễn cảm truyền thuyết dân gian.

+ Phân tích văn bản truyền thuyết theo đặc trưng thể loại..

***3. Về thái độ:*** Trân trọng tình yêu trong sống, không vụ lợi.

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

**- GV:** Nghiên cứu sgk, sgv,và các tài liệu tham khảo .

**- HS:** Đọc và soạn bài

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức lớp**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**  ? Thế nào là TT? Đặc điểm của TT?

**3. Bài mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ? Mị Châu đã có những hành động nào? Qua đó nàng là người ntn? Nhận xét gì về hành động của MC?  GỢI Ý:  + Em đánh giá ntn về chi tiết Mị Châu lén đưa cho Trọng Thủy xem nỏ thần?  + Mị Châu làm vậy là chỉ thuận theo tình cảm vợ chồng mà bỏ quên nghĩa vụ với đất nước?  + Mị Châu làm theo ý chồng là lẽ tự nhiên, hợp đạo lí?  Hs thảo luận, phát biểu.  Gv định hướng hs hiểu theo nghĩa thứ nhất.  ? Thái độ và tình cảm của nhân dân đối với Mị Châu qua những chi tiết hư cấu tưởng tượng: máu nàng hoá thành ngọc trai, xác nàng hoá thành ngọc thạch?  - Người xưa nhắn gửi bài học gì đến thế hệ trẻ qua nhân vật Mị Châu?  Gv nêu các ý kiến đánh giá về nhân vật Trọng Thủy cho hs thảo luận:  + Trọng Thủy là một tên gián điệp nguy hiểm, một người chồng nặng tình với vợ?  + Trọng Thủy là nhân vật truyền thuyết với mâu thuẫn phức tạp: giữa nghĩa vụ và tình cảm, vừa là thủ phạm vừa là nạn nhân?  + Trọng Thủy là một người con bất hiếu, một người chồng lừa dối, một người con rể phản bội- kẻ thù của nhân dân Âu Lạc?  - Ý kiến nào khái quát, xác đáng nhất về nhân vật này?  Hs thảo luận, trả lời.  Gv nhận xét, định hướng hs hiểu thao cách 2.  - Chi tiết *ngọc trai- giếng nước* có phải để khẳng định tình yêu chung thủy của Trọng Thủy hay ko? Vì sao?  Hs đọc phần ghi nhớ-Sgk.  - Nêu nhận xét, đánh giá về đặc sắc nội dung và nghệ thuật của tác phẩm | ***II. Đọc – hiểu***  ***1.***  ***2. Nhân vật Mị Châu:***  **- Hành động:**  + Lén đưa cho Trọng Thủy xem nỏ thần: thuận theo tình cảm vợ chồng mà bỏ quên nghĩa vụ với đất nước. Bởi: Nỏ thần thuộc về tài sản quốc gia, là bí mật quân sự ->vi phạm vào nguyên tắc của bề tôi với vua cha và đất nước.  + Mất cảnh giác trước những lời chia tay đầy ẩn ý của Trọng Thủy⭢ Ko hiểu được những ẩn ý trong lời từ biệt của Trọng Thủy: chiến tranh sẽ xảy ra.  + Đánh dấu lông ngỗng, chỉ đường cho TT tìm theo: chỉ nghĩ đến hạnh phúc cá nhân, mù quáng vì yêu.  => Nhận xét:  + Mị Châu cả tin, ngây thơ đến mức khờ khạo  + Có phần đáng thương, đáng cảm thông: Những sai lầm, tội lỗi đều xuất phát từ sự vô tình, tính ngây thơ, nhẹ dạ, cả tin đến mức mù quáng, đặt tình cảm lên trên lí trí, thực sự bị *“người lừa dối”*.  - **Các chi tiết hư cấu**:+ máu Mị Châu⭢ ngọc trai.  + xác Mị Châu⭢ ngọc thạch.  ⭢ Sự an ủi, chứng thực cho lời khấn nguyện của Mị Châu trước khi bị cha chém.  **- Bài học:**  + Cần đặt cái chung lên trên cái riêng, đặt lợi ích của quốc gia, dân tộc lên trên quyền lợi của cá nhân, gia đình.  + Biết cảm xúc bằng lí trí, suy nghĩ bằng trái tim- giải quyết mối quan hệ giữa lí trí và tình cảm đúng mực.  ***3. Nhân vật Trọng Thủy:***  - Cuộc hôn nhân giữa Trọng Thủy- Mị Châu là một cuộc hôn nhân mang mục đích chính trị: Triệu Đà giả cầu hoà, cầu thân để điều tra bí mật quân sự, đánh cắp lẫy nỏ thần ⭢ Trọng Thủy đóng vai trò của một tên gián điệp.  - Thời kì đầu ⭢ Trọng Thủy đơn thuần đóng vai trò của một tên gián điệp theo lệnh vua cha sang làm rể An Dương Vương để điều tra bí mật quân sự, tìm cơ hội đánh tráo lẫy nỏ thần.  - Thời gian ở Loa Thành⭢ y ko quên nhiệm vụ gián điệp ⭢ lợi dụng, lừa gạt được Mị Châu, thực hiện được mục đích.  - Có thể trong thời gian chung sống, Trọng Thủy đã nảy sinh tình cảm thực sự với Mị Châu ⭢ để lộ những sơ hở trong lời tiễn biệt ⭢ ngầm báo trước một cuộc chiến tranh khó tránh khỏi và bộc lộ tình cảm có phần chân thành với Mị Châu. Nhưng y vẫn trở về, hoàn thành bổn phận với Triệu Đà.  - Khi đuổi kịp cha con An Dương Vương, Mị Châu đã chết ⭢ Trọng Thủy ôm xác vợ khóc lóc, thương nhớ rồi tự tử.  - Cái chết của y cho thấy sự bế tắc, ân hận muộn màng.  ⭢ Nhận xét:  + Trọng Thủy là nhân vật truyền thuyết với mâu thuẫn phức tạp: nghĩa vụ 🢖🢔 tình cảm, thủ phạm 🢖🢔 nạn nhân.  + Là một tên gián điệp đội nốt con rể-kẻ thù của nhân dân Âu Lạc (thủ phạm).  + Là nạn nhân của chính người cha đẻ đầy tham vọng xấu xa.  - Chi tiết ngọc trai- giếng nước:  + Ko khẳng định tình yêu chung thủy của Trọng Thủy- Mị Châu.  + Minh oan, chiêu tuyết cho Mị Châu.  + Chứng nhận cho mong muốn hóa giải tội lỗi của Trọng Thủy, có thể y đã tìm được sự hóa giải trong tình cảm của Mị Châu nơi thế giới bên kia...  + Cho thấy lòng nhân hậu, bao dung của nhân dân ta.  ***III. Tổng kết bài học:***  ***1. Giá trị nội dung:***  - Truyền thuyết An Dương Vương và Mị Châu là một cách giải thích nguyên nhân việc mất nước Âu Lạc.  - Nó còn đem lại những bài học quý: bài học về tinh thần cảnh giác với kẻ thù; cách xử lí đứng đắn mối quan hệ giữa cái riêng- cái chung, giữa nhà- nước, giữa cá nhân- cộng đồng, giữa tình cảm- lí trí.  ***2.Giá trị nghệ thuật:***  + Có sự hoà quyện giữa yếu tố lịch sử- yếu tố thần kì.  + Kết hợp bi- hùng, xây dựng được những hình ảnh giàu chất tư tưởng- thẩm mĩ, có sống lâu bền.  + Thời gian nghệ thuật: quá khứ- xác định.  + Kết cấu: trực tuyến- theo trật tự thời gian.  + Gắn với các di tích vật chất, di tích lịch sử, lễ hội. |

**4.Củng cố kiến thức cho học sinh**: GV hệ thống lại nội dung bài học.

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:**

- Học bài.

- Tiếp tục hoàn thiện các bài luyện tập .

- Đọc trước bài: Lập dàn ý cho bài văn tự sự.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Ngày soạn:…./9/2020

**Tiết 14,15: Đọc văn**

**TẤM CÁM (t1)**

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:***

+ Hiểu được ý nghĩa của những mâu thuẫn, xung đột trong truyện và sự biến hoá của Tấm ;

+ Nắm được đặc trưng cơ bản của truyện cổ tích thần kì qua một truyện cụ thể.

***2. Về kỹ năng****:*

+ Tóm tắt văn bản tự sự.

+ Phân tích một truyện cổ tích thần kì theo đặc trưng thể loại.

***3. Về thái độ:*** Học tập nghiêm túc

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt tp, Soạn bài

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ.**

**CH:** Phân tích hình tượng nhân vật Ra –ma và lời thanh minh của Xi-ta trong đoạn trích Ra-ma buộc tội?

**3. Bài mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ? Trình bày hiểu biết của em về thể loại TCT?  ? TCT thần kỳ có những đặc trưng gì?   * Đối tượng? * Nhân vật? * Kết cấu? * Nội dung?......   ? Truyện Tấm Cám thuộc thể loại TCT nào? Bố cục ra sao?  GV: Bố cục của TCT thần kỳ thường có 2 phần: Phần 1: nói về cuộc đời bất hạnh của nhân vật chính. Phần 2: ước mơ hạnh phúc. Truyện Tấm Cám có thêm phần 3 để giải quyết triệt để mâu thuẫn giữa Thiện và Ác. Vì thế chunngs ta sẽ đọc hiểu truyện theo 2 nội dung:  1.Thân phận bất hạnh và ước mơ của Tấm.  2.Cuộc đấu tranh không khoan nhượng để giành lại hạnh phúc của Tấm  **HS đọc đoạn 1**  *? Nhân vật Tấm được giới thiệu ntn? Ý nghĩa?*  GV: TCT thường mở đầu bằng cách giới thiệu nhân vật chính, truyện Tấm Cám, nhân vật Tấm được giới thiệu trực tiếp trong sự đối lập với nhân vật Cám.  GV: Tấm và Cám là 2 chị em trong cùng 1 gia đình, nhưng hoàn cảnh sống lại hoàn toàn khác nhau. Khi Cám đc ăn sung mặc sướng thì Tấm làm quật quật cả ngày lẫn đêm. Tấm đã bị dì ghẻ đối xử không công bằng. Tác giả dân gian còn làm rõ hơn sự bất hạnh của Tấm để làm rõ mâu thuẫn truyện ở phần tiếp theo.    ?Thân phận bất hạnh của Tấm thể hiện qua những chi tiết nào để dẫn đến xung đột giữa mạ con Cám và Tấm? ý nghĩa các chi tiết đó?  -Lấy mất giỏ tép -> mất chiếc yếm đỏ (vật có giá trị tinh thần lớn, là y phục, là trang sức mà người con gái ngày xưa khao khát).  -Bị mẹ con Cám giết thịt cá bống (người bạn tâm tình mà Tấm ko những nuôi dưỡng bằng phần cơm của chính mình mà còn bằng biết bao tình thương mến nên bát cơm nàng dành cho bống mới là cơm vàng, cơm bạc bởi hơi ấm tình người quý báu như vàng như bạc; niềm an ủi, hi vọng của Tấm).  - ko được đi xem hội như bao người khác (mụ dì ghẻ bắt Tấm làm 1 việc vô nghĩa – nhặt thóc ra thóc, gạo ra gạo mà mụ đã trộn lẫn- với dụng ý đọa đày; thậm chí hành động đó còn mang tính chất độc ác, đáng sợ là mụ đã tính toán dù Tấm có giỏi nhặt đi nữa thì nhặt xong cũng chẳng còn hội mà đi nữa)  - Bị khinh miệt khi thử giày.  => Mẹ con Cám tàn nhẫn, ác độc luôn tìm mọi cách hành hạ Tấm. Còn Tấm bị mẹ con Cám đày đọa, ngược đãi cả vật chất lẫn tinh thần.  GV: Cách đối xử và hành động của mẹ con Cám, đặc biệt của dig ghẻ thật đúng như lời ca dao đã đúc kết: “Mấy đời bánh đúc có xương/ Mấy đời dì ghẻ lại thg con chồng”. Chính sự bóc lột tàn nhẫn ấy đã tạo ra mâu thuẫn của truyện.  ? Truyện đã phản ánh những mâu thuẫn nào?  GV: Tấm là người lao động lương thiện, người thấp cổ bé họng – đại diện cho cái Thiện. Mẹ con Cám xấu xa, độc ác – đại diện cho cái ác, cái xấu trong XH. Vậy từ mâu thuẫn gđ đã đẩy lên thành mâu thuẫn XH.  GV: Truyện cổ tích thần kỳ thường kể về những con người bình thường để thể hiện tinh thần lạc quan của nhân dân lao động. Trong cuộc sống, khi gặp mâu thuẫn chúng ta sẽ tìm cách giải quyết, khi gặp đau khổ bất hạnh chúng ta thường có ước mơ. Tấm cũng vậy, khi bị mẹ con Cám chèn ép, hành hạ tác giả dân gian đã không để cho Tấm phải chịu mãi cảnh đời bất hạnh mà trả lại cho Tấm cuộc sống hạnh phúc, để cho Tấm ước mơ về niềm hạnh phúc của mình. Đó là cách giải quyết mâu thuẫn của truyện. Vậy ước mơ để tìm hp của Tấm diễn ra ntn chúng ta cùng tìm hiểu phần b.  GV Chia lớp thành 2 nhóm, cho HS thảo luận   * Nhóm 1: Trình bày ngắn gọn hoàn cảnh Tấm phải khóc? * Nhóm 2: Nêu những chi tiết về việc Bụt giúp đỡ Tấm? dụng ý của tác giả dân gian khi đưa những chi tiết đó vào tác phẩm?   HS suy nghĩ, đại diện trình bày  GV nhận xét.  GV: Mỗi lần bị đày đọa Tấm đều khóc. Đó là phản ứng tự nhiên của một con người yếu đuối, thụ động vì bất lực trước những trớ trêu của phận mình, tiếng khóc của con người đáng thương, đáng được giúp đỡ.  GV: NV Ông Bụt với lòng nhân từ và khả năng thần kì đã góp phần tạo nên hương vị riêng của truyện cổ tích.  ? ước mơ hạnh phúc của Tấm được thực hiện, điều đó có ý nghĩa gì?  ?Các yếu tố thần kỳ? vai trò?  ?Ở nhân vật Tấm, có những phẩm chất nào để chúng ta học tập?  Phẩm chất của Tấm: hay lam, hay làm, chịu thương chịu khó, nết na, thùy mị,giàu lòng yêu thương và vị tha tất cả thể hiện qua cách ứng xử của Tấm:  **-Với Cám:** Tấm phải vất vả làm lụng, cám “ăn sung mặc sướng”, bị Cám giành mất chiếc yếm đỏ, Tấm không ghanh tị, trách móc mà luôn nhường nhịn em.  **-Với dì ghẻ:** Bị hành hạ nhưngTấm vẫn giữ đạo làm con.  - Với cá bống: nhường phần cơm, chăm sóc tạn tình | **I/ Giới thiệu chung**  **1/ Thể loại truyện cổ tích**  **a/ Khái niệm: SGK.**  **b/ Phân loại: SGK**  **c/ Đặc trưng truyện cổ tích thần kì**  - Có sự tham gia của các yếu tố thần kì:  + Nhân vật thần kì: Tiên, Bụt, vua Thủy Tề, Diêm Vương, Ngọc Hoàng,...  + Những vật, con vật thần kì: đàn thần, sách ước, nước thần,...; chim thần, trăn tinh,...  + Sự biến hoá thần kì: vật⭢ người (Sọ Dừa), người- vật- người (cô Tấm),...  - Đối tượng: Con người nhỏ bé trong xã hội (xây dựng kiểu nhân vật bất hạnh, mồ côi, con riêng, em út…)  - Nhân vật:  + Gồm 3 kiểu nhân vật chính: nhân vật chính diện (phe thiện), nhân vật phản diện (phe ác) và các nhân vật (sự vật) có tác dụng thần kì.  + Thường là nhân vật chức năng (thực hiện một chức năng nhất định như Thần, Tiên, Bụt,...)  + Thường là nhân vật loại hình (tính cách, phẩm chất ko biến đổi).  - Kết cấu phổ biến: 3 phần.  + Giới thiệu nhân vật chính diện (thường là những người nghèo khổ, bất hạnh).  + Nhân vật chính diện gặp nạn (trải qua thử thách) được lực lượng thần kì giúp đỡ.  + Kết thúc: nhân vật chính diện được hưởng hạnh phúc, kẻ ác bị trừng trị. (có hậu)  - Nội dung:  + Phản ánh mâu thuẫn, xung đột gia đình, xã hội qua đó thể hiện cuộc đấu tranh giữa cái thiện- cái ác.  + Đề cao cái thiện, nêu gương đạo đức tốt đẹp giáo dục con người.  + Thể hiện ước mơ cháy bỏng của nhân dân lao động về hạnh phúc gia đình, lẽ công bằng xã hội, về phẩm chất và năng lực tuyệt vời của con người.  + Thể hiện tinh thần lạc quan, yêu đời của nhân dân lao động.  **2/ Văn bản “TẤM CÁM”:**  - Thể loại: Truyện cổ tích thần kì.  - Được phổ biến ở nhiều dân tộc khác nhau trên thế giới.  - Tóm tắt - Bố cục:  + Mở truyện: “Ngày xưa … việc nặng”: giới thiệu các nhân vật chính và hoàn cảnh truyện.  + Thân truyện: “Một hôm … về cung”: diễn biến câu chuyện:  `Tấm ở với gì ghẻ và Cám đến khi trở thành hoàng hậu  `Tấm bị giết và hóa thân.  + Kết truyện: còn lại: Tấm trả thù mẹ con Cám.  **II. Đọc – hiểu:**  **1.Thân phận bất hạnh và ước mơ của Tấm.**  ***a. Thân phận bất hạnh của Tấm***  - Giới thiệu nhân vật:   |  |  | | --- | --- | | **TẤM** | **CÁM** | | * Mồ côi cha mẹ. * Sống với mẹ kế và đứa em cùng cha. * - Làm lụng vất vả suốt ngày đêm. | -Được mẹ nuông chiều.  - ăn trắng mặc trơn  - Suốt ngày quanh quẩn ở nhà, không phải làm việc nặng. |   => Cách giới thiệu gây ấn tượng về thân phận bất hạnh, khổ đau, tội nghiệp của Tấm.  -Thân phận bất hạnh của Tấm  + Mồ côi, ở với dì ghẻ cay nghiệt, phải làm lụng quần quật suốt ngày đêm.  + Tấm bắt được đầy giỏ tép Cám lừa trút hết tép để nhận phần thưởng là chiếc yếm đỏ.  + Tấm nuôi cá bống Mẹ con Cám lừa gạt và giết cá bống.  + Tấm muốn đi xem hội, dì ghẻ trộn thóc lẫn gạo và bắt Tấm ngồi nhà nhặt.  + Tấm thử giày, dì ghẻ bĩu môi, khinh miệt  =>Thân phận bất hạnh, đáng thương, bị cướp đoạt từ công sức lao động đến những khát khao nhỏ bé.  -Mâu thuẫn của truyện:  + Mẫu thuẫn gia đình:  Tấm >< Cám ( chị em cùng cha khác mẹ)  Tấm >< dì ghẻ (dì ghẻ - con chồng)  + Mâu thuẫn xã hội:  Thiện >< ác  Người bị áp bức >< kẻ áp bức  **b. ước mơ hạnh phúc của Tấm**   * **Tấm khóc:**   +Mất giỏ tép  +Mất cá bống  +Không được đi xem hội  +Không có quần áo đẹp để đi xem hội   * Ý nghĩa:   + Không bằng lòng với thực tại  + Khi bị ngược đãi, đày đọa  + Muốn cuộc sống tốt đẹp hơn  **-Bụt xuất hiện giúp Tấm:**  + Nuôi cá bống  + Lấy xương cá bống bỏ vào bốn cái lọ, chôn ở bốn chân giường  + Nhặt thóc – gạo  + Có đồ đẹp đi xem hội  + Được làm hoàng hậu  => Bụt giúp Tấm thực hiện ước mơ đổi thay, đem lại hạnh phúc cho Tấm.(yếu tố thần kỳ)  \*Tóm lại: Sự chuyển biến của Tấm từ thân phận khổ đau đến cuộc sống hạnh phúc thể hiện:  + Là phần thưởng cao nhất,xứng đáng mà nhân dân lao động dành cho cô Tấm thảo hiền chịu nhiều thiệt thòi, bất hạnh.  + Thể hiện ước mơ đổi đời.  + Triết lí sống “ở hiền gặp lành”, nhân dân muốn và tin rằng hạnh phúc thực sự sẽ đến với những con người lương thiện, hiền lành, chăm chỉ.  **c. Vai trò của yếu tố thần kì**  – Yếu tố thần kì => sự trợ giúp của Bụt:  + Luôn xuất hiện đúng lúc.  + An ủi, nâng đỡ mỗi khi Tấm gặp khó khăn hay đau khổ.  – Vai trò:  + Thúc đẩy sự phát triển của cốt truyện.  + Thể hiện khát vọng thay đổi cuộc đời, thay đổi số phận cho những con người bé nhỏ, bất hạnh trong xã hội.  + Biểu hiện cho triết lí ở hiền gặp lành.  **c. Bài học**  Sự giao tiếp, ứng xử tốt đẹp trong gia đình: Phải luôn giữ đạo làm con, biết yêu thương, nhường nhịn. |

**4.Củng cố kiến thức cho học sinh:** GV hệ thống lại nội dung bài học.

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:** Học bài, soạn tiết 2

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Ngày soạn:…./9/2020

**Tiết 16: Đọc văn**

**TẤM CÁM (T2)**

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:***

+ Hiểu được ý nghĩa của những mâu thuẫn, xung đột trong truyện và sự biến hoá của Tấm ;

+ Nắm được đặc trưng cơ bản của truyện cổ tích thần kì qua một truyện cụ thể.

***2. Về kỹ năng****:*

+ Tóm tắt văn bản tự sự.

+ Phân tích một truyện cổ tích thần kì theo đặc trưng thể loại.

***3. Về thái độ:*** Học tập nghiêm túc

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt tp, Soạn bài

**D. Tiến trình dạy học**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

**2. Kiểm tra bài cũ.**

CH: Trình bày đặc trưng của TCT thần kỳ?

CH2: Trình bày thân phận và ước mơ của nhân vật Tấm.

**3. Bài mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| GV: Mẹ con Cám: Tìm đủ mọi cách độc ác hòng tiêu diệt Tấm, chiếm ngôi hoàng hậu, hưởng vinh hoa phú quý.  ? Tấm trải qua những hình thức hóa thân nào? Thái độ, hành động của Tấm ntn khi ở trong những hình thức hóa thân?  - Sau mỗi lần Tấm bị giết, em có thấy tác giả dân gian miêu tả tiếng khóc của Tấm như trước ko? Bốn lần hóa thân của Tấm nói lên điều biến đổi gì trong tính cách, sức sống của nhân vật?  - Vai trò của các yếu tố thần kì (chim vàng anh, cây xoan đào, khung cửi, quả thị) trong quá trình biến hóa của Tấm  - Nếu đôi giày là vật trao duyên thì cái gì là vật nối duyên? Vì sao?  - Trước những hành động độc ác của Cám, Vua đều ko nói gì. Em có suy nghĩ gì về nhân vật này?  Gv nêu vấn đề để hs tranh luận: Đánh giá việc Tấm trả thù mẹ con Cám, có hai luồng ý kiến:  - Đồng tình với cách trả thù của Tấm, cho như thế là hợp lí, đích đáng.  - Ko đồng tình, cho rằng cách trả thù như thế trái với bản chất hiền hậu của Tấm, làm giảm vẻ đẹp của nhân vật khiến Tấm trở nên hẹp hòi, tàn nhẫn (ko như kết thúc truyện Thạch Sanh).  - Ý kiến của em?  ? Từ câu chuyện em rút ra bài học gì cho bản thân? Qua đó phản ánh ước mơ gì của nhân dân?    - Đánh giá về giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện cổ tích Tấm Cám?  Yêu cầu hs đọc và học phần ghi nhớ (sgk) | **I.**  **II. Đọc – hiểu**  **1.Thân phận và ước mơ của Tấm**  **2. Cuộc đấu tranh không khoan nhượng để giành lại hạnh phúc của Tấm**  **- Những lần hóa thân của Tấm:** 4 lần bị giết ⭢ 4 lần hóa thân.  - Dì ghẻ chặt gốc cau giết Tấm.  👉 Lần 1: vàng anh  ⭢ bay vào tay áo, quyến luyến bên Vua.  ⭢ tố cáo tội ác giết chị, cướp chồng của Cám ( Giặt áo chồng tao phơi lao phơi sào,chớ phơi bờ rào, rách áo chồng tao)  👉 Lần 2: cây xoan đào ⭢ vươn cành tỏa bóng mát che cho Vua.  👉 Lần 3: khung cửi ⭢ rủa mắng Cám (Lấy tranh chồng chị, chị khoét mắt ra)  👉 Lần 4: quả thị thơm ⭢ trở lại làm người, xinh đẹp hơn xưa.  -**Ý nghĩa:**  + Khẳng định sự bất diệt của cái thiện. Cái thiện không chịu chết một cách oan ức trong im lặng, không chịu khuất phục trước cái ác.  + Nếu như lúc đầu, trong quá trình tìm đến hạnh phúc, Tấm có phần thụ động, thì đến đây, Tấm đã mạnh mẽ đứng dậy, chủ động, quyết liệt giành lại hạnh phúc cho mình-> hạnh phúc ở ngay chính cuộc sống mỗi con người, phải nắm bắt, đấu tranh để có hạnh phúc.  + Bốn lần bị giết, Tấm đều tìm cách hoá thân sang kiếp khác và đấu tranh quyết liệt với kẻ thù, tìm cách rủa mắng, tố cáo tội ác giết chị, cướp chồng của Cám.Tấm có một sức sống mãnh liệt.-> sức sống mãnh liệu của con người  + Những sự vật mà Tấm hóa thân đều là những sự vật bình dị, thân thương, gắn bó với người dân lao động. Đó cũng là những hình ảnh đẹp đẽ của làng quê Việt Nam xưa.  + Sau bao lần hóa thân chống lại kẻ thù, Tấm trở về với cuộc đời, trong vai một người con gái khéo léo, đảm đang, nhân hậu -> tấm lòng nhân hậu của nd.  **- Vai trò của các yếu tố thần kì** (hóa thân thành những vật quen thuộc) trong quá trình biến hóa của Tấm:  + Làm cho cốt truyện phát triển sinh động.  + Là những vật Tấm gửi linh hồn để trở về đấu tranh quyết liệt, triệt để với cái ác giành lại hạnh phúc.  + Sức sống mãnh liệt, sự trỗi dậy mạnh mẽ của nhân vật.  + Thể hiện quan niệm luân hồi của đạo Phật nhào nặn qua lí tưởng, thể hiện ước mơ công lí, tinh thần lạc quan, tin tưởng vào lẽ tất thắng của cái thiện của nhân dân lao động.  -**Hình ảnh đôi giày và miếng trầu**:  + Đôi giày ⭢ vật trao duyên.  + Miếng trầu: Vật nối duyên: miếng trầu têm cánh phượng.⭢ Sự khéo léo, đảm đang của người vợ hiền.  ⭢ Là hình ảnh quen thuộc trong đời sống văn hóa, gắn với phong tục hôn nhân của người Việt: nhận trầu ăn trầu làgiao ước kết đôi.  + *Miếng trầu nên dâu nhà người.*  *+ Miếng trầu ăn ngọt như đường*  *Đã ăn lấy của phải thương lấy người.*  Miếng trầu có ý nghĩa giao duyên ko thể ko có mặt trong sự hội ngộ của Vua và Tấm. Nó cũng thể hiện bản sắc văn hóa riêng, mang đậm dấu ấn dân tộc Việt, tôn thêm giá trị nhân văn của tác phẩm.  - Ông Vua: Trước những hành động độc ác của Cám, Vua đều ko nói gì⭢ hoàn toàn như người ngoài cuộc.  ⭢ Việc lấy vua chỉ như một phần thưởng, mơ ước của nhân dân cho người con gái hiền thảo, chịu nhiều khổ đau và kiên cường đấu tranh vì hạnh phúc của mình.  ⭢ Vua hiền lành và xa vời như ông Bụt.  ***-Tấm Trả thù- trừng trị kẻ thù độc ác, giành lại hạnh phúc trọn vẹn nơi trần thế.***  Việc trả thù quyết liệt của Tấm:  + Phù hợp với quá trình chuyển biến tính cách nhân vật: từ yếu đuối, thụ động chấp nhận đã trở nên mạnh mẽ, quyết liệt hơn, kiên cường đấu tranh đến cùng cho hạnh phúc của mình.  + Thể hiện quan niệm về thiện- ác, ước mơ công lí, tinh thần lạc quan, tin tưởng vào lẽ tất thắng của chính nghĩa, của cái thiện của nhân dân.  **3.Bài học và ước mơ của nhân dân lao động.**  **a) Bài học:**  - Phải tự mình bảo vệ hạnh phúc của mình.  - Không tìm hạnh phúc ở cõi nào khác mà tìm ngay ở cõi đời này.  **b) Ước mơ:**  - Ước mơ được đổi đời của những người lao động nghèo khổ.  - Ước mơ về sự công bằng trong xã hội.  ***III. Tổng kết bài học:***  ***1. Nội dung:***  - Sự biến hoá của Tấm đã thể hiện sức sống, sức trỗi dậy mãnh liệt của con ngưòi trước sự vùi dập của kẻ ác. Đó là sức mạnh của cái thiện thắng cái ác qua cuộc đấu tranh ko khoan nhượng.  - Mâu thuẫn và xung đột trong truyện phản ánh mâu thuẫn và xung dột trong gia đình phụ quyền thời cổ, mâu thuẫn xã hội thiện- ác.  ***2. Nghệ thuật:***  - Các yếu tố thần kì khiến câu chuyện li kì, hấp dẫn.  - Khắc họa sự chuyển biến tính cách của nhân vật Tấm từ yếu đuối, thụ động đến kiên quyết đấu tranh giành lại sự sống và hạnh phúc của mình. |

**4.Củng cố kiến thức cho học sinh:** Nắm được thể loại truyện cổ tích, nắm được cuộc đấu tranh giữa Tấm và mẹ con Cám là cuộc đấu tranh giữa thiện và ác.Nhận biết được ước mơ của nhân dân qua những yếu tố kì ảo và cách kết thúc có hậu.

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:** Tìm các chi tiết tiêu biểu trong 3 tp truyện dân gian đã học

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Ngày soạn:…./9/2020

**Tiết 17:Làm văn**

**CHỌN SỰ VIỆC, CHI TIẾT TIÊU BIỂU TRONG BÀI VĂN TỰ SỰ**

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:*** Biết chọn sự việc, chi tiết tiêu biểu để viết bài văn tự sự.

***2. Về kỹ năng****:* Rèn kĩ năng viết văn tự sự

***3. Về thái độ:*** Có ý thức và thái độ tích cực phát hiện, ghi nhận những sự việc, chi tiết xảy ra trong tác phẩm để viết một văn bản tự sự.

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ.**

Câu hỏi: Tóm tắt sử thi Ra-ma-ya-na? Nêu vẻ đẹp của nhân vật Ra-ma và Xi-ta qua đoạn trích Ra-ma buộc tội?

**3. Bài mới:**

***Giới thiệu bài***: Để thể hiện thái độ, tình cảm của mình, người viết (nói) thường có 2 cách: bộc lộ trực tiếp hoặc gián tiếp qua việc trình bày các sự việc, chi tiết. Cách bộc lộ gián tiếp thường được sử dụng trong bài văn tự sự. Trong thực tế cũng như khi viết văn, ko phải bất cứ sự việc, chi tiết nào cũng giúp người viết bộc lộ tình cảm, thái độ một cách sâu sắc và có hiệu quả như nhau. Vì thế cần phải lựa chọn được các sự việc, chi tiết phù hợp, tiêu biểu. Bài học hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu về vấn đề này.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| Hs đọc sgk và trả lời các câu hỏi:  - Thế nào là tự sự?  - Thế nào là sự việc? Sự việc tiêu biểu là gì?  - Thế nào là chi tiết? Chi tiết tiêu biểu là gì?  Gv yêu cầu, hướng dẫn hs áp dụng các vấn đề lí thuyết này vào văn bản đoạn trích Ra-ma buộc tội để chỉ ra các sự việc, chi tiết và chi tiết tiêu biểu.  Hs đọc và trả lời các câu hỏi trong sgk:  a. Tác giả dân gian kể chuyện gì?(Về tình cha con? Về tình vợ chồng chung thủy? Về công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước của ông cha ta xưa?).  b. Theo anh (chị) có thể coi sự việc Trọng Thủy chia tay với Mị Châu, chi tiết lời than phiền của Trọng Thủy, chi tiết lời đáp của Mị Châu có phải là sự việc, chi tiết tiêu biểu ko? Vì sao?  Hs đọc yêu cầu của đề.  Gv hướng dẫn hs xác định các sự việc chính trong câu chuyện tưởng tượng này. Yêu cầu hs lựa chọn các chi tiết tiêu biểu làm rõ sự việc:  Gợi mở:  - Số phận của Tấm?  - Cuộc đấu tranh của Tấm?  - Con đường trở thành Hoàng hậu?  - Từ các VD trên, anh (chị) hãy nêu cách chọn sự việc, chi tiết tiêu biểu trong bài văn tự sự?  Yêu cầu hs đọc lựa chọn những sự việc và những chi tiết trong đoạn trích | ***I. Khái niệm:***  ***1. Tự sự:***  Là phương thức trình bày một chuỗi các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến một kết thúc, thể hiện một ý nghĩa.  ***2. Sự việc:***  - Là cái xảy ra được nhận thức có ranh giới rõ ràng, phân biệt với những cái xảy ra khác.  - Trong văn bản tự sự, mỗi sự việc được diễn tả bằng lời nói, cử chỉ, hành động của nhân vật trong quan hệ với nhân vật khác.  - Sự việc tiêu biểu: là những sự việc quan trọng góp phần hình thành cốt truyện.  - Mỗi sự việc bao gồm nhiều chi tiết.  ***3. Chi tiết:***  - Chi tiết:+ Là tiểu tiết của tác phẩm mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng.  + Có thể là một lời nói, một cử chỉ và một hành động của nhân vật hoặc một sự vật, một hình ảnh thiên nhiên, một nét chân dung.  - Chi tiết tiêu biểu: Là chi tiết tập trung thể hiện rõ nét sự việc tiêu biểu.  ***II. Cách chọn sự việc, chi tiết tiêu biểu:***  ***1. Văn bản truyện An Dương Vương và Mị Châu- Trọng Thủy:***  a. Nội dung văn bản: Công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước của ông cha ta xưa.  ⭢ Trong câu chuyện ấy, có cả chuyện về tình cha con, tình vợ chồng, số phận của mỗi con người, số phận của tình yêu,...  b. Đó là sự việc và các chi tiết tiêu biểu. Vì chúng đều mở ra bước ngoặt, tình tiết mới cho câu chuyện.  Nếu thiếu chúng, câu chuyện sẽ dừng lại ở việc Triệu Đà cất quân sang đánh Âu Lạc và giành thắng lợi. Nó ko thể có sự việc Trọng Thủy tìm theo dấu tích của Mị Châu, dằn vặt, hối hận muộn màng, tự vẫn ở giếng Loa Thành, chi tiết ngọc trai, giếng nước. Như vậy, câu chuyện sẽ ko phản ánh bi kịch tình yêu của Mị Châu- Trọng Thủy và thái độ của nhân dân với 2 nhân vật đó khiến câu chuyện kém hấp dẫn hơn.  ***2. Câu chuyện : Tấm Cám***  - Sự việc:  - Các chi tiết:  ***3. Cách chọn sự việc, chi tiết tiêu biểu trong bài văn tự sự:***  Các bước:  - Xác định đề tài, chủ đề câu chuyện.  - Dự kiến cốt truyện (Các sự việc tiêu biểu).  - Triển khai các sự việc bằng các chi tiết.  ***III. Luyện tập:***  ***1. Đoạn trích “Chiến thắng Mtao – Mxây***  a. Sự việc:  b. Các chi tiết: |

**4.Củng cố kiến thức cho học sinh:** GV khái quát lại nội dung bài học.

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:**

**-** Hoàn thiện các bài tập, học các khái niệm.

- Chuẩn bị tốt cho bài viết số 2 (tại lớp) về văn tự sự

**6. Rút kinh nghiệm sau khi dạy**

……………………………………………………………………………………………………..

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Ngày soạn:…./11/2021

Tiết 18: Làm văn

**TÓM TẮT VĂN BẢN TỰ SỰ**

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:*** Giúp hs nắm được cách tóm tắt văn bản tự sự dựa theo nhân vật chính.

***2. Về kỹ năng****:* Rèn kĩ năng tóm tắt văn bản tự sự.

***3. Về thái độ:*** Có ý thức tóm tắt các văn bản tự sự dài để ghi nhớ.

***4. Năng lực:***

- *Năng lực chung*: Năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông...

- *Năng lực riêng*: Năng lực cảm thụ văn học, sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt, năng lực vận dụng kiến thức văn học vào cuộc sống...

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ.**

Câu hỏi: Đọc thuộc bài thơ *Cảnh ngày hè*? Nêu vẻ đẹp tâm hồn của Nguyễn Trãi qua hai câu cuối?

**3. Bài mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| Gv ôn lại các kiến thức về tóm tắt văn bản tự sự ở lớp 8 cho hs qua các câu hỏi:  - Tóm tắt văn bản tự sự là gì?  - Mục đích và yêu cầu tóm tắt văn bản tự sự?  - Để tóm tắt văn bản tự sự cần phải làm những việc gì?  - Vậy tóm tắt văn bản tự sự nói chung dựa vào yếu tố nào?  Hs đọc phần I- sgk.  - Nhân vật văn học là gì?  - Thế nào là nhân vật chính?  - Mục đích, yêu cầu tóm tắt văn bản tự sự dựa theo nhân vật chính?  - Xác định các nhân vật chính của truyện An Dương Vương và Mị Châu- Trọng Thủy?  - Tìm hiểu và tóm tắt truyện dựa theo nhân vật An Dương Vương?  + Lai lịch nhân vật?(họ tên, cương vị?)  + Các hành động, lời nói, việc làm trong mối quan hệ với những nhân vật chính và diễn biến cốt truyện?  Yêu cầu 1-2 hs trình bày văn bản tóm tắt của mình.  - Qua việc tóm tắt văn bản truyện An Dương Vương và Mị Châu- Trọng Thủy qua nhân vật chính An Dương Vương, em hãy cho biết muốn tóm tắt văn bản tự sự dựa theo nhân vật chính, ta phải thực hiện những việc làm cụ thể nào  Hs đọc yêu cầu, thảo luận làm các bài tập trong sgk. | ***I. Tóm tắt văn bản tự sự:***  ***1. Khái niệm:***  Là dùng lời văn của mình để trình bày một cách ngắn gọn nội dung chính (sự việc tiêu biểu và nhân vật quan trọng) của văn bản đó.  ***2. Mục đích và yêu cầu tóm tắt văn bản tự sự:***  - Mục đích: ghi lại nội dung chính để sử dụng hoặc thông báo cho người khác biết.  - Yêu cầu: phản ánh trung thành nội dung văn bản được tóm tắt.  ***3. Cách tóm tắt văn bản tự sự:***  - Đọc kĩ văn bản⭢ hiểu đúng chủ đề văn bản.  - Xác định nội dung chính cần tóm tắt.  - Sắp xếp các nội dung theo một trật tự hợp lí⭢ viết thành văn bản tóm tắt bằng lời văn của mình, có thể trích dẫn nguyên văn một vài từ ngữ, câu văn trong văn bản gốc.  ⭢ Dựa trên cốt truyện để tóm tắt văn bản tự sự nói chung.  ***II. Mục đích, yêu cầu tóm tắt văn bản tự sự dựa theo nhân vật chính:***  ***1. Nhân vật văn học:***  Là hình tượng con người (loài vật, cây cỏ,... được nhân cách hóa) được miêu tả trong văn bản văn học, thường có tên tuổi, lai lịch, ngoại hình, hành động, lời nói, suy nghĩ, tình cảm,... có quan hệ với những nhân vật khác và thường bộc lộ qua diễn biến của cốt truyện.  ***2. Nhân vật chính:***  Là nhân vật giữ vai trò then chốt của câu chuyện, giữ vị trí trung tâm trong việc thể hiện đề tài, chủ đề và tư tưởng tác phẩm.  ***3. Mục đích, yêu cầu tóm tắt văn bản tự sự dựa theo nhân vật chính:***  - Mục đích:  + Nắm vững tính cách và số phận nhân vật chính.  + Góp phần đi sâu tìm hiểu và đánh giá tác phẩm.  - Yêu cầu:  + Đáp ứng đầy đủ yêu cầu chung của một văn bản.  + Trung thành với văn bản gốc.  + Nêu được đặc điểm và những sự việc xảy ra với nhân vật chính.  ***III. Cách tóm tắt văn bản tự sự dựa theo nhân vật chính:***  ***1. Tóm tắt truyện An Dương Vương và Mị Châu- Trọng Thủy theo nhân vật chính:***  - Các nhân vật chính của truyện: An Dương Vương, Mị Châu và Trọng Thủy.  - Nhân vật An Dương Vương:  + Là vua nước Âu Lạc, họ Thục, tên Phán.  + Các hành động, lời nói, việc làm chính:  Quá trình xây thành khó khăn⭢ được Rùa Vàng giúp.  Được Rùa Vàng cho vuốt làm lẫy nỏ thần⭢ chiến thắng Triệu Đà.  Nhận lời cầu hoà, cầu hôn của Triệu Đà⭢ gả con gái là Mị Châu cho con trai Triệu Đà là Trọng Thủy và cho Trọng Thủy được ở rể.  Trọng Thủy tráo nỏ thần⭢ Triệu Đà xâm lược lần 2⭢ An Dương Vương thất bại, đem con gái chạy trốn.  Rùa Vàng thức tỉnh⭢ An Dương Vương chém con gái rồi theo Rùa Vàng xuống biển.  - Văn bản tóm tắt: An Dương Vương là vua nước Âu Lạc, họ Thục tên Phán, xây thành ở đất Việt Thường nhưng lạ thay cứ đắp đến đâu lại lở đến đó. Vua bèn lập đàn, trai giới, cầu đảo bách thần. Được sự mách bảo của cụ già và sự giúp đỡ của Rùa Vàng, vua xây thành xong trong nửa tháng. Khi từ biệt, Rùa Vàng còn cho vua chiếc vuốt làm lẫy nỏ giữ nước. Nhờ có nỏ thần, vua đã đánh bại cuộc xâm lược lần thứ nhất của Triệu Đà. Triệu Đà thua, liền bày mưu sâu kế hiểm cầu hòa và cầu hôn cho con trai Trọng Thủy lấy Mị Châu. Trọng Thủy đánh tráo lẫy thần, Triệu Đà lại cất quân sang xâm lược Âu Lạc. Mất nỏ thần, An Dương Vương thua trận, bèn cùng con gái lên ngựa chạy trốn về phía biển. Nhà vua cầu cứu Rùa Vàng và được thần cho biết: *“ Kẻ nào ngồi sau ngựa chính là giặc đó!”*. Hiểu rõ nguồn cơ, vua rút gươm chém Mị Châu, sau đó cầm sừng tê bảy tấc theo thần Rùa đi xuống biển.  ***2. Cách tóm tắt văn bản tự sự theo nhân vật chính:***  - Đọc kĩ văn bản, xác định nhân vật chính.  - Chọn các sự việc cơ bản xảy ra với nhân vật chính và diễn biến của các sự việc đó.  - Tóm tắt các hành động, lời nói, tâm trạng của nhân vật chính theo diễn biến của các sự việc đó bằng lời văn của mình (kết hợp với việc dẫn nguyên văn từ ngữ, câu văn trong văn bản gốc)  ***III. Luyện tập:***  ***1. Bài 1:***  Tóm tắt đoạn trích “Chiến thắng Mtao – Mxây”  Tóm tắt truyện “Tấm Cám) |

**4.Củng cố kiến thức cho học sinh:** GV hệ thống lại nội dung bài học.

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:**

- Học bài và hoàn thiện các bài tập còn lại.

- Soạn bài: *Uy-lít-xơ trở về* ( trích Ô- đi- xê )

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn:20/9/2020

Tiết 19: Đọc văn

**UY-LÍT-XƠ TRỞ VỀ (t1)**

**(Trích sử thi Ô-đi-xê - HÔ-ME-RƠ)**

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:***

+ Thấy được diện mạo tinh thần của người Hi Lạp cổ đại thể hiện ở trí tuệ và lòng chung thủy của nhân vật lí tưởng ;

+ Nắm được đặc điểm của nghệ thuật sử thi Ô-đi-xê.

***2. Về kỹ năng***

+ Đọc - hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

+ Phân tích nhân vật qua đối thoại.

***3. Về thái độ:*** Học tập nghiêm túc

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ.**

Câu hỏi: Bài học lịch sử rút ra từ truyền thuyết ADV và MC-TT?

**3. Bài mới:**

***Giới thiệu bài*** : Ở thế kỉ IX-VIII truớc công nguyên, trên đất nước Hi Lạp có một người nghệ sĩ mù đã đi lang thang khắp đất nước để kể về tác phẩm của mình. Đó là Hô-me-rơ, tác giả của hai sử thi vĩ đại: *I-li-át* và *Ô-đi-xê****.***

*Ô-đi-xê* ra đời vào thời kì người Hi Lạp chuẩn bị mở rộng địa bàn hoạt động ra biển cả. Chiến tranh giữa các bộ lạc chỉ còn là kí ức. Sự nghiệp khám phá và chinh phục biển cả bao la và bí hiểm đòi hỏi con người ngoài lòng dũng cảm còn phải có những phẩm chất như thông minh, tỉnh táo, mưu chước, khôn ngoan. Mặt khác, sử thi này ra đời khi người Hi Lạp từ giã chế độ công xã thị tộc để thay vào đó là tổ chức gia đình, hôn nhân một vợ một chồng. Thời đại ấy hình thành ở người Hi Lạp bên cạnh phẩm chất trí tuệ là tình yêu quê hương, tình cảm gia đình gắn bó, thủy chung. Đoạn trích *Uy-lít-xơ trở* về đã thể hiện được những phẩm chất tốt đẹp đó của người Hi Lạp thời cổ

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| Yêu cầu hs đọc phần Tiểu dẫn-sgk.  - Em có hiểu biết gì về tác giả Hô-me-rơ?  - Dựa vào sgk, em hãy tóm tắt sử thi Ô-đi-xê?  Gv cung cấp thêm cho hs một vài chi tiết:  + Ca-líp-xô dâng linh đan để Uy-lít-xơ trường sinh bất tử, cùng chung sống với nàng. Nhưng suốt 7 năm bị nàng cầm giữ ngày nào chàng cũng ra bờ biển hướng nhìn về quê hương, khóc thương...  + Pê-nê-lốp đưa ra điều kiện: nàng chấp nhận tái giá khi dệt xong tấm vải nhưng nàng dệt mãi ko xong vì nàng cứ ngày dệt, đêm lại tháo ra. Ở phần 2, nàng còn thách 108 tên cầu hôn giương cung của Uy-lít-xơ và bắn xuyên qua 12 cái vòng của 12 chiếc rìu để trì hoãn, chờ đợi chồng.  + Chiếc bè của Uy-lít-xơ bị đánh đắm do thần biển Pô-zê-i-đông trả thù do chàng đã đâm thủng mắt Xi-clốp Pô-li-phem , con trai của thần.  + Uy-lít-xơ và đồng đội đi qua đảo của các nàng tiên cá Xi-ren có giọng hát mê hồn nhưng vô cùng nguy hiểm...  + Uy-lít-xơ bị thử thách tình cảm nhiều lần: phù thủy Xiếc-xê, Ca-líp-xô, công chúa Nô-di-ca,...  - Em hãy nêu chủ đề của sử thi Ô-đi-xê?  - Nêu vị trí của đoạn trích Uy-lít-xơ trở về?  Yêu cầu hs đọc phân vai văn bản.  - Tìm bố cục của đoạn trích? | ***I. Tiểu dẫn:***  ***1. Tác giả Hô-me-rơ:***  - Là con của một gia đình nghèo, được sinh ra bên dòng sông Mê-lét vào khoảng thế kỉ IX-VIII trước công nguyên.  - Là một nhà thơ mù tài hoa, một ca sĩ hát rong đuợc mọi người dân Hi Lạp yêu mến. Hiện nay có 11 thành phố Hi Lạp đều tự nhận là quê hương của ông.  ***2. Sử thi Ô-đi-xê:***  ***a. Dung luợng:***  Gồm 12 110 câu thơ, chia thành XXD khúc ca.  ***b. Tóm tắt:***  **- Phần 1: Khúc ca I- XII**:  Câu chuyện được kể từ thời điểm Uy-lít-xơ sau 10 năm rời thành Tơ-roa vẫn chưa thể đặt chân lên mảnh đất quê hương và đang bị nữ thần Ca-líp-xô cầm giữ. Các thần linh cầu xin thần Dớt cho Uy-lít-xơ được đoàn tụ với gia đình. Dớt đồng ý.  Trong khi đó tại quê nhà, Pê-nê-lốp, vợ chàng phải đối mặt với 108 kẻ quyền quý đến cầu hôn. Tê-lê-mác, con trai của Uy-lít-xơ, phải đương đầu với bọn chúng để bảo vệ gia đình.  Tuân lệnh Dớt, nữ thần Ca-líp –xô buộc phải để Uy-lít-xơ rời đảo. Sau vài ngày Uy-lít-xơ và các bạn đồng hành gặp bão lớn, chiếc bè bị đánh tan tác, chàng may mắn dạt vào xứ sở của vua An-ki-nô-ốt. Chàng đã kể lại hành trình phiêu lưu mạo hiểm trong suốt 10 năm qua các miền đất lạ cho nhà vua.  **- Phần 2: Khúc ca XIII- XXD.**  Được vua An-ki-nô-ốt giúp đỡ, Uy-lít-xơ đã trở về quê hương, sau 20 năm xa cách, nơi chàng sẽ phải đối mặt với một nguy hiểm mới. Đó là 108 tên cầu hôn xảo quyệt rắp tâm chiếm đoạt hạnh phúc, tài sản của gia đình chàng. Uy-lít-xơ cùng con trai và gia nhân trung thành lập mưu trừng trị bọn chúng. Nữ thần A-tê-na xuống trần báo tin cho Uy-lít-xơ được Dớt cho phép đoàn tụ và trừng trị những kẻ phá hoại gia đình mình. Cuộc sống mới bắt đầu trên xứ sở I-tác, quê hương của chàng.  ***c. Chủ đề:***  - Quá trình chinh phục thiên nhiên, biển cả, di dân mở đất ⭢ Ca ngợi ý chí, lòng dũng cảm, trí tuệ của người Hi Lạp cổ đại.  - Cuộc đấu tranh để bảo vệ hạnh phúc gia đình của người Hi Lạp thời cổ ⭢ Ca ngợi giá trị tình cảm gia đình gắn bó, thủy chung.  ***3. Đoạn trích Uy-lít-xơ trở về:***  Vị trí: Thuộc phần 2, khúc ca thứ XXIII.  ***II. Đọc- hiểu văn bản:***  ***1. Đọc.***  ***2. Bố cục:*** 2 phần.  + Phần 1: Từ đầu⭢ *“kém gan dạ”* : Tác động của nhũ mẫu và Tê-lê-mác lên Pê-nê-lốp. Uy-lít-xơ chấp nhận thử thách của Pê-nê-lốp, hướng con trai đến việc đối phó với bọn cầu hôn.  + Phần 2: Còn lại: Cuộc đấu trí giữa Pê-nê-lốp và Uy-lít-xơ để nhận ra nhau bằng phép thử bí mật của chiếc giường cưới. |

**4.Củng cố kiến thức cho học sinh:** GV hệ thống lại nội dung bài học.

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:** Soạn bài: *Uy-lít-xơ trở về* (trích *Ô-đi-xê*) – T2

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 21/9/2020

Tiết 20: Đọc văn

**UY-LÍT-XƠ TRỞ VỀ (t2)**

**(Trích sử thi Ô-đi-xê - HÔ-ME-RƠ)**

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:***

+ Thấy được diện mạo tinh thần của người Hi Lạp cổ đại thể hiện ở trí tuệ và lòng chung thủy của nhân vật lí tưởng ;

+ Nắm được đặc điểm của nghệ thuật sử thi Ô-đi-xê.

***2. Về kỹ năng***

+ Đọc - hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

+ Phân tích nhân vật qua đối thoại.

***3. Về thái độ:*** Học tập nghiêm túc

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ.**

Câu hỏi: Tóm tắt, nêu chủ đề đoạn trích “Uylitxo trở về”

**3. Bài mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| - Ai là người báo tin cho Pê-nê-lốp biết Uy-lít-xơ đã trở về?  - Nội dung tin thông báo của nhũ mẫu?  - Pê-nê-lốp đang ở trong hoàn cảnh ntn khi được nhũ mẫu báo tin Uy-lít-xơ đã trở về? Điều đó bước đầu cho em cảm nhận gì về nhân vật này?  - Thái độ và suy nghĩ của Pê-nê-lốp thể hiện ntn trước lời nhũ mẫu báo tin Uy-lít-xơ, chồng nàng, đã trở về?  Tại sao rất nhớ chồng, mong chồng trở về mà khi được báo tin Uy-lít-xơ đã trở về, Pê-nê-lốp lại rất đỗi phân vân, ko tin những lời của nhũ mẫu, ko tin người hành khất vừa chiến thắng bọn cầu hôn, giải thoát cho nàng chính là Uy-lít-xơ?  Hs thảo luận, phát biểu.  Gv nhận xét, bổ sung.  - Khi nhũ mẫu đưa ra bằng chứng thuyết phục (dấu hiệu riêng của Uy-lít-xơ: vết sẹo do răng nanh trắng của một con lợn lòi húc), lại dùng cả tính mệnh của mình ra để đánh cuộc, quả quyết khẳng định tin tức Uy-lít-xơ đã trở về, thái độ của Pê-nê-lốp ntn?  - Khi bước xuống lầu, đối diện với người hành khất, tâm trạng của Pê-nê-lốp ntn?  - Thấy thái độ lạnh lùng của mẹ, thái độ của Tê-lê-mác biểu hiện ntn? Điều đó cho thấy chàng là người ntn?  - Trước lời trách móc của con trai, Pê-nê-lốp bày tỏ tâm trạng, suy nghĩ gì?  - Thái độ của Uy-lít-xơ trước cách cư xử lạ lùng của người vợ và sự nóng nảy của người con trai?  - Sau khi tắm xong, dáng hình Uy-lít xơ thay đổi hẳn nhưng vẫn bị nghi ngờ. Chàng đã tỏ thái độ gì trong câu nói với Pê-nê-lốp và nhũ mẫu?  - Tâm trạng và cách xử trí của Pê-nê-lốp trước những lời trách móc của Uy-lít-xơ? Cách đưa ra thử thách về bí mật chiếc giường cưới của Pê-nê-lốp ntn?  Gv khắc sâu: Pê-nê-lốp thận trọng, tỉnh táo, khôn ngoan hướng theo câu nói có vẻ giận dỗi, trách móc của Uy-lít-xơ để đưa ra lệnh dịch chuyển chiếc giường cưới kỉ niệm riêng ẩn chứa bí mật rất riêng của hai người. Nếu ko phải là Uy-lít-xơ thì ko biết được bí mật ⭢ Nàng sẽ nhận rõ chân tướng của vị khách.  Nếu là Uy-lít-xơ nhưng cũng có thể chàng đã quên bí mật đó vì đã 20 năm xa cách hoặc đã cố quên do thay lòng đổi dạ⭢ Nàng sẽ biết được tình cảm thực của chàng đối với mình.  - Những phản ứng của Uy-lít-xơ khi nghe Pê-nê-lốp sai nhũ mẫu dịch chuyển chiếc giường cưới chứa bí mật riêng tư của họ?  - Nghe những lời nói của Uy-lít-xơ rõ ràng về bí mật của chiếc giường cưới, thái độ của Pê-nê-lốp thay đổi ra sao? Qua đây, có thể nối nàng quá tàn nhẫn hay ko?  - Để miêu tả niềm hạnh phúc, vui sướng tột cùng của Pê-nê-lốp, tác giả đã dùng biện pháp nghệ thuật nào trong câu văn dài cuối đoạn trích?  - Trước sự xúc động mãnh liệt của Pê-nê-lốp khi nàng nhận ra mình, tâm trạng của Uy-lit-xơ ntn?  - Em hãy nhận xét khái quát về vẻ đẹp của Pê-nê-lốp cũng như của người phụ nữ Hi Lạp cổ đại qua đoạn trích?  - Qua đoạn trích này, em nhận thấy những vẻ đẹp nào của nhân vật Uy-lít-xơ?  - Giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích? | ***3. Tìm hiểu văn bản:***  ***a. Tin Uy-lít-xơ trở về với Pê-nê-lốp:***  - Người đưa tin: nhũ mẫu⭢ một người thân tín, rất đáng tin cậy.  - Nội dung tin:  + Uy-lít-xơ đã trở về.  + Dấu hiệu đáng tin cậy:(dấu hiệu riêng của Uy-lít-xơ) vết sẹo do răng nanh trắng của một con lợn lòi húc.  + Nhũ mẫu lại đem cả tính mệnh của mình ra để đánh cuộc, quả quyết khẳng định tin tức Uy-lít-xơ đã trở về.  - Hoàn cảnh của Pê-nê-lốp:  + Chờ đợi chồng suốt 20 năm đằng đẵng ⭢ khát khao sự trở về đoàn tụ của Uy-lít-xơ.  + Bị 108 kẻ cầu hôn thúc bách hòng chiếm đoạt nàng và tài sản của gia đình nàng ⭢ trì hoãn bằng kế tấm vải dệt mãi ko xong và thử thách tài bắn cung tên.  ⭢ Hoàn cảnh éo le.  ⭢ Pê-nê-lốp là người vợ thuỷ chung, kiên trinh, khôn ngoan.  - Thái độ và suy nghĩ của Pê-nê-lốp trước những lời báo tin của nhũ mẫu:  + Thái độ: Bình tĩnh, trấn an nhũ mẫu cũng là tự trấn an mình, hoài nghi lời nhũ mẫu.  + Suy nghĩ, lí giải:  ⭬ Nàng cho rằng đó là vị thần *“bất bình vì sự láo xược bất kham và những hành động nhuốc nhơ”* của bọn cầu hôn. Vì hai lẽ: ko một người trần nào có thể giết chết hết 108 kẻ cầu hôn ngang ngược và hung tợn đó; hơn nữa người giết chúng mới hôm qua nói chuyện với nàng về những tin tức liên quan đến Uy-lít-xơ như một người chứng kiến.  ⭬ Nàng sợ bị lừa gạt.  ⭬ Về phần Uy-lít-xơ, sau 20 năm bặt vô âm tín, nàng đã hết hi vọng chàng sẽ trở về: *“ Còn về phần Uy-lít-xơ thì ở nơi đất khách quê người chàng cũng đã hết hi vọng trở lại đất A-cai, chính chàng cũng đã chết rồi”.*  ⭢ Sự tỉnh táo, khôn ngoan, thận trọng của Pê-nê-lốp.  - Khi nhũ mẫu đưa ra bằng chứng thuyết phục, lại dùng cả tính mệnh của mình ra để đánh cuộc, quả quyết khẳng định tin tức Uy-lít-xơ đã trở về, thái độ của Pê-nê-lốp:  + Ko cương quyết bác bỏ mà thần bí hóa mọi việc.  + Quyết định xuống lầu *“để xem xác chết của bọn cầu hôn”* và đặc biệt là *“người giết chúng”*.  ⭢ Pê-nê-lốp đã nửa tin nửa ngờ.  ***b. Cuộc gặp gỡ- đoàn tụ:***  ***🞽 Bước 1: Gặp mặt.***  - Tâm trạng của Pê-nê-lốp khi bước xuống lầu:  + Rất đỗi *“phân vân”*, lúng túng tìm cách ứng xử.  + Dò xét, suy nghĩ, tính toán mông lung nhưng cũng ko giấu được sự bàng hoàng, xúc động(*...nàng đến trước mặt Uy-lít-xơ, dưới ánh lửa hồng, dựa vào bức tường đối diện... ngồi lặng thinh trên ghế hồi lâu, lòng sửng sốt, khi thì đăm đăm âu yếm nhìn chồng, khi lại ko nhận ra chồng dưới bộ quần áo rách mướp*).  - Thái độ của Tê-lê-mác: trách mẹ gay gắt ⭢ sự nóng nảy, bộc trực của một chàng trai trẻ rất thương yêu cha mẹ.  - Trước lời trách móc của con trai, Pê-nê-lốp:  + Giải thích cho con hiểu tâm trạng *“kinh ngạc”*, phân vân, xúc động nhưng vẫn hết sức tỉnh táo của mình⭢ hành động giữ khoảng cách với Uy-lít-xơ.  + Nói với con nhưng lại hướng tới Uy-lít-xơ ⭢ ngầm đưa ra thử thách (*Nếu quả thực... ko ai biết hết*) ⭢ khôn ngoan, thận trọng.  - Tác giả dùng 3 lần từ *“thận trọng”* để khắc họa đặc điểm con người của Pê-nê-lốp ⭢ định ngữ thể hiện vẻ đẹp trong phẩm chất nhân vật. Đây cũng là biện pháp nghệ thuật thường dùng của thể loại sử thi.  - Thái độ của Uy-lít-xơ trước cách cư xử lạ lùng của người vợ và sự nóng nảy của người con trai: *nhẫn nại mỉm cười*.  ⭢ thấu hiểu Pê-nê-lốp.  Bởi nếu khẳng định mình là Uy-lít-xơ, chồng nàng Pê-nê-lốp, người mà nàng chờ đợi mỏi mòn bấy lâu trong khi chàng đang trong bộ dạng hành khất tiều tụy và hơn nữa Pê-nê-lốp vốn thận trọng, khôn ngoan sẽ ko tin lời chàng.  ⭢ Chàng đồng tình chấp nhận thử thách của người vợ và tin vào trí tuệ của mình.  ***🞽 Bước 2: Đấu trí***.  - Sau khi tắm, trở lại đúng dáng hình của mình, *“đẹp như một vị thần”* nhưng vẫn bị Pê-nê-lốp nghi ngờ⭢ thái độ của Uy-lít-xơ:  + Hờn dỗi, trách móc Pê-nê-lốp (*Hẳn...xứ sở*).  + Thanh minh cho lòng chung thuỷ của mình (*Thôi,...nay*) ⭢ Tạo cớ cho Pê-nê-lốp đưa ra thử thách.  - Tâm trạng và cách xử trí của Pê-nê-lốp trước những lời trách móc của Uy-lít-xơ:  + Thận trọng, tỉnh táo.  + Khéo léo đưa ra thử thách về bí mật của chiếc giường cưới một cách như là tình cờ, rất tự nhiên, hợp lí.  ⭢ Mục đích:- Xác định rõ chân tướng của vị khách.  - Nếu là Uy-lít-xơ thực thì nàng sẽ biết được tình cảm thực của chàng đối với mình giờ ntn.  - Những phản ứng của Uy-lít-xơ khi nghe Pê-nê-lốp sai nhũ mẫu dịch chuyển chiếc giường cưới chứa bí mật riêng tư :  + Giật mình, chột dạ, sợ Pê-nê-lốp đã thay lòng đổi dạ nếu như chiếc giường đã bị dịch chuyển.  + Nói rõ bí mật của chiếc giường ⭢ giải đáp thử thách của Pê-nê-lốp và chứng tỏ lòng chung thủy của mình.  ***🞽 Bước 3: Đoàn tụ***  - Khi Uy-lít-xơ nói rõ bí mật về chiếc giường cưới ⭢ Pê-nê-lốp hoàn toàn tin đó chính thực là Uy-lít-xơ, chồng nàng, người yêu thươngvà thuỷ chung với nàng ⭢ thái độ của nàng hoàn toàn thay đổi:  + Xúc động cực điểm (*Nàng bèn chạy ngay lại, nước mắt chan hoà, ôm lấy cổ chồng, hôn lên trán chồng*).  + Cầu xin Uy-lít-xơ tha thứ.  + Giải thích nguyên nhân của thái độ lạnh lùng, thận trọng đưa ra thử thách của mình (Nàng tin vào trí tuệ của Uy-lít-xơ và lo sợ bị lừa dối).  + Oán trách thần linh gây nên sự mất mát lớn của 2 người (*Ôi! Thần linh...đầu bạc.)*  + Khẳng định Uy-lít-xơ đã thuyết phục được sự hoài nghi, cảnh giác thường trực của nàng bằng việc chàng đã hóa giải được phép thử bí mật của chiếc giường cưới.  + Bộc lộ niềm vui sướng, hạnh phúc tột cùng.  ⭢ Pê-nê-lốp ko hề vô cảm, tàn nhẫn mà sự thận trọng, hoài nghi của nàng cho thấy tính chất phức tạp của thời đại- những nguy hiểm luôn rình rập, đe dọa họ.  - Phép so sánh có đuôi dài (so sánh mở rộng)- cả vế A (cái so sánh) và vế B (cái được so sánh) đều là những câu dài.  ⭢ Tác giả lấy cái mừng rỡ của những người thủy thủ bị đắm thuyền may mắn sống sót khi được đặt chân lên đất liền với niềm vui, niềm hạnh phúc khi Pê-nê-lốp nhận ra Uy-lít-xơ, chồng nàng, đã thực sự trở về ⭢ diễn tả niềm hạnh phúc vô bờ như được hồi sinh của nàng.  - Khi hiểu rõ tình cảm của Pê-nê-lốp, trước sự xúc động mãnh liệt của nàng, Uy-lít-xơ *“khóc dầm dề”.* Đó là nước mắt của sự cảm động, niềm vui, niềm hạnh phúc.  🢡**Vẻ đẹp của nhân vật Pê-nê-lốp:** Thông minh, nghị lực, thận trọng và khôn ngoan, thủy chung, kiên trinh bảo vệ phẩm giá của mình và hạnh phúc gia đình.  🢡 **Vẻ đẹp của nhân vật Uy-lít-xơ**: Cao quý, nhẫn nại, thông minh, thủy chung và hết lòng vì vợ con.  ***III. Tổng kết bài học:***  ***1. Nội dung:***  - Đề cao vẻ đẹp tâm hồn và trí tuệ của con người Hi Lạp thời cổ đại.  - Khẳng định giá trị hạnh phúc gia đình khi người Hi Lạp chuyển từ chế độ thị tộc sang chế độ chiếm hữu nô lệ, hôn nhân một vợ một chồng.  ***2. Nghệ thuật:***  - Cách kể chậm rãi, tỉ mỉ (lối trì hoãn sử thi).  - Sử dụng đối thoại để khắc hoạ nội tâm.  - So sánh mở rộng.  - Dùng định ngữ khẳng định vẻ đẹp của nhân vật. |

**4.Củng cố kiến thức cho học sinh:** GV hệ thống lại nội dung bài học.

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:** chuẩn bị đáp án cho bài viết số 1

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn:22/9/2020

Tiết 21: Làm văn

**TRẢ BÀI VIẾT SỐ 1**

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:***

+ Ôn tập, củng cố kiến thức, kĩ năng làm bài văn biểu cảm.

+ Sửa chữa, rút kinh nghiệm về các lỗi dùng từ, đặt câu, diễn đạt, bố cục văn bản,...

+ Làm công việc chuẩn bị cho những bài viết tiếp theo.

***2. Về kỹ năng****:* Rèn kĩ năng viết văn.

***3. Về thái độ:*** Học tập nghiêm túc

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ.** Lồng ghép trong giờ

**3. Bài mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| Gv chép lại đề bài lên bảng.  - Đề bài trên thuộc kiểu bài làm văn nào?  - Người viết cần đề cập đến những nội dung gì?  - Phạm vi dẫn chứng, tư liệu cần huy động?  - Các phương pháp cần huy động trong quá trình làm văn? Phương pháp nào là chủ yếu?  - Em cần nêu ý gì ở phần mở bài?    - Các ý chính cần nêu ở phần thân bài?  - Em cần nêu ý gì ở phần kết bài?  Gv nhận xét cụ thể về kết quả bài làm của hs.  Gv nêu một số lỗi cụ thể trong bài viết của hs và sửa lỗi.  Gv đọc và biểu dương bài làm tốt.  Gv yêu cầu hs xem lại bài, đọc kĩ lời phê để tự rút kinh nghiệm, trao đổi bài với bạn để học tập. | ***Đề bài:***  Phát biểu cảm nghĩ của anh (chị) về những ngày đầu tiên bước chân vào trường THPT.  ***I. Phân tích đề:***  ***1. Kiểu bài:***  Phát biểu cảm nghĩ (văn biểu cảm)  ***2. Nội dung:***  - Giới thiệu được những cảm xúc về mái trường, thầy cô và bạn bè mới.  - Cảm xúc về ngày khai giảng và những buổi học đầu tiên.  ***3. Phạm vi dẫn chứng, tư liệu:***  - Kiến thức văn học.  - Kiến thức thực tế.  ***4. Các phương pháp:***  - Biểu cảm (phương pháp chính).  - Miêu tả.  - Tự sự.  - Nghị luận.  ***II. Lập dàn ý:***  ***1. Mở bài:***  Giới thiệu được đề tài và gây được hứng thú cho người đọc.  ***2. Thân bài:*** - Nêu cảm xúc về ngôi trường mới, lớp học và bạn bè, thầy cô. (1đ)  - Niềm vui trong ngày tựu trường, khai giảng.(3đ)  - Những giờ học đầu tiên và một kỉ niệm đáng nhớ đem lại bài học sâu sắc.(3đ)  ***3. Kết bài:***  Thâu tóm được tinh thần và nội dung cơ bản của bài làm đồng thời lưu lại những cảm xúc và suy nghĩ nơi người đọc.  ***III. Nhận xét về kết quả bài làm của hs:***  ***1. Ưu điểm:*** - Đa số hs nhận thức được kiểu bài.  - Nhiều bài viết bộc lộ cảm xúc chân thành, ngôn ngữ diễn đạt biểu cảm.  ***2. Nhược điểm:***  - Nhiều hs chưa biết phân chia bố cục bài hợp lí.  - Một số bài còn sai nhiều lỗi chính tả, câu và diễn đạt.  ***D. Chữa lỗi.***  - Lỗi chính tả.  - Lỗi về câu.  - Lỗi diễn đạt.  ***V.Đọc và biểu dương bài làm tốt.***  ***VI. Trả bài và lấy điểm.*** |

**4.Củng cố kiến thức cho học sinh:** GV hệ thống lại nội dung bài học.

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:** Yêu cầu hs soạn bài *Ra-ma buộc tội* ***(Sử thi Ấn Độ)***.

**6. Rút kinh nghiệm sau khi dạy**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Ngày soạn:26/9/2020

**Tiết 22,23: Làm văn BÀI LÀM VĂN SỐ 2**

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:***

+Hiểu sâu hơn về văn bản tự sự, nhất là các kiến thức về đề tài, cốt truyện, nhân vật, sự kiện, chi tiết, ngôi kể.

+Viết được bài văn tự sự với những sự việc, chi tiết tiêu biểu kết hợp với các yếu tố miêu tả và biểu cảm.

***2. Về kỹ năng****:* Rèn kĩ năng viết văn tự sự cho học sinh..

***3. Về thái độ:*** Học tập nghiêm túc

**B.Phương pháp:** Kiểm tra viết

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Ma trận, đề, đáp án

- HS: giấy, bút, kiến thức cần có để viết bài

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ.** không

**3. Bài mới:**

**I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ KIỂM TRA**

- Đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng trong chương trình lớp10 về phân môn tiếng Việt: Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ và về văn tự sự.

- Đánh giá việc học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng để nhận biết các nhân tố giao tiếp. Xác định nội dung tự sự, lập dàn ý, lựa chọn sự việc và chi tiết tiêu biểu trong câu chuyện, phương thức biểu đạt (biết kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm) và lựa chọn ngôi kể phù hợp để kể lại một đoạn truyện trong tác phẩm văn học thuộc chương trình Ngữ văn lớp 10.

**II. HÌNH THỨC KIỂM TRA**

- Hình thức : Tự luận 100%

- Thời gian : 90 phút

- Cách thức tổ chức : Học sinh làm bài trên lớp.

**III. THIẾT LẬP MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** |  | | **Tổng số** |
| **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **I. Tiếng Việt**  Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ. | Các nhân tố giao tiếp. |  |  |  |  |
| **Số câu**  **Số điểm**  **Tỉ lệ** | **1**  **2,0**  **20 %** |  |  |  | **1**  **2,0**  **20 %** |
| **II. Làm văn**  - Văn tự sự  - Kể sáng tạo một phẩm đã học trong chương trình ngữ văn 10. |  |  |  | - Rèn luyện kĩ năng kể sáng tạo một tác phẩm “Truyền thuyết An Dương Vương và Mị Châu, Trọng Thủy”  - Vận dụng kĩ năng làm văn tự sự  (Phân tích đề, lập dàn ý, biết dựng cốt truyện và chọn chi tiết truyện, biết kết hợp miêu tả và biểu cảm , có bố cục 3 phần.) |  |
| **Số câu**  **Số điểm**  **Tỉ lệ** |  |  |  | **1**  **8,0**  **80%** | **1**  **8,0**  **80%** |
| **Tổng chung:**  **Số câu**  **Số điểm**  **Tỉ lệ** | **1**  **2,0**  **20 %** |  |  | **1**  **8,0**  **80%** | **2**  **10,0**  **100%** |

**D. RA ĐỀ**

**I. Tiếng Việt**

**THÔNG BÁO**

Nhân Ngày Môi trường thế giới, Nhà trường tổ chức buổi tổng vệ sinh toàn trường để làm cho trường ta xanh, sạch, đẹp hơn nữa.

- Thời gian làm việc: từ 8 giờ sáng chủ nhật ngày...tháng...năm...

- Nội dung công việc: thu dọn rác, khai thông cống rãnh, phát quang cỏ dại, trồng thên cây xanh và vun gốc các hàng cây,...

- Lực lượng tham gia: toàn thể học sinh trong trường.

- Dụng cụ: Mỗi học sinh khi đi cần mang theo một dụng cụ, như: cuốc, xẻng, chổi, dao to, rổ,...

- Kế hoạch cụ thể: Các lớp nhận tại Văn phòng của trường.

Nhà trường kêu gọi toàn thể học sinh trong trường hãy nhiệt liệt hưởng ứng và tích cực tham gia buổi tổng vệ sinh này.

Hãy xác định:

a. Dạng văn bản?

b. Đối tượng giao tiếp?

c. Nội dung giao tiếp?

d. Hoàn cảnh giao tiếp của văn bản?

**II. Làm văn**

   Nhập vai An Dương Vương, anh (chị) hãy kể lại quá trình xây thành, chế nỏ trong truyền thuyết “*Truyện An Dương Vương và Mị Châu- Trọng Thủy”.*

**V. Đáp án**

**I. Tiếng Việt**

a. - Dạng văn bản: thông báo ngắn (0,5 điểm)

b. - Đối tượng: học sinh toàn trường (0,5 điểm)

c. - Nội dung: hoạt động làm sạch môi trường (0,5 điểm)

d. - Hoàn cảnh: trong nhà trường nhân Ngày Môi trường thế giới (0,5 điểm) .

**II. Làm văn**

*1. Yêu cầu về kĩ năng.*

- Biết vận dụng kĩ năng viết văn tự sự, biết lựa chọn sự việc, chi tiết li kì, tiêu biểu.

- Biết kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm khi kể chuyện.

- Đảm bảo một bài văn có bố cục 3 phần, kết cấu chặt chẽ.

- Diễn đạt trong sáng, ngôn ngữ trang trọng, cảm xúc, lưu loát, các ý rõ ràng, không mắc lỗi chính tả về dùng từ, câu.

- Trình bày sạch sẽ, rõ ràng, khoa học.

*2. Yêu cầu về kiến thức*.

- Với kiểu bài nhập vai nhân vật, hs cần bám sát những sự việc, chi tiết của văn bản. Đồng thời cần sáng tạo và lựa chọn thêm sự việc, chi tiết để tái hiện nội dung sao cho phù hợp với góc nhìn của vai người kể và đan xen các yếu tố miêu tả, biểu cảm, lời thoại nhân vật làm câu chuyện thêm sinh động.

- Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần thể hiện đươc các nội dung cơ bản sau:

 - Giới thiệu vai kể: xung tôi/ ta, là vua An Dương Vương nước Âu Lạc.

- Nêu tình huống truyện: buổi đầu xây dựng đất nước. (Xác định thời điểm kể chuyện: thời điểm hiện tại khi vua đang xây thành, hoặc khi vua đang ở dưới thủy cung mà hồi tưởng lại).

- Giới thiệu nội dung kể: quá trình xây thành, chế nỏ.

+ Thành xây xong lại lỡ, vua kiên trì cầu đảo thần linh.

   + Được thần Kim Quy giúp sức, thành trong nửa tháng xây xong, cao muôn trượng, hình xoắn ốc, đặt tên Cổ Loa thành.

+ Quá trình chế nỏ:

   . Rùa vàng từ biệt, vua băn khoăn họa giặc ngoài, rùa tặng vuốt làm nỏ thần.

   . Vua sai Cao Lỗ chế nỏ.(miêu tả nỏ thần)

*\* Lưu ý: kết hợp thêm miêu tả hình dáng, cảm xúc và lời thoại của các nhân vật.*

- Khẳng định giá trị của quá trình xây thành, chế nỏ, vai trò của nhà vua trong lịch sử.

- Thái độ của nhà vua sau khi xây thành, chế nỏ thành công.

**4.Củng cố kiến thức cho học sinh:** HS hoàn thiện bài

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:**

- Hoàn thiện bài viết vào vở soạn.

- Soạn bài: *Nhưng nó phải bằng hai mày*; *Tam đại con gà* (Truyện cười

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Ngày soạn:09/10/2020

Tiết 24,25: Đọc văn

**TAM ĐẠI CON GÀ, NHƯNG NÓ PHẢI BẰNG HAI MÀY**

(Truyện cười)

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:***

+ Thấy được mâu thuẫn trái tự nhiên trong cách ứng phó của nhân vật "thầy", hiểu được ý nghĩa phê phán của truyện.

+ Thấy được tình cảnh bi hài của người lao động xưa khi lâm vào cảnh kiện tụng và thái độ của nhân dân đối với nạn tham nhũng của quan lại địa phương. Hiểu được nghệ thuật gây cười của truyện.

+ Nắm được những đặc trưng cơ bản của truyện cười trào phúng.

***2. Về kỹ năng****:*

+ Phân tích một truyện cười thuộc loại trào phúng.

+ Khái quát hoá ý nghĩa và những bài học mà tác giả gửi gắm.

***3. Về thái độ:*** Học tập nghiêm túc

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
|  | 10A9 |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ.**

**3. Bài mới:**

Một trong những vẻ đẹp của tâm hồn người Việt là sự lạc quan, yêu đời. Vậy nên, dù phải trải qua bóng đêm của cuộc đời cũ với nhiều nước mắt, khổ đau nhưng trong VHVN tiếng cười ko mấy khi dứt hẳn và xuất hiện với nhiều cung bậc. Xét riêng trong VH dân gian, ta thấy có một thể loại gắn bó sâu sắc với đời sóng nhân dân là truyện cười. Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu hai truyện: *Tam đại con gà* và *Nhưng nó phải bằng hai mày*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| - Em hãy nhắc lại khái niệm truyện cười?  - Truyện cười có mấy loại? VD?  - Truyện Tam đại con gà và Nhưng nó phải bằng hai mày thuộc loại truyện cười  Yêu cầu hs đọc- kể tác phẩm, chú ý hs phải giữ thái độ khách quan khi đọc.  - Em hãy xác định bố cục của truyện?  - Câu mở truyện có ý nghĩa gì?  - Tiếng cười đã bật ra từ câu đầu này chưa? Vì sao?    Gv dẫn dắt: Mâu thuẫn trái tự nhiên ở câu mở truyện mới tạo tiếng cười ở dạng tiềm năng. Năng lượng làm bật ra tiếng cười cuối truyện có được nhờ việc xây dựng các tình huống mâu thuẫn...    - Tình huống thứ nhất mà anh thầy đồ phải giải quyết là gì? ý nghĩa của nó? (cho thấy khả năng, trình độ của thầy đồ ntn?) Thầy đồ đã xử lí tình huống này ntn? Cách xử lí đó có ý nghĩa gì?      - Tình huống thứ 2 xảy đến với thầy đồ là gì? Trước tình huống khó xử đó, thầy đồ có suy nghĩ gì và xử lí ra sao?  - Cách biện bác của thầy đồ, theo em, cho thấy thầy là người thông minh nhanh trí hay đó chỉ là sự láu cá, lí sự cùn?  - Theo em, câu chuyện này có ý nghĩa phê phán điều gì?  - Nét đặc sắc về nghệ thuật của câu chuyện này?  Hs đọc- kể tác phẩm.  - Tìm bố cục của tác phẩm?  - Quan hệ giữa nhân vật thầy lí và Cải là mối quan hệ ntn?  - Cách xử kiện của thầy lí ntn? Lời kết án đã gây phản ứng ntn tới các nhân vật Ngô và Cải?  - Phân tích sự kết hợp giữa lời nói và động tác của Cải và thầy lí?  - Theo em, tác giả dân gian đã sử dụng nghệ thuật gây cười nào trong truyện trên?  - Em có suy nghĩ gì về nhân vật Cải?  - Nêu những nét chính về nội dung của 2 truyện cười trên?  - Qua 2 truyện trên, em hãy rút ra những nét nghệ thuật đặc sắc của truyện cười?(về kết cấu, nghệ thuật xây dựng mâu thuẫn, nhân vật và ngôn ngữ?). | ***I.Tiểu dẫn:***  ***1. Giới thiệu chung về truyện cười:***  ***a. Khái niệm***: Là tác phẩm tự sự dân gian ngắn, có kết cấu chặt chẽ, kết thúc bất ngờ, kể về những việc xấu, trái tự nhiên trong cuộc sống, có tác dụng gây cười, nhằm mục đích giải trí, phê phán.  ***b. Phân loại:***  - Truyện khôi hài: nhằm mục đích giải trí, mua vui, ít nhiều có tính giáo dục.  VD: *Ai nuôi tôi*,...  - Truyện trào phúng:  + Nhằm phê phán những kẻ thuộc tầng lớp trên trong xã hội nông thon Việt Nam xưa (trào phúng thù).  VD: *Giàn lí đổ*, *Quan huyện thanh liêm*,...  + Nhằm phê phán thói hư tật xấu trong nội bộ nhân dân (trào phúng bạn).  VD: *Thà chết còn hơn*, *Lợn cưới áo mới*, *Đẽo cày giữa đường*,...  ***2. Truyện Tam đại con gà và Nhưng nó phải bằng hai mày:***  Thuộc loại truyện cười trào phúng:  + *Tam đại con gà*: trào phúng bạn.  + *Nhưng nó phải bằng hai mày*: trào phúng thù.  ***II. Đọc- hiểu văn bản:***  ***A. Văn bản 1***: *Tam đại con gà*:  ***1. Đọc.***  ***2. Bố cục:*** 3 phần  + Mở truyện: *Câu đầu.*  ⭢ Giới thiệu mâu thuẫn trái tự nhiên.  + Thân truyện: Tiếp đến *“Tam đại con gà nghĩa là làm sao?”*  ⭢ Các tình huống mâu thuẫn gây cười.  + Kết truyện: *Câu cuối*⭢ lật tẩy bản chất dốt nát mà lại cố giấu dốt của thầy đồ⭢ bật lên tiếng cười giòn giã.  ***3. Tìm hiểu văn bản:***  ***a. Mâu thuẫn trái tự nhiên ở nhân vật thầy đồ:***  **- Câu mở truyện:**  + Giới thiệu nhân vật chính thầy đồ và khả năng, tính cách nổi bật của nhân vật: dốt nát nhưng lại lên mặt văn hay chữ tốt.  + Nêu mâu thuẫn trái tự nhiên ở dạng khái quát nhất: dốt 🢖🢔 khoe giỏi.  ⭢ Tiếng cười chưa bật ra, mới ở dạng tiềm năng, chưa có biểu hiện gì đáng cười, chưa biết anh ta dốt ntn.  - **Tình huống thứ nhất:** Gặp chữ “kê” trong cuốn “Tam thiên tự”, thầy ko đọc được mà học trò lại hỏi gấp.  ⭢ Trình độ, khả năng của thầy đồ: dốt đến mức chữ tối thiểu trong sách dạy vỡ lòng của trẻ cũng ko biết.  ⭢ Cách xử lí của thầy đồ:  + Nói liều: *“Dủ dỉ là con dù dì”*.  “Dủ dỉ” ⭢ ko phải chữ Hán, lại là từ vô nghĩa trong tiếng Việt, mà thực tế ko có loài nào như vậy⭢ dốt kiến thức sách vở lẫn thực tế.  + Giấu dốt, thận trọng giữ sĩ diện hão: dặn học trò đọc khẽ⭢sợ người khác biết cái sai và sự liều lĩnh của mình.  + Xin bài âm dương⭢ được thần đồng ý⭢ đắc chí vì tin tưởng mình hoàn toàn đúng, tự cho mình giỏi⭢ yêu cầu học trò đọc to.  ⭢ Thầy đồ vừa dốt vừa mê tín.  ⭢ Nhân dân còn chê cười cái dốt của vị thổ công.  Đến đây, tiếng cười đã bật ra nhưng chưa giòn giã.  **- Tình huống thứ 2:** Bố của học trò chất vấn thầy đồ.  + Suy nghĩ của thầy đồ trước lời chất vấn của ông chủ nhà hay chữ lại đáo để: *“Mình đã dốt, thổ công nhà nó cũng dót nữa”* ⭢tự nhận thức được sự dốt nát của mình và vị thổ công.  + Cách xử lí:  Nhanh chóng tìm cách giải thích, biện bác về chữ “kê” một cách “sâu sắc”, “uyên bác”, giảng giải đến nguồn gốc tận ba đời.  ⭢ Sự láu cá, lí sự cùn, tự lật tẩy bản chất dốt nát của thầy đồ.  ⭢ Tiếng cười đã bật lên giòn giã hơn.  Câu cuối truyện: “Dủ dỉ”⭢ ko phải chữ Hán, ko phải là một loài vật nào và là từ vô nghĩa trong tiếng Việt. “Dù dì”⭢loài chim ăn thịt, cùng họ với cú, ko thể là chị của con công. “Con công” và “con gà” là hai lòai hoàn toàn khác nhau, ko có mối quan hệ nào là “con công là ông con gà”.  ⭢ Lời giải thích vòng vo, phi lôgíc, chỉ là một thứ lí sự cùn, vô nghĩa lí.  ⭢ Thầy đồ càng cố giấu dốt lại càng tự bóc trần bản chất dốt nát của mình.  ⭢ Tiếng cười đạt đến cao trào giòn giã.  ***b. Ý nghĩa phê phán của truyện:***  - Phê phán thói giấu dốt- một tật xấu có thật trong nội bộ nhân dân.  - Ngầm ý khuyên răn mọi người, nhất là những người đi học, chớ nên giấu dốt mà hãy mạnh dạn học hỏi ko ngừng.  ***c. Nghệ thuật:***  - Tạo mâu thuẫn.  - Đẩy mâu thuẫn phát triển trong những tình huống kịch tính, giải quyết bất ngờ, hợp lí.  - Sử dụng nhiều câu nói gây cười.  ***B. Văn bản 2***: *Nhưng nó phải bằng hai mày*.  ***1. Đọc.***  ***2.*** ***Bố cục:*** 3 phần.  + Mở truyện: *Câu 1*.  ⭢ Giới thiệu nhân vật lí trưởng và tài đặc biệt của y(xử kiện giỏi).  + Thân truyện: Tiếp đến *“Xin xét lại, lẽ phải thuộc về con mà!”*  ⭢ Diễn biến vụ kiện giữa Ngô và Cải nhờ thầy lí xử.  + Kết truyện: *Còn lại.*  ⭢Lời giải thích của thầy lí cho cách xử kiện của mình.  ***3. Tìm hiểu văn bản:***  ***a. Tính kịch trong lời đối đáp của thầy lí và Cải:***  - Quan hệ giữa nhân vật thầy lí và Cải: quan hệ xã hội, pháp luật.  + Thầy lí: người xử kiện, người cầm quyền ở địa phương, đại diện cho nhà nước phong kiến thực thi pháp luật, được người đời truyền tụng nổi tiếng do xử kiện giỏi.  + Cải: người dân lao động nghèo, lo tiền đút lót thầy lí, mong được xử thắng kiện.  - Cách xử kiện của thầy lí: Ko điều tra, ko phân tích, vội kết án ngay⭢ ko hề có sức thuyết phục.  ⭢ Tác động:  + Cải: ngạc nhiên, vội tìm cách kêu xin được xét lại.  + Ngô: im lặng vì đã được xử thắng kiện.  - Sự kết hợp giữa lời nói và động tác của hai nhân vật:  + Cải: Xin thầy lí xét lại ngầm kết hợp với cử chỉ xoè năm ngón tay.  ⭢ Nghĩa hàm ẩn: Lẽ phải của Cải = 5 ngón tay xoè = 5 đồng thầy lí đã nhận.  + Thầy lí: Hiểu ý Cải nhưng vẫn xử vậy ⭢giải thích nhanh, rất “hợp lí” mà đầy bất ngờ.  Kết hợp với lời nói là hành động xoè năm ngón tay trái úp lên 5 ngón tay phải.  ⭢ Nghĩa hàm ẩn: Lẽ phải của Ngô = 10 ngón tay = 10 đồng(gấp đôi của Cải) mà thầy lí đã nhận của Ngô.  ⭢ Lập luận tam đoạn luận:  Lẽ phải = Ngón tay/ bàn tay = Tiền.  ⭢ Lẽ phải = Tiền.  Lẽ phải trong xã hội xưa, theo những người cầm cân nảy mực như thầy lí, ko phải xuất phát từ pháp luật, công lí mà từ tiền, từ việc hối lộ. Đồng tiền là cán cân công lí, “nén bạc đâm toạc tờ giấy”.  ***b. Nghệ thuật gây cười:***  - Tương phản: lời đồn đại- sự thật về tài xử kiện của thầy lí.  - Nghệ thuật chơi chữ :*“Tao biết mày phải(1) nhưng nó lại phải(2)... bằng hai mày”.*  + Phải(1): lẽ phải, cái đúng, đối lập với cái sai, điều trái.  + Phải(2): điều bắt buộc cần phải có.  ***c. Bình luận về nhân vật Cải:***  - Vừa là nạn nhân vừa là thủ phạm tiếp tay cho tệ nạn quan liêu tham nhũng.  - Hành vi đút lót tiêu cực làm anh ta trở nên thảm hại, vừa đáng thương vừa đáng trách.  ***III. Tổng kết bài học:***  ***1. Nội dung:***  *\* Tam đại con gà****:***  - Phê phán thói giấu dốt- một tật xấu có thật trong nội bộ nhân dân.  - Khuyên răn con người chớ nên giấu dốt, phải ham học hỏi.  *\* Nhưng nó phải bằng hai mày****:***  - Phê phán bản chất tham nhũng, xử kiện vì tiền của quan lại địa phương trong XHVN xưa.  - Phê phán hành vi tiêu cực của một bộ phận nhân dân lao động xưa khi mắc vào vòng kiện tụng.  ***2. Nghệ thuật:***  - Kết cấu: chặt chẽ, ngắn gọn.  - Tạo mâu thuẫn phát triển nhanh, kết thúc bất ngờ làm bật lên tiếng cười nhiều sắc độ.  - Nhân vật: số lượng ít, nhân vật chính là đối tượng chủ yếu của tiếng cười.  - Ngôn ngữ: giản dị nhưng tinh tế, sắc sảo. |

**4.Củng cố kiến thức cho học sinh:** GV hệ thống lại nội dung bài học.

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:**

- Về học, tập kể lại 2 truyện đã học, sưu tầm thêm các truyện cười có cùng tiểu loại khác.

- Soạn bài: Ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa.

**NGÀY …./…/2020, BGH KÝ DUYỆT**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn:10/10/2020

Tiết 26: Đọc văn **CA DAO THAN THÂN, YÊU THƯƠNG, TÌNH NGHĨA (T1)**

( Bài 1,4,6 )

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:***

+Cảm nhận được nỗi niềm và tâm hồn của người bình dân xưa qua những câu hát than thân và lời ca yêu thương tình nghĩa ;

+ Nhận thức rõ thêm nghệ thuật đậm màu sắc dân gian trong ca dao

***2. Về kỹ năng****:* Đọc - hiểu ca dao theo đặc trưng thể loại.

***3. Về thái độ:*** Học tập nghiêm túc

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
|  | 10A9 |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ.**

Câu hỏi: Nêu nội dung chính và những nét đặc sắc về nghệ thuật của hai truyện cười đã học?

**3. Bài mới:**

Đã là người Việt, hẳn ko ai ko một lần ru hồn mình theo những giấc mơ đẹp của truyện cổ tích, lắng lòng với những lời ca dao, dân ca... Ca dao được coi là cây đàn muôn điệu của tâm hồn nhân dân Việt Nam. Bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về cây đàn ấy và những giai điệu tiêu biểu của nó: *Những bài ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa****.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| Hs đọc phần tiểu dẫn trong sgk.  - Nhắc lại khái niệm về ca dao?  Gv lưu ý hs phân biệt ca dao- dân ca:  + Ca dao là lời của dân ca.  + Dân ca là những sáng tác kết hợp lời (ca dao) và nhạc. Nói đến dân ca phải nói đến môi trường và hình thức diễn xướng (dân ca quan họ Bắc Ninh, hát ví, hắt dặm Nghệ Tĩnh,...)  Tác giả sgk dựa trên tiêu chí gì để phân chia ca dao thành các loại ntn?  - Nêu các đặc sắc cơ bản về nghệ thuật của ca dao?  Hs đọc diễn cảm các bài ca dao. Gv hướng dẫn hs đọc:  - Các bài ca dao than thân: giọng xót xa, thông cảm.  - Các bài ca dao yêu thương tình nghĩa: giọng tha thiết, sâu lắng.  - Xác định chủ đề của các bài ca dao?  - Âm điệu của bài ca dao có gì đặc biệt? Chủ thể lời than là ai? Chúng mở đầu ntn? Biện pháp nghệ thuật chung?  - Tìm 1 số câu ca dao có cùng mô-típ mở đầu bằng “Thân em...”?  Thân em như hạt mưa rào...; Thân em như giếng giữa đàng...; Thân em như miếng cau khô...; Thân em như cái chổi đầu hè...;...  - Phân tích ý nghĩa biểu cảm của hình ảnh: tấm lụa đào,  Hình ảnh so sánh - ẩn dụ *tấm lụa đào* và *tấm lụa đào phất phơ giữa chợ* có mối quan hệ ntn?  Gv gợi dẫn: Tâm hồn người Việt luôn đằm thắm yêu thương. Ca dao về tình yêu đôi lứa đặc biệt phong phú trong kho tàng ca dao Việt Nam... | ***I. Tiểu dẫn:***  ***1. Giới thiệu chung về ca dao:***  ***a. Khái niệm:***  Là lời thơ trữ tình dân gian, thường kết hợp với âm nhạc khi diễn xướng, được sáng tác nhằm diễn tả đời sống nội tâm con người.  ***b. Phân loại:***  Theo nội dung chủ đề:  - Ca dao than thân.  - Ca dao yêu thương tình nghĩa.  - Ca dao hài hước.  ***c. Đặc sắc nghệ thuật:***  - Dung lượng: ngắn gọn (từ 2 đến trên dưới 20 câu).  - Thể thơ: phần lớn được viết bằng thể lục bát và song thất lục bát cùng các biến thể của chúng.  - Ngôn ngữ:+ Giản dị, gần gũi với lời nói hàng ngày, giàu hình ảnh so sánh, ẩn dụ.  + Có lối diễn đạt bằng một số công thức mang đậm sắc thái dân gian (môtíp nghệ thuật).  - Cách cấu tứ:  + Phú: phô bày, diễn tả một cách trực tiếp, ko thông qua so sánh về người, việc, tâm tư, tình cảm.  VD: Đường vô xứ Nghệ quanh quanh/ Non xanh nước biếc như tranh họa đồ; Nhớ ai ra ngẩn vào ngơ/ Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai;...  + Tỉ: dùng các hình ảnh so sánh, ẩn dụ để bộc lộ tâm tình của người lao động.  VD: Nhớ ai bổi hổi bồi hồi/ Như đứng đống lửa như ngồi đống than; Thuyền ơi có nhớ bến chăng/ Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền;...  + Hứng: chỉ những bài ca dao trước nói đến “cảnh” (bao gồm cả sự vật, sự việc) sau mới bộc lộ “tình”(tình cảm, ý nghĩ, tâm sự)  VD: Trên trời có đám mây xanh/ ở giữa mây trắng, chung quanh mây vàng/ ước gì anh lấy được nàng/ Để anh mua gạch Bát Tràng về xây/ Xây dọc rồi lại xây ngang/ Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân;...  ***II. Đọc- hiểu văn bản:***  ***1. Đọc.***  ***2.Chủ đề:***  - Bài 1: ca dao than thân.  - Bài 4; 6: ca dao yêu thương tình nghĩa.  ***3. Tìm hiểu văn bản:***  ***3.1. Tiếng hát than thân (bài ca dao 1 ):***  ***a.*** ***Nét chung:***  + Âm điệu: xót xa, ai oán, than trách.  + Chủ thể lời than: người phụ nữ trong xã hội cũ.  + Công thức (môtíp) mở đầu: *Thân em*.  Chữ “thân” trong từ “ thân phận” chỉ địa vị xã hội thấp hèn và cảnh ngộ ko may của con người, do số phận định đoạt, ko thể thoát khỏi được (theo quan niệm duy tâm).  ⭢ Tạo cho lời than thân ngậm ngùi, xót xa, có tác dụng nhấn mạnh đến thân phận nhỏ nhoi, đáng thương của người phụ nữ.  ⭢ Môtíp “thân em” xuất hiện với tần số khá lớn trong ca dao.  ⭢ Lời than thân đã trở thành “lời chung’của người phụ nữ trong XHPK bất công.  + Biện pháp nghệ thuật: so sánh- ẩn dụ ⭢ Tạo mối quan hệ tương đồng giữa thân phận con người với sự vật, hiện tượng.  + Hình ảnh tấm lụa đào: sang trọng, quý giá, đẹp đẽ biểu tượng cho:  ⭢ Nhan sắc rực rỡ giữa độ xuân thì.  ⭢ Tâm hồn đằm thắm, dịu dàng của người phụ nữ.  ***b. Nét riêng độc đáo của bài ca dao:***  + Hình ảnh *tấm lụa đào* và *tấm lụa đào phất phơ giữa chợ*:  ⭢ sự đối lập giữa vẻ đẹp, giá trị >< thân phận.  Lẽ thường cuộc sống tương xứng dành cho người con gái có nhan sắc và phẩm hạnh tốt đẹp là cuộc sống hạnh phúc, bình yên.  Nhưng ở đây thân phận của cô chỉ được coi như*“tấm lụa đào phất phơ giữa chợ”,* như 1 món hàng giữa chợ đời.  Chợ: không gian ồn ào, phức tạp, xô bồ với đủ người thanh, kẻ thô, hiền nhân quân tử lẫn phàm phu tục tử ⭢ Tấm lụa đào ko thể tự lựa chọn người mua.  + *Phất phơ* ⭢ cái thế bấp bênh, chông chênh.  + *Biết vào tay ai* ⭢ cảm giác chới với, đắng cay của thân phận ko thể tự lựa chọn, quyết định được hạnh phúc, tương lai của mình. Nỗi đau xót nhất của nhân vật trữ tình trong lời than thở chính là khi vừa bước vào độ tuổi đẹp nhất, hạnh phúc nhất của cuộc đời thì nỗi lo thân phận lại ập đến ngay.  ▶Bài ca dao là lời than của cô gái có thân phận bị phụ thuộc, ko thể làm chủ và quyết định được tương lai, hạnh phúc của mình.  phú, giàu hình ảnh. |

**4.Củng cố kiến thức cho học sinh:** GV hệ thống lại nội dung bài học.

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:**

Yêu cầu hs:- Sưu tầm các câu ca da cùng nội dung chủ đề với những bài đã học.

- Tiếp tục tìm hiểu về những bài ca dao yêu thương tình nghĩa.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn:11/10/2020

Tiết 27: Đọc văn

**CA DAO THAN THÂN, YÊU THƯƠNG, TÌNH NGHĨA (T2)**

( Bài 1,4,6 )

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:***

+Cảm nhận được nỗi niềm và tâm hồn của người bình dân xưa qua những câu hát than thân và lời ca yêu thương tình nghĩa ;

+ Nhận thức rõ thêm nghệ thuật đậm màu sắc dân gian trong ca dao

***2. Về kỹ năng****:* Đọc - hiểu ca dao theo đặc trưng thể loại.

***3. Về thái độ:*** Học tập nghiêm túc

***4.Năng lực***:

- Năng lực trình bày suy nghĩ , cảm nhận cá nhân về ‎ nghĩa văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nội dung và nghệ thuật của văn bản

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
|  | 10A9 |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ.**

Câu hỏi: Đọc thuộc hai bài ca dao than thân đã học? Nêu ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh tấm lụa đào?

**3. Bài mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **3.1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:** Đọc một số bài ca dao mà em biết? Sau đó Gv dẫn dắt vào bài | |
| **3.2.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| Gv dẫn dắt: Nỗi nhớ là hiện thân của tình yêu... Nhưng nó vốn trừu tượng: *“Tương tư phải cái nó làm sao/ Muốn vẽ mà chơi vẽ được nào”* (Nguyễn Công Trứ). Song với tác giả dân gian, nỗi nhớ ấy lại được diễn tả một cách thật cụ thể, tinh tế và gợi cảm...  - Nhân vật trữ tình trong bài ca dao này là ai?  - Trong 10 câu đầu, tính từ nào được sử dụng lặp đi lặp lại nhiều lần? Nó diễn tả tâm trạng, tình cảm gì của cô gái?  - Không chỉ dùng tính từ bộc lộ trực tiếp cảm xúc, để bộc lộ nỗi lòng thương nhớ, cô gái còn mượn những hình ảnh biểu tượng nào?  - Hình ảnh cái khăn được nói đến nhiều nhất trong bài ca dao. Vì sao vậy?  - Tìm điệp ngữ và ý nghĩa của nó trong 6 câu thơ đầu?  - Những trạng thái nào của chiếc khăn được miêu tả? ý nghĩa của chúng? Nghệ thuật được sử dụng ở đây?  - Hình ảnh ngọn đèn gợi khoảng thời gian nào? Từ đó, em thấy sự vận động nào của nỗi nhớ? Ý nghĩa của hình ảnh *“Ngọn đèn ko tắt”*?    - Từ cách mượn cái khăn, ngọn đèn bộc lộ lòng mình đến cách miêu tả nỗi nhớ thông qua đôi mắt, em thấy sự vận động của nỗi nhớ được diễn tả ntn?  Gv liên hệ đến bài “Sóng”(Xuân Quỳnh) khắc sâu kiến thức.  - Sự khác biệt về thể thơ của 2 câu kết so với 10 câu trên?  - Em hiểu thế nào là cảm xúc lo phiền?  - Cô gái lo phiền về điều gì?  - Trong 1 chỉnh thể nghệ thuật, dù có tồn tại những trạng thái cảm xúc trái ngược nhau thì sự tồn tại của chúng ko độc lập, tách rời nhau. Bài ca dao nàycó đề cập đến 2 ý rất rõ ràng. Theo em, giữa chúng có mối quan hệ ntn?  Gv dẫn dắt: Hình ảnh *muối mặn- gừng cay* là 2 hình ảnh gắn bó, thường được nhắc đến trong ca dao như những biểu tượng cho tình nghĩa thuỷ chung của con người: *“Tay nâng chén muối đĩa gừng/ Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau”,*...  - Bên cạnh việc dùng biểu tượng, hai câu cuối bài ca dao tiếp tục khẳng định điều gì?  Yêu cầu hs đọc và học phần ghi nhớ (sgk).  - Qua chùm ca dao đã học, em thấy những biện pháp nghệ thuật nào thường được dùng trong ca dao? | ***3.2. Tiếng hát yêu thương tình nghĩa ( Bài 4,6 ).***  ***a. Những điểm chung:***  - Nội dung: thể hiện những cung bậc cảm xúc của con người trong tình yêu nam nữ ,tình nghĩa vợ chồng.  - Nghệ thuật:  + Ngôn ngữ: phong phú, giàu hình ảnh.  + Cách cấu tứ: thể hứng .  ***b. Nét đặc sắc của từng bài ca dao:***  ***b****1****. Bài 4:***  - Nhân vật trữ tình: cô gái.  ***\* Nỗi nhớ thương***:  - Điệp từ “thương nhớ” (5 lần):  ⭢ nỗi nhớ chồng chất, triền miên, cồn cào, da diết như những lớp sóng đang dồn vỗ trong tâm hồn cô gái đang yêu.  ⭢ tình yêu chân thành, mãnh liệt, sâu sắc.  - Hình ảnh ***khăn***: + Là vật trao duyên, vật kỉ niệm gợi nhớ “người đàng xa”.  VD: *-“ Gửi khăn, gửi áo, gửi lời,*  *Gửi đôi chàng mạng cho người đàng xa”.*   * *“Nhớ khi khăn mở trầu trao*   *Miệng chỉ cười nụ biết bao nhiêu tình”.*  + Là vật luôn gắn bó, chia sẻ tâm tình với người con gái.  - Điệp từ “khăn” (6 lần, ở vị trí đầu câu thơ) ⭢cấu trúc điệp vắt dòng và điệp ngữ *“Khăn thương nhớ ai”* (3 lần) diễn tả nỗi nhớ triền miên, da diết, khắc khoải, vừa rất mãnh liệt vừa rất nữ tính..  - Những trạng thái của chiếc khăn:  + Thương nhớ.  + Rơi xuống đất.  + Vắt lên vai.  + Chùi nước mắt.  ⭢ Những hình ảnh nhân hoá và một loạt các động từ chỉ sự vận động trái chiều (vắt 🢖🢔 rơi, lên 🢖🢔 xuống) cộng hưởng với hình ảnh những giọt nước mắt đã diễn tả *nỗi nhớ trải ra ko gian nhiều chiều và tâm trạng rối bời, ngổn ngang trăm mối* của cô gái.  - Hình ảnh ***ngọn đèn***⭢ gợi thời gian ban đêm⭢ nỗi nhớ chuyển từ ko gian sang thời gian, từ ngày sang đêm nên càng thêm sâu sắc, da diết.  - Hình ảnh ngọn đèn ko tắt⭢ là ẩn dụ *chỉ ngọn lửa tình yêu bừng cháy, mãnh liệt, nỗi nhớ đằng đẵng với thời gian*.  ⭢ Hình ảnh ngọn đèn gợi tả *chiều dài của nỗi nhớ dằng dặc theo thời gian*.  - Hình ảnh ***đôi mắt***:  + Là hình ảnh hoán dụ.  + Là cửa sổ tâm hồn⭢ con người khó giấu cảm xúc, tình yêu qua nó.  ⭢ *“Mắt ngủ ko yên”*⭢ Sự trằn trọc, thao thức ⭢ nỗi nhớ xâm nhập cả tiềm thức và vô thức của cô gái.  ⭢ Hình ảnh đôi mắt diễn tả *chiều sâu của nỗi nhớ*.  🢡10 câu đầu:  + Diễn tả *ko gian ba chiều của nỗi nhớ* (trải rộng theo ko gian, trải dài theo thời gian và thâm nhập vào chiều sâu tiềm thức và vô thức của con người).  + Thể hiện sự vận động cứ tăng dần, mãnh liệt, sôi trào của nỗi nhớ.  ***\* Nỗi lo phiền***:  - Thể thơ: lục bát (khác 10 câu trên: thể vãn bốn)⭢ âm điệu da diết, khắc khoải, lắng sâu.  - Lo phiền: lo lắng, phiền muộn ⭢ tâm trạng nảy sinh khi con người đối diện với những trở ngại trong cuộc sống.  - Cô gái lo phiền: vì ko yên một bề.  ⭢ Nỗi lo của cô gái trước ngưỡng cửa hôn nhân.  Đặt trong hoàn cảnh cuộc sống người phụ nữ xưa và trong hệ thống những bài ca dao than thân về hôn nhân gia đình ⭢ cô gái lo âu vì lễ giáo PK bất công, hủ tục của xa hội cũ khiến tình yêu dù có thiết tha sâu nặng nhưng ko dễ gì dẫn tới được hôn nhân, đơm hoa kết trái: *“Thương anh cũng muốn nói ra/ Sợ mẹ bằng đất, sợ cha bằng trời”*.  ***\*Mối quan hệ giữa nỗi nhớ thương vànỗi lo phiền:***  - Cùng một cội rễ nguyên nhân:  + Thương nhớ: vì yêu, vì xa cách.  + Lo phiền: vì yêu, vì tình yêu còn bị ngăn cách bởi những trở ngại  - Bước phát triển từ cảm xúc nhớ thương đến nỗi lo âu mênh mông cho hạnh phúc lứa đôi thể hiện khao khát hạnh phúc chính đáng của người con gái.  ***🞂 Tiểu kết***: Bài ca dao thể hiện nỗi nhớ thương bồn chồn, da diết xen lẫn những lo âu của một trái tim chân thành, cháy bỏng yêu thương.  ***b2. Bài 6:***  - Muối và gừng:  + Là những gia vị trong bữa ăn của nhân dân ta.  + Còn được dùng như những vị thuốc lúc đau ốm của người lao động nghèo.  + Là những vật luôn gắn bó với nhau.  + Thử thách thời gian không làm nhạt phai hương vị: *Muối- 3 năm- còn mặn/ Gừng- 9 tháng- còn cay.*  - Hình ảnh biểu tượng: *muối mặn- gừng cay*  ⭢ Đó là *những hình ảnh ẩn dụ tượng trưng cho những trải nghiệm cay đắng, mặn mà của tình người nhất là tình cảm vợ chồng*.  ⭢ Đồng thời sự gắn bó tự nhiên của chúng còn *biểu trưng cho tình nghĩa thủy chung của con người*.  - Tình nghĩa con người:  Ba vạn sáu ngàn ngày- mới xa.  ⭣Cả đời người  ⭢ Chỉ có cái chết mới đủ sức chia lìa con người.  ***🞂 Tiểu kết***: Bài ca dao trên thể hiện sự gắn bó thuỷ chung, son sắt, bền vững của tình cảm vợ chồng.  ***III. Tổng kết bài học:***  Những biện pháp nghệ thuật mà ca dao thường dùng:  - Sự lặp lại các công thức mở đầu (môtíp nghệ thuật).  - Các hình ảnh biểu tượng: chiếc cầu, tấm khăn, ngọn đèn, gừng cay- muối mặn,...  - Các biện pháp tu từ: so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, điệp ngữ,...  - Thể thơ: lục bát, song thất lục bát và các biến thể của chúng, vãn bốn, vãn năm, hỗn hợp,... |
| **3.3.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| - Mục tiêu, ý tưởng: Khắc sâu kiến thức đã học.  - Nội dung hoạt động: Định hướng cho HS TLCH.  - Cách thức thực hiện:HS TL CH | ?Qua chùm ca dao đã học, anh chị thấy những biện pháp nghệ thuật nào thường được sử dụng trong ca dao? Những biện pháp đó có nét gì khác so với nghệ thuật thơ của văn học viết?  Gợi ý: Những biện pháp nghệ thuật:  + So sánh ẩn dụ  + Lặp lại mô thức mở đầu  + Sử dụng một số hình ảnh đã thành biểu tượng: cây đa, giếng nước, mái đình...  Thơ trong văn học viết mang đậm dấu ấn sáng tạo của cá nhân người sáng tác, ca dao thường sử dụng các biện pháp nghệ thuật ( trùng lặp về mô thức) mang đậm sắc thái dân gian |
| **3.4.HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà | - Sưu tầm thêm những bài ca dao mở đầu bằng "thân em" và "ước gì"  - Sưu tầm những bài ca dao yêu thương tình nghĩa |
| **3.5.MỞ RỘNG, PHÁT TRIỂN Ý TƯỞNG SÁNG TẠO (Ở NHÀ)** | |
| -Mục tiêu, ý tưởng: giúp HS củng cố và khắc sâu kiến thức bài học.  - Phương tiện: Các tài liệu tham khảo. | Sưu tầm các câu ca da cùng nội dung chủ đề với những bài đã học. |

**\*Dặn dò:** Đọc trước bài tiếng Việt: Đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn:24/10/2020

Tiết 28:Tiếng Việt

**ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT**

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:***

+Nắm được những đặc điểm về tình huống giao tiếp, các phương tiện ngôn ngữ chủ yếu và các phương tiện hỗ trợ của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

+ Có kĩ năng sử dụng ngôn ngữ thích hợp với dạng nói và dạng viết.

***2. Về kỹ năng****:*

+ Những kĩ năng thuộc về hoạt động nói và hoạt động nghe trong giao tiếp ở dạng ngôn ngữ nói (nói : phát âm, ngữ điệu, phối hợp cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, quan sát người nghe, điều chỉnh lời nói,... ; nghe : chăm chú theo dõi, phản ứng lại, đổi vai nói, hồi đáp người nói,...)

+ Những kĩ năng thuộc hoạt động viết và hoạt động đọc trong giao tiếp ở dạng ngôn ngữ viết (viết : xác định các nhân tố giao tiếp, lập đề cương, lựa chọn từ ngữ, thay thế từ ngữ, lựa chọn kiểu câu, dùng dấu câu, liên kết câu,... ; đọc : đọc thành tiếng, đọc diễn cảm, đọc hiểu, tóm tắt nội dung,...)

+ Kĩ năng phân biệt để không sử dụng nhầm lẫn giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết : tránh nói như viết, hoặc viết như nói.

***3. Về thái độ:*** Có ý thức cẩn trọng, sử dụng có hiệu quả ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

***4. Năng lực***: Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tự quản, năng lực giao tiếp,…

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
|  | 10A9 |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ.**

Câu hỏi: Đọc thuộc các bài ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa đã học? Nêu ý nghĩa của các biểu tượng nghệ thuật: *tấm lụa đào, gừng cay- muối mặn*?

**3. Bài mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **3.1.HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| Gọi HS thiết lập một hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ nói. HS rút ra nhận xét. | Gv dẫn dắt vào bài mới:  Trong giao tiếp hàng ngày sử dụng ngôn ngữ nói và viết thế nào cho phù hợp và đạt hiệu quả là một vấn đề quan trọng, thiết thực. Bài học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu |
| **3.2.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| Gv hướng dẫn, gợi mở cho hs bằng các câu hỏi để lập bảng đối sánh ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết trên các mặt: khái niệm, các đặc đểm. | ***I. Khái niệm, đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết:***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các mặt** | **Ngôn ngữ nói** | **Ngôn ngữ viết** | | **1.**  **Khái niệm.** | Là ngôn ngữ âm thanh, là lời nói trong giao tiếp hàng ngày, ở đó người nói và người nghe tiếp xúc trực tiếp với nhau, có thể luân phiên nhau trong vai nói và vai nghe. | Là ngôn ngữ được thể hiện bằng chữ viết trong văn bản và được tiếp nhận bằng thị giác. | | **2. Đặc điểm.**  **a.Phương tiện(chất liệu).**  **b.Hoàn cảnh sử dụng.**  **c.Mặt bên kia của hệ thống ngôn ngữ:** | - Phương tiện chủ yếu: lời nói- chuỗi âm thanh ngôn ngữ mà con người có thể nhận biết bằng thính giác, trải ra trong thời gian.  - Phương tiện hỗ trợ:giọng điệu (ngữ điệu), nét mặt, cử chỉ, điệu bộ,...của người nói.  - Có tính chất tức thời, ko được dàn dựng trước, người nói ít có cơ hội gọt giũa, kiểm tra, người nghe ít có điều kiện phân tích kĩ.  - Có người nghe trực tiếp, người nghe có thể phản hồi để người nói điều chỉnh, sửa đổi.  Ngữ âm:  + Sử dụng đúng và tốt hệ thống ngữ âm, tránh lối phát âm địa phương (trừ 1 số trường hợp có mục đích tu từ)  + Sử dụng tốt ngữ điệu.  -Từ ngữ:  Đa dạng: Từ toàn dân, từ địa phương, khẩu ngữ, tiếng lóng, biệt ngữ,...  - Câu:  + Thường ngắn gọn, dùng nhiều câu tỉnh lược.  + Có câu rườm rà, có yếu tố dư thừa, trùng lặp. | - Phương tiện chủ yếu: chữ viết- hệ thống kí tự của ngôn ngữ được người đọc nhận biết bằng thị giác, trải ra theo ko gian.  - Phương tiện hỗ trợ:hệ thống dấu câu, các kí hiệu văn tự, các hình ảnh minh họa, các bảng biểu, sơ đồ,...  - Có diều kiện dàn dựng, người viết có điều kiện gọt giũa, kiểm tra, đạt tính chính xác cao, người đọc có điều kiện đọc lại, phân tích kĩ.  - Thường ko có người nghe trực tiếp. Số lượng người đọc đông đảo trong phạm vi ko gian rộng lớn và thời gian lâu dài.  - Chữ viết:  +Đúng chuẩn chính tả, tránh dùng các từ phát âm địa phương nếu ko cần thiết.  + Đúng quy cách tổ chức văn bản, con chữ, dấu câu.  -Từ ngữ:  + Dùng từ phù hợp với phong cách chức năng của văn bản được tạo lập.  + Tránh dùng từ ngữ riêng của phong cách hội thoại nếu ko cần thiết.  - Câu:  + Thường dùng câu dài, nhiều thành phần nhưng được tổ chức mạch lạc, chặt chẽ.  + Có thể dùng câu tỉnh lược một thành phần (CN hoặc VN) tránh dùng câu tỉnh lược cả CN và VN nếu ko có tác dụng tu từ. | |
| **3.3.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| HS thảo luận nhóm  Nhóm 1: bài tập 1  Nhóm 2: bài tập 2  Nhóm 3: bài tập 3  Đại diện nhóm trình bày  Các nhóm nhận xét  Gv hoàn thiện | ***II. Luyện tập:***  ***Bài 1:***  - Đặc điểm của ngôn ngữ viết biểu hiện:  + Chữ viết: đúng chuẩn chính tả.  +Từ ngữ: Sử dụng lớp từ thuật ngữ của phong cách ngôn ngữ chính luận (vốn chữ, từ vựng, ngữ pháp, phong cách, thể văn, văn nghệ, chính trị, khoa học, kĩ thuật).  Các từ ngữ chỉ thứ tự trình bày (1 là, 2 là, 3 là) ⭢ đánh dấu luận điểm rõ ràng, mạch lạc.  Sự lựa chọn và thay thế các từ: “tiếng ta” thay cho “ngữ pháp”⭢ quá trình suy nghĩ, nghiền ngẫm của người viết.  + Câu: các dấu câu (dấu phẩy tách vế, dấu chấm ngắt câu, dấu ba chấm biểu thị ý nghĩa liệt kê còn có thể tiếp tục) được sử dụng phù hợp.  ***2. Bài 2:***  - Từ ngữ:  + Các từ hô gọi: kìa, này...ơi, nhỉ.  + Khẩu ngữ: cô ả, nhà tôi, mấy , nói khoác, có khối, sợ gì, đằng ấy.  + Từ tình thái: có khối...đấy, đấy, thật đấy.  - Câu: Sử dụng kết cấu trong ngôn ngữ nói: Có...thì, Đã ...thì...  - Sự phối hợp giữa lời nói và cử chỉ:  Cười như nắc nẻ, con cớn, liếc mắt,...  ***Bài 3:***  ***a. Các lỗi:***  - Ko phân biệt thành phần TN- CN.  - Dùng các từ thuộc ngôn ngữ nói: thì, đã, hết ý.  ***⭢ Sửa lại***: Thơ ca Việt Nam đã thể hiện nhiều bức tranh mùa thu đặc sắc.  ***b. Các lỗi***:  - Dùng từ khẩu ngữ: vống lên, đến mức vô tội vạ.  - Từ thừa: như.  ***⭢ Sửa lại***: Còn máy móc, thiết bị do nước ngoài đưa vào góp vốn thì ko được kiểm soát, họ sẵn sàng khai quá mức thực tế một cách tuỳ tiện.  ***c. Lỗi sai***:  - Câu tối nghĩa, lủng củng.  - Từ khẩu ngữ: sất(hết).  - Từ thừa: thì.  ***⭢ Sửa lại***: Chúng tiêu diệt ko thương tiếc các loài sống ở dưới nước như cá, rùa, ba ba, ếch, nhái, tôm, cua, ốc,... và ngay cả các loài chim quen kiếm ăn trên sông nước như cò, vạc, vịt, ngỗng,... chúng cũng chẳng buông tha! |
| **3.4.HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà | - Nắm vững kiến thức đã học  - Làm bài tập phần vận dụng |
| **3.5.MỞ RỘNG, PHÁT TRIỂN Ý TƯỞNG SÁNG TẠO** | |
| -**Mục tiêu, ý tưởng:** giúp HS củng cố và khắc sâu kiến thức bài học.  - Phương tiện: Các tài liệu tham khảo. | Hãy viết lại truyện cười Tam đại con gà mà không dùng hình thực đối thoại? |

**\* Dặn dò:** Soạn bài: Ca dao hài hước.

**NGÀY …../…../2020, BGH KÝ DUYỆT**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Ngày soạn:25/10/2020

Tiết 29: Đọc văn **CA DAO HÀI HƯỚC** ( Bài 1,2 )

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:***

+ Cảm nhận được tiếng cười lạc quan yêu đời của người bình dân trong xã hội xưa ;

+ Thấy được nghệ thuật trào lộng thông minh, hóm hỉnh trong các bài ca dao hài hước.

***2. Về kỹ năng****:* Đọc - hiểu ca dao theo đặc trưng thể loại.

***3. Về thái độ:*** Có thái độ trân trọng và yêu mến tâm hồn lạc quan yêu đời qua tiếng cười của nhân dân lao động trong ca dao hài hước.

***4. Năng lực:***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực đọc- hiểu thơ dân gian theo đặc trưng thể loại.

- Năng lực trình bày suy nghĩ , cảm nhận cá nhân về ‎ nghĩa văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nội dung và nghệ thuật của vb

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
|  | 10A9 |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ.**

Câu hỏi: Nêu những đặc điểm khác biệt của ngôn ngữ nói và ngôn ngũ viết?

**3. Bài mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **3.1.HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| Đọc một số bài ca dao hài hước mà em biết? | **Sau đó Gv dẫn dắt vào bài:** Tiếng cười giải trí, mua vui, tiếng cười tự trào (tự cười mình) và tiếng cười châm biếm, phê phán xã hội của người bình dân Việt Nam xưa còn thể hiện trong ca dao. Đó là những bài ca dao hài hước, ca dao trào phúng. Tiếng cười lạc quan của nhân dân lao động ở đây được biểu hiện rất giòn giã, khoẻ khoắn, phong phú và độc đáo |
| **3.2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| Gv hướng dẫn hs đọc và nhận xét kết quả.  Bài 1: Giọng vui tươi, dí dỏm, mang hình thức đối đáp.  Bài 2: Giọng vui, dí dỏm, chế giễu, nhấn mạnh các từ: làm trai và các động từ.  - Cả 2 bài ca dao đều thuộc loại ca dao hài hước nhưng có thể phân loại cụ thể ntn?  Gv dẫn dắt: Cưới xin là việc hệ trọng trong cuộc đời mỗi người nên nó thường được tổ chức rất trng trọng. Do đó, nó phô diễn rõ gia cảnh của con người. Thách cưới và dẫn cưới là những tục lệ lâu đời của người Việt Nam.  - Bài ca dao số 1 được viết theo hình thức nào?  - Cách nói của chàng trai về lễ vật dẫn cưới có gì đặc biệt? Qua đó, em thấy gì về gia cảnh và con người của chàng trai? Liên hệ với một số bài ca dao có cùng chủ đề?  - Em hiểu gì về nghĩa của từ “sang” trong lời đánh giá của cô gái về lễ vật dẫn cưới của chàng trai?  Đó là lời đánh giá trang trong hay là lời biểu lộ tấm lòng bao dung của cô gái cùng chung cảnh ngộ với chàng trai?  - Nêu cảm nhận về tiếng cười của người lao động trong cảnh nghèo? (họ cười điều gì? cười ai? ý nghĩa của tiếng cười?)  - Khái quát chung về những biện pháp nghệ thuật của bài ca dao trên?  - Bài ca dao số 2 chế giễu đối tượng nào trong xã hội? Mức độ chế giễu ra sao và thái độ của tác giả dân gian đối với những người đó ntn?  - Tìm một vài bài ca dao có cùng môtíp mở đầu như bài ca dao số 2?  - Các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong bài này là gì?  - Tiếng cười bật ra từ đâu?  - Ý nghĩa của bài ca dao này?  Hs đọc và học phần ghi nhớ(sgk).  - Những biện pháp nghệ thuật mà ca dao hài hước thường sử dụng là gì? | ***I.Tiểu dẫn:***  ***1. Khái niệm.***  ***2. Tìm hiểu tiểu loại:***  - Bài 1: Ca dao hài hước tự trào (tự cười mình).  ⭢ Mục đích: mua vui, biểu hiện tinh thần lạc quan.  - Bài 2 : Ca dao hài hước châm biếm, phê phán.  ⭢ Mục đích: mua vui, châm biếm, phê phán cái xấu.  ***II. Đọc hiểu văn bản:***  ***1. Bài 1:***  - Viết theo thể đối đáp giữa chàng trai và cô gái (2 nhân vật trữ tình).  ***\*Lời chàng trai về lễ vật dẫn cưới:***  + Cách nói khoa trương, phóng đại: Dẫn voi- dẫn trâu- dẫn bò⭢ lễ vật sang trọng.  + Cách nói giả định: “toan dẫn”⭢ là cách nói thường gặp trong lời nói tưởng tượng về các lễ vật sang trọng, linh đình của các chàng trai nghèo đang yêu ngày xưa.  + Cách nói đối lập:  Dẫn voi 🢖🢔 Sợ quốc cấm.  Dẫn trâu 🢖🢔 Sợ họ máu hàn.  Dẫn bò 🢖🢔 Sợ họ nhà nàng co gân.  ⭢ Chàng trai là người cẩn thận, biết quan tâm và tôn trọng gia tộc nhà cô gái. Đồng thời, chàng còn là người khéo léo, có lí, có tình, dễ tạo được sự cảm thông của mọi người và nhất là của cô gái.  + Cách nói giảm dần: voi⭢ trâu⭢ bò⭢chuột.  ⭢ Tiếng cười bật lên, vì:  + Lễ vật của anh “sang trọng”, khác thường quá, cũng là loài “thú bốn chân” ngang tầm với voi, trâu, bò.  + Chàng trai khéo nói quá.  ⭢ Gia cảnh thực của chàng trai: rất nghèo.  Tính cách của chàng trai: cẩn thận, chu đáo, khéo léo, dí dỏm, ưa trào lộng.  ***\* Lời cô gái:***  - Lời đánh giá về lễ vật dẫn cưới của chàng trai:  Sang⭢ có giá trị cao.  ⭨ đàng hoàng, lịch sự.  ⭢ Tấm lòng bao dung của cô gái cùng chung cảnh ngộ với chàng trai.  - Cách nói về lễ vật thách cưới:  + Cách nói đối lập:  Người ta 🢖🢔 Nhà em  Thách lợn, gà. Thách một nhà khoai lang. “Một nhà khoai lang” ⭢số lượng bằng một nhà.  cả nhà, cả họ nhà khoai lang (củ to, củ nhỏ, củ rím, củ hà,...)  + Lễ vật “một nhà khoai lang” vừa khá lớn lại vừa thật bình dị mà khác thường của lề vật thách cưới của gia đình cô gái làm bật lên tiếng cười.  Lời giải thích của cô gái về việc sử dụng lễ vật thách cưới:  Củ to- mời làng.  Củ nhỏ- họ hàng ăn chơi.  Củ mẻ- con trẻ ăn chơi.  Củ rím, củ hà- lợn, gà ăn.  ⭢ Sự đảm đang, tháo vát, tình cảm đậm đà của cô gái nghèo với họ hàng, gia đình, làng xóm.  ⭢ Cuộc sống sinh hoạt hoà thuận, nghĩa tình trong nhà ngoài xóm của nhân dân lao động.  + Cách nói giảm dần: Củ to⭢ củ nhỏ⭢ củ mẻ⭢ củ rím⭢ củ hà.  ⭢ Tính hất trào lộng, đùa vui.  ⭢ Là lời thách cưới khác thường, vô tư, thanh thản, tràn đầy lòng lạc quan yêu đời.  ***🞂 Tiểu kết:***  - Bài ca dao trên là tiếng cười tự trào về cảnh nghèo của người lao động.  - Ý nghĩa :  + Thể hiện tinh thần lạc quan, yêu đời, vượt lên cuộc sống khốn khó.  + Triết lí nhân sinh đẹp: đặt tình nghĩa cao hơn của cải.  - Nghệ thuật gây cười:  + Cách nói khoa trương, phóng đại.  + Cách nói giảm dần.  + Cách nói đối lập.  + Sử dụng chi tiết, hình ảnh hài hước.  ***2. Bài ca dao số 2:***  - Mở đầu bằng môtíp quen thuộc: Làm trai cho đáng nên trai.  - Đối lập:  Câu 1 🢖🢔 Câu 2  Lẽ thường Sự thật về anh chàng  trong bài ca dao này  - Lẽ thường: Làm trai phải có sức trai khoẻ mạnh, giữ vai trò trụ cột trong gia đình, là chỗ dựa vững chắc cho vợ con, phải là *“Xuống đông đông tĩnh, lên đoài đoài yên”, “Phú Xuân đã trải, Đồng Nai đã từng”,...*  - Hình ảnh phóng đại, đối lập:  Khom lưng chống gối 🢖🢔 Gánh đôi hạt vừng Tư thế rất cố gắng, ra sức, Công việc quá bé cố hết sức. nhỏ.  ⭢Tiếng cười bật lên giòn giã.  ***🞂 Tiểu kết***: Bài ca dao châm biếm, phê phán những anh chàng yếu đuối, ko đáng sức trai, vô tích sự.  ***III. Tổng kết bài học:***  Nghệ thuật của ca dao hài hước:  - Biện pháp tu từ: phóng đại, tương phản, đối lập.  - Hư cấu tài tình, khắc họa nhân vật bằng những chi tiết nghệ thuật đặc sắc, có giá trị khái quát cao.  - Ngôn ngữ giản dị mà hàm chứa ý nghĩa sâu sắc. |
| **3.3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| - Mục tiêu, ý tưởng: Khắc sâu kiến thức đã học.  - Nội dung hoạt động: Định hướng cho HS TLCH.  - Cách thức thực hiện: HS TL CH  ?Những biện pháp nghệ thuật nào thường được sử dụng trong ca dao hài hước ? | **Gợi ý:** Những biện pháp nghệ thuật:  - Hư cấu dựng cảnh tài tình  - Cường điệu phóng đại, tương phản đối lập  - Dùng ngôn ngữ đời thường mà hàm chứa ý nghĩa sâu sắc. |
| **3.4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà | Sưu tầm những bài ca dao hài hước, châm biếm: Rút ra nội dung và nghệ thuật |

**\* Dặn dò**: Soạn bài: ôn tập VH DG

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Khương Thị Thủy**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn:29/10/2020

Tiết 30,31: Đọc văn

**ÔN TẬP VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM**

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:***

+ Nắm được một cách có hệ thống các tri thức về đặc trưng, thể loại, giá trị của các tác phẩm văn học dân gian qua các tác phẩm đã học ;

+ Biết vận dụng kiến thức đã học để tìm hiểu các tác phẩm văn học dân gian cụ thể.

***2. Về kỹ năng****:* Nhận biết một cách có ý thức về các tác phẩm văn học dân gian.

***3. Về thái độ:*** Có tình cảm trân trọng, tự hào về VHDGVN.

***4. Năng lực:*** Năng lực tự chủ và tự học, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo;năng lực thẩm mỹ, năng lực tư duy; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ.** Lồng ghép trong giờ

***3. Bài mới:***

***Giới thiệu bài***: Trong suốt mười tuần học trước, chúng ta đã được tìm hiểu bài khái quát và các tác phẩm ưu tú thuộc nhiều thể loại của VHDG. Người ta nói “văn ôn, võ luyện” nên để nắm vững các kiến thức về VhDG đã học, hôm nay, chúng ta sẽ cùng ôn tập về VHDG theo những câu hỏi trong sgk.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **3.1.HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | | | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung cần đạt** | | | |
| **–Mục tiêu, ý tưởng:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS vào bài học.  **-Phương tiện:** một số bài đồng giao | | GV cho HS đọc một số bài đồng giao. Từ đó giới thiệu các thể loại của VHDG VN | | | |
| **3.2.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | | | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung cần đạt** | | | |
| Gv chia hs thành các nhóm thảo luận, trả lời những câu hỏi ôn tập trong sgk dựa trên bài soạn đã làm ở nhà.  Câu 1: Trình bày các đặc trưng cơ bản của VHDG, minh họa bằng các tác phẩm, đoạn trích đã học?  Câu 2: VHDGVN có những thể loại gì? Nêu các đặc trưng chủ yếu của các thể loại: sử thi (sử thi anh hùng), truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, ca dao, truyện thơ?  Lập bảng hệ thống các thể loại VHDG?  Hs trình bày bảng chuẩn bị của mình. Gv nhận xét, bổ sung, đưa ra bảng phụ. | | ***I. Nội dung ôn tập:***  ***1. Câu 1:***  Các đặc trưng cơ bản của VHDG:  - VHDG là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng (tính truyền miệng).  VD: Kể chuyện *Tấm Cám*, *Thạch Sanh*,...; kể- hát sử thi *Đăm Săn*; lời thơ trong ca dao được hát theo nhiều làn điệu; các vở chèo được trình diễn bằng lời, nhạc, múa và diễn xuất của nghệ nhân,...  - VHDG là sản phẩm của quá trình sáng tác tập thể (tính tập thể).  VD: Các bài ca dao than thân cùng môtíp mở đầu bằng hai chữ “thân em”,...  - VHDG gắn bó mật thiết với các sinh hoạt khác nhau của đời sống cộng đồng (tính thực hành).  VD: Kể khan *Đăm Săn* ở các nhà Rông của người Ê-đê; Truyền thuyết *An Dương Vương và Mị Châu- Trọng Thủy* gắn với lễ hội Cổ Loa;...  ***2. Câu 2:***  Bảng tổng hợp các thể loại VHDG:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Truyện DG | Câu nói DG | Thơ ca DG | Sân khấu DG | | - Thần thoại.  - Sử thi.  - Truyền thuyết.  - Cổ tích.  - Ngụ ngôn.  - Truyện cười.  - Truyện thơ. | -Tục ngữ.  - Câu đố. | - Ca dao.  - Vè. | - Chèo. |   - Các đặc trưng chủ yếu của một số thể loại VHDG:  ***Câu 3:*** Câu 3: Lập bảng tổng hợp so sánh các truyện dân gian đã học theo mẫu sgk. | | | |
| **BẢNG PHỤ CHO CÂU 3** | | | | | |
| **Thể loại** | **Mục đích sáng tác** | **Hình thức lưu truyền** | **Nội dung phản ánh** | **Kiểu nhân vật chính** | **Đặc điểm nghệ thuật** |
| 1.Sử thi | Ghi lại c/s và ước mơ phát triển cộng đồng của người Tây nguyên xưa. | Hát- kể | XH Tây Nguyên cổ đại ở thời kì công xã thị tộc. | Người anh hùng sử thi cao đẹp, kì (Đăm Săn) | Biện pháp so sánh, phóng đại, trùng điệp tạo nên những hình tượng hoành tráng, hào hùng. |
| 2.Truyền thuyết. | Thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử. | Kể- diễn xướng (lễ hội dân gian) | Kể về các sự kiện và nhân vật lịch sử có thật nhưng đã được khúc xạ qua một cốt truyện hư cấu. | Nhân vật lịch sử được truyền thuyết hoá(An Dương Vương, Mị Châu, Ttọng Thủy,...) | Từ “cái lõi là sự thật lịch sử” đã được hư cấu thành câu chuyện mang yếu tố kì ảo, hoang đường. |
| 3.Truyện cổ tích. | Thể hiện nguyện vọng, ước mơ của nhân dân trong xã hội có giai cấp: chính nghĩa thắng gian tà. | Kể | Xung đột XH, cuộc đấu tranh giữa thiện- ác, chính nghĩa- gian tà. | Người con riêng, người mồ côi, người em út, người lao động nghèo khổ, bất hạnh, người có tài lạ,... | -Truyện hoàn toàn do hư cấu.  -Kết cấu trực tuyến.  - Kết thúc thường có hậu. |
| 4.Truyện cười. | -Mua vui, giải trí.  - Châm biếm, phê phán XH. | Kể | Những điều trái tự nhiên, những thói hư tật xấu đáng cười, đáng phê phán trong XH. | Kiểu nhân vật có thói hư tật xấu. | - Ngắn gọn.  - Tạo tình huống bất ngờ, mâu thuẫn phát triển nhanh, kết thúc đột ngột. |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Hs đọc và trả lời câu 4 trong sgk.  Gv nhận xét, bổ sung.  - Vì sao ca dao hay dùng các biểu tượng: cái khăn, cái cầu để bộc lộ tình yêu? Các hình ảnh cây đa, bến nước- con thuyền, gừng cay- muối mặn,... để nói lên tình nghĩa?  - So sánh tiếng cười tự trào và tiếng cười phê phán trong ca dao hài hước, từ đó nêu nhận xét về tâm hồn người dân lao động trong cuộc sống còn nhiều vất vả, lo toan?  - Nêu những biện pháp nghệ thuật thường được sử dụng trong ca dao? | | | ***4.Câu 4:***  **a. Ca dao than thân thường là lời của người phụ nữ trong xã hội cũ nói chung.**  - Vì:  + Họ vừa phải chịu ách áp bức bóc lột của giai cấp thống trị và những nỗi khổ vật chất khác.  + Vừa phải gánh chịu những khổ đau bất hạnh riêng của giới mình: thân phận bị phụ thuộc, giá trị của họ ko được ai biết đến,...  - Thân phận người phụ nữ hiện lên rát cụ thể qua lời so sánh hoặc ẩn dụ.  - Ca dao yêu thương tình nghĩa đề cập đến những tình cảm: tình yêu quê hương đất nước, tình cảm gia đình, tình nghĩa xóm giềng, tình cảm bạn bè, tình yêu nam nữ,...  ⭢ Vẻ đẹp tâm hồn: giàu nghĩa tình của người dân lao động.  - Các biểu tượng thường dùng:  + Cái khăn: vật gần gũi- đối tượng tâm tình, bộc lộ tình cảm; vật trao duyên, vật kỉ niệm.  + Cây cầu: nơi hò hẹn, gặp gỡ; nối nhịp tình yêu.  + Cây đa, bến nước⭢ những vật cố định⭢ biểu tượng cho người ở lại đợi chờ, chung thuỷ.  + Con thuyền⭢ vật di chuyển⭢ biểu tượng cho người ra đi.  + Gừng cay- muối mặn⭢ những cay đắng, mặn mà trong tình nghĩa con người đã trải nghiệm; tình cảm thuỷ chung của con người.  **b.So sánh tiếng cười tự trào và tiếng cười phê phán trong ca dao hài hước.**  - Tiếng cười tự trào: tự cười mình, phê phán, cảnh tỉnh trong nội bộ nhân dân, mong con người tự sửa những thói hư tật xấu của mình⭢ ý nghĩa nhân văn.  - Tiếng cười phê phán: đả kích, châm biếm những kẻ xấu xa, độc ác, bản chất bóc lột của giai cấp thống trị⭢ ý nghĩa xã hội.  ⭢ Tâm hồn lạc quan, yêu đời của nhân dân lao động.  - Những biện pháp nghệ thuật thường được sử dụng trong ca dao:  + Các biện pháp tu từ: So sánh, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hoá, chơi chữ, phóng đại, tương phản,...  + Diễn đạt theo 3 lối: phú (trình bày, diễn tả rõ sự vật, sự việc, tâm tư, tình cảm con người), tỉ (so sánh), và hứng (biểu lộ cảm xúc đối với ngoại cảnh, mở đầu cho sự biểu hiện tâm tình) | | | | | |
| **3.3.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | | | | | | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | | **Nội dung cần đạt** | | | | | |
| - Những nét nổi bật trong nghệ thuật miêu tả nhân vật anh hùng trong sử thi là gì? Nêu dẫn chứng minh họa?  - Nhờ những thủ pháp nghệ thuật đó, vẻ đẹp của người anh hùng sử thi đã được lí tưởng hoá ntn? | | | ***1. Câu 1:***  - Những nét nổi bật trong nghệ thuật miêu tả nhân vật anh hùng trong sử thi:  + Tưởng tượng phong phú, phóng khoáng, bay bổng.  VD: Những hình ảnh miêu tả tài múa khiên của đăm Săn.  + So sánh, phóng đại, tương phản.  VD: *“Chàng múa trên cao... như lốc”*; *“Thế là...ko thủng”*; *“Bắp chân...xà dọc”*;... | | | | | |
| ***2. Câu 2: Lập bảng*** | | | | | | | | |
| **Cái lõi sự thật lịch sử** | **Bi kịch được hư cấu** | | | **Những chi tiết hoang đường, kì ảo** | | **Kết cục của bi kịch** | | **Bài học rút ra** |
| Cuộc xung đột giữa An Dương Vương với Triệu Đà thời kì Âu Lạc. | Bi kịch tình yêu. | | | - Thần Kim Quy.  - Lẫy nỏ thần.  - Ngọc trai- giếng nước.  - Thần Kim Quy rẽ nước đưa An Dương Vương cầm sừng tê bảy tấc xuống biển.  - Máu Mị Châu⭢ ngọc trai, xác Mị Châu⭢ ngọc thạch. | | Mất tất cả (tình yêu, gia đình, đất nước) | | - Tinh thần cảnh giác.  -Xử lí đúng đắn mối quan hệ cái riêng- cái chung, nhà- nước, cá nhân- cộng đồng, lí trí- tình cảm. |
| - “ Đặc sắc nghệ thuật của truyện là thể hiện sự chuyển biến của hình tượng nhân vật Tấm: từ yếu đuối, thụ động đến kiên quyết đấu tranh giành lại sự sống và hạnh phúc cho mình”. Anh (chị) hãy phân tích truyện cổ tích Tấm Cám để làm sáng tỏ điều đó. | | | ***3. Câu 3:***  - Khi Tấm ở cùng mẹ con mụ dì ghẻ: Yếu đuối, thụ động.  ⭢ Chỉ biết khóc khi gặp khó khăn (khi bị trút hết giỏ tép, bống bị giết thịt, ko nhặt hết thóc, ko có quần áo đẹp đi xem hội) và nhờ Bụt giúp đỡ.  - Khi trở thành hoàng hậu: ko còn sự giúp đỡ của Bụt, Tấm kiên quyết đấu tranh giành lại cuộc sống và hạnh phúc.  ⭢ Bốn lần bị giết ⭢ Bốn lần hoá kiếp: chim vàng anh- cây xoan đào- khung cửi- quả thị⭢ trở lại làm người, xinh đẹp hơn xưa.  ⭢ Luôn vạch mặt, tố cáo tội ác của Cám.  - Lí giải:  + Ban đầu: Tấm chưa ý thức rõ về thân phận mình, mâu thuẫn gia đình chưa căng thẳng lại được Bụt giúp đỡ⭢ thụ động.  + Về sau: mâu thuẫn gia đình càng quyết liệt, phát triển thành mâu thuẫn xã hội, mâu thuẫn thiện- ác và Tấm lại ko nhận được sự giúp đỡ của Bụt⭢ kiên quyết đấu tranh.  - Ý nghĩa:  + Khẳng định sức sống, sức trỗi dậy mãnh liệt của con người trước sự vùi dập của các thế lực thù địch, sức mạnh của cái thiện, là cuộc đấu tranh đến cùng, triệt để của cái thiện với cái ác.  + Thể hiện sự phát triển tích cực của tính cách nhân vật.  + Thể hiện niềm tin, lòng nhân đạo và lạc quan của nhân dân lao động. | | | | | |
| ***4. Câu 4:***  Lập bảng ôn tập về 2 truyện cười đã học. | | | | | | | | |
| **Đối tượng cười** | | **Nội dung cười** | | | **Tình huống gây cười** | | **Cao trào để tiếng cười oà ra** | |
| 1. Truyện Tam đại con gà: Anh học trò làm gia sư (thầy đồ)  2. Nhưng nó phải bằng hai mày: Thầy lí, Cải và Ngô. | | -Thói giấu dốt, khoe khoang.  - Bi hài kịch của việc hối lộ và ăn hối lộ. | | | - Luống cuống ko biết chữ “kê”, học trò hỏi gấp.  - Bố học trò chất vấn thầy đồ.  - Cải đã đút lót mà ko những bị thua kiện lại còn bị đánh đòn. | | - Khi thầy đồ nói câu: *“Dủ dỉ là chị con công, con công là ông con gà”*.  - Câu nói cuối cùng của thầy lí: *“Tao biết mày phải nhưng nó phải...bằng hai mày”*. | |
| Hs phát biểu trả lời câu hỏi, đọc một số câu ca dao tìm được về các chủ đề mà sgk đưa ra.  Gv nhận xét, bổ sung hoàn chỉnh.  - Tìm một số bài thơ(câu thơ) của các nhà thơ trung đại và hiện đại có sử dụng chất liệu VHDG? | | | ***5. Câu 5:***  - Môtíp mở đầu các bài ca dao được lặp lại có tác dụng nhấn mạnh, tăng sức gợi cảm và làm người đọc (nghe) thêm hiểu sâu hơn về chúng.  - Các hình ảnh so sánh, ẩn dụ trong các bài ca dao đã học: tấm lụa đào, củ ấu gai, trăng, sao, mặt trời, khăn, đèn, chiếc cầu dải yếm,gừng cay-muối mặn.  - Các câu ca dao:  ***6. Câu 6:***  - Thơ Hồ Xuân Hương: bài *Bánh trôi nước*, *Mời trầu*,...  - Thơ Nguyễn Du: *Truyện Kiều*  VD: Ca dao có câu:  *Vầng trăng ai xẻ làm đôi,*  *Đường trần ai vẽ ngược xuôi hỡi chàng?*  ***Truyện Kiều***:  *Vầng trăng ai xẻ làm đôi,*  *Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.*  - Thơ Nguyễn Khoa Điềm:  *“Đất nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm”*( Trường ca *Mặt đường khát vọng*)... | | | | | |
| **3.4.HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | | | | | | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | | **Nội dung cần đạt** | | | | | |
| GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà | | | Vẽ đồ về Tổng quan VH VN | | | | | |
| **3.5. MỞ RỘNG, PHÁT TRIỂN Ý TƯỞNG SÁNG TẠO** | | | | | | | | |
| -**Mục tiêu, ý tưởng:** giúp HS củng cố và khắc sâu kiến thức bài học.  **- Phương tiện**: Các tài liệu tham khảo. | | | - Nắm được các đặc trưng của các thể loại VHDG.  - Phân tích được đặc trưng của các thể loại VHDG qua 1 tác phẩm cụ thể | | | | | |

**\* Dặn dò:**Soạn đáp án bài viết số 2.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Ngày soạn:30/10/2020

Tiết 32: Làm văn

**TRẢ BÀI LÀM VĂN SỐ 2, RA ĐỀ BÀI LÀM VĂN SỐ 3**

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:*** Củng cố kiến thức để viết văn NL. Sửa chữa các lỗi về nhận thức yêu cầu đề, các lỗi dùng từ, câu và diễn đạt.

***2. Về kỹ năng****:* Kỹ năng viết văn NL

***3. Về thái độ:*** ý thức tự học

***4. Năng lực:***

- Năng lực thu thập, lựa chọn và xử lý thông tin, dẫn chứng tiêu biểu để tạo lập VB Tự sự.

- Năng lực xây dựng cấu trúc, dàn ý cho một bài văn Tự sự

**B.Phương pháp:** Trao đổi, thảo luận

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: giáo án, bài kiểm tra đã chấm, ra đề số 3.

- HS: Đọc trước và lập dàn ý đề bài số 2

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ.** Lồng ghép trong giờ

**3.Bài mới**

**3.1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

GV gọi 1 HS đọc 1đoạn văn trong bài của 1 HS , các em HS khác lắng nghe và nhận xét về đoạn văn đó -> GV dẫn váo bài mới.

**3.2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC VÀ HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (Tích hợp 2 hoạt động)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| Gv yêu cầu hs nhắc lại đề bài, chép lại lên bảng.  - Hãy xác định kiểu bài của đề văn trên?  - Nội dung chính của câu chuyện đó là gì?  - Để làm tốt bài văn tự sự này, chúng ta cần sử dụng các tri thức nào?  - Theo em, chúng ta cần nêu những nội dung gì ở phần mở bài?  Gv gợi mở, hướng dẫn hs tưởng tượng:  - Theo quan niệm tín ngưỡng dân gian, con người có nhiều tội lỗi sau khi chết thường bị đày xuống thế giới nào? Hành động của Trọng Thủy ở nơi đó?  - Em hãy tưởng tượng về quang cảnh của thuỷ cung?  Gv lưu ý hs có thể tưởng tượng theo nhiều cách: Trọng Thủy gặp Mị Châu trong một buổi tiệc linh đình ở thủy cung hoặc Mị Châu có cuộc sống nghèo khổ,...  - Hãy tưởng tượng diễn biến tâm trạng, thái độ của các nhân vật trong cuộc gặp gỡ bất ngờ này?  Hs phát biểu, thảo luận bảo vệ các cách suy nghĩ khác nhau.  - Ở phần kết truyện, em sẽ nêu các ý gì?  Gv công bố thang điểm, nhận xét cụ thể một số ưu điểm, nhược điểm còn tồn tại, đọc và biểu dương bài làm tốt.  Gv yêu cầu hs xem lại bài, đọc kĩ lời phê để tự rút kinh nghiệm, trao đổi bài với bạn để học tập. | ***A. Trả bài***  ***Đề bài:***  Sau khi tự tử ở giếng Loa Thành, xuống thủy cung, Trọng Thủy tìm gặp lại Mị Châu. Hãy tưởng tượng và kể lại câu chuyện đó.  ***I. Tìm hiểu đề:***  ***1. Kiểu bài:***  Tự sự (kể chuyện tưởng tượng)  ***2. Nội dung:***  Cuộc gặp gỡ của Mị Châu- Trọng Thủy.  ***3. Phạm vi kiến thức:***  - Kiến thức về tác phẩm truyện An Dương Vương và Mị Châu- Trọng Thủy, đặc biệt là về hai nhân vật Mị Châu, Trọng Thủy và bi kịch tình yêu của họ.  - Kiến thức thực tế phục vụ cho việc tưởng tượng về biển và thuỷ cung.  ***II. Lập dàn ý:***  ***1. Mở bài:***  - Sau khi chôn cất Mị Châu, Trọng Thủy ngày đêm ân hận, tự giày vò bản thân.  - Một hôm, khi đi tắm, Trọng Thủy tưởng như thấy Mị Châu ở dưới giếng nên đã lao đầu xuống giếng mà chết.  ***2. Thân bài:***  ***a. Hành trình tìm gặp Mị Châu của Trọng Thủy:***  - Dưới âm phủ:  + Thành khẩn hối hận, cam tâm chịu mọi hình phạt đau đớn.  + Mong được đặc ân xuống thủy cung gặp lại Mị Châu.  + Được Diêm Vương chấp nhận.  - Xuống thủy cung:  + Cảnh vật thiên nhiên: san hô, muôn loài tôm cá, ngọc trai,...lung linh đẹp đẽ, qúy giá.  + Cảnh lâu đài tráng lệ, quân lính trang nghiêm- nơi Mị Châu ở.  ⭢ Trọng Thủy cầu xin quân lính cho được gặp nàng.  ***b. Cuộc gặp gỡ của Mị Châu và Trọng Thủy:***  ***- Cách 1:***  + Mị Châu nặng lời phê phán, đoạn tuyệt với Trọng Thủy.  + Trọng Thủy bày tỏ sự hối hận muộn màng, cầu xin nàng tha thứ nhưng vẫn ko lay chuyển được nàng.  + Lâu đài tan biến, hồn Trọng Thủy bơ phờ, mờ dần, tan trong dòng nước xanh.  ***- Cách 2:***  + Hai người tỏ ý ân hận về những sai lầm của mình.  + Cùng nhau cố quên quá khứ, hướng đến cuộc sống yên bình, ko vướng bận chuyện trần gian.  ***- Cách 3:***  + Mị Châu phân tích rõ mọi lẽ đúng sai.  + Trọng Thủy tỏ ý ân hận, muốn nối lại duyên xưa.  + Tuy còn tình yêu nhưng Mị Châu ko chấp nhận, muốn đem tình “cầm sắt đổi ra cầm kì”  ***3. Kết bài:***  Nêu cảm nghĩ của mình theo các cách kết thúc trên.  ***III. Nhận xét, đánh giá bài làm của hs:***  ***1.Ưuđiểm:*** - Đa số hs nhận thức được kiểu bài.  - Nhiều bài viết bộc lộ khả năng tưởng tượng phong phú, ngôn ngữ diễn đạt biểu cảm.  ***2. Nhược điểm:***  - Một số bài có sử dụng các chi tiết tưởng tượng chưa đúng với tâm lí nhân vật và kiến thức thực tế.  - Nhiều hs chưa biết phân chia bố cục bài hợp lí.  - Một số bài còn sai nhiều lỗi chính tả, câu và diễn đạt.  ***D. Chữa lỗi.***  ***V.Đọc và biểu dương bài làm tốt.***  ***VI. Trả bài và dặn dò.***  ***B. Ra đề bài làm văn số 3***  ***Đề bài:***  Anh (chị) hãy kể lại một kỉ niệm đáng nhớ về thầy (cô) giáo cũ của mình. |

**3.4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

HS kể lại một kỷ niệm đáng nhớ về tình bạn

**3.5. MỞ RỘNG, PHÁT TRIỂN Ý TƯỞNG SÁNG TẠO – HS làm ở nhà**

HS viết 01 kịch bản, dựa trên trí tưởng tượng của cá nhân

**\* Dặn dò: -** Yêu cầu hs soạn bài: Khái quát VHVN từ thế kỉ X- XIX.

- Làm bài số 3 tuần sau nộp.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Ngày soạn:1/11/2020

Tiết 33: Đọc văn

**KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ X ĐẾN HẾT XIX**

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:***

+ Hiểu được sự hình thành và phát triển của văn học trung đại qua các giai đoạn ;

+ Nắm được nội dung và những đặc điểm nghệ thuật cơ bản của văn học thời kì này.

***2. Về kỹ năng****:* Nhận diện một giai đoạn văn học ; cảm nhận tác phẩm thuộc giai đoạn văn học trung đại.

***3. Về thái độ:***  Có lòng yêu mến, trân trọng di sản VH dân tộc.

***4. Năng lực***:

- Năng lực thu thập và xử l‎y thông tin trong văn bản

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ.** Không

**3. Bài mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **3.1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| - Tổ chức trò chơi: Ai nhanh hơn?  - Yêu cầu: Giáo viên chia lớp thành hai đội chơi | Trong thời gian 2 phút, HS lên bảng ghi nhanh tên những tác phẩm văn học từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX mà em biết? Đội nào tìm được nhiều tác phẩm hơn thì sẽ chiến thắng?  ***Giới thiệu bài***: Năm 938, Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng mở ra kỉ nguyên mới cho dân tộc. Từ đây, nước Đại Việt bắt đầu xây dựng chế độ PK độc lập tự chủ. Bên cạnh dòng VHDG, VH viết bắt đầu hình thành và phát triển. Nền VHVN từ thế kỉ X- XIX được gọi là VH trung đại. Vậy diện mạo của nền VH ấy ntn? Hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu qua bài: Khái quát VHVN từ thế kỉ X-XIX. |
| **3.2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **-** VH từ thế kỉ X- XIX có các thành phần nào? Các thành phần chủ yếu? Chữ quốc ngữ xuất hiện vào thời gian nào? Tại sao VH viết bằng chữ quốc ngữ chưa được coi là một bộ phận của VHTĐ?  - Em hiểu thế nào là VH chữ Hán? Nêu các thể loại của VH chữ Hán? VD các tác phẩm minh hoạ? Đánh giá chung về thành tựu của VH chữ Hán?  - Em biết gì về chữ Nôm?  -Thế nào là VH chữ Nôm? Nó xuất hiện vào thời gian nào?  - Đặc điểm của các thể loại VH chữ Nôm có gì khác với VH chữ Hán?  - Kể tên một vài tác giả, tác phẩm VH chữ Nôm tiêu biểu?  - Các giai đoạn phát triển của VHTĐ? Nêu các đặc điểm chính về hoàn cảnh lịch sử xã hội của giai đoạn VH từ thế kỉ X- XD?  - Tại sao nói đến giai đoạn VH này, VHVN tạo ra được một bước ngoặt lớn?  - Nội dung, âm hưởng chủ đạo của VH giai đoạn này?  - Em hiểu thế nào là hào khí Đông A?  - Nêu các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của giai đoạn VH này?  - Nêu những đặc điểm nghệ thuật lớn của VH giai đoạn này?  - Nêu các sự kiên lịch sử nổi bật trong giai đoạn này?  - VH viết trong giai đoạn này gồm các bộ phận nào?  - VH giai đoạn này có gì kế tục và khác biệt về nội dung so với giai đoạn VH trước? Tại sao? Nêu tên 2 tác giả, tác phẩm tiêu biểu cho các nội dung đó?  - Các thể loại đạt được nhiều thành tựu của VH chữ Hán và VH chữ Nôm?  - Nêu các sự kiên lịch sử nổi bật trong giai đoạn này?  - Cảm hứng chủ đạo của VH giai đoạn này?  - Những biểu hiện của chủ đề ấy?  - Nêu các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của giai đoạn VH này?  Gv phân biệt k/n nhân đạo- nhân văn:  + Nhân văn: phẩm chất người ở con người- vẻ đẹp văn hóa của con người⭢ cảm hứng nhân văn là cảm hứng khẳng định, ngợi ca vẻ đẹp của con người.  + Nhân đạo: đạo đức tốt đẹp của con người biểu hiện ở sự tôn trọng, tin tưởng, ngợi ca vẻ đẹp của con người; yêu thương con người; đấu tranh bảo vệ, phát triển con người.  - Nêu những thành tựu nghệ thuật tiêu biểu của VH giai đoạn này? | ***I. Các thành phần của VH từ thế kỉ X- XIX:***  - Hai thành phần chủ yếu:+ VH chữ Hán.  + VH chữ Nôm.  - Chữ quốc ngữ xuất hiện vào khoảng thế kỉ XVII, VH chữ quốc ngữ xuất hiện vào giai đoạn cuối của VHTĐ nhưng thành tựu chưa đáng kể, chưa được coi là một bộ phận của VHTĐ.  ***1. Văn học chữ Hán:***  - Là các sáng tác bằng chữ Hán của người Việt.  - Thể loại: chủ yếu tiếp thu từ các thể loại của VH Trung Quốc:  + Chiếu: *Chiếu dời đô* (Lí Công Uẩn)  + Biểu: *Biểu tạ ơn* (Nguyễn Trãi)  + Hịch: *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn)  + Cáo: *Bình Ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi)  + Truyện truyền kì: *Truyền kì mạn lục* (Nguyễn Dữ)  + Kí sự: *Thượng kinh kí sự* (Lê Hữu Trác)  + Tiểu thuyết chương hồi: *Hoàng Lê nhất thống chí* (Ngô gia văn phái)  + Phú: *Bạch Đằng giang phú* (Trương Hán Siêu)  + Thơ cổ phong, thơ Đường luật của Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương,...  ⭢ VH chữ Hán đạt được những thành tựu nghệ thuật to lớn.  ***2. VH chữ Nôm:***  - Chữ Nôm là thứ chữ viết cổ do người Việt dựa vào chữ Hán để sáng tạo ra để ghi âm tiếng Việt.  - VH chữ Nôm là các sáng tác bằng chữ Nôm của người Việt, ra đời từ khoảng cuối thế kỉ XIII, tồn tại và phát triển đến hết thời kì VHTĐ.  - Thể loại: chủ yếu là thơ.  + Các thể loại tiếp thu của VH Trung Quốc: phú, văn tế, thơ Đường luật.  + Các thể loại VH dân tộc: ngâm khúc, truyện thơ, hát nói, thơ Đường luật thất ngôn xen lục ngôn.  - Các tác giả, tác phẩm VH chữ Nôm tiêu biểu:  + Nguyễn Trãi: *Quốc âm thi tập*.  + Nguyễn Du: *Truyện Kiều****,*** *Văn chiêu hồn*,...  + Đoàn Thị Điểm: *Chinh phụ ngâm*.  + Nguyễn Đình Chiểu: *Lục Vân Tiên*,...  ⭢ Sự song song tồn tại và phát triển của hai thành phần VH trên tạo nên tính song ngữ trong nền VH dân tộc. Chúng ko đối lập mà bổ sung cho nhau cùng phát triển.  ***II. Các giai đoạn phát triển của VH từ thế kỉ X- XIX:***  ***1. Giai đoạn từ thế kỉ X-XD:***  ***a. Hoàn cảnh lịch sử- xã hội:***  - Dân tộc ta giành được quyền độc lập tự chủ.  - Lập nhiều chiến công chống giặc ngoại xâm: chống Tống, quân Nguyên- Mông.  - Xây dựng đất nước hoà bình, vững mạnh, chế độ phong kiến ở thời kì phát triển.  ***b. Các bộ phận văn học:***  - VH viết chính thức ra đời tạo bước ngoặt lớn.  - Gồm hai bộ phận song song tồn tại và phát triển:  +VH chữ Hán.  +VH chữ Nôm.  ***c. Nội dung:***  - Cảm hứng yêu nước chống xâm lược và tự hào dân tộc với âm hưởng hào hùng, mang hào khí Đông A.  - Hào khí Đông A: hào khí thời Trần- tinh thần quyết chiến quyết thắng kẻ thù xâm lược, tự hào dân tộc.  - Các tác giả, tác phẩm tiêu biểu:  + Lí Thường Kiệt: *Nam quốc sơn hà*.  + Đỗ Pháp Thuận: *Quốc tộ*.  + Lí Công Uẩn: *Thiên đô chiếu*.  + Trần Hưng Đạo: *Hịch tướng sĩ*.  + Trương Hán Siêu: *Bạch Đằng giang phú*...  ***d. Nghệ thuật:***  - VH viết bằng chữ Hán đạt được những thành tựu lớn: văn chính luận, văn xuôi viết về đề tài lịch sử, văn hoá, thơ, phú.  - VH viết bằng chữ Nôm bước đầu phát triển.  - Hiện tượng văn- sử- triết bất phân.  ***2. Giai đoạn từ thế kỉ XV- XVII:***  ***a. Hoàn cảnh lịch sử- xã hội:***  - Chiến thắng giặc Minh, triều Hậu Lê được thành lập, chế độ PK đạt độ cực thịnh ở cuối thế kỉ XV.  - Nội chiến: Mạc- Lê, Trịnh- Nguyễn chia cắt đất nước vào thế kỉ XVI- XVII khiến chế độ PK suy yếu.  ⭢ Nhìn chung tình hình xã hội vẫn ổn định.  ***b. Các bộ phận văn học:***  VH chữ Hán và VH chữ Nôm đều phát triển, đạt nhiều thành tựu.  ***c. Nội dung:***  - Tếp tục phát triển cảm hứng yêu nước, tự hào dân tộc, khẳng định dân tộc và triều đình PK.  VD: *Bình Ngô đại cáo*,*Quốc âm thi tập* (Nguyễn Trãi); *Hồng Đức quốc âm thi tập*, *Thánh Tông di thảo*(Lê Thánh Tông);...  - Phản ánh, phê phán hiện thực xã hội đương thời với những tệ lậu, suy thoái về đạo đức.  VD: *Thơ*Nguyễn Bỉnh Khiêm, *Truyền kì mạn lục*(Nguyễn Dữ),...  ***d. Nghệ thuật:***  - VH chữ Hán: đạt thành tựu vượt bậc ở văn chính luận và văn xuôi tự sự.  - VH chữ Nôm: thơ Nôm phát triển, xuất hiện xu hướng Việt hoá thơ Đường luật, các khúc ngâm, vịnh, diễn ca lịch sử bằng thơ lục bát và song thất lục bát phát triển.  ***3. Giai đoạn từ thế kỉ XVIII- nửa đầu thế kỉ XIX:***  ***a. Hoàn cảnh lịch sử- xã hội:***  - Nội chiến PK tiếp tục gay gắt, kéo dài khiến chế độ PK suy thoái.  - Phong trào nông dân khởi nghĩa sôi sục, đỉnh cao là khởi nghĩa Tây Sơn, diệt Trịnh- Nguyễn, quân Xiêm và quân Thanh, thống nhất đất nước.  - Tây Sơn thất bại, nhà Nguyễn khôi phục vương triều PK chuyên chế.  - Đất nước bị đặt trước hiểm họa xâm lược của thực dân Pháp.  ⭢ Là giai đoạn lịch sử đầy biến động, có bi kịch và có anh hùng ca.  ⭢ Nền văn học dân tộc phát triển mạnh, kết tinh nhiều tác giả, tác phẩm văn học xuất sắc ⭢ được đánh giá là giai đoạn VH cổ điển.  ***b. Các bộ phận văn học:***  - VH chữ Hán phát triển.  - VH chữ Nôm phát triển đạt đỉnh cao.  ***c. Nội dung:***  Trào lưu nhân đạo chủ nghĩa:  + Tiếng nói đòi quyền sống, quyền hạnh phúc, đấu tranh đòi quyền giải phóng con người cá nhân.  + Cảm thông với những số phận bất hạnh.  + Tố cáo, phê phán các thế lực bạo tàn chà đạp lên quyền sống của con người.  + Ngợi ca những vẻ đẹp của con người.  + Khát vọng tự do công lí, mơ ước về xã hội tốt đẹp cho con người.  - Các tác giả, tác phẩm tiêu biểu:  + Đặng Trần Côn- Đoàn Thị Điểm: *Chinh phụ ngâm*.  + Nguyễn Gia Thiều: *Cung oán ngâm khúc*.  + Nguyễn Du: *Truyện Kiều*- đỉnh cao của VHTĐ.  + *Thơ Nôm* Hồ Xuân Hương.  + *Thơ* Bà Huyện Thanh Quan.  + Ngô gia văn phái: *Hoàng Lê nhất thống chí*.  + *Thơ* Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ,...  ***d. Nghệ thuật:***  - Phát triển mạnh và khá toàn diện cả VH chữ Hán và VH chữ Nôm, cả thơ và văn xuôi.  - VH chữ Nôm được khẳng định và phát triển đạt đến đỉnh cao. |
| **3.3.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| Vị trí của văn học chữ Nôm trong nền văn học dân tộc? | - Có vị trí mở đầu cho văn học viết. Bên cạnh VHDG, VHTĐ đóng vai trò to lớn trong việc hình thành, kết tinh những truyền thống quý báu của nền văn học dân tộc. |
| **3.4.** **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà | Lập sơ đồ các bộ phận văn học Viết Việt Nam |
| **3.5.** **E. MỞ RỘNG, PHÁT TRIỂN Ý TƯỞNG SÁNG TẠO** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà | Chứng minh văn học chữ Nôm thể hiện lòng yêu nước và tinh thần nhân đạo? |

**\*Dặn dò:** Tìm hiểu những đặc điểm lớn về nội dung và nghệ thuật của VHTĐ.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Ngày soạn:5/11/2020

Tiết 34:Đọc văn

**KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ X ĐẾN HẾT XIX** (tiếp)

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:***

+ Hiểu được sự hình thành và phát triển của văn học trung đại qua các giai đoạn ;

+ Nắm được nội dung và những đặc điểm nghệ thuật cơ bản của văn học thời kì này.

***2. Về kỹ năng****:* Nhận diện một giai đoạn văn học ; cảm nhận tác phẩm thuộc giai đoạn văn học trung đại.

***3. Về thái độ:***  Có lòng yêu mến, trân trọng di sản VH dân tộc.

***4. Năng lực***:

- Năng lực thu thập và xử l‎y thông tin trong văn bản

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ.**

Câu hỏi: Các thành phần, các giai đoạn phát triển của VHVN từ thế kỉ X- XIX? Tại sao giai đoạn từ thế kỉ XVIII- nửa đầu XIX được coi là giai đoạn VH cổ điển?

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **3.1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung cần đạt** |
| -GV đặt câu hỏi, cho hs trả lời nhanh, HS nào trả lời nhanh và đúng nhất được phần thưởng bằng điểm số.  -Tạo tâm thế để HS tiếp nhận bài học | | ? Kể tên các hình thức văn tự của VH Viết VN? |
| **3.2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung cần đạt** |
| - Nêu các sự kiên lịch sử nổi bật trong giai đoạn này?  - Nêu các bộ phận văn học trong giai đoạn này?  - Chủ đề và cảm hứng yêu nước là chủ đạo trong giai đoạn VH này nhưng nó có đặc điểm gì khác với giai đoạn từ thế kỉ X- XD? Vì sao?  - Thành tựu nghệ thuật đặc sắc của giai đoạn VH này kết tinh ở thể loại, tác giả VH nào? Có những thể loại mới nào?  - VHTĐVN phát triển dưới sự tác động của những yếu tố nào? Những nội dung cảm hứng lớn của nó?  - Nêu vị trí, đặc điểm và các biểu hiện của chủ nghĩa yêu nước trong VHTĐVN? Nêu một vài VD minh hoạ?    Gv lưu ý hs:  Trong giai đoạn cuối của VHTĐVN, tư tưởng li tâm với quan niệm trung quân ái quốc trong cảm hứng yêu nước đã xuất hiện: *“Đề vào mấy chữ trong bia/ Rằng quan nhà Nguyễn cáo về đã lâu”* (*Di chúc*- Nguyễn Khuyến)  - Nêu vị trí, đặc điểm và các biểu hiện của chủ nghĩa nhân đạo trong VHTĐVN? Nêu một vài VD minh hoạ?  - Em hiểu thế nào là “thế sự”, “cảm hứng thế sự”?  - Cảm hứng thế sự xuất hiện khi nào trong VHTĐ?  - Nội dung biểu hiện của cảm hứng thế sự? | | ***4. Giai đoạn VH nửa cuối thế kỉ XIX:***  ***a. Hoàn cảnh lịch sử- xã hội:***  - Thực dân Pháp xâm lược. Triều đình nhà Nguyễn đầu hàng từng bước. Nhân dân cả nước kiên cường chống giặc nhưng gặp phải nhiều thất bại.  - XHPK chuyển thành XHTD nửa PK.  - Văn hóa phương Tây bắt đầu ảnh hưởng tới đời sống XH.  ***b. Các bộ phận văn học:***  - Chủ yếu là hai bộ phận: chữ Hán và chữ Nôm.  - VH viết bằng chữ quốc ngữ đã bước đầu xuất hiện nhưng thành tựu chưa đáng kể.  ***c. Nội dung:***  - Chủ nghĩa yêu nước chống xâm lược mang cảm hứng bi tráng.  - Tư tưởng canh tân đất nước trong các bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ.  - Phê phán hiện thực xã hội đương thời trong thơ Nguyễn Khuyến, Tú Xương.  - Các tác giả, tác phẩm tiêu biểu:  + Nguyễn Đình Chiểu- tác giả VH yêu nước lớn nhất.  + Nguyễn Khuyến, Tú Xương,...  ***d. Nghệ thuật:***  - Văn thơ chữ Hán, chữ Nôm của Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Tú Xương.  - Xuất hiện một số tác phẩm văn xuôi bằng chữ quốc ngữ của Trương Vĩnh Kí, Nguyễn Trọng Quản, Huỳnh Tịnh Của,... đem đến những đổi mới bước đầu theo hướng hiện đại hóa.  ***III. Những đặc điểm lớn về nội dung của văn học từ thế kỉ X-XIX:***  VHTĐVN phát triển dưới sự tác động của các yếu tố:  + Truyền thống dân tộc.  + Tinh thần thời đại.  + Ảnh hưởng từ Trung Quốc.  ***1. Chủ nghĩa yêu nước:***  - Vị trí: là nội dung lớn, xuyên suốt quá trình tồn tại và phát triển của VHTĐVN.  - Đặc điểm:  + Gắn liền với tư tưởng “trung quân ái quốc”.  + Ko tách rời truyền thống yêu nước của dân tộc.  - Các biểu hiện:  + Ý thức độc lập, tự chủ, tự cường, tự hào dân tộc.  VD: *Nam quốc sơn hà* ( Lí Thường Kiệt); *Bình Ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi); *Bạch Đằng giang phú* (Trương Hán Siêu);...  + Khi đất nước có giặc ngoại xâm:  ⭢ Lòng căm thù giặc sâu sắc, tinh thần quyết chiến quyết thắng với kẻ thù:  VD: *“Ngẫm thù lớn... ko cùng sống”* (*Bình Ngô đại cáo*- Nguyễn Trãi), *“Ta thường...xin làm”*(*Hịch tướng sĩ*- Trần Quốc Tuấn),...  ⭢ Biết ơn, ca ngợi những người hi sinh vì đất nước:  VD: *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*(Nguyễn Đình Chiểu),...  ⭢ Xót xa đau đớn trước cảnh đất nước bị tàn phá, nhân dân phiêu bạt, khốn cùng:  VD: *Bình Ngô đại cáo*(Nguyễn Trãi), *Chạy giặc* (Nguyễn Đình Chiểu),...  + Khi đất nước thanh bình:  ⭢ Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước- tình yêu thiên nhiên.  VD: Thơ viết về thiên nhiên trong VH Lí- Trần, thơ Nôm Nguyễn Trãi, Nguyễn Khuyến,...  ⭢ Ca ngợi cuộc sống thái bình thịnh trị:  VD: *Phò giá về kinh*(Trần Quang Khải)  ***2. Chủ nghĩa nhân đạo:***  - Vị trí: là nội dung lớn, xuyên suốt quá trình tồn tại và phát triển của VHTĐVN.  - Đặc điểm:  + Bắt nguồn từ truyền thống nhân đạo của người VN, từ cội nguồn VHDG, lối sống “thương người như thể thương thân”.  + Ảnh hưởng từ tư tưởng nhân văn tích cực của các tôn giáo: đạo Phật- tư tưởng từ bi bác ái; Nho giáo- học thuyết nhân nghĩa, tư tưởng thân dân; Lão giáo- sống thuận theo tự nhiên, hoà hợp với tự nhiên.  - Các biểu hiện:  + Lên án, tố cáo các thế lực bạo tàn chà đạp lên quyền sống, hạnh phúc của con người: cường quyền, định kiến và hủ tục XH, thần quyền, thế lực đồng tiền.  VD: *Chinh phụ ngâm*, *Thơ Hồ Xuân Hương*, *Truyện Kiều*,...  + Cảm thông với những số phận bất hạnh, những nỗi khổ đau của con người.  VD: *Chuyện người con gái Nam Xương*, *Chinh phụ ngâm*, *Cung oán ngâm khúc*, *Truyện Kiều*,...  + Khẳng định, đề cao phẩm chất tốt đẹp, tài năng và khát vọng chân chính của con người.  VD: Các tác phẩm VH Phật giáo đời Lí (*Cáo tật thị chúng*, *Ngôn hoài*,...), *Truyện Kiều*, *Lục Vân Tiên*,...  + Đề cao quan hệ đạo đức, đạo lí tốt đẹp giữa người với người.  VD: *Bạn đến chơi nhà*, *Khóc Dương Khuê*,...  ***3. Cảm hứng thế sự:***  - Thế sự: cuộc sống con người, việc đời.  - Cảm hứng thế sự: bày tỏ suy nghĩ, thái độ, tình cảm với cuộc sống con người và việc đời.  - Xuất hiện từ VH cuối đời Trần (thế kỉ XD), tồn tại và phát triển trong quá trình phát triển của VHTĐ, càng ở giai đoạn cuối của VHTĐ càng đậm nét⭢ VH đi từ cái thật của tâm trí đến cái thật của cuộc đời, xã hội.  - Nội dung biểu hiện:Các tác giả hướng tới hiện thực cuộc sống để ghi lại những “điều trông thấy”:  + Những bài thơ về thói đời đen bạc của Nguyễn Bỉnh Khiêm.  + *Thượng kinh kí sự* (Lê Hữu Trác), *Vũ trung tuỳ bút* (Phạm Đình Hổ) ⭢ bộ mặt thối nát của triều đình PK trong buổi suy tàn.  + Thơ trào phúng thâm thuý về tình cảnh đất nước trong buổi nô lệ và thơ về đời sống nông thôn của Nguyễn Khuyến.  + Bức tranh XH thành thị thời chế độ PK mạt vận, thực dân Pháp hoành hành trong thơ Tú Xương,... |
| **3.3.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** | | |
| Vị trí của văn học trung đại trong nền văn học dân tộc? | - Văn học trung đại Việt Nam ra đời cùng với sự ra đời của quốc gia Đại Việt và phát triển trong mười thế kỉ dưới chế độ phong kiến.  - Có vị trí mở đầu cho văn học viết. Bên cạnh VHDG, VHTĐ đóng vai trò to lớn trong việc hình thành, kết tinh những truyền thống quý báu của nền văn học dân tộc. | | |
| **3.4.** **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** | | |
| GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà | Lập sơ đồ các bộ phận văn học Trung đại Việt Nam | | |
| **3.5.** **E. MỞ RỘNG, PHÁT TRIỂN Ý TƯỞNG SÁNG TẠO** | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** | | |
| GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà | Chứng minh văn học Viết Việt Nam thể hiện lòng yêu nước và tinh thần nhân đạo? | | |

**\*Dặn dò**: Ôn lại kiến thức bài. - Soạn phần tiếp theo.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn:6/11/2020

Tiết 35: Đọc văn

**KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ X ĐẾN HẾT XIX** (tiếp)

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:***

+ Nắm được một cách có hệ thống các tri thức về đặc trưng, thể loại, giá trị của các tác phẩm văn học dân gian qua các tác phẩm đã học ;

+ Biết vận dụng kiến thức đã học để tìm hiểu các tác phẩm văn học dân gian cụ thể.

***2. Về kỹ năng****:* Nhận biết một cách có ý thức về các tác phẩm văn học dân gian.

***3. Về thái độ:*** Có tình cảm trân trọng, tự hào về VHDGVN.

***4. Năng lực***:

- Năng lực thu thập và xử l‎y thông tin trong văn bản

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |

**2. Kiểm tra 15 phút.** CH: Trình bày những đặc điểm về ND của VHVN từ TK X – XIX.

3. Bài mới

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **3.1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (không) – kiểm tra 15 phút** | | |
| **Đềbài kiểm tra 15 phút** | | CH: Trình bày những đặc điểm về ND của VHVN từ TK X – XIX. |
| **3.2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung cần đạt** |
| - Thế nào là tính quy phạm? Biểu hiện của nó? Nêu tên các tác giả và các tác phẩm của họ có sự phá vỡ tính quy phạm?  - Em hiểu thế nào là “trang nhã” và “bình dị”?  - Các biểu hiện của khuynh hướng trang nhã và xu hướng bình dị? VD?  Gv lưu ý thêm:  + Xu hướng trang nhã có chủ yếu trong VH chữ Hán.  + Xu hướng bình dị xuất hiện chủ yếu trong VH chữ Nôm.  - VHTĐ chủ yếu tiếp thu tinh hoa VH nước nào?  - Nêu những mặt tiếp thu VH nước ngoài của VHTĐVN?  - Biểu hiện của quá trình dân tộc hoá hình thức VH dân tộc?  Gv yêu cầu hs đọc phần ghi nhớ- sgk, đưa ra bảng hệ thống tổng kết các nội dung chính của bài học. | | ***D. Những đặc điểm lớn về nghệ thuật của văn học thế kỉ X- XIX:***  ***1. Tính quy phạm và phá vỡ tính quy phạm:***  - Tính quy phạm:là sự quy định chặt chẽ theo khuôn mẫu (quy phạm: cung cách chuẩn mực cần phải tuân thủ, làm theo).  ⭢ Là đặc điểm nổi bật của VHTĐ.  - Biểu hiện:  + Quan niệm VH: coi trọng mục đích giáo huấn của VH, “thi dĩ ngôn chí”, “văn dĩ tải đạo”.  + Tư duy nghệ thuật: nghĩ theo kiểu mẫu nghệ thuật có sẵn, đã thành công thức.  + Thể loại văn học: có sự quy định chặt chẽ ở từng thể loại.  + Thi liệu:sử dụng nhiều điển tích, điển cố, văn liệu quen thuộc.  + Thiên về tượng trưng, ước lệ.  - Sự phá vỡ tính quy phạm: là sự sáng tạo, phát huy cá tính sáng tạo về cả nội dung và hình thức biểu hiện vượt ra ngoài những quy định trên.  VD: Các tác giả ưu tú có sự phá vỡ tính quy phạm: Nguyễn Trãi (thơ Đường luật thất ngôn xen lục ngôn, sáng tạo về đề tài), Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Tú Xương,...  ***2. Khuynh hướng trang nhã và xu hướng bình dị:***  - Trang nhã: trang trọng, tao nhã⭢ vẻ đẹp lịch lãm, thanh cao.  - Bình dị: bình thường và giản dị.  - Khuynh hướng trang nhã:  + Đề tài, chủ đề: hướng tới cái cao cả, trang trọng hơn cái bình thường, giản dị.  VD: Chí lớn của người quân tử, đạo của thánh hiền,...  + Hình tượng nghệ thuật: hướng tới vẻ tao nhã, mĩ lệ hơn vẻ đơn sơ, mộc mạc.  VD: Hình tượng thiên nhiên mang tính ước lệ, tượng trưng, trang trọng, đài các (tùng, cúc, trúc, mai)...  + Ngôn ngữ nghệ thuật: trau chuốt, hoa mĩ.  VD: Chỉ cái chết, các tác giả dùng *“lời lời châu ngọc”* để diễn tả- *“gãy cành thiên hương”*, *“nát than bồ liễu”*, *“ngậm cười chín suối”*,...  - Xu hướng bình dị:  VH ngày càng gắn bó với đời sống hiện thực:  + Đề tài, chủ đề, hình tượng nghệ thuật: lấy từ đời sống tự nhiên, giản dị.  + Ngôn ngữ nghệ thuật: lấy từ lời ăn tiếng nói hàng ngày, vận dụng ca dao, tục ngữ,...  ***3. Tiếp thu và dân tộc hoá tinh hoa VH nước ngoài:***  - Tiếp thu tinh hoa VH Trung Quốc:  + Ngôn ngữ: chữ Hán.  + Thể loại: thơ cổ phong, thơ Đường luật, hịch, cáo, chiếu, biểu, truyện truyền kì, kí, tiểu thuyết chương hồi,...  + Thi liệu: điển cố, thi liệu Hán học.  - Quá trình dân tộc hóa hình thức văn học:  + Ngôn ngữ: sáng tạo và sử dụng chữ Nôm và sử dụng lời ăn tiếng nói, cách diễn đạt của nhân dân lao động.  + Thể loại: Việt hoá thơ Đường luật và sáng tạo các thể thơ dân tộc.  ***III. Tổng kết bài học:*** Ghi nhớ:(sgk |
| **3.3.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** | | |
| Khái quát vắn tắt các đặc điểm nghệ thuật của VH Viết VN | HS khái quát được các đặc điểm NT của VH trung đại VN | | |
| **3.4.** **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** | | |
| GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà | Lập sơ đồ về đặc điểm nghệ thuật của VH viết VN | | |
| **3.5.** **MỞ RỘNG, PHÁT TRIỂN Ý TƯỞNG SÁNG TẠO** | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** | | |
| GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà | Chứng minh văn học Viết Việt Nam thể hiện lòng yêu nước và tinh thần nhân đạo qua một tác phẩm cụ thể đã học ở THCS. | | |

**\* Dặn dò:** Đọc trước bài tiếng Việt: Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Ngày soạn:7/11/2020

Tiết 36: Tiếng Việt

**PHONG CÁCH NGÔN NGỮ SINH HOẠT**

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:*** Nắm được khái niệm ngôn ngữ sinh hoạt, phong cách ngôn ngữ sinh hoạt, các đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

***2. Về kỹ năng****:*

+ Lĩnh hội và phân tích ngôn ngữ thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

+ Sử dụng ngôn ngữ thích hợp để giao tiếp trong sinh hoạt hằng ngày.

***3. Về thái độ:*** Có văn hóa giao tiếp trong đời sống hàng ngày qua việc dùng từ, xưng hô, biểu hiện tình cảm, thái độ.

***4. Năng lực:*** Năng lực tự chủ và tự học, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo;năng lực thẩm mỹ, năng lực tư duy; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ.** Lồng ghép trong giờ

**3.Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **3.1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung cần đạt** |
| -Tạo tâm thế để HS tiếp nhận bài học | | - GV cử học sinh phân vai hội thoại (chủ đề tự chọn). Quan sát cử chỉ, thái độ ngôn ngữ trong quá trình giao tiếp và nhận xét.  ***- Giới thiệu bài:*** Hàng ngày, chúng ta vẫn sử dụng ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp.Vậy ngôn ngữ sinh hoạt là gì? Các dạng biểu hiện của nó ntn? Bài học hôm nay, chỳng ta sẽ tìm hiểu các vấn đề ấy. |
| **3.2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung cần đạt** |
| Gv yêu cầu hs đọc diễn cảm VD trong sgk.  - Cuộc hội thoại diễn ra ở đâu, khi nào? Các nhân vật giao tiếp là những ai? Quan hệ giữa họ ntn?  - Nội dung, hình thức và mục đích giao tiếp của cuộc hội thoại là gì?  - Ngôn ngữ trong cuộc hội thoại có đặc điểm gì?  - Căn cứ vào kết quả phân tích cuộc hội thoại trên, em hãy cho biết thế nào là ngôn ngữ sinh hoạt?  Các dạng biểu hiện của ngôn ngữ sinh hoạt?  Hs đọc và học phần ghi nhớ trong sgk. | | ***I. Ngôn ngữ sinh hoạt:***  ***1. Khái niệm ngôn ngữ sinh hoạt:***  ***a. Tìm hiểu ngữ liệu:***  - Cuộc hội thoại diễn ra ở:  + Không gian (địa điểm): khu tập thể X.  + Thời gian: buổi trưa.  - Nhân vật giao tiếp:  + Lan, Hùng, Hương: là các nhân vật chính, có quan hệ bạn bè, bình đẳng về vai giao tiếp.  + Mẹ Hương, người đàn ông: là các nhân vật phụ.  Mẹ Hương có quan hệ ruột thịt với Hương; người đàn ông và các bạn trẻ có quan hệ xã hội. Cả 2 người đó đều ở vai bề trên.  - Nội dung giao tiếp: Lan và Hùng rủ Hương cùng đi học.  - Hình thức: gọi- đáp.  - Mục đích: cùng thúc giục nhau để đến lớp đúng giờ quy định.  - Đặc điểm ngôn ngữ:  + Sử dụng nhiều từ hô gọi, tình thái: *ơi, đi,à, chứ, với, gớm, ấy, chết thôi,...*  + Sử dụng các từ thân mật suồng xã, khẩu ngữ: *lạch bà lạch bạch*.  + Câu: ngắn, có câu đặc biệt và câu tỉnh lược.  ***b. Khái niệm:***  Là lời ăn tiếng nói hàng ngày dùng để thông tin, trao đổi ý nghĩ, tình cảm, đáp ứng những nhu cầu trong cuộc sống.  ***2. Các dạng biểu hiện của ngôn ngữ sinh hoạt:***  - Dạng nói:độc thoại, đối thoại.  - Dạng viết: nhật kí, thư từ, hồi ức cá nhân.  - Dạng lời nói tái hiện (mô phỏng lời thoại tự nhiên nhưng đó phần nào được gọt rũa, biên tập lại ít nhiềucó tính chất ước lệ, tính cách điệu, có chức năng như tín hiệu nghệ thuật): lời nói của các nhân vật trong các vở kịch, truyện, tiểu thuyết,...  ***\* Ghi nhớ***:(sgk). |
| **3.3.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** | |
| - Em hãy giải thích ý nghĩa của câu ca dao trên? Nghĩa của từ “người ngoan”, “lời”?  - Hs đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi. | ***3. Luyện tập:***  a. *Lời nói chẳng mất tiền mua,*  *Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.*  Câu 1: Lời nói là tài sản chung của cộng đồng, ai cũng có quyến sử dụng.  Câu 2: *“Lựa lời”*⭢ lựa chọn từ ngữ và cách nói  ⭢ việc sử dụng lời nói một cách có ý thức và phải chịu trách nhiệm về lời nói của mình.  *“Vừa lòng nhau”* ⭢ thể hiện sự tụn trọng, giữ phép lịch sự, làm vui lòng người nghe.  ⭢ ý nghĩa của câu ca dao trên: khuyên răn chúng ta phải nói năng thận trọng và có văn hóa.  - Vàng thì thử lửa, thử than,  Chuông kêu thử tiếng, người ngoan thử lời.  + Phép so sánh đối chiếu giàu hình tượng, dễ hiểu:  Vàng- thử lửa, thử than — Người ngoan- thử lời  Chuông- thử tiếng  + Người ngoan: người có năng lực và phẩm chất tốt đẹp.  + Lời: lời nói, hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.  ⭢ Ý nghĩa câu ca dao: Cách sử dụng ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp bằng lời nói là một thước đo quan trọng cho thấy phẩm chất và năng lực của con người.  ***b. Nhận xét về dạng ngôn ngữ sinh hoạt và cách dùng từ ngữ của đoạn trích:***  - Dạng ngôn ngữ sinh hoạt:dạng lời nói tái hiện.  - Dùng nhiều từ địa phương Nam Bộ: *quới (quý), chộn (bớt), ngặt (nhưng), ghe (thuyền nhỏ), rượt (đuổi), cực (đau)*.  ⭢ý nghĩa: làm VB sinh động, mang đậm dấu án địa phương và khắc họa được những đặc điểm riêng của nhân vật Năm Hên. | |
| **3.4.** **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** | |
| GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện trên lớp | GV tổ chức trò chơi: Hãy ghi lại nhanh nhất những câu nói trong giao tiếp hàng ngày mang đặc điểm ngôn ngữ SH | |
| **3.5. MỞ RỘNG, PHÁT TRIỂN Ý TƯỞNG SÁNG TẠO** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** | |
| -GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà  -Chỉ ra dấu hiệu của phong cách ngôn ngữ sinh hoạt biểu hiện trong những câu ca dao sau: *Mình về có nhớ ta chăng*  *Ta về ta nhớ hàm răng mình cười;*  *Hỡi cô yếm trắng lòa xòa*  *Lại đây đập đất trồng cà đỡ anh..* | Dấu hiệu của phong cách ngôn ngữ sinh hoạt:  - Cách xưng hô thân mật: mình- ta, cô- anh.  - Cách dùng ngôn ngữ đối thoại: chăng, hỡi.  - Cách dùng từ ngữ giản dị: đập đất, trồng cà, lại đây, đỡ...  - Giọng điệu: tình tứ. | |

**\*Dặn dò:** Soạn bài: *Tỏ lòng* (Phạm Ngũ Lão)

**NGÀY ……/…../2020, BGH KÝ DUYỆT**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Ngày soạn:28/10/2020

Tiết 37: Đọc văn

**TỎ LÒNG**

( Phạm Ngũ Lão)

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:***

+ Cảm nhận được "hào khí Đông A" thể hiện qua vẻ đẹp của con người và thời đại ;

+ Nhận thức được bút pháp thơ trung đại thể hiện trong bài thơ.

***2. Về kỹ năng****:* Nhận biết một cách có ý thức về các tác phẩm văn học dân gian.

***3. Về thái độ:*** Có ý thức về bản thân, rèn ý chí, biết ước mơ và nỗ lực hết mình để thực hiện ước mơ đó và hoàn thiện bản thân.

**4.Năng lực:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tự quản, năng lực giao tiếp, năng lực thưởng thức văn học…

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ.** Biểu hiện của ND yêu nước trong VHTĐ

**3. Bài mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **3.1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| - Mục tiêu: Tạo tâm thế cho HS tiếp cận bài mới.  - Phương pháp, kĩ thuật: Thuyết trình, trình bày một phút  **Thao tác 1: Hình thức tổ chức hoạt động: trò chơi chữ**  Câu 1: Tác phẩm nào được mệnh danh là “bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên” của đấtnước ta?  Câu 2: Văn học Việt Nam từ thế kỷ XV đến hết thế kỷ XVII mang nội dung yêunước với âm hưởng nào?  Câu 3: Đây là hình thức chữ viết xưa của người Việt, dựa vào chữ Hán mà đặt ra.  Câu 4: Điền từ còn thiếu trong câu sau: Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thếkỷ XIX còn được gọi là văn học .…… ……  Câu 5: Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIV mang nội dung yêu nướcvới âm hưởng nào?  **Thao tác 2: HS Xem tranh và trả lời CH**  ? Những hình ảnh này giúp em nhớ đến nhân vật nào trong lịch sử? | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | **N** | **A** | **M** | **Q** | **U** | **Ố** | **C** | **S** | **Ơ** | **H** | **À** | |  | **N** | **G** | **Ợ** | **I** | **C** | **A** |  |  |  |  | | **C** | **H** | **Ữ** | **N** | **Ô** | **M** |  |  |  |  |  |  | | **T** | **R** | **U** | **N** | **G** | **Đ** | **Ạ** | **I** |  |  |  |  | |  | **H** | **À** | **O** | **H** | **Ù** | **N** | **G** |  |  |  |  |   **Từ khóa: ĐÔNG A**  - GV giới thiệu bài mới thông qua từ khóa: Từ khóa của ô chữ trên là “Đông A”.  - Em biết gì về cái tên này? Em hiểu thế nào là “Hào khí Đông A”?... |
| **3.2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **-Mục tiêu, ý tưởng:** Rèn cho HS năng lực giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ. Giúp HS nắm được các kiến thức cơ bản về tác giả,tác phẩm: hoàn cảnh, nhan đề, ngôn ngữ, thể thơ, bố cục…  **- Phương tiện:**  **+** Máy tính, máy chiếu.  + Giấy A0, A4 | **Hoạt động 1*: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm***  ***- GV:*** Giao nhiệm vụ, chia nhóm   |  |  | | --- | --- | | **Hoàn cảnh sáng tác** | Nhóm 1 | | **Nhan đề** | Nhóm 2 | | **Thể thơ** | Nhóm 3 | | **Bố cục** | Nhóm 4 |   ***-*** HS:  + Hoạt động theo nhóm, triển khai nhanh lên giấy A0 đại diện lên trình bày.  + Các HS khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét phần chuẩn bị và trình bày của bạn.  - GV: nhận xét, chốt lại kiến thức cơ bản. | **I. GIỚI THIỆU CHUNG**  **1. Tác giả**  - PNL (1255-1320), người làng Phù Ủng, huyện Đường Hào (nay thuộc huyện Ân Thi, tỉnh Hải Dương).  - Là danh tướng đời Trần, văn võ song toàn.  - Là người có công lớn trong cuộc đấu tranh chống giặc Nguyên, Mông.  - Tác phẩm hiện còn: Tỏ lòng (Thuật hoài) và Viếng Thượng tướng Quốc công Hưng Đạo Đại Vương (Vãn Thượng tướng Quốc công Hưng Đạo Đại Vương).  **2. Văn bản**  **a. H**o**àn cảnh sáng tác**  Bài thơ ra đời trong không khí quyết chiến, quyết thắng giặc Mông - Nguyên của quân đội nhà Trần.  b**. Nhan đề**  - *Thuật*: Bày tỏ  *- Hoài:* nỗi lòng  -> Bày tỏ nỗi lòng  **c. Thể thơ**: thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.  **d. Bố cục**: có 2 cách chia  \* 2 phần  + Hai câu đầu: Hình tượng con người và quân đội thời Trần.  + Hai câu sau: Chí làm trai- tâm tình của tác giả.  \* 4 phần: Khai, thừa, chuyển, hợp |
| **- Mục tiêu, ý tưởng:**  **+** Rèn kĩ năng đọc diễn cảm.  +Nhận diện đuợc ý nghĩa từ ngữ trong bản dịch so với nguyên tác  **- Phương tiện:** SGK | **Hoạt động 2*. Đọc và đối chiếu bản dịch thơ với phần phiên âm***  - GV:đọc bài thơ 1 lượt, hướng dẫn HS cách đọc, cách ngừng nghỉ, sau đó yêu cầu 1 – 2 HS đọc lại, phát hiện những từ ngữ dịch chưa sát nghĩa**.**  - HS: đọc bài thơ, nhận diện và nêu những từ ngữ bản dịch thơ dịch chưa sát.  - GV: nhận xét. | **3. Đối chiếu bản dịch**:  - Câu 1: *Hoành sóc – múa giáo*, chưa sát  - Câu 2: bỏ mất *tì hổ*-hình ảnh so sánh |
| **- Mục tiêu, ý tưởng:**  + Rèn cho HS -năng lực giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề. Giúp HS nắm được các kiến thức cơ bản:  ./Vẻ đẹp hình tượng con người thời Trần: kì vĩ, hiên ngang.  ./ Vẻ đẹp quân đội thời Trần mang hào khí Đông A ./ Vẻ đẹp nhân cách của tác giả, lí tưởng sống cao đẹp + Rèn cho HS năng lực khái quát, tổng hợp nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm.  **- Phương tiện:**  + Máy tính, máy chiếu  **+** Tranh ảnh. | **Hoạt động 3*. Hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản***  ***-*** GV chia lớp thành 4 nhóm:  **+ Nhóm 1:** Câu 1  **Câu hỏi gợi ý:** Con người xuất hiện trong bối cảnh không gian và thời gian như thế nào? Họ mang tầm vóc, tư thế, khí thế ra sao?  Câu thơ ẩn chứa nỗi lòng gì của Tác giả?  **+ Nhóm 2:** Câu 2  **Câu hỏi gợi ý**: Cho biết hình ảnh “ba quân” là chỉ ai? Khí thế quân đội nhà Trần được thể hiện như thế nào? Nêu bút pháp nghệ thuật và tác dụng?  **+ Nhóm 3**: Câu 3  **Câu hỏi gợi ý:** -Em hiểu như thế nào về cụm từ “công danh” và “công danh trái”? Từ đó cho biết quan niệm của người xưa về chí làm trai?  **+ Nhóm 4:** Câu 4  **Câu hỏi gợi ý**: Vì sao tác giả “thẹn”? Cái “thẹn” đó mang ý nghĩa gì?  **- HS :**  + Làm việc theo 4 nhóm chính sau đó tách thành 4 nhóm mới  + Thực hiện kĩ thuật chạm góc  + Đại diện nhóm có sản phẩm trình bày, các thành viên có quyền trao đổi và phản biện  + Các HS khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét phần chuẩn bị và trình bày của bạn.  - GV chốt lại kiến thức | **II. Đọc hiểu**  **1. Hai câu đầu**  **a. Câu khai:**  **- Hình ảnh con người thời Trần**  + Tư thế dũng mãnh, chủ động hiên ngang  + Không gian: rộng lớn, kĩ vĩ  + Thời gian: dài, lâu bền, khí thế hiên ngang  ->KG, TG tạo tầm vóc: lớn lao, mang tầm vóc vũ trụ.  => Hình ảnh tráng sĩ chủ động, hiên ngang sẵn sàng xông pha trận mạc.  **- Ẩn chứa nỗi lòng:** Lòng yêu nước sâu sắc với ý chí quyết chiến quyết thắng kẻ thù xâm lược, ý thức tự lực, tự cường dân tộc.  **b. Câu thừa:** **Hình ảnh quân đội thời Trần**  - Tam quân: ba quân – chỉ chung thời đại -> quân đội nhà Trần – đội quân dân tộc với sức mạnh vô song, khí thế ngút trời.  - Nghệ thuật  + So sánh: sức mạnh như hổ báo  + Cường điệu hóa: nuốt trôi trâu (át sao Ngưu) => mang tầm vóc sử thi  + Giọng điệu: hào sảng, mạnh mẽ.  + Bút pháp: hiện thực + lãng mạn.  => Đội quân hùng mạnh – tinh thần của Hào khí Đông A  **\* Tiểu kết:** Câu khai – cụ thể - hình ảnh người tráng sĩ đời Trần; Câu thừa – khái quát - hình ảnh quân đội nhà Trần  => Lồng vào nhau, nâng đỡ cho nhau, vừa đẹp về hình thức vừa mang tính sử thi hoành tráng.  => Sản phẩm của hào khí Đông A.  **2. Hai câu sau: Tâm sự của tác giả**  **a. Câu chuyển: Tâm sự về công danh - cái chí của kẻ làm trai**  **- Nho gia:** lập công-làm nên sự nghiệp lớn; lập danh-để lại tiếng thơm muôn đời  - Phạm Ngũ Lão: coi công danh là món nợ (công danh trái), trách nhiệm, khát vọng phải thực hiện của trang nam nhi thời loạn.  => Quan điểm sống tích cực, cổ vũ con người từ bỏ lối sống tầm thường, ích kỉ, sẵn sàng hi sinh cho sự nghiệp cứu dân cứu nước.  **b.Câu hợp: Tâm sự về nỗi thẹn – cái tâm của người anh hùng**  - Thẹn vì chưa bằng Vũ hầu – chưa trả xong nợ nước -> Thái độ khiêm nhường, khát vọng được cống hiến  =>**“Thẹn” mang ý nghĩa tích cực – đề cao tài năng và nhân cách của vị tướng đời Trần.**  - CHÍ lớn lập công là biểu hiện của cái TÂM ngời sáng, cao cả => Phạm Ngũ Lão đã trực tiếp bày tỏ nỗi lòng.  => Triết lí sống mang đậm hào khí Đông A. |
| **-Mục tiêu, ý tưởng:** Giúp HS hình thành năng lực đánh giá, khái quát vấn đề, tư duy độc lập  **- Phương tiện:**  + Máy tính, máy chiếu  + Sơ đồ tư duy. | ***Hoạt động 4: Hướng dẫn tổng kết***  ***-*** GV đưa ra câu hỏi:  ?Em hãy khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ  - Hs làm việc độc lập, suy nghĩ, trả lời câu hỏi.  -GV chốt ý. | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nội dung**  Qua bức chân dung tự họa của người anh hùng PNL thấy được vẻ đẹp đầy khí phách của con người đời Trần, vẻ đẹp của hào khí Đông A.  - Vẻ đẹp của con người thời Trần: tư thế, tầm vóc, lí tưởng, nhân cách cao cả.  - Vẻ đẹp của thời đại: khí thế hào hùng, tinh thần quyết chiến quyết thắng.  **2. Nghệ thuật**  - Thơ Đường luật ngắn gọn, súc tích, thiên về gợi, khái quát cao.  - Hình tượng nghệ thuật lớn lao, kì vĩ, có tính sử thi.  - Âm hưởng hào hùng. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | | |
| **- Mục tiêu, ý tưởng:** giúp HS củng cố và khắc sâu kiến thức bài học, rèn kĩ năng khát quát, kĩ năng tạo lập văn bản và trình bày.  **- Phương tiện:** Máy tính, máy chiếu | - GV đưa câu hỏi trắc nghiệm  **Câu 1: Đề tài của bài thơ Tỏ lòng là gì?**   1. Sức mạnh của nhà Trần 2. Bày tỏ tình yêu thiên nhiên 3. Bày tỏ khát vọng lập công 4. Chí làm trai   **Câu 2: Ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh “Cầm ngang ngọn giáo” là :**  A. Biểu hiện tư thế hiên ngang  B. Biểu hiện ý chí mạnh mẽ  C. Biểu hiện tấm lòng kiên định  D. Biểu hiện khí thế sôi sục  **Câu 3: Câu thơ “Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu” thể hiện điều gì ?**  A. Diễn tả khí phách mạnh mẽ của quân đội nhà Trần  B. Phóng đại về sức mạnh quân đội nhà Trần  C. Vừa cụ thể hóa sức mạnh vật chất, vừa khái quát hóa sức mạnh tinh thần của quân đội nhà Trần  D. Cả A, B và C đều đúng  **Câu 4: Dòng nào nêu đúng nhất lí do “thẹn” của nhà thơ ?**  A. Chưa đạt được danh vọng gì nên xấu hổ với vợ con, tổ tiên.  B. Chưa mưu lược, chưa lập được công lớn như Vũ hầu, chưa hoàn thành nghĩa vụ đối với đất nước.  C. Chưa tài giỏi và giàu sang như Vũ hầu.  D. Chưa có địa vị và quyền cao chức trọng như Vũ hầu.  **Câu 5: Hào khí Đông A được thể hiện như thế nào qua bài thơ “Tỏ lòng” ?**  A. Khắc họa những chiến công lẫy lừng của quân và dân thời Trần.  B. Thể hiện ý chí căm thù và tinh thần quyết tâm chiến đấu của đội quân chính nghĩa.  C. Thể hiện tầm nhìn xa trông rộng về sự trường tồn của dân tộc.  D. Khắc họa hình tượng người anh hùng trong khí thế hào hùng của thời đại.  **Câu 6: Dòng nào không phải là thành công nghệ thuật của bài thơ?**  A. Thủ pháp gợi, thiên về ấn tượng bao quát  B. Bút pháp nghệ thuật hoành tráng có tính sử thi  C. Ngôn ngữ trong sáng, đậm đà bản sắc dân tộc  D. Hình tượng thơ lớn lao, kì vĩ  **- HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm** | ĐÁP ÁN ĐÚNG |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | | |
| **- Mục tiêu, ý tưởng:**  Vận dụng kiến thức đã học để rút ra bài học về trách nhiệm của mỗi học sinh đối với quê hương, đất nước và hình thành năng lực giao tiếp.  - **Phương tiện:** Máy tính, máy chiếu | - GV nêu câu hỏi: **Ý nghĩa giáo dục của bài thơ “Tỏ lòng” đối với tuổi trẻ hôm nay và mai sau ?**  - HS suy nghĩ, thảo luận trả lời | - Tinh thần đoàn kết làm nên chién thắng  - Sẵn sàng đem tài năng, sức lực… cống hiến góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh… |
| **E. HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG** | | |
| **- Mục tiêu, ý tưởng:**  **+**Giúp hs tiếp tục mở rộng, bổ sung hoàn thiện thêm kiến thức bài học.  + HS hình thành được các năng lực: giải quyết vấn đề, tự học, sáng tạo,…  - **Phương tiện:** Máy tính, máy chiếu | - GV  + GV yêu cầu hs sưu tầm, tìm thêm những câu ca/ câu thơ nói về chí làm trai  - Tìm những bài thơ thể hiện hào khí Đông A của nhà Trần  + Từ nỗi lòng của Phạm Ngũ Lão trong bài thơ, em hãy viết một bài luận với chủ đề: “*Phát huy hào khí Đông A trong thời hiện đại”*  *-* Học sinh về nhà tìm hiểu và làm bài, nộp sản phẩm cho gv. | - Tìm được câu thơ và câu ca về chí làm trai  - Tác tác phẩm mang Hào khí Đông A  - Viết bài luận: Bố cục rõ ràng, nội dung đúng với chủ đề… |

**Dặn dò**:

- Học thuộc lòng bài thơ (Phiên âm và dịch thơ)

- Làm các bài tập được giao

- Chuẩn bị bài Cảnh ngày hè – Nguyễn Trãi

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn:20/11/2020

Tiết 38,39: Đọc văn

**CẢNH NGÀY HÈ**

Nguyễn Trãi

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:***

+ Cảm nhận được nét đặc sắc của cảnh ngày hè và trong cách sử dụng từ ngữ sinh động của tác giả.

+ Thấy được ý thức của Nguyễn Trãi trong việc tìm tòi, sáng tạo một thể thơ có bản sắc riêng cho thơ ca Việt Nam.***2. Về kỹ năng****:* Nhận biết một cách có ý thức về các tác phẩm văn học dân gian.

***3. Về thái độ:*** Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, đất nước, tình cảm gắn bó với cuộc sống của nhân dân.

***4. Năng lực:***

- *Năng lực chung*: Năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực hợp tác, năng lực công nghệ thông tin và truyền thông...

- *Năng lực riêng*: Năng lực cảm thụ văn học, sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt, năng lực vận dụng kiến thức văn học vào cuộc sống...

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ.** Câu hỏi: Đọc thuộc phần phiên âm và dịch thơ bài Thuật hoài của Phạm Ngũ Lão? Em đánh giá ntn về nỗi “thẹn” của tác giả?

**3. Bài mới**

**3.1.HOẠT ĐỘNG: KHỞI ĐỘNG**

**NHÓM 1:Trả lời câu hỏi, tìm ẩn số.**

**Câu hỏi 1:** Nhà vua Lê Thánh Tông từng viết: “ Ức Trai tâm thượng quang khuê tảo”( Lòng dạ Ức Trai, soi sáng văn chương). Hãy cho biết Ức Trai là tên hiệu của ai?

Trả lời: Nguyên Trãi

**Câu 2:** Tên tập thơ Nôm cổ nhấthiện nay còn lưu giữ?

Trả lời: Quốc âm thi tập.

**Câu 3**: Một khu di tích lịch sử ở tỉnh Hải Dương, gắn liền với tên tuổi của Nguyễn Trãi?

Trả lời: Khu di tích Côn Sơn.

**Câu 4:** Điền từ còn thiếu vào câu thơ sau:

“ … tàn, cúc lại nở hoa

Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân” Nguyễn Du

Trả lời: Sen

Hình nền: Bức tranh Cảnh ngày hè và cũng là nhan đề của bài thơ Cảnh ngày hè.

**Giới thiệu bài:** Nguyễn Trãi không chỉ được biết đến là tác giả của áng thiên cổ hùng văn “ Bình Ngô đại cáo”, Ông còn được biết đến là người có tấm lòng nhân nghĩa, yêu nước thương dân. Cả cuộc đời, ông luôn khao khát cống hiến, vì vậy dù khi đương chức hay khi cáo quan về ở ẩn ông vẫn luôn đau đáu một nỗi niềm với dân, với nước. Trong những tháng ngày ở ẩn tại Côn Sơn, tình yêu quê hương trong ông không chỉ được thể hiện qua tình yêu thiên nhiên cảnh vật mà hơn hết ông còn mong mỏi nhân dân khắp mọi nơi đều được hưởng cuộc sống ấm lo. Để hiểu rõ tấm lòng của ông chúng ta cùng đi vào tìm hiểu tác phẩm Cảnh ngày hè.

**3.2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **NHÓM 2: Giới thiệu qua về tác giả Nguyễn Trãi và tập thơ Quốc âm thi tập.**  **TT1**: Chiếu một số hình ảnh về tác giả Nguyễn Trãi.  GV giới thiệu đôi nét về tác giả  **TT2 :** Dựa vào phần tiểu dẫn SGK, em hãy nêu những nét chính về tập thơ *Quốc âm thi tập* và bài thơ *Cảnh ngày hè.*  H: trả lời  G: nhận xét định hướng cách ghi theo SGK.  **NHÓM 3: Giới thiệu về bài thơ Cảnh ngày hè.**  **TT3:** G: đọc 1 lần bài thơ  Gọi 1H đọc lại.  ? Em biết gì về xuất xứ, thể loạicủa bài thơ? Bài thơ có điểm gì đặc biệt về hình thức?  ? Dựa vào tiểu sử tác giả, bài thơ có khả năng được sáng tác vào thời điểm nào?  ? Theo em bài thơ có thể chia làm mấy đoạn mạch cảm xúc?  **Chuyển ý** :  **\*Hoạt động:HD đọc hiểu chi tiết**  **TT1 : Tìm hiểu Hoàn cảnh ngắm cảnh của nhà thơ.**  **GV :**  Tác giả ngắm cảnh trong hoàn cảnh nào ? Em có nhận xét gì về nhịp thơ được thể hiện ở câu thơ thứ nhất ?  **GV**: Qua câu thơ đầu, em có cảm nhận xét gì về hoàn cảnh ngắm cảnh của nhà thơ ?  ***TT2. Tìm hiểu bức tranh thiên nhiên, cuộc sống ngày hè:***  **Gv: chia nhóm thảo luận:**  **+ Nhóm 1. Tìm hiểu bức tranh thiên nhiênh ngày hè.**  **GV:?**Bức tranh thiên nhiên ngày hè được tác giả miêu tả qua những cảnh vật nào? Em có nhận xét gì về những cảnh vật đó?  **GV:** ? Cảnh vật được hiện lên qua những từ ngữ, hình ảnh nào? Màu sắc và trạng thái ra sao?  **? GV?** Nhận xét về cách ngắt nhịp của 2 câu 3.4, cách ngắt nhịp này mang lại tác dụng gì?  **GV: ?** Em có nhận xét gì về bức tranh thiên nhiên này?  - HS trả lời- GV nhận xét, chốt ý  - HS trả lời- GV nhận xét, chốt ý:  + *Sử dụng những hình ảnh mộc mạc, bình dị, đặc trưng của mùa hè:* ***“Sen tàn cúc lại nở hoa”, “ Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông”…(Nguyễn Du)***  + *Màu lục của lá hòe làm nổi bật màu đỏ của hoa thạch lựu, màu hồng của sen làm dịu nhẹ gam màu rực rỡ của nắng hè.*  + *đùn đùn, giương, phun...Có một cái gì thôi thúc tự bên trong, như đang ứa ra, căng đầy, không thể kìm lại được, phải giương lên, phun ra, hết lớp này đến lớp khác*  *+ Giống như ND, NT có cái nhìn tinh tế với cảnh vật đồng thời có nghệ thuật vận dụng chữ Nôm điêu luyện. Nếu như ND thiên về* ***tạo hình sắc*** *bằng “lập lòe” (Đầu tường lửa lựu lập lòe đơm bông) thì NT thiên về* ***tả về sức sống*** *qua từ “phun”)*    **Chuyển ý:** *Bức tranh thiên nhiên thật đẹp và sống động. Vậy đứng trước bức tranh đẹp đó tâm hồn nhà thơ ra sao. Để khám phá vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ chunga ta cùng chuyển sang phần tiếp theo.*  **Nhóm 2: Tìm hiểu bức tranh cuôc sống ngày hè**  **GV:?** Tác giả cảm nhận bức tranh cuộc sống qua giác quan nào? Vào thời điểm nào? Em có nhận xét gì về thời điểm đó?  **GV?** Để miêu tả bức tranh cuộc sống sinh động đó nhà thơ đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì? Tác dụng của những biện pháp nghệ thuật đó?  **GV:?** Em cảm nhận như thế nào về bức tranh cuộc sống này?  - HS trả lời- GV nhận xét, chốt ý:  *+ Chiều tà, cuối ngày nhưng sự sống vẫn không ngừng lại...*  + *Tiếng ve inh ỏi- âm thanh đặc trưng của mùa hè hòa với tiếng “lao xao chợ cá”- âm thanh đặc trưng của làng chài.*  **- GV?** Bức tranh thiên nhiên, cuộc sống ngày hè hiện lên như thế nào qua việc miêu tả của nhà thơ?  **GV mở rộng:** Trong bài Tự thán4 Nguyễn Trãi từng nhận “ Non nước cùng ta đã có duyên”. Thi nhân đến với thiên nhiên trong mọi hoàn cảnh. Ông luôn căng mở mọi giác quan để đón nhận mọi vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước, con người “ Túi thơ chứa hết mọi giang san” Tự thán 2  **GV chuyển ý:** Bức tranh thiên nhiên thật đeph và sống động, vậy đứng trước bức tranh thiên nhiên đó tâm hồn nhà thơ ra sao, chúng ta cùng đi vào tìm hiểu những câu thơ còn lại.  ***TT3. Tìm hiểuVẻ đẹp tâm hồn nhà thơ.***  **Nhóm 3:**  GV: ? Nhận xét nhịp thơ, hình thức thơ ở câu 8, và cách sử dụng biện pháp nghệ thuật ở câu 7, qua đó thấy được mong muốn gì của tác giả?  GV: ? Nhận xét gì về sự vân động của tứ thơ?  **\*Hoạt động : Hướng dẫn học sinh tổng kết**  ? Bài thơ có những đặc sắc gì về nghệ thuật và nội dung ? | **I. Tìm hiểu chung.**  **1/ Tác giả** : (1380 – 1442)  -Là anh hùng dân tộc- một nhân vật lịch sử toàn tài hiếm có.  - Là nhà văn, nhà thơ lớn, được UNESCO công nhận là danh nhân văn hóa thế giới.  **2/ Tác phẩm:**  **a.Giới thiệu về tập “Quốc âm thi tập”**  -Là tập thơ viết bằng chữ Nôm, gồm 254 bài.  - Chia thành 4 phần:  + Vô đề -> Thời tiết  + Môn thì lệnh -> Thời tiết  + Môn hoa mộc -> Cây cỏ  + Môn cầm thú -> Muôn thú  *- Nội dung:* phản ánh vẻ đẹp con người Nguyễn Trãi: yêu nước, thương dân, yêu thiên nhiên, con người, cuộc sống.  - Nghệ thuật: Việt hóa thể thơ Đường luật(Xen vào những câu thơ ngũ ngôn, với việc ngắt nhịp linh hoạt)  **b. Bài thơ “ Cảnh ngày hè”**  - Xuất xứ : Thuộc phần vô đề, mục BKCG (gương báu răn mình- những bài học giáo huấn), bài số 43/61. -> Nhan đề do người biên soạn sách đặt.  - Thể loại: thất ngôn bát cú đường luật ( bài thơ có xen kẽ những câu thơ lục ngôn -> Việt hóa thơ Đường luật).  - Hoàn cảnh sáng tác : Sáng tác trong thời kì NT về ở ẩn tại Côn Sơn (1438 đến 1439).  - Cách phân tích:  + Phần 1 : Câu 1 : Hoàn cảnh ngắm cảnh  + Phần 2: Câu 2,3,4,5,6 : Bức tranh thiên nhiên, cuộc sống ngày hè.  + Phần 2: câu 7,8 : Vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ.  **II. Đọc –hiểu văn bản:**  **1.Hoàn cảnh ngắm cảnh**  **“ Rồi hóng mát thủa ngày trường”**  + “*Rồi*” : rỗi rãi  + “*ngày trường*” : ngày dài   * Nhịp điệu: 1/2/3 chậm rãi, câu thơ lục ngôn phá cách   -> Hoàn cảnh rỗi rãi hiếm hoi với tâm thế nhàn nhã, thong dong nhưng thân nhàn mà tâm không nhàn của nhà thơ.  ***2.Bức tranh thiên nhiên, cuộc sống ngày hè:***  **a. Bức tranh thiên nhiên:**   * Cảnh vật: Cây hòe, cây lựu, hoa sen -> cảnh vật đặc trưng của ngày hè. * Cảnh vật được hiện lên cụ thể qua màu sắc, dáng vẻ, mùi vị.   **+** Màu sắc: → màu xanh của cây hòe ( đầu hè)  *→ màu đỏ của hoa lựu ( giữa hè)*  *→ màu hồng của hoa sen ( cuối hè)*  *🡪*  hài hòa, tươi sáng, rực rỡ đồng thời còn lột tả được những thời điểm khác nhau của mùa hè.  + Trạng thái: *đùn đùn, giương, phun, tiễn …*→ một loạt động từ mạnh, từ láy → diễn tả sức sống thôi thúc từ bên trong, ứa căng, tràn đầy.   * Kết hợp ngắt nhịp ¾( và sự phá cách về nhịp thơ)→ nhấn mạnh, làm nổi bật hình ảnh, cảnh vật.   + Hương vị: Sen ngát hương  🡺 Bức tranh thiên nhiên ngày hè rực rỡ, sống động, căng tràn sức sống đang trổ dáng, khoe sắc và tỏa hương.  → Cảnh sắc thiên nhiên tựa như một bức họa đẹp →thi trung hữu họa.  **b. Bức tranh cuộc sống:** Cảm nhận qua thính giác  **-** Âm thanh:  + Lao xao chợ cá: âm thanh cuộc sống  + Dắng dỏi cầm ve: âm thanh tự nhiên   * Thời điểm: tịch dương- mặt trời lặn→ ngày sắp hết nhưng cuộc sống con người được miêu tả không ảm đạm. * Sử dụng phép đảo ngữ, đối, từ láy ... nhấn mạnh âm thanh sôi động và không khí rộn ràng của chiều hè nơi làng quê..   → Thi trung hữu nhạc.  → Bức tranh cuộc sống thanh bình, rộn rã, nhiều niềm vui.  **\* Tiểu kết**: Bức tranh ngày hè hiện ra tươi đẹp bởi sự kết hợp hài hòa cân đối giữa màu sắc và âm thanh, giữa thiên nhiên và con người. Qua đó thấy được sự giao cảm mạnh mẽ, tinh tế của nhà thơ với thiên nhiên, với cuộc sống.  **2. Vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ.**   * Câu thơ 6 tiếng, nhịp 3/3 ngắn gọn, dồn nén cảm xúc * Mong ước: Nhân dân ở muôn phương đều được hưởng cuộc sống ấm no, thái bình.   →Tứ thơ vận động từ thiên nhiên, đến con người và kết tụ lại ở khát vọng cao đẹp của nhà thơ  **III. Tổng kết:**   1. *Nghệ thuật.*  * Thể thơ Đường luật phá cách, xen vào các câu thơ lục ngôn   - Ngôn ngữ bình dị, gần gũi có giá trị biểu cảm cao, hình ảnh thơ giản dị mà giàu sức sống.  2. *Nội dung*  Bài thơ ***Cảnh ngày hè*** cho thấy tâm hồn Nguyễn Trãi chan chứa tình yêu thiên nhiên, yêu đời, yêu nhân dân, đất nước. |

**3.3.Hoạt Động 3 : Luyện tập**

* Học sinh trả lời các câu hỏi trong bài tập trắc nghiệm

- Yêu cầu họa sinh vẽ sơ đồ tư duy, tổng kết lại nội dung bài học.

**3.4.HOẠT ĐỘNG 4-5: VẬN DỤNG VÀ TÌM TÒI MỞ RỘNG**

* Học sinh trình bày bản vè Bức tranh ngày hè của bản thân
* Thông qua bài thơ, viết 1 đoạn văn ngắn ( 3 đến 5 câu) nêu cảm nhận về bức tranh ngày hè.
* Em có nhận xét gì về việc sử dụng tiếng Việt của tác giả trong bài thơ.

- Thông qua tình yêu thiên nhiên của Nguyễn Trãi, em học tập được thái độ gì đối với thiên nhiên ?

-Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thiên nhiên. Luôn có ý thức xây dựng quê hương đất nước giàu mạnh.

**4.Củng cố kiến thức cho học sinh:** GV hệ thống lại nội dung bài học.

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:**

- Đọc thuộc bài thơ, ôn lại kiến thức bài học.

- Làm bài tập: Cảm nhận của anh (chị)về vẻ đẹp thiên nhiên và tâm hồn Nguyễn Trãi qua bài thơ Cảnh ngày hè.

- Đọc trước bài: Tóm tắt văn bản tự sự.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Ngày soạn:13/11/2020

Tiết 40,41: Đọc văn **NHÀN**

Nguyễn Bỉnh Khiêm.

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:***

+ Bước đầu hiểu được lối sống thanh cao của Nguyễn Bỉnh Khiêm ;

+ Thấy được nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ : lời lẽ tự nhiên, giản dị mà ý vị.

***2. Về kỹ năng****:* Đọc - hiểu thơ Nôm Đường luật.

***3. Về thái độ:*** Có lòng yêu mến, kính trọng tài năng và nhân cách Nguyễn Bỉnh Khiêm.

***4. Năng lực:***

- Năng lực đọc hiểu văn bản

- Năng lực cảm thụ

- Năng làm việc nhóm…

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ.**  Câu hỏi: Thế nào là tóm tắt văn bản tự sự theo nhân vật chính? Nêu các bước?

**3. Bài mới**

**3.1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

Mục tiêu: Giúp học sinh củng cố lại những kiến thức đã học tạo hứng thú để kết nối với bài học.

Phương pháp/ Kĩ thuật dạy học: trò chơi

Hình thức: cá nhân

Thời gian: 4 phút

Gv giới thiệu đây là trò chơi “*Chiếc nón kì diệu*” các em đã được thấy trên truyền hình. GV chọn 2 học sinh tham gia vào trò chơi, cử một thư kí ghi điểm. Các bạn còn lại sẽ đóng vai trò khán giả.

**Luật chơi như sau:**

+ Người chơi sẽ lựa chọn các câu hỏi từ 1 đến 6 và trả lời trong vòng 5 giây (Mỗi người được lựa chọn 3 lần)

+ Nếu trả lời đúng người chơi sẽ quay chiếc nón để chọn điểm

+ Người chơi nào đạt điểm cao hơn sẽ là người chiến thắng và sẽ được nhận một món quà .

**Câu 1**: Hai câu thơ:

Hoành sóc giang sơn cáp kỉ thu

Ba quân tì hổ khí thôn Ngưu

Nói về hình ảnh người tráng sĩ đời nào?

**Đáp án: Đời Trần**

**Câu 2:** Câu hỏi: Nhà vua đã nhận ra cô Tấm nhờ vật gì?

**Đáp án: Miếng trầu têm cánh phượng**

**Câu 3**: Điền từ còn thiếu vào chỗ 3 chấm

….là cách gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên gọi của sự vật, hiện tượng khác dựa trên những nét tương đồng.

**Đáp án: Ẩn dụ**

**Câu 4:** Dụng cụ nào không được nói đến trong câu thơ sau:

*Một mai, một cuốc, một cần câu*

1. Mai b. Cày c. Cuốc d. Cần câu

**Đáp án: Cày**

**Câu 5**: Đây là một từ chỉ có ít hoặc không có việc gì phải làm, phải lo nghĩ ?

**Đáp án: Nhàn**

**Câu 6:** Ông là ai?

**Đáp án: Nguyễn Bỉnh Khiêm**

Gv nhận xét đánh giá kết quả, trao phần thưởng cho bạn chiến thắng.

Gv dẫn dắt vào bài mới

Từ hình ảnh của Nguyễn Bỉnh Khiêm em biết gì về sự nghiệp văn chương của ông?

Hs trình bày được một phần hiểu biết về sự nghiệp văn chương của tác giả, GV sẽ dẫn dắt giới thiệu bài mới: Để giúp các em hiểu được quan niệm sống nhàn là như thế nàochúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay*.*

**3.2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv và hs** | **Yêu cầu cần đạt** |
| Hs đọc tiểu dẫn.  - Nêu vài nét chính về tiểu sử của Nguyễn Bỉnh Khiêm?  - Kể tên các tác phẩm chính và nêu đặc sắc của thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm?  - Nhan đề bài thơ có phải do tác giả đặt? Nó thuộc tập thơ nào?  Gv hướng dẫn cách đọc với giọng thong thả, nhẹ nhàng; hóm hỉnh (câu 3-4); thanh thản, thoải mái (4 câu cuối).  - Thể loại của bài thơ?  Bố cục của nó?  Hs thảo luận, phát biểu.  Gv nhận xét, định hướng tìm hiểu bài thơ theo các ý.  - Đọc câu 1-2, em có nhận xét gì về cuộc sống khi cáo quan về quê ở ẩn của Nguyễn Bỉnh Khiêm?    Gợi mở: Cuộc sống đó giống với cuộc sống, cách sinh hoạt của ai? Nhận xét về nhịp thơ, giọng thơ? Chúng cho thấy thái độ của tác giả ntn? Số từ “một” lặp lại nhiều lần có ý nghĩa gì?  - Em hiểu trạng thái “thơ thẩn” như thế nào? Nó cho thấy lối sống của tác giả ntn? Đại từ phiếm chỉ “ai” có thể chỉ đối tượng nào?  - Nhận xét về cuộc sống sinh hoạt của tác giả ở 2 câu 5-6? Nhịp thơ và ý nghĩa của nó?  Gợi mở: Cuộc sống ở đây có phải là khắc khổ, ép xác?...  Gv so sánh bổ sung: Cũng gói gọn bốn mùa trong 2 câu, Nguyễn Du viết*: “Sen tàn cúc lại nở hoa/ Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân”* ⭢ sử dụng hình ảnh ước lệ trang trọng, đài các.hai câu thơ của Nguyễn Bỉnh Khiêm sử dụng các hình ảnh dung dị, mộc mạc, thấy gì kể vậy, đầm ấm, chân thành...  - Tác giả quan niệm ntn về lẽ sống và ông đã chọn lối sống nào ở câu 3- 4?  Gợi mở: Từ vốn hiểu biết về con người Nguyễn Bỉnh Khiêm, em hiểu các từ *“dại”*, *“khôn”* trong bài thơ theo nghĩa nào? Nghĩa hàm ẩn của các cụm từ *“nơi vắng vẻ”*, *“chốn lao xao”*?...  - Nguyễn Bỉnh Khiêm dẫn điển tích về giấc mộng của Thuần Vu Phần nhằm mục đích gì?  - Từ quá trình tìm hiểu bài thơ trên, em hiểu bản chất chữ “nhàn” trong thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm là gì?  - Vẻ đẹp cuộc sống và nhân cách của Nguyễn Bỉnh Khiêm qua bài thơ trên? | ***I. Tiểu dẫn:***  ***1. Vài nét về tiểu sử và sự nghiệp Nguyễn Bỉnh Khiêm:***  ***a. Tiểu sử:***  - Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491-1585), tên huý là Văn Đạt, hiệu là Bạch Vân Cư Sĩ.  - Quê quán: làng Trung Am, nay thuộc xã Lí Học, Vĩnh Bảo, ngoại thành Hải Phòng.  - Gia đình: cha Nguyễn Bỉnh Khiêm là người tài cao, học rộng. Mẹ là con gái quan thượng thư, là người thông tuệ, giỏi văn chương, biết lí số.  - Cuộc đời:+ Đỗ trạng nguyên năm 1535, làm quan dưới triều Mạc.  + Khi làm quan, ông đã dâng sớ vạch tội và xin chém đầu 18 lộng thần. Vua ko nghe, ông bèn cáo quan về quê, lập quán Trung Tân, dựng am Bạch Vân, lánh đời, dạy học.  + Vua Mạc và các chúa Trịnh, Nguyễn có việc hệ trọng đều đến hỏi ý kiến ông và ông đều có cách mách bảo kín đáo, nhằm hạn chế chiến tranh, chết chóc.  + Vẫn đóng vai trò tham vấn cho triều đình nhà Mạc khi đã ở ẩn nên được phong tước Trình Tuyền hầu, Trình Quốc công nên dân gian gọi là trạng Trình.  - Con người: + Thẳng thắn, cương trực.  + Là người thầy có học vấn uyên thâm, hiểu lí số, được học trò suy tôn là Tuyết Giang Phu Tử (người thầy sông Tuyết).  + Có tấm lòng ưu thời mẫn thế, yêu nước, thương dân.  ***b. Sự nghiệp:***  - Các tác phẩm: *Bạch Vân am thi tập*- gồm 700 bài thơ chữ Hán; *Bạch Vân quốc ngữ thi*- khoảng trên 170 bài thơ chữ Nôm.  - Đặc sắc thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm:  + Mang đậm chất triết lí, giáo huấn.  + Ca ngợi chí của kẻ sĩ, thú thanh nhàn.  + Phê phán chiến tranh PK, sự mục nát của giai cấp thống trị và thói đời suy đạo.  ***2. Bài thơ Nhàn:***  - Xuất xứ: Thuộc tập *Bạch Vân quốc ngữ thi*.  - Nhan đề :  + “Nhàn” là chủ để lớn trong thơ NBK.  + Ý nghĩa: ./ Thanh nhà, nhàn rỗi, phận nhàn  ./ Bản chất chữ Nhàn trong thơ NBK là sống thuận theo tự nhiên ./ Phủ nhận danh lợi để giữ cốt cách thanh cao.  -Bố cục: 2 phần.  + Câu 1-2 và câu 5-6: Vẻ đẹp cuộc sống ở Bạch Vân am của Nguyễn Bỉnh Khiêm.  + Câu 3-4 và câu 7-8: Vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Bỉnh Khiêm.  ***II. Đọc- hiểu văn bản:***  ***a. Vẻ đẹp cuộc sống ở am Bạch Vân của Nguyễn Bỉnh Khiêm:***  ***\* Câu 1-2:***  - Cuộc sống thuần hậu, giản dị giữa thôn quê như của một “lão nông tri điền”:  + Mai, cuốc⭢ dụng cụ của nhà nông để đào, xới đất.  + Cần câu để câu cá ⭢ nếp sống thanh bần của nhà nho khi ở ẩn.  + Số từ “một” điệp lại ba lần:  ⭢ Mọi thứ đều đã sẵn sàng, chu đáo.  ⭢ Cực tả cái riêng, lối sống riêng của tác giả, đối lập với lối sống của những kẻ xô bồ, chen chúc tìm lạc thú, vinh hoa ở chốn lợi danh.  ⭢ Câu 1: Cuộc sống chất phác, nguyên sơ của thời tự cung tự cấp, có chút ngông ngạo so với thói đời nhưng ko ngang tàng.  - “Thơ thẩn”- trạng thái mơ màng, mông lung, nghĩ ngợi ko tập trung vào một cái gì rõ rệt, cứ thoáng gần- xa, mơ- tỉnh.  ⭢ lối sống riêng của tác giả: thư thái, thanh nhàn.  - Đại từ phiếm chỉ “ai” ⭢ người đời.  ⭢ những kẻ bon chen trong vòng danh lợi.  ⭢ Sự đối lập:  Lối sống thư thái, 🢖🢔 Lối sống bon chen, xô bồ  thanh nhàn, ko của những kẻ bon chen  màng danh lợi của trong vòng danh lợi.  tác giả.  - Nhịp thơ: 2/2/3⭢ sự ung dung, thanh thản của tác giả.  ***\* Câu 5-6:***  - Cuộc sống đạm bạc mà thanh cao của tác giả:  + Măng trúc, giá đỗ⭢ thức ăn đạm bạc, thanh sạch, là sản phẩm cây nhà lá vườn, kết quả công sức lao động gieo trồng, chăm bón của bậc ẩn sĩ.  + Xuân- tắm hồ sen, hạ - tắm ao⭢ cách sinh hoạt dân dã.  Hồ sen⭢ nước trong ⭢gợi sự thanh  ⭢ hương thơm thanh quý cao.  ⭢Cuộc sống hoà hợp với tự nhiên, mùa nào thức nấy, xa lánh lợi danh, vinh hoa phú quý.  - Nhịp thơ: 1/3/1/2⭢ nhấn mạnh vào 4 mùa⭢ gợi bức tranh tứ bình về cảnh sinh hoạt với 4 mùa xuân- hạ- thu- đông, có hương sắc, mùi vị giản dị mà thanh cao.  ***b. Vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Bỉnh Khiêm:***  ***\* Câu 3-4:***  - Cách nói đối lập, ngược nghĩa:  Ta 🢖🢔 Người  *“dại”*- tìm đến *“khôn”*- tìm đến  *“nơi vắng vẻ”* *“chốn lao xao”*  - Từ sự thực về con người Nguyễn Bỉnh Khiêm- một người vừa thông tuệvừa tỉnh táo trong thái độ xuất-xử và trong cách chọn lẽ sống, việc dùng từ “dại”, “khôn” ko mang nghĩa gốc từ điển (dại- trí tuệ thấp kém 🢖🢔 khôn- trí tuệ mẫn tiệp) ⭢ là cách nói ngược nghĩa, hàm ý mỉa mai, thâm trầm, sâu sắc.  - *“Nơi vắng vẻ”*:  + Là nơi ít người, ko có ai cầu cạnh ta và ta cũng ko cần cầu cạnh ai.  + Là nơi tĩnh lặng, hoà hợp với thiên nhiên trong sạch, tâm hồn con người thư thái.  ⭢ Là hình ảnh ẩn dụ chỉ lối sống thanh bạch, ko màng danh lợi, hòa hợp với tự nhiên.  - *“Chốn lao xao”*:  + Là nơi ồn ào.  + Là nơi có cuộc sống sang trọng, quyền thế, con người sống bon chen, đua danh đoạt lợi, thủ đoạn hiểm độc.  ***\* Câu 7- 8:***  - Điển tích về Thuần Vu Phần⭢ phú quý chỉ là một giấc chiêm bao.  - Nguyễn Bỉnh Khiêm dùng điển tích để thể hiện thái độ coi thường phú quý, danh lợi: phú quý, danh lợi chỉ như một giấc mơ dưới gốc hòe, thoảng qua, chẳng có ý nghĩa gì.  ⭢ Ông tìm đến rượu, uống say để chiêm bao nhưng tìm đến “say” như vậy lại là để “tỉnh”, để bừng thức trí tuệ, khẳng định lẽ sống đẹp của mình.  Quan niệm sống: phủ nhận phú quý, danh lợi, khẳng định cái tồn tại vĩnh hằng là thiên nhiên và nhân cách con người.  ***III. Tổng kết bài học:***  ***1.Nội dung:***  ***a. Bản chất lẽ sống “nhàn” của Nguyễn Bỉnh Khiêm:***  - Sống hòa hợp với tự nhiên.  - Phủ nhận danh lợi, giữ cốt cách thanh cao.  ***b. Vẻ đẹp cuộc sống và nhân cách Nguyễn Bỉnh Khiêm:***  - Vẻ đẹp cuộc sống: đạm bạc, giản dị mà thanh cao.  - Vẻ đẹp nhân cách: vượt lên trên danh lợi, coi trọng lối sống thanh bạch, hòa hợp với tự nhiên.  2. Nghệ thuật:  - Ngôn ngữ: giản dị, hàm súc, giàu chất triết lí.  - Cách nói đối lập, ngược nghĩa thâm trầm, giàu chất triết lí. |

**3.3.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

Mục tiêu: Giúp HS nắm được kiến thức cơ bản đồng thời khắc sâu kiến thức, rèn kĩ năng giải quyết vấn đề

PP/KTDH: Hoạt động nhóm

Hình thức : Trò chơi “ **Hình ảnh may mắn”**

Phương tiện dạy học: máy chiếu

Thời gian: 5 phút

Gv chia lớp làm 2 đội chơi, bạn nhóm trưởng sẽ đại diện chọn một hình ảnh may mắn cho đội mình.

**Luật chơi như sau**:- Mỗi đội sẽ được chọn bất kì một trong 8 hình ảnh may mắn trên màn hình.

- Mỗi hình ảnh sẽ chứa câu hỏi ứng với câu trả lời đúng sẽ được 10 điểm.

- Thời gian suy nghĩ cho mỗi câu hỏi là 5 giây

- Hs các đội lần lượt thực hiện dưới sự điều khiển của GV

**Câu 1:** **Bài thơ “Nhàn” được trích trong tập thơ nào**?

a. Bạch Vân am thi tập b. Bạch vân quốc ngữ thi

**Câu 2: Nội dung nào không đúng khi nói về bài thơ “Nhàn”**?

a. Ca ngợi cuộc sống thanh nhàn b. Thể hiện vẻ đẹp nhân cách và trí tuệ của tác giả

c. Thể hiện quan niệm về cuộc sống nhàn tản

d. Mong ước được sống xa lánh cuộc đời

**Câu 3: Dụng cụ nào không được nói đến trong bài thơ** “**Nhàn”?**

a. Mai b. Cày c. Cuốc d. Cần câu

**Câu 4: Câu hỏi may mắn**

**Câu 5: Nội dung thơ của Nguyễn Bỉnh Khiêm là gì?**

a. Mang đậm chất triết lí ,giáo huấn. b. Ngợi ca chí của kẻ sĩ, thú thanh nhàn.

c. Phê phán những điều xấu xa trong xã hộị d. Cả a,b,c.

**Câu 6**. **Quan niệm nhàn của Nguyễn Bỉnh Khiêm không mang ý nghĩa nào?**

a. Sống nhàn, tránh vất vả cực nhọc về thể chất. b. Sống hòa hợp với thiên nhiên

c. Sống đạm bạc mà thanh nhàn d. Phủ nhận danh lợi, giữ cốt cách thanh cao.

**Câu 7: Câu hỏi may mắn**

**Câu 8**: Ý nghĩa khái quát về bài thơ “Nhàn” của Nguyễn Bỉnh Khiêm là?

a.Lời tâm sự về cuộc sống của tác giả b.Lời giãi bày về sở thích cá nhân của tác giả

c. Thể hiện quan niệm nhân sinh của nhà thơ d.Thể hiện nhân cách của nhà thơ

**2.4. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Gv nêu vấn đề, làm việc cá nhân

**Câu hỏi**: Từ triết lý sống của nhà thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm, các em có suy nghĩ gì về quan niệm sống nhàn của một bộ phận thanh niên, học sinh trong xã hội ngày nay?

- Hs trao đổi, phát biểu ý kiến

- Gv nhận xét đánh giá thái độ, tôn trọng quan điểm cá nhân hoặc điều chỉnh những quan điểm còn lệch lạc của các em.

**3.5.HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

**Phương pháp: nêu vấn đề, HS về nhà chuẩn bị**

1.Tìm những biểu hiện của lối sống nhàn tích cực trong cuộc sống?

2.Tìm những biểu hiện của lối sống nhàn tiêu cực trong cuộc sống hiện nay?

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:**

- Học thuộc bài thơ, đọc thêm một số bài thơ về thói đời và thú nhàn của Nguyễn Bỉnh Khiêm.

- Soạn bài: *Độc Tiểu Thanh kí* (Nguyễn Du).

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Ngày soạn:25/11/2020

Tiết 42,43: Đọc văn

**ĐỌC “TIỂU THANH KÍ”**

Nguyễn Du.

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:***

+ Cảm nhận được niềm cảm thương mà Nguyễn Du dành cho Tiểu Thanh, cho tất cả những kiếp người tài hoa trong xã hội và tâm sự khao khát tri âm hướng về hậu thế của nhà thơ ;

+ Thấy được nghệ thuật đặc sắc của thơ trữ tình Nguyễn Du.

***2. Về kỹ năng****:* Đọc - hiểu thơ Đường luật theo đặc trưng thể loại.

***3. Về thái độ:*** Có thái độ trân trọng những giá trị văn hóa tinh thần và những người sáng tạo ra chúng.

***4.Năng lực:***

+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

+ Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong văn bản.

+ Năng lực đọc hiểu, cảm thụ thẩm mĩ về tác phẩm văn học theo đặc trưng thể loại.

+ Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về ý nghĩa của văn bản.

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ** ? Đọc thuộc bài thơ Nhà, nêu cảm nhận về ND, NT bài thơ?

**3. Bài mới**

**3.1.** **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**-** Phương pháp: Thuyết trình.

- Kĩ thuật: Động não.

- Thời gian: 1- 3 phút

- GV thuyết trình. HS chú ý nghe

**3.2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv và hs** | **Yêu cầu cần đạt** |
| Hs đọc tiểu dẫn- sgk.  - Nêu vài nét về cuộc đời nàng Tiểu Thanh?  - Có thể hiểu nhan đề bài thơ theo các nghĩa nào?  - Em có biết hiện nay các nhà nghiên cứu còn có những tranh luận gì về bài thơ?  Hs thảo luận, phát biểu.  Gv nhận xét, bổ sung.  Hs đọc văn bản. Gv hướng dẫn giọng đọc: chậm, buồn, sâu lắng.  - Nêu thể loại và tìm bố cục của bài thơ?  - Câu thơ đầu gợi lên nghịch cảnh gì? ý nghĩa của nghịch cảnh ấy?  - So sánh phiên âm và bản dịch thơ ở câu 2? bản dịch đã chuyển tải hết ý các từ *“độc điếu”*, *“nhất chỉ thư”* chưa?  - Nhận xét về nghệ thuật đối?  - Tìm biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong 2 câu thơ?  - Hai câu thực đa nghĩa:  + Nếu hiểu *“son phấn”*, *“văn chương”* là chủ thể tự hận, tự thương thì có nghĩa là: *Son phấn có thần chắc phải xót xa vì những việc sau khi chết/ Văn chương ko có số mệnh mà cũng bị đốt dở.*  + Nếu hiểu *“son phấn”*, *“văn chương”* là đối tượng thương cảm của người đời thì có nghĩa là: *Son phấn như có thần, sau khi chết người ta còn thương tiếc/ Văn chương có số mệnh gì mà người ta phải bận lòng đến những bài thơ còn sót lại sau khi đốt.*  Sgk lựa chọn cách hiểu nào? Điểm gặp gỡ của hai cách cắt nghĩa đó?  - Theo em *“những mối hận cổ kim”* là gì? tại sao tác giả cho là *“ko hỏi trời được”*?  - So sánh chữ *“ngã”*(tôi, ta) với chữ *“khách”* của bản dịch?  - Nguyễn Du từ xúc cảm xót thương cho Tiểu Thanh⭢ thương cho mọi kiếp người hồng nhan bạc phận, những kiếp người tài mệnh tương đố nói chung⭢ tự nhận mình là người cùng hội, cùng thuyền với kẻ mắc nỗi oan lạ lùng vì nết phong nhã. Nguyễn Du đã chuyển về cảm xúc tự thương? Quy luật vận động tâm lí đó có tự nhiên ko? Nó cho thấy Nguyễn Du có sự đồng cảm đến mức nào với Tiểu Thanh và những kiếp người tài hoa bất hạnh nói chung?  - Nguyễn Du lo lắng, băn khoăn điều gì? Vì sao ông có suy ngĩ ấy? Tại sao tác giả ko xưng tên thật mà lại xưng bút hiệu Tố Như?  - Điều băn khoăn của ông có chính đáng ko và được người đời sau trả lời ntn?  - Mạch vận động của cảm xúc(tứ thơ) trong bài ntn?  - Theo em, giá trị nhân đạo của tác phẩm có phải chỉ biểu hiện ở niềm thương cảm cho số phận bất hạnh của Tiểu Thanh và những người như nàng ko? Vì sao?  - Những nét đặc sắc nghệ thuật tiêu biểu của bài thơ? | ***I. Tiểu dẫn:***  ***1. Vài nét nàng tiểu Thanh:***  - Phùng Tiểu Thanh (1594- 1612), người Quảng Lăng, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc.  - Là cô gái thông minh, tài sắc, giỏi văn chương nhưng bạc mệnh.  - Năm 16 tuổi, lấy lẽ một người họ Phùng, bị vợ cả ghen, bắt ra ở một mình trên núi Cô Sơn (Hàng Châu- Trung Quốc), lâm bệnh, mất năm 18 tuổi.  - Khi nàng mất, người vợ cả đốt hết thơ, từ, chỉ còn sót lại một số bài thơ, từ do nàng viết trên hai tờ giấy gói tặng mấy vật trang sức cho một cô gái (phần dư)  ***2. Bài thơ Độc Tiểu Thanh kí:***  ***- Xuất xứ***: Rút trong tập “Thanh Hiên thi tập”  - ***Nhan đề có hai nghĩa***:  + Đọc tập thơ của Tiểu Thanh.  + Đọc Tiểu Thanh truyện.  - ***Bài thơ còn nhiều vấn đề gây tranh luận***:  *\* Hoàn cảnh sáng tác*:+ Có ý kiến cho là được viết trên đường Nguyễn Du đi sứ ⭢ đưa vào tập Bắc hành tạp lục.  + Có ý kiến cho là Nguyễn Du viết ở Thăng Long (Huế) ⭢ nhà thơ cảm xúc trước số phận hồng nhan bạc mệnh, tài mệnh tương đố của Tiểu Thanh qua những bài thơ, những câu chuyện về nàng.  *\* Hai câu cuối*: có ý kiến cho là 2 câu khẩu chiếm (di ngôn) của Nguyễn Du buột miệng đọc trước khi mất, lại là 2 câu thất niêm nên ko thuộc chỉnh thể của tác phẩm.  *\* Con số 300 năm* : ko xác định rõ là khoảng thời gian nào.  ***- Thể loại và bố cục:***  + Thể loại: thất ngôn bát cú Đường luật.  + Bố cục: đề- thực- luận- kết.  ***II. Đọc – hiểu***  ***a. Hai câu đề:***  ***\* Câu 1:***  Vườn hoa bên Tây Hồ 🢖🢔 Gò hoang  ⭢Vẻ đẹp huy hoàng ⭢Vẻ hoang vu, cô  - hình ảnh thuộc về quạnh- hình ảnh về  quá khứ. hiện tại.  ⭢ Sự đối nghịch gay gắt giữa quá khứ và hiện tại gợi lẽ đời dâu bể.  ⭢ Chứa đựng sự xót xa, thương cảm cho cái đẹp bị tàn phá, vùi dập, huỷ hoại phũ phàng- là cảm xúc mang tính nhân văn khá phổ biến trong VHTĐ (thơ Nguyễn Trãi, Bà huyện Thanh Quan,...)  ***\* Câu 2:***  - *“Độc điếu”*- một mình viếng thương⭢ tâm thế cô đơn của tác giả.  - *“Nhất chỉ thư”*- một tập sách- tập kí về cuộc đời Tiểu Thanh.  ⭢ Nghĩa câu 2: Một mình viếng thương nàng qua một tập sách viết về cuộc đời nàng đọc trước cửa sổ.  ⭢ Câu dịch chưa chuyển tải hết ý thơ.  ⭢ Câu thơ nguyên tác cho thấy hình ảnh một con người với tâm thế cô đơn, mang một lòng đau tìm gặp một hồn đau. Nó cho thấy sự đồng cảm sâu sắc của trái tim vĩ đại.  ***b. Hai câu thực:***  - Đối chỉnh.  - Biện pháp: ẩn dụ tượng trưng.  *Son phấn*⭢ sắc đẹp.  *Văn chương*⭢ tài năng  ⭢ Tất cả đều có hồn, có thần⭢ Cảm hứng khẳng định sự quý giá, vĩnh hằng của cái đẹp và tài năng con người.  - Điểm gặp gỡ của hai cách cắt nghĩa ý thơ (sgk chọn cách 1): Tấm lòng tri âm, thương cảm sâu sắc của Nguyễn Du trước cuộc đời, số phận oan trái của người sắc tài kì nữ khiến trời đất ghen.  ***c. Hai câu luận:***  -*“ Những mối hận cổ kim”*- những mối hận của người xưa và nay.  + Người xưa:Tiểu Thanh và những người phụ nữ cùng cảnh ngộ.  + Người nay: Những người phụ nữ hồng nhan bạc mệnh, tài mệnh tương đố cùng thời với Nguyễn Du và thế hệ những nhà thơ tài năng nhưng gặp nhiều khổ đau, bất hạnh trong cuộc đời như Nguyễn Du.  ⭢ Ở 4 câu đầu, Nguyễn Du chủ yếu hướng sự thương cảm đến Tiểu Thanh thì đến câu 5, trái tim Nguyễn Du đã hướng tới sự đồng cảm, xót thương đến mọi kiếp hồng nhan bạc mệnh tương đố.  - *“Thiên nan vấn”-* khó hỏi trời được⭢ Một câu hỏi lớn ko lời đáp- hỏi trời lời giải đáp mối hận vì sự phi lí của cuộc đời: hồng nhan đa truân, bạc mệnh, tài tử đa cùng.  ⭢ Mối hận càng nhức nhối, con người càng bế tắc, bất lực.  - *Ngã*: tôi, ta⭢ cái tôi trực tiếp hiện diện⭢ hiếm có trong thơ cổ.  - *Khách*: khách thể nói chung⭢ làm mất ý chủ thể, cái tôi của Nguyễn Du.  - Sự vận động của cảm xúc trong 6 câu đầu: Từ xúc cảm xót thương cho Tiểu Thanh ⭢ thương cho những kiếp người tài hoa bạc mệnh nói chung⭢ tự thương mình.  ⭢ Đó là quy luật vận động tâm lí tự nhiên.  ⭢ Cho thấy sự đồng cảm đạt đến mức tri âm.  ***d. Hai câu kết:***  - *“Ba trăm năm lẻ nữa”*⭢ thời gian ước lệ, chỉ tương lai xa xôi.  - *“Khóc”* ⭢ thương cảm.  ⭢ thấu hiểu.  - Tố Như (sợi tơ trắng) là tên chữ, bút hiệu của Nguyễn Du⭢ tư cách một nhà thơ, một nghệ sĩ, một cái tôi cá nhân⭢ việc xưng danh này hiếm thấy trong VHTĐVN.  ⭢ Điều Nguyễn Du băn khoăn:  + Cách hiểu 1:Nguyễn Du lo lắng, băn khoăn ko biết có ai trong mai hậu thấu hiểu, thương cảm ông như ông đã đồng cảm, khóc thương nàng Tiểu Thanh.  + Cách hiểu 2: Nguyễn Du lo lắng, băn khoăn ko biết ai là người trong mai hậu thấu hiểu, thương cảm ông như ông đã đồng cảm, khóc thương nàng Tiểu Thanh.  ⭢ Cả hai cách hiểu đều cho thấy:  + Khao khát tri âm.  + Cảm hứng tự thương – nét mới mang tinh thần nhân bản của VHTĐVN giai đoạn thế kỉ XVIII- nửa đầu thế kỉ XIX- thời đại con người ko chỉ ý thức về nhân phẩm, về tài năng cá nhân mà còn thức tỉnh về nỗi đau của chính mình⭢ dấu hiệu của cái tôi cá nhân.  + Tấm lòng nhân đạo lớn lao, *“con mắt trông thấu sáu cõi và tấm lòng nghĩ suốt nghìn đời”* của Nguyễn Du. Bởi ông ko những khóc thương cho Tiểu Thanh, cho những kiếp hồng nhan bạc phận thuở trước, khóc thương cho những kiếp tài hoa bạc mệnh đương thời, trong đó có cả chính ông mà còn khóc cho người đời sau phải khóc mình (kiếp tài hoa bạc mệnh vẫn còn trong tương lai).  - Đó là nỗi băn khoăn hợp với lôgíc vận động cảm xúc của nhân vật trữ tình⭢ hợp lí, chính đáng.  - Nỗi băn khoăn đó đã tìm được sự tri âm của bao thế hệ người Việt Nam sau này:  + Từ khi tác phẩm của Nguyễn Du ra đời đến nay, ông luôn có vị trí trang trọng trong lòng người Việt Nam.  + Đặc biệt, ở thế kỉ XX, chưa đến 300 năm, cả dân tộc ta “khóc” Nguyễn Du qua tiếng khóc, tiếng ca của Tố Hữu: *“Tiếng thơ ai động đất trời....”*(*Kính gửi cụ Nguyễn Du*).  + Năm 1965, cả nước ta long trọng kỉ niệm 200 năm ngày sinh Nguyễn Du. Thế giới công nhận ông là danh nhân văn hóa...  ***III. Tổng kết bài học:***  ***1. Nội dung:***  - Mạch vận động của cảm xúc (tứ thơ): Đọc truyện ⭢ xót xa, thương tiếc cho nàng Tiểu Thanh tài sắc mà bạc mệnh⭢ suy nghĩ, tri âm với số phận những người tài hoa, tài tử ⭢ tự thương cho số phận tương lai của mình, khao khát tri âm.  - Giá trị nhân đạo sâu sắc:  + Nguyễn Du xót xa, thương cảm cho Tiểu Thanh- một hồng nhan bạc mệnh, một tài năng thi ca đoản mệnh, cho những kiếp hồng nhan đa truân, tài tử đa cùng nói chung.  + Với cảm hứng tự thương và sự tri âm sâu sắc, ông đã đặt vấn đề: quyền sống của người nghệ sĩ, sự cần thiết phải tôn vinh, trân trọng những người làm nên các giá trị văn hóa tinh thần.  ***2. Nghệ thuật:***  - Ngôn ngữ: hàm súc, tinh tế.  - Sự phá cách khuôn mẫu của thơ Đường luật: câu cuối thất niêm (ko cùng thanh với câu 1). |

**3.3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

- Phương pháp: Vấn đáp, tìm tòi và thuyết trình.....

- Kĩ thuật:

- Thời gian: 5 phút.

*Năng lực:* Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân . Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

*Thái độ*: Tích cực, hứng thú và trách nhiệm.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Chuẩn kiến thức cần đạt, năng lực cần phát triển** |
| Cảm nhận về tình cảm của ND thể hiện trong bài thơ Đọc Tiểu Thanh kí ?  - HS suy nghĩ  làm bài rồi phát biểu. | \* Tình cảm của Nguyễn Du:  - Cảm thông, thương xót,  - Thương người rồi thương mình.  - Tố cáo xã hội phopng kiến vùi dập cái tài, cái đẹp. |

**3.4.HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG.**

**- Hình thức tổ chức hoạt động: Chủ yếu học sinh làm việc cá nhân sau đó chia sẻ.**

**- Thời gian: 5phút.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Mục tiêu cần đạt** |
| GV giao nhiệm vụ :  GV nhận xét và chốt lại  \*- Hs suy nghĩ trao đôỉ thảo luận .  - Trình bày trước lớp. | Em có suy nghĩ gì cái tài, cái đẹp trong XHPK xưa |

**3.5.HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

- Hình thức tổ chức hoạt động: Chủ yếu học sinh làm việc cá nhân sau đó chia sẻ.

- Thời gian: Về nhà.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gv & HS** | **Mục tiêu cần đạt** |
| GV giao nhiệm vụ :  HS tìm đọc những bài thơ thể hiện sự cảm thông và thương xót |  |

**4. Yêu cầu HS học ở nhà:**

- Học thuộc bài thơ, đọc thêm một số bài thơ của N.Du.

- Soạn bài: *Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng* (Lí Bạch).

**6. Rút kinh nghiệm sau khi dạy:…………………………………………**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn:8/12/2020

Tiết 44: Đọc văn

**HOÀNG HẠC LÂU TỐNG MẠNH HẠO NHIÊN CHI QUẢNG LĂNG**

(Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng)

Lí Bạch.

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:***

+ Cảm nhận được tình bạn chân thành, trong sáng của Lí Bạch.

+ Hiểu được phong cách thơ tứ tuyệt của tác giả.

***2. Về kỹ năng****:*

+ Đọc - hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

+ Phân tích theo những đặc trưng cơ bản của thơ.

***3. Về thái độ:*** Trân trọng tình cảm bạn bè.

***4.Năng lực***

- Năng lực sáng tạo: Phát hiện được những nét mới mẻ về giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ. Biết vân dụng những kiến thức về đặc trưng của thơ Đường luật vào phân tích bài thơ.

- Năng lực cảm thụ/ thưởng thức văn học: Cảm nhận được những cái hay, cái đẹp đặc sắc nghệ thuật, ý nghĩa ẩn sau cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, các biện pháp nghệ thuật. Cảm nhận được tâm sự của nhà thơ gửi gắm qua bài thơ

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:** Nêu cảm nhận về bài thơ Độc TT ký?

**3. Bài mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **3.1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **–Mục tiêu, ý tưởng:**  **+** Tạo tâm thế hứng thú cho HS vào bài học.  + Bước đầu cảm nhận được về khát vọng xây dựng đất nước  **-Phương tiện: sgk**  **- Cách thức:** tổ chức chơi trò chơi “Ai nhanh hơn ai”: chia 4 đội, trong vòng 1 phút. Hãy ghép thật nhanh tên tg với tên tp ở 2 cột A và B | |  |  | | --- | --- | | **CỘT A** | **CỘT B** | | Xa ngắm thác núi lư, Cảm xuacs mùa thu, Lầu Hoàng Hạc, Nỗi oán của người phòng khuê, Khe chim kêu, Đêm đỗ thuyền ở phong kiều, Bài ca nhà tranh bị gió thu phá | Đỗ Phủ, Vương Duy, Lý Bạch, Hạ Chi Chương, Thôi Hiệu, Vương Xương Linh, Trương Kế | |

**3.2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| Hs đọc tiểu dẫn.  - Nêu những nét đáng chú ý về con người và sự nghiệp thơ ca của Lí Bạch?  - Bài thơ này được sáng tác trong hoàn cảnh nào?  - Mạnh Hạo Nhiên là người ntn?  Hs đọc bài thơ.  Gv nhận xét, hướng dẫn giọng đọc: chậm rãi, buồn, bâng khuâng.  - So sánh phần nguyên tác với dịch thơ qua các từ: cố nhân, yên hoa.  - Đọc hai câu đầu, em nhận thấy thời gian, nơi tiễn, nơi đến của Mạnh Hạo Nhiên ntn?  - Ở hai câu đầu, tác giả có đơn thuần chỉ tường thuật sự việc, miêu tả bối cảnh chia li ko? Vì sao?  - So sánh nguyên tác và dịch thơ ở câu 3? Trong phần nguyên tác, hình ảnh “cô phàm” và “bích ko tận” có quan hệ với nhau ntn? ý nghĩa của mối quan hệ đó?  - Sông Trường Giang là huyết mạch giao thông chính của miền Nam Trung Quốc, hẳn có nhiều thuyền bè xuôi ngược. Nhưng trong con mắt thi nhân, giữa ko gian bao la xanh thẳm ấy chỉ duy nhất hình ảnh “cô phàm” của “cố nhân” và sự dịch chuyển của nó là có ý nghĩa. Điều đó cho thấy tình cảm của tác giả với bạn ntn?  - Ko gian được gợi ra ở câu cuối ntn?  - Nó thường gợi cho chúng ta cảm giác gì?  - Nó cho thấy tâm trạng gì của tác giả?  - Nhận xét khái quát về nội dung và nghệ thuật của bài thơ? | ***I. Tiểu dẫn:***  ***1. Vài nét về tác giả Lí Bạch:***  ***a. Con người:***  - Lí Bạch (701- 762).  - Là con người thông minh, tài hoa, phóng túng, ko chịu gò mình theo khuôn phép.  - Bi kịch cuộc đời của tác giả: mong công thành thì thân thoái nhưng công chưa thành thì thân đã thoái.  - Được mệnh danh là “tiên thơ” do tính cách khoáng đạt, bay bổng, lãng mạn và hay viết về cõi tiên.  ***b. Sự nghiệp:***  - Hiện còn trên 1000 bài thơ.  - Nội dung: phong phú, với các chủ đề chính:  + Ước mơ vươn tới lí tưởng cao cả.  + Khát vọng giải phóng cá nhân.  + Bất bình trước hiện thực tầm thường.  + Thể hiện tình cảm phong phú, mãnh liệt.  - Nghệ thuật:  + Phong cách thơ phóng túng, bay bổng mà tự nhiên, tinh tế, giản dị.  + Kết hợp giữa cái cao cả và cái đẹp.  ***2. Bài thơ:***  - Hoàn cảnh sáng tác: Khi Lí Bạch tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng.  - Mạnh Hạo Nhiên (689-740):  + Là người mưu cầu công danh ko được toại nguyện nên quay về vui thú ở chốn non nước.  + Ông thuộc phái thơ điền viên sơn thuỷ, có phong cách thơ với nhiều điểm giống Lí Bạch.  + Là bạn tri âm của Lí Bạch.  ***II. Đọc- hiểu văn bản:***  ***1. Đọc.***  ***2. Tìm hiểu văn bản:***  ***a. Hai câu đầu:***  - So sánh nguyên tác- dịch thơ:  + Cố nhân: bạn tri âm, tri kỉ, người bạn đã gắn bó thân thiết; từ “bạn” chung chung, chưa dịch hết nghĩa.  + Yên hoa: hoa khói; nơi phồn hoa đô hội.  Bản dịch làm mất nghĩa thứ hai.  - Không gian đưa tiễn:  + Nơi đi: phía tây lầu Hoàng Hạc.  Phía tây:./ Theo quan niệm của người phương Đông là nơi có cõi Phật, cõi tiên- nơi thoát tục.  ./ Là nơi có vùng đất hoang sơ, bí hiểm, với nhiều núi cao, xưa chỉ dành riêng cho những ẩn sĩ tu hành- nơi ẩn chứa những tâm hồn thanh cao, trong sạch.  Lầu Hoàng Hạc: di chỉ thần tiên, thắng cảnh thuộc huyện Vũ Xương- Hồ Bắc (Trung Quốc), tương truyền là nơi Phí Văn Vi tu luyện thành tiên rồi cưỡi hạc vàng bay đi.  + Nơi đến: Dương Châu- nơi phồn hoa đô hội ⭢ cuộc đời trần tục.  ⭢ Không gian chia li:  + Rộng lớn (lầu Hoàng Hạc- sông Trường Giang- Dương Châu).  + Là một khung cảnh đẹp, đầy lãng mạn: từ một di chỉ thần tiên, một chiếc cánh buồm rẽ sóng, lướt trên những làn hoa khói mùa xuân.  + Gợi nhiều suy nghĩ sâu kín: tác giả tiễn bạn từ một di chỉ thần tiên, từ hướng tây phiêu diêu, thoát tục đến một nơi phồn hoa đô hội của cuộc đời trần tục ở hướng đông⭢ Tâm sự ẩn kín thường trực của tác giả: khao khát được nhập thế, giúp đời nhưng ông vốn ưa sống tự do, phóng khoáng, ko chịu quỳ gối trước cường cường quyền nên thực tế đã phải nếm chịu ko ít chua cay.  - Thời gian đưa tiễn: tháng ba- mùa hoa khói ⭢ cuối mùa xuân.  🢣 Hai câu đầu nêu lên:  + Bối cảnh chia li.  + Phần nào tình cảm quý mến bạn trong lòng người ở lại.  + Gửi gắm tâm sự sâu kín của tác giả với cuộc đời và con đường công danh.  ***2. Hai câu sau:***  ***\* Câu 3:***  - So sánh nguyên tác và dịch thơ:  + Cô phàm (nguyên tác): cánh buồm lẻ loi, cô đơn.  + Bóng buồm (dịch thơ)⭢ làm mất sắc thái của cánh buồm.  + Bích ko tận: màu xanh biếc bao la rợn ngợp.  ⭢ Bản dịch thơ làm mất sắc màu đó của ko gian chia li.  + Câu thơ dịch nêu nên sự chuyển dịch đã hoàn tất: Bóng buồm đã khuất bầu ko.  + Nguyên tác: Bóng cánh buồm lẻ loi xa dần, mất hút vào khoảng ko xanh biếc.  ⭢ Gợi được sự dịch chuyển chầm chậm, xa mờ dần, hút tầm mắt của cánh buồm.  - Hình ảnh đối lập:  Cô phàm 🢖🢔 bích ko tận  nhỏ bé, cô đơn mênh mông, rợn ngợp.  ⭢ Tô đậm sắc thái cô đơn, bé nhỏ của con thuyền.  ⭢ Bút pháp tả cảnh ngụ tình⭢ sự cô đơn,nhỏ bé của con người trước thiên nhiên bao la.  ⭢ cái nhìn dõi theo đau đáu⭢ tình cảm chân thành, tha thiết của tác giả đối với bạn.  ***\* Câu 4:***  - Hình ảnh dòng Trường Giang chảy vào cõi trời:  ⭢ Là hình ảnh tưởng tượng phi phàm, bay bổng, lãng mạn.  ⭢ Gợi ko gian vũ trụ rộng lớn, kì vĩ ⭢ đem đến cảm giác choáng ngợp, con người càng thêm nhỏ bé, cô đơn.  Trước mắt nhà thơ, dòng Trường Giang như cao dần lên, hòa nhập vào với trời xanh. Ánh mắt nhà thơ đành bất lực trước ko gian vô tận đã che khuất người bạn tri âm...  - Tâm trạng của tác giả: nỗi cô đơn càng thêm vời vợi, nỗi nhớ càng thêm thăm thẳm.  ***III. Tổng kết bài học:***  ***1. Nội dung:***  - Cảnh chia li- bức tranh thiên nhiên thấm đượm tâm trạng cô đơn, mong nhớ của con người.  - Tình bạn chân thành, sâu sắc của tác giả.  - Tâm sự sâu kín, khát khao, hoài vọng về cuộc đời mang tính bi kịch của tác giả.  ***2. Nghệ thuật:***  - Tả cảnh ngụ tình.  - Ngôn ngữ hàm súc, “ý tại ngôn ngoại”.  - Hình ảnh thơ tinh tế gợi cảm, lớn lao kì vĩ, đậm màu sắc lãng mạn.  ⭢ Bài thơ là một tuyệt bút của Lí Bạch. |

**3.3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

- Phương pháp: Vấn đáp, tìm tòi và thuyết trình.....

- Kĩ thuật:

- Thời gian: 5 phút**.**

*Năng lực:* Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân . Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

*Thái độ*: Tích cực, hứng thú và trách nhiệm.

|  |  |
| --- | --- |
| -GV:Sau khi học xong Bt này, em hãy viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của mình về Tb của LB và MHN?  -HS: Trình bày | IV. Luyện tập  Đây là một tình bạn đẹp, chân thành và sâu nặng, thắm thiết đáng trân trọng và học tập. |

**3.4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG.**

- Hình thức tổ chức hoạt động: Chủ yếu học sinh làm việc cá nhân sau đó chia sẻ.

- Thời gian: 5phút.

|  |  |
| --- | --- |
| GV giao nhiệm vụ :  GV nhận xét và chốt lại  - Hs suy nghĩ trao đôỉ thảo luận .  - Trình bày trước lớp. | - Viết bài văn nêu cảm nhận của em về bài thơ. |

**3.5. HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG.**

- Hình thức tổ chức hoạt động: Chủ yếu học sinh làm việc cá nhân sau đó chia sẻ.

- Thời gian: Về nhà.

|  |  |
| --- | --- |
| -GV giao nhiệm vụ :  HS tìm đọc những bài thơ thể tình bạn  - HS nhận và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ : | HS tìm và ghi chép, đọc lại |

**4.Củng cố kiến thức cho học sinh:** GV hệ thống lại nội dung bài học.

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:**

- Đọc thuộc bài thơ, xem lại kiến thức bài học.

- Đọc trước bài: Thực hành phép tu từ ẩn dụ và hoán dụ

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn:18/12/2020

Tiết 45,46:Tiếng Việt

**THỰC HÀNH PHÉP TU TỪ ẨN DỤ VÀ HOÁN DỤ**

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:*** Giúp hs nâng cao hiểu biết về phép tu từ ẩn dụ và hoán dụ.

***2. Về kỹ năng****:* Có kĩ năng phân tích giá trị biểu đạt và sử dụng hai phép tu từ nói trên.

***3. Về thái độ:*** Ý thức tự học

***4. Năng lực:***

- Năng lực tự học;  
– Năng lực giải quyết vấn đề;  
– Năng lực sáng tạo;  
– Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

**3. Bài mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **3.1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **–Mục tiêu, ý tưởng:**  **+** Tạo tâm thế hứng thú cho HS vào bài học.  + Bước đầu cảm nhận được về khát vọng xây dựng đất nước  **-Phương tiện: sgk** | Đọc một số bài ca dao, chỉ ra các biện pháp tu từ trong bài ca dao đó? |

**3.2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** | |
| Gv ôn tập lại kiến thức lí thuyết về ẩn dụ cho hs qua các câu hỏi:  - Ẩn dụ là gì?  - Ẩn dụ ngôn ngữ và ẩn dụ nghệ thuật có gì khác nhau?  - Có mấy loại ẩn dụ thường gặp?  Yêu cầu hs lên bảng làm bài tập 1, 2 (bài tập 3 làm ở nhà).  Gv nhận xét, khẳng định các kĩ năng cần thiết.  Gv ôn tập lại kiến thức lí thuyết về hoán dụ cho hs qua các câu hỏi:  - Hoán dụ là gì?  - Phân biệt hoán dụ ngôn ngữ và hoán dụ nghệ thuật?  - Có mấy loại hoán dụ thường gặp?  **3.3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  Hs lên bảng làm bài tập 1, 2.  Gv nhận xét, khẳng định các kĩ năng cần thiết: Để hiểu đúng một đối tượng khi nhà thơ thay đổi tên gọi của đối tượng đó, cần nắm rõ đặc điểm, dấu hiệu của chúng  Hs thảo luận trả lời.  Gv nhận xét, bổ sung. | ***I. Ẩn dụ:***  ***1. Các kiến thức lí thuyết cơ bản về ẩn dụ:***  - ***K/n***: Là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác do có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  - ***Ẩn dụ ngôn ngữ***: là hình thức chuyển đổi tên gọi (gọi tên lại, định danh lại) cho sự vật, hiện tượng trên cơ sở so sánh ngầm, trong đó các sự vật, hiện tượng có thể giống nhau về vị trí, hình thức, chức năng, cảm giác.  VD: cổ chai, chân bàn,...; đinh ốc, lá phổi,tay quay,...; rượu nặng,...  - ***Ẩn dụ nghệ thuật***: Là biện pháp tu từ ngữ nghĩa nhằm xây dựng hình tượng thẩm mĩ (ko chỉ gọi tên lại mà quan trọng hơn là gợi ra những liên tưởng có liên quan chủ yếu đến đời sống tình cảm của con người).  VD: con cò- ẩn dụ chỉ người nông dân trong ca dao,...  ***- Phân loại:***  + Ẩn dụ hình thức.  + Ẩn dụ phẩm chất.  + Ẩn dụ cách thức.  + Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.  ***2. Các bài tập:***  ***Bài 1***:  *Thuyền ơi có nhớ bến chăng*  *Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.*  - Hình ảnh thuyền: luôn di chuyển ngược xuôi, nay bến này mai bến khác(ko cố định).  ⭢ So sánh ngầm (ẩn dụ) chỉ chàng trai.  - Hình ảnh bến: cố định, thụ động chờ đợi.  ⭢ So sánh ngầm (ẩn dụ) chỉ cô gái.  ⭢ Hai câu ca dao trên khẳng định tình yêu chung thuỷ của cô gái với chàng trai.  *Trăm năm đành lỗi hẹn hò*  *Cây đa bến cũ con đò khác đưa*.  - Cây đa, bến cũ: là những vật cố định; là nơi hai người gặp gỡ, hẹn hò, thề nguyền.  ⭢ So sánh ngầm (ẩn dụ) chỉ người con gái ( chỉ 1 kỉ niệm đẹp).  - Con đò khác đưa- so sánh ngầm (ẩn dụ) chỉ việc cô gái lấy một chàng trai khác làm chồng.  ⭢ Hai câu ca dao trên nói về nỗi buồn vì bị phụ bạc tình yêu của nhân vật trữ tình.  ***Bài 2:***  (1) *Lửa lựu*- ẩn dụ hình thức chỉ hoa lựu đỏ chói như lửa.  (2) *Văn nghệ ngòn ngọt*- ẩn dụ bổ sung chỉ văn chương lãng mạn, thoát li đời sống, ru ngủ con người.  - *Sự phè phỡn thoả thuê*- ẩn dụ hình thức chỉ sự hưởng lạc.  - *Cay đắng chất độc của bệnh tật*- ẩn dụ hình thức chỉ sự bi quan, yếm thế.  - *Tình cảm gầy gò*- ẩn dụ hình thức chỉ tình cảm cá nhân nhỏ bé, ích kỉ.  (3) *Giọt* - ẩn dụ bổ sung chỉ vẻ đẹp của tiếng chim, của mùa xuân,cuộc sống; chỉ thành quả của cách mạng, của công cuộc xây dựng đất nước.  (4) *Thác*- ẩn dụ hình thức chỉ những khó khăn, gian khổ của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.  - *Thuyền*- ẩn dụ hình thức chỉ sự nghiệp cách mạng chính nghĩa của nhân dân ta.  (5) *Phù du*- ẩn dụ tượng trưng chỉ kiếp sống nhỏ bé, quẩn quanh, bèo bọt, vô nghĩa.  - *Phù sa*- ẩn dụ tượng trưng chỉ cuộc sống mới tươi đẹp.  ***II. Hoán dụ:***  ***1. Các kiến thức lí thuyết cơ bản về hoán dụ:***  - ***K/n***: Là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm bằng tên của sự vật, hiện tượng, khái niệm có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự vật.  - ***Hoán dụ ngôn ngữ***: Là phương thức chuyển đổi tên gọi trên cơ sở của các mối quan hệ đi đôi giữa bộ phận- toàn thể, vật chứa- vật bị chứa, dấu hiệu sự vật- sự vật, cái cụ thể- trừu tượng.  - ***Hoán dụ nghệ thuật***:  + Là phương thức chuyển đổi tên gọi trên cơ sở của các mối quan hệ đi đôi giữa bộ phận- toàn thể, vật chứa- vật bị chứa, dấu hiệu sự vật- sự vật, cái cụ thể- trừu tượng.  + Xây dựng hình tượng thẩm mĩ về đối tượng đã nhận thức.  - ***Phân loại***:  + Hoán dụ lấy bộ phận chỉ toàn thể.  + Hoán dụ lấy vật chứa đựng gọi vật bị chứa đựng.  + Hoán dụ lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật.  + Hoán dụ lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng.  ***2. Các bài tập:***  ***Bài 1:***  (1) *Đầu xanh*- hoán dụ lấy đặc điểm của sự vật để gọi sự vật- chỉ tuổi trẻ.  - *Má hồng*- hoán dụ lấy đặc điểm của sự vật để gọi sự vật- chỉ người con gái trẻ đẹp.  ⭢ Các hoán dụ trên chỉ nàng Kiều- một cô gái lầu xanh trẻ đẹp.  (2) *Áo nâu*- hoán dụ lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật- chỉ người nông dân.  - *Áo xanh*- hoán dụ lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật- chỉ người công nhân.  ⭢ Các hoán dụ trên chỉ mối quan hệ khăng khít của liên minh công- nông.  ***Bài 2:***  a. *Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông*  *Cau thôn Đoài nhớ trầu không thôn nào.*  - *Thôn Đông*- hoán dụ lấy vật chứa đựng chỉ vật bị chứa đựng- chỉ cô gái (người thôn Đông).  - *Thôn Đoài*- hoán dụ lấy vật chứa đựng chỉ vật bị chứa đựng- chỉ chàng trai (người thôn Đoài).  - *Cau thôn Đoài, trầu không thôn nào*- là các hình ảnh ẩn dụ tượng trưng- chỉ những người đang yêu.  ⭢ Hoán dụ: dựa trên liên tưởng tương cận của hai đối tượng luôn gắn bó, đi đôi với nhâu, phụ thuộc lẫn nhâu, ko thể tách rời, ko có so sánh, ko chuyển trường nghĩa mà cùng trong một trường nghĩa.  ⭢ Ẩn dụ: dựa trên liên tưởng tương đồng của hai đối tượng bằng so sánh ngầm, thường có sự chuyển đổi trường nghĩa.  b. Câu *Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông* có sử dụng biện pháp tu từ hoán dụ.  Câu *Thuyền ơi có nhớ bến chăng/Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền* có sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ.  ***\* Ghi nhớ:***  Các bước tìm và phân tích biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ:  - Tìm từ ngữ có chứa phép tu từ ẩn dụ hoặc hoán dụ.  - Xác định nội dung hàm ẩn.  - Xác định giá trị biểu đạt. | |
| **3.4. VẬN DỤNG** | | |
| - Tóm lại, việc vận dụng các phép tu từ trong văn nói và văn viết mang lại hiệu quả gì?  → HS trả lời, GV nhấn mạnh  - GV cho HS kiểm tra nhanh trong 5 phút bằng cách phát phiếu học tập.  - Tóm lại, việc vận dụng các phép tu từ trong văn nói và văn viết mang lại hiệu quả gì?  → HS trả lời, GV nhấn mạnh  - GV cho HS kiểm tra nhanh trong 5 phút bằng cách phát phiếu học tập. | | - Sử dụng phép tu từ ẩn dụ.  - “*Con cò*”: số phận, thân phận người nông dân  “*Bãi rau răm*”: hoàn cảnh sống khắc nghiệt của người nông dân.  → Hình ảnh người nông dân lam lũ, vất vả trong cuộc sống khiến người đọc dễ chạnh lòng đồng cảm. |
| **3.5.MỞ RỘNG, PHÁT TRIỂN Ý TƯỞNG SÁNG TẠO (Ở NHÀ)** | | |
| -**Mục tiêu, ý tưởng:** giúp HS củng cố và khắc sâu kiến thức bài học.  - Phương tiện: Các tài liệu tham khảo. | | - Tìm thêm một số cách nói ẩn dụ và hoán dụ, phép điệp, phép đối trong các văn bản đã học.  - Sưu tầm các câu thơ, ca dao có sử dụng phép tu từ ẩn dụ và hoán dụ.  - Viết câu văn, đoạn văn có sử dụng các phép tu từ theo nội dung tự chọn.  → HS về nhà làm |

**4.Củng cố kiến thức cho học sinh:** GV hệ thống lại nội dung bài học.

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:**

- Ôn lại kiến thức bài học, hoàn thành các bài tập vào vở.

- Soạn bài: *Thu hứng* (Đỗ Phủ).

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn:13/12/2020Tiết 47: Làm văn

**TRẢ BÀI LÀM VĂN SỐ 3**

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:*** Giúp hs nhận rõ những ưu, nhược điểm về kĩ năng viết bài văn tự sự.

***2. Về kỹ năng****:* Biết cách tự đánh giá chất lượng học và thực hành viết văn tự sự để tiếp tục luyện tập kể chuyện hoặc viết bài văn tự sự.

***3. Về thái độ:*** Có ý thức học tập nghiêm túc

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

**3. Bài mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **3.1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **–Mục tiêu, ý tưởng:**  **+** Tạo tâm thế hứng thú cho HS vào bài học.  + Bước đầu cảm nhận được về khát vọng xây dựng đất nước  **-Phương tiện: sgk** | Gv đọc ví dụ 1 đoạn trong bài của HS mắc lỗi: dùng từ, đặt câu, diễn đạt   * Yêu cầu HS nhận xét, phát hiện lỗi sai. |

**3.2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** | |
| Gv yêu cầu hs nhắc lại đề bài, chép lại lên bảng.  - Hãy xác định kiểu bài của đề văn trên?  - Vấn đề chính cần đề cập đến trong bài viết này là gì?  - Để làm tốt bài văn này, em cần huy động những tri thức nào?  - Theo em, chúng ta cần phải nêu những nội dung gì ở phần mở bài?  - Phần thân bài cần kể những nội dung gì?  - Em sẽ nói gì ở phần kết?  Gv công bố biểu điểm, nhận xét cụ thể ưu, nhược điểm trong các bài viết của hs.  **3.3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  Gv đưa ra một số lỗi tiêu biểu, yêu cầu hs phân tích và tìm cách sửa lại.  Gv trả bài và yêu cầu hs :  - Xem lại bài, đọc kĩ lời phê.  - Xem lại và sửa các lỗi dùng từ, câu và diễn đạt.  - Trao đổi bài với bạn để học tập, tự rút kinh nghiệm. | ***Đề bài:***  Anh (chị) hãy kể lại một kỉ niệm đáng nhớ về thầy (cô) giáo cũ của mình.  ***I. Tìm hiểu đề:***  ***1. Kiểu bài:*** Tự sự.  ***2. Nội dung:*** Một kỉ niệm đáng nhớ về thầy (cô) giáo cũ của mình.  ***3. Phạm vi kiến thức:***  - Kiến thức ngữ văn.  - Kiến thức thực tế.  ***II. Lập dàn ý:***  ***1. Mở bài:***  - Giới thiệu về người thầy (cô) giáo cũ mà mình kính yêu.  - Giới thiệu kỉ niệm sâu sắc của mình với người thầy (cô) giáo đó.  ***2. Thân bài:***  - Kể lại diễn biến sự việc.  - Phát biểu cảm nghĩ, rút ra bài học từ sự việc đó.  ***3. Kết bài:***  Bày tỏ suy nghĩ, tình cảm về kỉ niệm đó và với người thầy (cô) giáo ấy.  ***III.Nhận xét kết quả bài làm của hs:***  ***1. Ưu điểm:***  - Đa số hs nắm được yêu cầu của đề, nêu rõ trọng tâm.  - Một số bài viết có cảm xúc, văn phong diễn đạt trong sáng.  ***2. Nhược điểm:***  - Một số bài viết còn sơ sài, chưa làm rõ trọng tâm.  - Kĩ năng ngữ pháp, diễn đạt còn yếu:  +Sai chính tả.  + Dùng đại từ nhân xưng ko thống nhất.  + Chưa nắm chắc cách trích lời thoại trực tiếp.  + Tách câu, đoạn chưa hợp lí.  + Diễn đạt còn vụng, ko lôgíc, sáo rỗng,...  ***D. Chữa lỗi:***  ***1. Lỗi về câu:***  + Sai nghĩa: Năm nay cô giáo em khoảng 56 tuổi, cô ko già về tuổi tác mà già đi vì bụi phấn.  ⭢ Sửa: Năm nay cô giáo em khoảng hơn 50 tuổi, bụi phấn cùng nước thời gian làm tóc cô bạc thêm.  + Ko phân biệt thành phần trạng ngữ- chủ ngữ và dùng từ vụng: Sau khi cô Mai lên làm chủ nhiệm thì bọn em đã thay đổi một cách chóng mặt.  ⭢ Sửa: Sau khi cô Mai lên làm chủ nhiệm, chúng em đã tiến bộ nhanh chóng.  ***2. Lỗi diễn đạt:***  Diễn đạt lủng củng, thừa, trùng lặp ý:  Từ lúc rời khỏi trường cấp II lên cấp III bây giờ nhiều lúc nghĩ lại những kỉ niệm lớp 9 cuối cấp II của tôi đã mang đến cho tôi những kỉ niệm vui vẻ và rất nhiều tình cảm cô đã trao cho tôi những cảm xúc nâng niu và che chở cho tôi và sau đây tôi sẽ kể lại một kỉ niệm của mình.  ⭢ Sửa: Từ lúc rời khỏi trường cấp II lên cấp III, bây giờ, nhiều lúc nghĩ lại những kỉ niệm thân hương gắn với cô Hoa- cô chủ nhiệm của tôi ngày lớp 9- lại khiến tôi bồi hồi xúc động. Trong số đó, tôi nhớ mãi một kỉ niệm buồn...  ***V. Đọc và biểu dương bài làm tốt.***  ***VI. Trả bài và dặn dò:*** | |
| **3.4. VẬN DỤNG** | | |
| Mục tiêu, ý tưởng:giúp HS rèn kỹ năng viết văn NL | | Viết 1 đoạn văn có sử dụng thao tác lập luận phân tích |
| **3.5.MỞ RỘNG, PHÁT TRIỂN Ý TƯỞNG SÁNG TẠO (Ở NHÀ)** | | |
| -**Mục tiêu, ý tưởng:** giúp HS củng cố và khắc sâu kiến thức bài học.  - Phương tiện: Các tài liệu tham khảo. | | Đọc tham khảo các bài văn mẫu |

**4.Củng cố kiến thức cho học sinh:** GV hệ thống lại nội dung bài học.

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:**

- Ôn lại kiến thức bài học, hoàn thành bài tập vào vở.

- Soạn bài: *Thu hứng* (Đỗ Phủ).

**6. Rút kinh nghiệm sau khi dạy:**…………………………………………………………………………

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn:22/11/2020Tiết 48: Đọc văn **CẢM XÚC MÙA THU**

(Thu hứng)

Đỗ Phủ.

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:***

+ Hiểu được tâm trạng buồn rầu của nhà thơ trong cảnh đất nước loạn li : nỗi nhớ quê hương và nỗi ngậm ngùi xót xa cho thân phận của người xa quê ;

+ Biết thêm một khía cạnh và đặc điểm của thơ Đường luật : kết cấu chặt chẽ, tính cô đọng, hàm súc của hình ảnh và ngôn ngữ thơ.

***2. Về kỹ năng****:*

+ Đọc - hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

+ Phân tích cảm hứng nghệ thuật, hình ảnh, ngôn từ và giọng điệu thơ.

***3. Về thái độ:*** Yêu quê hương, đất nước.

***4. Năng lực****:* tự chủ và tự học, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo;năng lực thẩm mỹ, năng lực tư duy; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:** không

**3. Bài mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **3.1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **–Mục tiêu, ý tưởng:**  **+** Tạo tâm thế hứng thú cho HS vào bài học.  + Bước đầu cảm nhận được về mùa thu  **-Phương tiện: sgk** | **GV cho HS xem tranh**  **? hai bức tranh về mùa nào trong năm? Kể tên bài hát về mùa thu?**   * **HS quan sát và TL.** |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| Yêu cầu hs đọc phần tiểu dẫn- sgk.  - Phần tiểu dẫn nêu nội dung gì? Các ý chính của nó?  Gv bổ sung: Loạn An Lộc Sơn- Sử Tư Minh (755- 763) khiến Đỗ Phủ và gia đình phải phiêu bạt 7 năm (759- 766), đói nghèo, chết trong bệnh tật trên một con thuyền rách nát...  - Hoàn cảnh sáng tác chùm thơ Thu hứng?  - Vị trí, ý nghĩa bài thơ sẽ học?  Hs đọc bài thơ.  Gv hướng dẫn đọc với giọng: chậm, buồn, trầm uất ở bốn câu đầu, tha thiết ở 4 câu cuối.  - Em sẽ phân chia bài thơ theo bố cục nào?  - Ở câu 1-2, những cảnh vật nào được miêu tả? Sắc thái của chúng? So sánh bản nguyên tác và dịch thơ để thấy rõ sắc thái của cảnh trong cảm nhận của Đỗ Phủ? Đó là cảnh thu ở đâu? Điểm khác biệt của nó so với cảnh thu trong thơ Việt Nam (thơ Nguyễn Khuyến...)?  - ở câu 1, tầm nhìn của tác giả là diện hay điểm (bao quát hay cụ thể)?  - Tầm nhìn của tác giả có giữ nguyên ở câu 2 ko? Vì sao?  - Hai câu đầu gợi cảnh thu với vẻ gì đặc biệt? ở đâu?  Gv bổ sung: Lẽ thường, mùa thu mang vẻ thanh thoát, sáng trong. Nhưng trong thơ Đỗ Phủ, bằng cái nhìn tâm trạng, nó đã hiện lên hoàn toàn khác...  - Các hình ảnh thiên nhiên được miêu tả ở câu 3- 4? So sánh nguyên tác và dịch thơ? Nhận xét về sắc thái của cảnh thiên nhiên ở đây? (Thiên nhiên vận động ntn? Nó có tĩnh tại như ở câu 1-2?)  - Khái quát lại vẻ riêng của thiên nhiên ở 4 câu đầu? Trong cảnh đó có ngụ tình của tác giả ko? Đó là cảm xúc, tâm trạng gì? Tương quan cảnh và tình?  - Nhận xét về sự thay đổi của tầm nhìn từ 4 câu đầu đến 4 câu sau? Tại sao có sự thay đổi ấy?  - Tìm biện pháp nghệ thuật được sử dụng ở hai câu 5- 6?  - Các hình ảnh ẩn dụ tượng trưng trong hai câu đó là gì? ý nghĩa của chúng?  - So sánh nguyên tác và dịch thơ?  - Tâm trạng của tác giả được bộc lộ ntn ở 2 câu trên?  - Có gì đặc biệt trong cách kết thúc bài thơ?  Gợi mở: Theo mạch vân động cảm xúc tiếp câu 5-6, hai câu kết phải hướng nội, bộc lộ nội tâm. Nhưng ở hai câu kết bài thơ, tác giả có thể hiện sự vân động đó ko? Vì sao?  - Đó có phải là hai câu tả cảnh đơn thuần ko? Tại sao?  - Nhận xét về mối quan hệ giữa tình thu và cảnh thu ở 4 câu sau?  - Nhận xét về vẻ riêng của bức tranh thu? Tâm trạng tác giả qua bài thơ này là gì?  - Những nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ? | ***I. Tiểu dẫn:***  ***1. Vài nét về cuộc đời và sự nghiệp của Đỗ Phủ:***  - Đỗ Phủ (712- 770), tự là Tử Mĩ, xuất thân trong một gia đình có truyền thống Nho học và thơ ca lâu đời ở huyện Củng- tỉnh Hà Nam (Trung Quốc).  - Con người và cuộc đời:  + 7 tuổi làm thơ⭢ tài năng thiên bẩm.  + Con đường công danh lận đận, ko được trọng dụng.  + Sống nghèo khổ, chết trong bệnh tật.  - Sự nghiệp thơ ca: hiện còn khoảng 1500 bài.  Nội dung:  + Phản ánh sinh động và chân xác bức tranh hiện thực xã hội đương thời ⭢ “thi sử”.  + Đồng cảm với nhân dân trong khổ nạn, chan chứa tình yêu nước và tư tưởng nhân đạo.  Nghệ thuật:  + Giọng thơ: trầm uất, nghẹn ngào.  + Đặc biệt thành công với thể luật thi.  ⭢ Được mệnh danh là “thi thánh” (thánh thơ).  ***2. Bài thơ Thu hứng:***  - Hoàn cảnh sáng tác: năm 766, Đỗ Phủ đang lánh nạn ở Quỳ Châu (thuộc đất Ba Thục, núi non hiểm trở).  - Vị trí:  + Là bài thơ số 1 thơ số 1 thuộc chùm thơ Thu hứng (8 bài).  + Là cương lĩnh sáng tác của cả chùm thơ.  ***II. Đọc- hiểu bài thơ:***  ***1. Đọc và tìm bố cục:***  Bố cục: 2 phần.  + 4 câu đầu: cảnh thu.  + 4 câu sau: tình thu.  ***2. Tìm hiểu bài thơ:***  ***a. Bốn câu đầu:***  ***\* Câu 1-2:***  - Hình ảnh: *sương móc trắng xóa*; *rừng phong tiêu điều*.  - Địa danh: *núi Vu*, *kẽm Vu*- vùng núi hoang sơ, hùng vĩ, hiểm trở.  - So sánh nguyên tác và dịch thơ:  ***+ Câu 1:***  Nguyên tác: *trắng xoá*- dày đặc, nặng nề.  Dịch thơ: *lác đác*- mật độ thưa thớt, ít ỏi.  ⭢ Dịch thơ làm mất sắc thái tiêu điều của rừng phong.  ⭢ Câu 1 (nguyên tác): Sự tác động, tàn phá của sương móc làm rừng phong tiêu điều.  Đó là sự khác thường. Bởi mùa thu phương Bắc (Trung Quốc) thường được miêu tả với hình ảnh ước lệ là hình ảnh rừng phong lá đỏ. Nhưng ở đây, tuy rừng phong được nói tới nhưng sắc màu rực rỡ của nó ko còn mà mang vẻ thê lương, ảm đạm, nặng nề.  - Cái nhìn bao quát trên diện rộng.  ***+ Câu 2:***  - So với nguyên tác, bản dịch làm mất các địa danh cụ thể, gợi nhiều cảm xúc. Thông thường, vùng núi Vu, kẽm Vu hiểm trở sẽ gợi cảm giác hứng khởi trước vẻ đẹp hoành tráng, kì vĩ, bí ẩn. Nhưng ở đây, chúng chỉ đem đến ấn tượng về sự vắng lặng đến rợn người.  - Tầm nhìn của tác giả thu hẹp, hướng lên cao.  🢣 Hai câu đầu: Cảnh thu thê lương, ảm đạm, lạnh lẽo, nặng nề, trầm uất ở vùng núi Quỳ Châu, miền núi phía tây Trung Quốc, thượng nguồn sông Trường Giang, nơi thi nhân lánh nạn.  ***\* Câu 3- 4:***  - Hình ảnh thiên nhiên: *sóng trên sông Trường Giang*; *mây trên cửa ải*.  - So sánh nguyên tác- dịch thơ:  + Động từ *“rợn”* ⭢ vận động nhẹ nhàng, ko diễn tả được sự vận động mạnh mẽ của sóng như trong nguyên tác (*sóng vọt lên tận lưng trời*).  + Động từ *“đùn”* ⭢ lớp này chồng chất lên lớp khác, chỉ sự vận động đi lên ⭢ ko truyền tải ý *“mây sa sầm xuống giáp mặt đất”*.  - Sắc thái của thiên nhiên:  + Thiên nhiên vận động mạnh mẽ, trái chiều như nén ko gian lại, khiến trời đất như đảo lộn.  + Thiên nhiên trầm uất, dữ dội.  🢡 Nhận xét:  + Cảnh thu được nhìn từ xa, cảnh rộng, bao quát.  + Đó là cảnh thu ở vùng núi Quỳ Châu (Trung Quốc) thê lương, ảm đạm mà đầy những dồn nén dữ dội.  + Sự vận động dữ dội, trái chiều của thiên nhiên, trời đất như đảo lộn nơi cửa ải⭢ nỗi buồn sầu, trầm uất và nỗi lo âu cho tình hình đất nước với biên giới chưa thật sự bình yên sau những năm chiến tranh, loạn lạc liên miên (loạn An- Sử) ⭢ chất “thi sử”.  + Cảnh vẫn đậm hơn tình, tình nằm ẩn sâu trong cảnh.  ***b. Bốn câu sau:***  - Tầm nhìn của tác giả: từ xa lại gần ⭢ thu hẹp dần (từ khung cảnh chung của thiên nhiên đến các sự vật cụ thể gắn bó với riêng tác giả, ở gần tác giả).  ⭢ Do sự vận động của thời gian về chiều muộn, ngày tàn, sự nhạt dần của ánh sáng khiến tầm nhìn bị thu hẹp.  ***\* Câu 5-6:***  - Đối chỉnh.  - Hình ảnh ẩn dụ tượng trưng:  + *Hoa cúc*: Là hình ảnh ước lệ chỉ mùa thu. ⭢ *Khóm cúc nở hoa đã hai lần* – hai năm đã qua, hai năm nhà thơ lưu lạc ở đất Quỳ Châu.  ⭢ Hai lần cúc nở hoa làm tuôn rơi nước mắt: *“Nước mắt ngày trước”* - *“dòng lệ cũ”* ⭢ giọt nước mắt hôm nay(hiện tại) và giọt ướt hôm qua (quá khứ) ko thể phân chia, đều cùng một dòng chảy, đắng đót, mặn chát như nhau.  ⭢ Hình ảnh khóm cúc là biểu tượng cho nỗi buồn đau dằng dặc, thường trực của tác giả. Đó là sự chất chồng của nỗi xót xa cho thân phận tha hương trôi nổi và nỗi nhớ quê hương da diết.  + *Con thuyền*:  ⭢ Bản dịch làm mất sắc thái cô đơn, lẻ loi của con thuyền⭢ sự cô đơn, lẻ loi của con người.  ⭢ Là hình ảnh ẩn dụ tượng trưng cho cuộc đời nổi trôi, lưu lạc của tác giả.  ⭢ *Con thuyền buộc chặt mối tình nhà*⭢ mối buộc của con thuyền lại gắn kết với nỗi nhớ nơi vườn cũ (quê hương) ⭢ tình cảm gắn bó sâu nặng với quê hương.  - Tác giả đã đồng nhất cảnh và tình ở hai câu trên.  ***\* Câu 7-8:***  - Kết thúc đột ngột bằng những âm thanh dồn dập bởi trước đó bài thơ ko miêu tả một âm thanh nào.  - Tiếng thước đo vải, dao cắt vải, tiếng chày đập vải để may áo rét ⭢ Là những âm thanh đặc thù của mùa thu Trung Quốc xưa. Người ở quê nhà thường may áo rét gửi cho người chinh phu đang trấn thủ biên cương khi mùa thu lạnh léo đến- bước chuyển để mùa đông buốt giá ùa về.  - Hai câu thơ hướng ngoại, tả cảnh sinh hoạt của nhân dân vùng Quỳ Châu. Nhưng đặt trong liên hệ với câu 3- 4 (hiện thực lịch sử: tình hình đất nước chưa yên ổn, bao người phải trấn giữ biên ải xa xôi), hai câu thơ này ko phải tả cảnh đơn thuần.  ⭢ Nỗi lo âu cho tình hình đất nước chưa yên ổn.  ⭢ Âm thanh tiếng chày đập vải, tiếng dao thước để may áo rét gửi kẻ tha hương làm chạnh lòng tác giả (cũng là một kẻ tha hương, lưu lạc, nghèo khổ), khơi lên nỗi ngậm ngùi, xót xa cho thân phận của ông.  ⭢ Nỗi buồn nhớ quê hương của tác giả.  🢣 Nhận xét:  Cảnh thu ở bốn câu sau thấm đượm tình thu, thậm chí còn đồng nhấtvới tình thu (câu 5-6), khắc sâu ấn tượng về sự cô đơn, lẻ loi, u uất của kẻ tha hương nặng lòng với quê hương và lo âu cho tình hình đất nước chưa yên ổn.  ***III. Tổng kết bài học:***  ***1. Nội dung:***  - Bức tranh thu hiu hắt, thê lương, ảm đạm mà đầy dồn nén dữ dội, thấm đẫm tâm sự của tác giả.  - Tâm trạng tác giả:+ Lo âu cho đất nước.  + Buồn nhớ quê hương.  + Ngậm ngùi, xót xa cho thân phận.  ***2. Nghệ thuật:***  - Tả cảnh ngụ tình.  - Ngôn ngữ hàm súc.  - Nghệ thuật đối chỉnh, tạo các mối quan hệ đặc sắc: xa- gần, cảnh- tình, không gian- thời gian, tĩnh- động. |
| **3.3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | |
| **Mục tiêu, ý tưởng:** giúp HS củng cố và khắc sâu kiến thức bài học.  -GV yêu cầu HS khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.   * HS tiến hành, GV nhận xét, nhấn manh ý nghĩa của bài thơ.   **- Phương tiện: câu trả lời của HS** | Hs nhận xét được vẻ đẹp bức tranh mùa thu. |
| **3.4. VẬN DỤNG** | |
| Mục tiêu, ý tưởng:giúp HS có trách nhiệm với gia đình, với quê hươg | Viết đoạn văn bày về trách nhiệm của HS với đất nước |
| **3.5.MỞ RỘNG, PHÁT TRIỂN Ý TƯỞNG SÁNG TẠO (Ở NHÀ)** | |
| -**Mục tiêu, ý tưởng:** giúp HS củng cố và khắc sâu kiến thức bài học.  - Phương tiện: Các tài liệu tham khảo. | Viết bài: Tình cảm yêu quê hương đất nước qua bài thơ. |

**4.Củng cố kiến thức cho học sinh:** GV hệ thống lại nội dung bài học.

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:**

Đọc thuộc bài thơ. Soạn bài: *Hoàng Hạc lâu* (Thôi Hiệu), *Khuê oán* (Vương Xương Linh).

**6. Rút kinh nghiệm sau khi dạy:**…………………………………………………………………………

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 21/12/2020

Ngày giảng: / /2020

Tiết 49, 50 **KIỂM TRA HỌC KỲ**

(KT theo đề chung)

**A. Mục tiêu bài học**

-Kiến thức: củng cố kiến thức đã học

-Kỹ năng: Đọc – hiểu, viết văn NL

-Thái độ: ý thức tự học

**B.Phương pháp:** kiểm tra dưới hình thức tự luận, viết bài 90 phút

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: đề KT, HD chấm

- HS: giấy bút, thước kẻ…

**D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Ổn định tổ chức lớp.

2. Kiểm tra bài cũ: không

3. Bài mới: phát đề

4. Coi KT

5. Thu bài

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn:22/12/2020

Tiết 51: Làm văn **TRÌNH BÀY MỘT VẤN ĐỀ**

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:***

+ Nắm được yêu cầu và cách thức trình bày một vấn đề.

+ Biết cách trình bày một vấn đề theo đề cương đã chuẩn bị.

***2. Về kỹ năng****:* Rèn ý thức cẩn trọng, tính tự tin và khả năng điều chỉnh bài nói cho phù hợp với đối tượng, tình huống cụ thể

***3. Về thái độ:*** Rèn ý thức học tập nghiêm túc

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

**3. Bài mới**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **3.1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | | | |
| **Hoạt động của GV & HS** | | **Nội dung cần đạt** | |
| **–Mục tiêu, ý tưởng:**  **+** Tạo tâm thế hứng thú cho HS vào bài học.  + Bước đầu biết cách trình bày vấn đề  **-Phương tiện: sgk** | | GV ra 1 vấn đề: HS quay cóp khi kiểm tra  HS trình bày quan điểm | |
| **3.2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** | | |
| - Tầm quan trọng (ý nghĩa) của việc trình bày một vấn đề?  Hs đọc sgk.  - Các công việc chuẩn bị để chuẩn bị để trình bày một vấn đề?  - Xác định các cơ sở để chọn vấn đề trình bày?  Gv yêu cầu hs lập dàn ý cho đề tài: Thời trang và tuổi trẻ.  - Nêu các ý chính mà em định trình bày về đề tài trên?  - Vấn đề mà em lựa chọn trong đề tài đó là gì?  - Em sẽ nói gì về vấn đề đó?  - Từ ví dụ trên, em hãy rút ra cách lập dàn ý cho bài trình bày một vấn đề?  Hs đọc sgk.  - Các thủ tục cần thiết khi bắt đầu trình bày?  - Để trình bày nội dung chính, chúng ta cần làm những công việc nào?  - Các thủ tục khi kết thúc?  Yêu cầu hs đọc và học phần ghi nhớ-sgk.  Hs đọc và thảo luận làm các bài tập.  Gv nhận xét, khẳng định đáp án.  Gv gợi mở:  - Giải thích khái niệm “thần tượng”?  - Các loại thần tượng của tuổi học trò?  - Các tác động tích cực và tiêu cực của thần tượng đối với tuổi học trò?  - Các biện pháp phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của thần tượng đối với tuổi học trò? | ***I. Tầm quan trọng của việc trình bày một vấn đề:***  - Trình bày một vấn đề là một nhu cầu tất yếu của con người trong cuộc sống.  - Trình bày một vấn đề trước tập thể (người khác) là để bày tỏ nguyện vọng, suy nghĩ, nhận thức của mình đồng thời thuyết phục họ cảm thông, đồng tình với mình.  ***II. Công việc chuẩn bị:***  ***1. Chọn vấn đề trình bày:***  Cơ sở lựa chọn:  + Đề tài trình bày có bao nhiêu vấn đề.  + Đối tượng nghe.  + Am hiểu và sự thích thú của bản thân về vấn đề muốn trình bày.  ***2. Lập dàn ý:***  ***a. Lập dàn ý cho đề tài: Thời trang và tuổi trẻ.***  - Giải thích khái niệm: Thời trang là cách ăn mặc, trang điểm phổ biến trong xã hội trong một thời gian nào đó.  - Chọn vấn đề: trang phục (cách mặc)  + Ý nghĩa của trang phục.  + Trang phục thời trang: phù hợp với cộng đồng, với thời đại, hài hòa với cá nhân; đẹp, hiện đại, “y phục xứng kì đức” (thể hiện nhân cách, vẻ đẹp tâm hồn con người).  ***b. Cách lập dàn ý:***  - Tìm ý lớn, ý nhỏ.  - Sắp xếp các ý theo trình tự lôgíc.  - Có chuyển ý.  ***III. Trình bày:***  ***1. Bắt đầu trình bày:***  - Bước lên diễn đàn.  - Chào cử toạ và mọi người.  - Tự giới thiệu.  - Nêu lí do trình bày.  ***2. Trình bày nội dung chính:***  - Nêu nội dung chính sẽ trình bày.  - Nêu lần lượt các ý chính, cụ thể hóa các ý đó.  - Có chuyển ý, dẫn dắt.  - Chú ý xem thái độ, cử chỉ của người nghe để kịp thời điều chỉnh nội dung và cách trình bày.  ***3. Kết thúc và cảm ơn:***  - Tóm tắt, nhấn mạnh một số ý chính.  - Cảm ơn.  ***\* Ghi nhớ***: (sgk).  ***D. Luyện tập:***  ***1. Bài 1:***  - Bắt đầu trình bày:  + *“Chào các bạn. Tôi rất...”*  + *“Chào các bạn. Cảm ơn...”*  + *“Trước khi bắt đầu...”*  - Trình bày nội dung chính:  *“Giờ chúng ta...”*  - Chuyển qua chủ đề khác:  + *“Đã xem...”*  + *“Giờ chúng ta...”*  - Tóm tắt và kết thúc:  + *“Tôi muốn kết thúc...”*  + *“Giờ tôi muốn kết thúc...”*  ***2. Bài 2:***  Lập dàn ý cho bài trình bày về đề tài: Thần tượng của tuổi học trò.  - Giải thích khái niệm: thần tượng- những người được tôn sùng, ngưỡng mộ, yêu mến.  - Các loại thần tượng của tuổi học trò: ngôi sao điện ảnh, ca nhạc, bóng đá, các danh nhân,...  - Tác động của thần tượng đối với tuổi học trò:  + Tích cực:- Làm cho đời sống tinh thần phong phú.  - Là tấm gương về đạo đức, tài năng cho các em học tập.  + Tiêu cực:- Một số bạn biến mình thành hình bóng của thần tượng.  - Mất nhiều thời gian, tiền bạc...  - Các biện pháp phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của thần tượng đối với tuổi học trò:  + Chọn thần tượng đẹp về phẩm chất đạo đức và tài năng thực sự.  + Cố gắng nỗ lực học tập các mặt tốt đó ở họ. | | |
| **3.3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | | | |
| **Mục tiêu, ý tưởng:** giúp HS củng cố và khắc sâu kiến thức bài học, rèn kĩ năng trình bày vấn đề.  -GV yêu cầu HS khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.   * HS tiến hành, GV nhận xét, nhấn manh ý nghĩa của bài thơ.   **- Phương tiện: câu trả lời của HS** | | | HS trình bày vấn đề “nghiện” internet trong HS hiện nay. |
| **3.4. VẬN DỤNG** | | | |
| Mục tiêu, ý tưởng:giúp HS biết trình bày vấn đề | | |  |
| **3.5.MỞ RỘNG, PHÁT TRIỂN Ý TƯỞNG SÁNG TẠO (Ở NHÀ)** | | | |
| -**Mục tiêu, ý tưởng:** giúp HS củng cố và khắc sâu kiến thức bài học.  - Phương tiện: Các tài liệu tham khảo. | | | HS trình bày vấn đề (chủ đề tự chọn) |

**4.Củng cố kiến thức cho học sinh:** GV hệ thống lại nội dung bài học.

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:**

**-** Xem lại bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Đọc trước bài: Lập kế hoạch cá nhân.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Ngày soạn:22/12/2020

Tiết 52: Làm văn **LẬP KẾ HOẠCH CÁ NHÂN**

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:*** Giúp hs nắm được cách lập kế hoạch cá nhân

***2. Về kỹ năng****:* Rèn kĩ năng lập kế hoạch cá nhân.

***3. Về thái độ:*** Có thói quen và kĩ năng lập kế hoạch cá nhân.

4. Năng lực: phát triển năng lực cá nhân khi thực hiện công việc

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

**3. Bài mới**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **3.1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | | | |
| **Hoạt động của GV & HS** | | **Nội dung cần đạt** | |
| **–Mục tiêu, ý tưởng:**  **+** Tạo tâm thế hứng thú cho HS vào bài học.  + Bước đầu cảm nhận được về khát vọng xây dựng đất nước  **-Phương tiện: sgk** | | **HS trình bày** cảm nhận được về khát vọng xây dựng đất nước | |
| **3.2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** | | |
| Hs đọc sgk.  Thế nào là kế hoạch  cá nhân?  - Tác dụng của nó?  Yêu cầu hs thảo luận phát biểu cách lập kế hoạch ôn tập môn Ngữ Văn (tập 1) lớp 10:  + Nội dung ôn tập.  + Cách thức tiến hành.  + Thời gian thực hiện.  - Thể thức mở đầu của bản kế hoạch cá nhân gồm những gì? Được trình bày ra sao?  - Nội dung kế hoạch gồm mấy phần lớn?  **3.3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  - Các phần trong bản kế hoạch cá nhân được sắp xếp ntn? Ngôn ngữ trình bày kế hoạch cần đáp ứng yêu cầu gì?  Hs đọc, thảo luận làm các bài tập.  Gv nhận xét, bổ sung, khẳng định đáp án.  Gv hướng dẫn hs về nhà hoàn thiện theo bảng hệ thống. | ***I. Sự cần thiết của việc lập kế hoạch cá nhân:***  ***1. Kế hoạch cá nhân:***  Là bản dự kiến cách thức hành động và phân bố thời gian để hoàn thành một công việc nhất định của một người nào đó.  ***2. Tác dụng:***  - Giúp hình dung trước các công việc cần làm.  - Phân bố thời gian hợp lí.  - Tránh bị động, bỏ sót, bỏ quên công việc.  ⭢ Tạo phong cách làm việc khoa học, chủ động, hiệu quả.  ***II. Cách lập kế hoạch cá nhân:***  ***1. Thể thức mở đầu:***  - Tiêu đề.  - Họ tên, nơi làm việc, học tập của người viết.  \* Lưu ý: Khi viết kế hoạch cá nhân cho riêng mình thì ko cần nêu tên, nơi làm việc, học tập của mình.  ***2. Nội dung kế hoạch:***  - Địa điểm.  - Thời gian.  - Nội dung công việc cần làm.  - Dự kiến kết quả đạt được.  ***3. Cách thức trình bày:***  - Theo hệ thống lôgíc, có thể kẻ bảng.  - Ngôn ngữ ngắn gọn, rõ ràng.  ***III. Luyện tập:***  ***1. Bài 1:***  -VB có các thông tin:+ Nội dung công việc.  + Thời gian thực hiện.  ⭢ tính chất chung chung.  - Thiếu: dự kiến kết quả cần đạt.  ⭢ Là bản thời gian biểu chứ ko phải là bản kế hoạch cá nhân.  ***2. Bài 2:***  \* Nội dung công việc:  (1) Viết dự thảo báo cáo- dự kiến nội dung:  - Kiểm điểm quá trình thực hiện nhiệm vụ trong nhiệm kì qua của chi đoàn:  + Những việc đã làm được.  Nguyên nhân.  + Những mặt yếu kém.  Nguyên nhân.  - Phương hướng công tác trong nhiệm kì tới.  (2) Cách thức tiến hành đại hội:  - Thời gian, địa điểm.  - Người tổ chức trang hoàng cho đại hội.  - Bí thư báo cáo các ưu- nhược điểm trong hoạt động của chi đoàn.  - Đề cử, ứng cử ban chấp hành chi đoàn.  - Bầu ban kiểm phiếu  - Bỏ phiếu.  - Văn nghệ.  - Kết quả kiểm phiếu.  - Bế mạc đại hội.  ***3. Bài 3:***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Nội dung  công việc | Yêu cầu | Cách thực hiện | Thời gian hoàn thành | | ... | ... | ... | ... | | | |
| **3.4. VẬN DỤNG** | | | |
| Mục tiêu, ý tưởng:giúp HS biết lập KH cá nhân | | | Cách thức lập KHCá nhân |
| **3.5.MỞ RỘNG, PHÁT TRIỂN Ý TƯỞNG SÁNG TẠO (Ở NHÀ)** | | | |
| -**Mục tiêu, ý tưởng:** giúp HS củng cố và khắc sâu kiến thức bài học.  - Phương tiện: Các tài liệu tham khảo. | | | Lập 1 KH cá nhân trong tuần 1,2/1/2020 |

**4.Củng cố kiến thức cho học sinh:** GV hệ thống lại nội dung bài học.

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:**

Yêu cầu hs về:

- Lập bản kế hoạch chi tiết ôn tập môn Ngữ Văn lớp 10, tập 1.

* Soạn bài: *Thơ Hai-cư* (Ba-sô)

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Ngày soạn:22/12/2020

Tiết 53: Đọc văn

**THƠ HAI KƯ CỦA BA SÔ**

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:***

+ Giúp hs làm quen với văn học Nhật Bản, hiểu được vài nét cơ bản về thơ Hai-kư.

+ Nắm được các giá trị tư tưởng và nghệ thuật cơ bản của thơ Ba-sô.

+ Bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước và tình cảm nhân đạo.

***2. Về kỹ năng****:* Rèn kĩ năng đọc hiểu tác phẩm văn học nước ngoài.

***3. Về thái độ:*** Bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước và tình cảm nhân đạo.

**B.Phương pháp:** GV tổ chức giờ dạy học theo cách kết hợp các hình thức trao đổi thảo luận và trả lời các câu hỏi.

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: Sgk, sgv, tài liệu tham khảo.

- HS: Đọc trước và tóm tắt các ý chính của bài học.

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

**3. Bài mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **3.1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | | |
| **Hoạt động của GV & HS** | | **Nội dung cần đạt** |
| **–Mục tiêu, ý tưởng:**  **+** Tạo tâm thế hứng thú cho HS vào bài học.  + Bước đầu cảm nhận được về khát vọng xây dựng đất nước  **-Phương tiện: sgk** | | **HS trình bày** tình yêu quê hương, đất nước |
| **3.2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC** | |  |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** | |
| Hs đọc phần tiểu dẫn  sgk.  - Cuộc đời và sự nghiệp của Ba-sô có gì đáng chú ý?  Qua phần tiểu dẫn, em hãy nêu tóm tắt đặc điểm của thơ Hai-cư?  Tinh thần Thiền tông: con người và vạn vật nằm trong mối quan hệ khăng khít với một cái nhìn nhất thể hóa. Những hiện tượng của tự nhiên có sự tương giao và chuyển hoá lẫn nhau.  - Tình cảm thân thiết, gắn bó của nhà thơ với thành phố Ê-đô và nỗi niềm hoài cảm về kinh đô Ki-ô-tô đẹp đẽ đầy kỉ niệm được thể hiện qua các bài 1 và 2 ntn?  - Ở bài số 1, em thấy Ba-sô ghi lại sự thực gì trong cuộc đời của ông? Bài thơ gợi lên tình cảm gì? Liên hệ với thơ Chế Lan Viên về tình cảm này mà em biết?  - Tìm quý ngữ ở bài 2?  - Gắn bài thơ với hiện thực cuộc đời Ba-sô để cắt nghĩa nó?  Gv gợi mở: Bài thơ này được viết trong một hoàn cảnh tâm lí đặc biệt. Năm Ba-sô 40 tuổi, ông du hành đến vùng Ka-sai, nơi gần nhà nên đã ghé về thăm quê mới biết mẹ đã mất. Người anh đưa cho ông di vật của mẹ là một mớ tóc bạc...  - ý nghĩa của hình ảnh mái tóc bạc?  - Tìm và phân tích ý nghĩa của quý ngữ?  - Hình ảnh dòng “lệ trào nóng hổi” cho thấy tình cảm của tác giả với mẹ ntn?  Gv gợi mở: Hồ Bi-oa- hồ lớn nhất của Nhật Bản, giống hình cây đàn tì bà, rất đẹp. Xung quanh hồ, người ta trồng rất nhiều hoa anh đào. Khi gió thổi, cánh hoa đào rụng lả tả như mưa hoa. Cánh hoa mong manh rụng xuống mặt hồ làm nó lăn tăn sóng gợn...  - Tìm quý ngữ trong bài thơ?  - Em nhận xét gì về khung cảnh thiên nhiên mà bài thơ gợi lên?  - Tìm mối tương giao của cảnh? | ***I. Tìm hiểu chung:***  ***1. Vài nét về Ba-sô:***  - Ma-su-ô Ba-sô (1644-1694).  - Quê hương: U-ê-nô, xứ I-ga (nay là tỉnh Mi-ê)  - Gia đình: võ sĩ cấp thấp.  - 28 tuổi, ông chuyển đến kinh đô Êđô sinh sống và làm thơ Hai-cư, bút hiệu là Ba-sô (Ba Tiêu).  - 10 năm cuối đời, ông du hành hầu khắp đất nước.  - Con người: tài hoa, ưa lãng du.  - Ông được đánh giá là bậc thầy về thơ Hai-cư.  - Các tác phẩm: *Phơi thân đồng nội* (1685), *Đoản văn trong đãy* (1688), *Cánh đồng hoang* (1689), *Áo tơi cho khỉ* (1691), *Lối lên miền Ô-ku* (1689).  ***2. Thể thơ Hai-cư:***  - Có 17 âm tiết (hơn một chút), ngắn nhất thế giới, được ngắt làm 3 đoạn (5-7-5).  - Thường miêu tả thiên nhiên theo mùa (quý đề), sử dụng những từ miêu tả thiên nhiên mùa (quý ngữ).  - Thấm đẫm tinh thần Thiền tông và văn hóa phương Đông.  - Cảm thức thẩm mĩ: đề cao cái Vắng lặng, Đơn sơ, U huyền, Mềm mại, Nhẹ nhàng.  - Ngôn ngữ: hàm súc, thiên về gợi, ko tả.  - Thi pháp “chân không”: sử dụng những mảng trắng, hoảng trống trong bài thơ như một phương tiện làm nổi bật ý nghĩa của bài thơ.  ***II. Hướng dẫn đọc- hiểu:***  ***1. Bài 1 và 2:***  ***a. Bài 1:***  - Ghi lại sự thực về cuộc đời nhiều biến đổi, lãng du của Ba-sô: quê ở Mi-ê, lên Ê-đô (Tô-ki-ô) ở được 10 năm rồi trở về thăm quê.  - Gợi tình cảm tha thiết, chân thành với miền đất từng gắn bó: Ê-đô.  Cố hương- quê cũ⭢ nơi gắn bó máu thịt.  - Liên hệ: *“Khi ta ở chỉ là nơi đất ở/ Khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn*” (*Tiếng hát con tàu*- Chế Lan Viên).  ***b. Bài 2:***  - Quý ngữ: chim đỗ quyên ⭢ mùa hè.  - Sự thực cuộc đời Ba-sô: ở kinh đô (10 năm) ⭢ về quê (20 năm) ⭢ trở lại kinh đô.  - Ở kinh đô mùa hè (hiện tại) ⭢ nhớ kinh đô xưa- kỉ niệm đã qua ⭢ nỗi niềm hoài cổ.  ***\* Tiểu kết***: Hai bài thơ đều thể hiện tình cảm gắn bó sâu nặng của tác giả với mảnh đất mình đã và đang sống.  ***2. Bài 3:***  - Hình ảnh mái tóc bạc ⭢ di vật của người mẹ đã mất; biểu tượng cho cuộc đời vất vả một nắng hai sương của người mẹ.  - Quý ngữ: làn sương thu ⭢ hình ảnh đa nghĩa:  + Giọt lệ như sương.  + Tóc mẹ như sương.  + Đời người như giọt sương- ngắn ngủi, vô thường.  - Hình ảnh dòng “lệ trào nóng hổi” ⭢ nỗi xót xa, đau đớn vì mất mẹ ⭢ tình cảm mẫu tử cảm động.  ***3. Bài 6:***  - Quý ngữ: hoa anh đào ⭢ mùa xuân.  - Cảnh những cánh hoa đào rụng lả tả làm mặt hồ lăn tăn sóng gợn ⭢ cảnh tĩnh; đơn sơ, giản dị và đẹp.  - Triết lí Thiền tông: sự tương giao của các sự vật, hiện tượng trong vũ trụ. | |

**4.Củng cố kiến thức cho học sinh:** GV hệ thống lại nội dung bài học.

**5. Yêu cầu HS học ở nhà:** chuẩn bị đáp án bài học kỳ

Ngày soạn: 22/12/2020

Tiết 54: Làm văn

**TRẢ BÀI SỐ 4 (HỌC KỲ)**

**A. Mục tiêu bài học**

***1. Về kiến thức:*** củng cố kiến thức

***2. Về kỹ năng****:* Rèn kĩ năng đọc hiểu ,viết văn NL

***3. Về thái độ:*** Ý thức tự học

**B.Phương pháp:** trao đổi thảo luận

**C. Chuẩn bị của GV và HS:**

- GV: đáp án, bài đã chấm

- HS: đáp án đề KT

**D. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức lớp.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **HS vắng** |
| 1 | 10A9 |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ**

**3. Bài mới**

**NGÀY 23 / 12 /2020, BGH KÝ DUYỆT**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*